

VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN
BANG ĐỨC * ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDH.
VIETNAM - FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIQUE DEUTSCHLAND

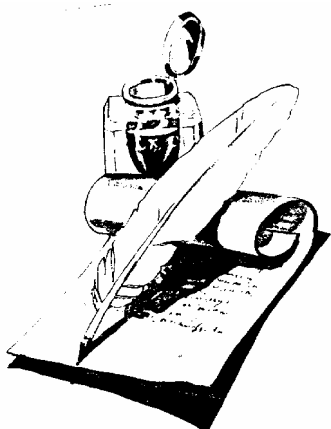


56 THÁNG TƯ 1990
APRIL 1990

AUSGABE IN VIETNAMESISCH UND DEUTSCH



Thư Tòa Soạn



Sau khi Đức Phật thành đạo dưới cội cây Bồ đề, Ngài liền đi về hướng Đông, cách đó chừng 100 mét. Ngài đứng nhìn về hướng cây và thốt ra lời rằng : "Ta rất cảm ơn Người. Vì suốt 49 ngày đêm dãi dầu với mưa nắng, người đã là bóng mát che ta, hỗ trợ cho ta trong công cuộc tìm kiếm chân lý. Ôn ấy muôn đời ta vẫn không quên".

Trên đây là những lời nói nhân hậu của một bậc giáo chủ, mà chắc rằng nhiều bậc giáo chủ khác ít có. Ngài có lòng từ không những đối với loài hữu tình chúng sanh mà cho đến cây cỏ Ngài cũng thương yêu đúng mực. Một lần khác Ngài cũng có dạy đệ tử của Ngài rằng : "Khi vào trong sa mạc, nếu các con được một tàng cây che mưa đỡ nắng, các con nên đền đáp công ơn của cây ấy bằng cách lấy nước để tưới vào gốc cây, cho cây kia càng tăng trưởng và có thể làm nơi che mát cho mọi người".

Đối với cây cỏ lòng từ của Đức Phật còn thế, huống nữa là đối với loài người và các chúng sanh khác. Trong các mẫu chuyện tiền thân kể về cuộc đời của Đức Phật, khi Ngài còn tu hạnh Bồ Tát, Ngài đã hủy bỏ thân mệnh mình để đi cứu độ không biết bao nhiêu chúng sanh và ngay sau khi thành đạo trong kiếp này Ngài cũng đã tiếp không biết bao nhiêu Tăng, độ không biết bao nhiêu chúng, nhằm đưa con người lên bờ giác ngộ.

Từ những ông vua chưa phát tâm, đã đến với đạo Phật, trở thành những Phật tử thuần thành

như vua Tần Bà Sa La. Từ những tướng cướp, đã ăn năn hối cải thành người lương thiện, như chàng Vô Nã. Từ những ma nữ đa tình, những yêu tinh ngoại đạo v.v.. cũng đã được Đức Phật cảm hóa, với chỉ một lòng từ duy nhất, không lấy căn bản của phiền não để so đo khi độ người hoặc cứu vật, mà tất cả chỉ có một tình thương duy nhất, không phân biệt cao cả hay thấp hèn.

Đối với những chúng sanh đa bệnh như chúng ta, chúng ta còn chấp nhất trong nhiều vấn đề, còn đối đãi hơn thua, mất còn, đẹp xấu, thiện ác. Vì thế chúng ta còn mãi vấn vương trong vòng tục lụy. Chúng ta hãy can đảm vượt lên trên mọi nghi kỵ, vượt lên trên mọi mưu đồ, dị nghị để đem tình thương xóa bỏ hận thù. Vâng, chỉ có tình thương mới rửa sạch được tất cả vết thương lòng mà loài người đã gây ra vì cơm áo, đảng phái, phe nhóm, bảo thủ, vị kỷ v.v.. nên không thể ngồi gài với nhau được.

Giáo pháp của Đức Phật nhằm cải thiện con người chứ không tiêu diệt con người. Vì thân này đã mất thì mấy ngàn đời mới được lại. Do đó chúng ta hãy biết thương yêu nhau trong tình thương yêu đồng loại, ruột thịt. Không phân chia Nam Bắc, mà chúng ta chỉ là những người Việt Nam đau khổ, sống trong sự khủng hoảng của chiến tranh qua bao thập niên rồi mà vẫn còn chém giết với nhau chỉ vì vấn đề ý thức hệ. Quả thật chúng ta vẫn còn là những đứa con lười biếng, chưa biết trở về với nguyên thủy của cội nguồn.

Từ tình thương đó, chúng ta sẽ tận tình giúp đỡ những đồng hương Việt Nam từ Đông Đức sang tỵ nạn tại đây, không phân biệt bất cứ ai cả. Vì tất cả chỉ là nạn nhân của một chủ nghĩa phi dân tộc mà thôi. Ngày nào còn chủ nghĩa cộng sản ngự trị trên Dân Tộc Việt Nam chúng ta, thì chúng ta còn khổ. Vì thế chúng ta hãy chung lưng đấu cật để đấu tranh giành lại tự do và tìm ra một hướng đi chung cho Dân Tộc mình, như những nước Đông Âu đang đi và sẽ đến.

Chắc rằng ngày ấy không xa.

Viên Giác

Tổ Thiên Tông

Thích Thanh Từ



25.- Tổ Bà Xá Tư Đa (Basiasita)

(Đầu thế kỷ thứ mười sau Phật Niết Bàn)

Ngài dòng Bà La Môn người nước Kế Tân, cha hiệu Tịch Hạnh, mẹ là Thường An Lạc. Một hôm, bà Thường An Lạc nằm mộng thấy lượm được cây kiếm thần, sau đó có thai Ngài. Khi sanh ra, Ngài nắm chặt bàn tay trái mãi, cho đến gặp Tổ Sư Từ mới sẽ ra.

Ngài được cha mẹ cho phép xuất gia theo hầu Tổ Sư Từ. Tổ Sư Từ vì nợ trước phải trả nên truyền tâm ấn xong, bảo Ngài phải sang Nam Ấn.

Ra khỏi nước Kế Tân, Ngài đến Trung Ấn. Vua nước này hiệu Ca Thắng ra đón tiếp Ngài. Trong nước này trước có chúng ngoại đạo giỏi pháp thuật, ý tài khinh chê Phật pháp, người cầm đầu tên Vô Ngã. Vua thấy thế bất bình, muốn thỉnh Ngài chiết phục chúng. Vua mở hội nghị luận, chính vua làm chủ tọa. Vô Ngã đến hội đề xướng mặc luận, không dùng lời nói. Ngài chống :

- Nếu chẳng dùng lời làm sao phân biệt hơn thua ?

Ngoại đạo nói :

- Chẳng tranh hơn thua chỉ lấy nghĩa ấy.

Ngài hỏi:

- Cái gì là nghĩa ? Ngoại đạo đáp :

- Không tâm là nghĩa.

Ngài hỏi :

- Người đã không tâm thì đâu thành nghĩa ?

- Tôi nói không tâm chính là danh chẳng phải nghĩa.

Ngài nói :

- Người nói không tâm chính là danh chẳng phải nghĩa, ta nói phi tâm chính là nghĩa chẳng phải danh.

- Chính là nghĩa chẳng phải danh thì ai hay biện được nghĩa?

Ngài bảo :

- Người nói chính là danh không phải nghĩa, thì danh này là danh gì ?

- Vì biện cái phi nghĩa nên không danh mà đặt danh.

- Ngài bảo :

- Danh đã phi danh thì nghĩa cũng phi nghĩa, người biện là ai và biện vật gì ?

Bàn qua luận lại như thế đến hơn năm chục lần, ngoại đạo mới bật lời nép phục. Bỗng trong vương cung có mùi hương lạ bay đến, Ngài chợt nói : "đây là tin đưa đến, thầy ta đã tịch". Ngài liền xây mặt về hướng Bắc chấp tay đánh lễ. Lễ xong, Ngài nói với vua :

- Khi tôi mới đi, thầy dạy qua Nam An, nay ở lại đây đã lâu là trái ý thầy, xin tạm biệt đại Vương sang nơi ấy. Vua và quần thần đồng tiễn Ngài sang Nam Ấn.

Vua nước Nam Ấn hiệu là Thiên Đức nghe tin Ngài sang cũng sửa sang xe giá ra đón tiếp, thỉnh Ngài về hoàng cung. Nhơn vua có hai Thái tử, vị lớn là Đức Thắng thì thân thể mạnh khỏe mà tánh tình hung bạo, còn em thì hiền lành mà bệnh hoạn liên miên, sẵn dịp vua hỏi Ngài. Vua hỏi :

- Con tôi kính thờ Phật pháp, ưa làm việc lành, mà sao lại mắc bệnh kinh niên, vậy lẽ báo ứng lành dữ như thế nào ?

Ngài đáp :

- Bệnh của Thái tử là do công đức phát sanh. Song lý sâu xa này đại Vương phải khéo nghe. Phật dạy người có nghiệp nặng nơi thân, ví như bệnh nội thương quá nặng, uống thuốc không có công hiệu, sắp chết bệnh càng hoành hành. Nếu là bệnh nhẹ, gặp thuốc liền bớt, bớt rồi từ từ mạnh. Người nghiệp nặng cũng vậy, tuy có công đức mà không làm gì được, đến lúc gần chết nghiệp lại càng hiện. Nếu nghiệp nhẹ, làm các việc công đức, nghiệp trước liền hiện, trả xong sau sẽ thanh tịnh. Hiện nay Thái tử làm việc thiện mà bị bệnh lâu, hẳn là do làm các công đức nên phát ra nghiệp nhẹ này. Hiện tại tuy có khổ nhỏ, về sau sẽ an ổn. Kinh đã nói : "Nếu phải chịu nghiệp báo trong ba đường ác, nguyện đời này trả xong, để khỏi vào đường ác". Vua còn nghi gì ư ?

Vua Thiên Đức tín nhận, càng phát tâm làm phước.

Sau đó, Ngài từ giả nhà vua đi hoằng hóa nơi khác.

Mười sáu năm sau, vua Thiên Đức băng, Thái tử Đức Thắng lên nối ngôi. Vua Đức Thắng tin theo ngoại đạo, chú thuật, nghe lời xúi dục của chúng, muốn làm khó Ngài. Thái tử con vua Đức Thắng tên Bất Như Mật Đa biết được ác ý đó, liền đến can vua.

Thái tử thưa :

Tôn giả Bà Xá Tư Đa xưa kia được ông nội kính trọng, nhiều người muốn hại còn không thể được, đạo đức của Ngài rất cao, xin phụ hoàng đừng làm khó Ngài. Vua Đức Thắng nổi giận cho Thái tử theo phe Tôn giả Bà Xá Tư Đa liền bắt hạ ngục.

Sau vua cho thỉnh Ngài vào chánh điện. Vua cất nạn :

- Nước tôi không có pháp tà, thầy tu học về tông phái nào ?

Ngài đáp :

- Tôi tu học theo tâm tông của Phật.

Vua hỏi :

- Phật diệt độ đã một ngàn năm, thầy làm sao được tâm tông của Phật ?

Ngài đáp :

- Từ Phật truyền cho Tổ Ca Diếp đã trải qua 24 đời đến thầy tôi là Tổ Sư Từ, tôi được người truyền lại.

Vua hỏi :

- Tôn giả Sư Từ đã bị giết, đầu thầy đem pháp truyền cho thầy ? Nếu thầy thật được truyền thì lấy gì làm tin ?

Ngài đáp :

- Thầy tôi truyền bát và trao y Tăng già lê để làm tin, hiện nay vẫn còn.

Ngài liền lấy y đưa cho vua xem. Vua vẫn không tin bảo đem lửa đốt. Khi lửa cháy, y hiện năm sắc hào quang. Lửa tắt, y vẫn còn nguyên như cũ. Vua mới tin nhận, xin sám hối tạ tội. đồng thời, vua truyền lệnh tha Thái tử. Sau khi được thả, Thái tử Bất Như Mật Đa quyết chí xuất gia, xin phép vua cha được như nguyện. Vua thấy không thể ngăn được chí Thái tử, nên đành phải cho.

Thái tử đến yết kiến Ngài xin cho làm đệ tử xuất gia.

Ngài hỏi :

- Nhà vua bằng lòng chăng ?

Thái tử thưa :

- Phụ vương bằng lòng.

Ngài hỏi :

- Ông muốn xuất gia để làm việc gì ?

- Thái tử thưa :

- Con muốn xuất gia để làm việc Phật.

Ngài thấy Thái tử tha thiết cầu đạo, liền nhận cho xuất gia. Sau sáu năm, Ngài triệu thỉnh các vị thánh chúng vào vương cung truyền giới cho Bất Như Mật Đa. Giờ truyền giới đó có nhiều điềm lành ứng hiện, toàn hội đều hoan hỷ. Một hôm, Ngài gọi Bất Như Mật Đa đến dặn dò :

- Ta đã già lắm, chẳng bao lâu sẽ rời cõi này, xưa đại pháp nhãn tạng của Như Lai, nay ta trao lại cho người. Hãy nghe ta nói kệ :

Thánh nhơn thuyết tri kiến,

Đương cảnh vô thị phi.

Ngã kim ngộ kỳ tánh,

Vô đạo diệt vô lý.

Dịch :

Thánh nhơn nói tri kiến,

Ngay cảnh không phải quấy.

Nay ta ngộ tánh ấy,

Không đạo cũng không lý.

Bất Như Mật Đa thọ pháp xong, thưa :

- Còn y Tăng già lê thầy không truyền cho con, là sao vậy ?

Ngài bảo :

- Xưa ta được truyền y vì thầy ta bị nạn truyền pháp không rõ ràng. Nay người được truyền, mọi người đều biết, cần y làm gì? Chỉ cần hóa đạo.

Nói xong, Ngài thị hiện thân biến rồi vào Niết Bàn. Đồ chúng lượm xá lợi xây tháp thờ.

26.- Tổ Bất Như Mật Đa

(Punyamitra)

(Giữa thế kỷ thứ mười sau Phật Niết Bàn)

Ngài dòng Sát Đê Lợi ở Nam An con vua Đức Thắng. Lúc bé, Ngài đã sùng mộ Phật giáo, tánh tình thuần lương, thông minh xuất chúng. Vì can thiệp với vua cha về việc hại Tổ Bà Xá Tư Đa, Ngài bị hạ ngục. Sau khi được thả, Ngài lấy cớ bệnh, từ ngôi Thái tử, xin xuất gia với Tổ Bà Xá Tư Đa. Sau đó, Ngài được Tổ truyền tâm ấn, đi giáo hóa các nơi.

Ngài sang Đông Án hoàng hóa. Vua nước này hiệu Kiên Cố đang tin trọng các thầy Phạm Chí. Hay tin Ngài vào nước này, chúng Phạm Chí họp nhau bàn mưu hãm hại. Thầy bọn Phạm Chí xin theo vua lên chỗ cao, ông chỉ xa hỏi vua :

- Bệ hạ thấy gì không ? Phương Tây có yêu khí, ắt ma vào nước.

Vua đáp :

- Không thấy, song có gì đáng ngại ?

Phạm Chí thưa :

- Ma này đến thì quốc gia suy vong. Xin dâng kế với bệ hạ, chỉ bằng mình tiêu diệt trước đi.

Vua đáp :

- Chưa thấy họ có tội gì ? đầu thầy nhẫn tâm hại được.

Phạm Chí lại tiến cử một đồ chúng giỏi chú thuật để theo vua trị ma.

Ngài dự biết trước việc xảy đến nên dặn đồ chúng :

- Ta đến thành này ắt có nạn nhỏ, các người chớ sợ.

Đến thành, Ngài xin vào yết kiến nhà vua. Vừa gặp, vua liền hỏi :

- Thầy đến đây làm gì ?

Ngài đáp :

- Tôi đến đây vì độ chúng sanh.

Vua hỏi :

- Sẽ lấy pháp gì? độ những loài chúng sanh nào ?

Ngài đáp :

- Tùy mỗi loài kia dùng pháp độ họ.

Vua hỏi :

- Nếu có người pháp thuật giỏi, thầy dám chống chăng ?

Ngài đáp :

- Phật pháp rất chơn chánh, dù thiên ma cũng hàng phục được, huống là yêu thuật mà chẳng dám chống sao ?

Ngoại đạo nghe nói nổi nóng, liền dùng pháp thuật hóa quả núi lớn, hiện trên không ngay đầu Ngài, như chực sắp đè. Ngài lấy tay chỉ, quả núi bay lại trên đầu bọn Phạm Chí, chúng hoảng sợ cầu Ngài cứu mạng. Ngài lấy tay chỉ, quả núi tan mất. Vua và chúng Phạm Chí đều kính phục xin Ngài từ bi tha lỗi.

Nhơn đó, Ngài đem yếu lý Phật pháp giảng giải cho vua nghe. Vua hiểu rõ, thêm lòng quý kính, thỉnh Ngài lưu lại trong hoàng cung. Ngài cũng cho nhà vua biết rằng trong nước nhà vua có một vị thánh nhơn sẽ nối tiếp ngài truyền đạo.

Nguyên trong nước này có một đồng tử con dòng Bà La Môn. Cha mẹ mất sớm, đồng tử ấy phải ăn xin để sống qua ngày. đồng tử này tánh tình phóng khoáng lạ thường, không ai biết tên họ gì. Có khi đồng tử tự xưng là Anh Lạc, nên dân chúng gọi là đồng tử Anh Lạc. Gặp lúc đồng tử đi nhanh, có người hỏi :

- Sao anh đi nhanh vậy ?

Đồng tử đáp :

- Sao các người đi chậm quá.

Có người hỏi :

- Anh họ gì ?

Đồng tử đáp :

- Tôi với các người đồng họ.

Một hôm, vua Kiên Cổ cùng Ngài Bất Như Mật Đa ngồi chung xe đi sang thành Đông. Anh Lạc ra đón, đứng trước xe làm lễ. Ngài nói với nhà vua :

- Người này là thánh nhơn ở trong nước đại vương vậy.

Ngài lại hỏi Anh Lạc :

- Người nhớ việc xưa chăng ?

Anh Lạc thưa :

- Tôi nhớ xưa đồng trong pháp hội, Tôn giả giảng Bát Nhã Ba La Mật Đa, tôi giảng Tu Đa La thậm thâm. Duyên xưa lại gặp, nên mới đón nhau đây.

Ngài nói với vua :

- Đồng tử này là hóa thân của Bồ Tát Đại Thế Chí ra đời để nối dòng pháp cho tôi. Sau tôi sẽ có hai vị đại sĩ ra đời, vị trước giáo hóa ở Nam An, vị sau có duyên với nước Trung Hoa, nhưng ở bên ấy chín năm rồi trở về bản quốc.

Ngài bảo An Lạc :

Do xưa ta giảng Bát Nhã, ông thuyết Tu Đa La, nay lại gặp đây, nên lấy Bát Nhã Đa La đặt tên người.

Bát Nhã Đa La lễ tạ, theo thầy xuất gia.

Ngài ở Đông Ấn ngót sáu chục năm hoàng truyền chánh pháp.

Thấy cơ duyên sắp mãn, Ngài gọi Bát Nhã Đa La đến dặn dò :

- Xưa Như Lai trao đại pháp nhân tạng lần lượt truyền đến ta, nay ta đem truyền lại cho người, người nên lưu truyền chớ để đứt mất. Nghe ta nói kệ :

Chơn tánh tâm địa tạng,

Vô đầu diệc vô dĩ.

Ứng duyên nhi hóa vật,

Phương tiện hô vi trí.

Dịch :

Kho tâm địa chơn tánh,

Không đầu cũng không đuôi.

Hợp duyên tùy hóa vật,

Phương tiện gọi là trí.

Ngài từ giả vua Kiên Cổ rằng :

- Đại vương gánh vác việc nước, ủng hộ Tam Bảo đều được an ổn. Vì tôi hóa duyên đã hết, không vì quyền luyến ân đức đại vương mà ở lâu, nay tôi sắp đi, đại vương khéo bảo hộ Phật pháp.

Ngài nói xong, trở lại chỗ ngồi, thị hiện các thứ thần biến, rồi thị tịch.

Vua và môn đồ xây tháp thờ xá lợi cúng dường.

(còn tiếp)

Hương Quê Cực Lạc

Liên Du

(tiếp theo)

Không Cốc Đại sư

(Đại sư họ Trần tên Cảnh Long người ở Ngô huyện. Thuở còn bé ngài đã ăn chay, ưa ngồi ngay thẳng nhắm mắt, dường như người tu thiền định. Sau ngài theo Lại Văn hòa thượng học về đại pháp; đến 28 tuổi xuất gia ở Hồ Khâu, nương theo Thạch An hòa thượng ở Hàn Châu chùa Linh An. Kể đó, Đại sư vào núi Thiên Mục, khắc khổ tham cứu, một hôm bỗng nhiên tỉnh ngộ, đến cầu chứng nơi ngài Lại Văn, được ấn khả. Đại sư tuy ngộ được tâm tông, song việc tự tu khuyên người, đều theo Tịnh Độ. Ngài từng làm 108 bài thi Tịnh Độ lưu hành ở đời. Ngài lại xây cho mình cái cốt tháp ở Tiên Đường, tự làm lời minh, thường ở trong đó tu hành cho đến khi viên tịch.)

Đại sư nói : Một môn niệm Phật là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả phải xét rõ thân này giả dối, việc thế như chiêm bao, duy cõi tịnh là đáng nương về, câu niệm Phật là có thể nhờ cậy. Rồi tùy phận mà niệm hoặc mau hoặc chậm, hoặc tiếng thấp tiếng cao, đều không câu ngại. Chỉ nên để cho thân tâm nhàn đạm, thầm nhớ chẳng quên, khi huân, gặp, động, tịnh, vẫn một niệm không khác. Niệm như thế, ngày kia xúc cảnh chạm duyên, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Chừng ấy mới biết cõi Tịch quang tịnh độ không rời nơi đây, Phật A Di Đà chẳng ngoài tâm mình. Nếu lập tâm muốn cầu tỏ ngộ thì trở lại thành chướng ngại, chỉ nên lấy lòng tin làm căn bản, chẳng tùy theo tạp niệm mà thôi. Hành trì như thế, dù không tỏ ngộ, khi chết cũng được sanh về Tây phương, theo giai cấp mà tiến tu, không còn lo thối chuyển.

Kinh đại Tập nói : "Niệm Phật lớn tiếng có mười công đức : 1) đánh tan tâm hồn trầm mê ngủ. 2) Thiên ma kinh sợ. 3) Tiếng vang khắp mười phương. 4) Ba đường ác được dứt khổ. 5) Tiếng bên ngoài không xâm nhập. 6) Niệm tâm không tán loạn. 7) Mạnh mẽ tinh tấn. 8) Chư Phật vui mừng. 9) Tam muội hiện tiền. 10) Vãng sanh về Tịnh độ.

- Tông Bản Đại sư

(Đại sư họ Trần, hiệu Nhưt Nguyên, quê quán ở Tứ Minh, thuở bé học Nho, thông về thi lễ. Năm 15 tuổi, mục kích cái chết của anh họ là Hủ Mộc xử sĩ, ngài thường lo nghĩ buồn sợ, muốn xuất gia học đạo để thoát sự sống chết luân hồi. Sau nhân đi lễ Phật ở Trà Đình tại Hàng Châu, ngài gặp một vị thiền sư, bèn thỉnh về nhà cúng dường đánh lễ thưa hỏi phương pháp tu hành. Thiền sư khen ngợi, khai thị cho môn niệm Phật. Khi ngài đã xuất gia, liền hết sức tham cứu, ngộ được chân tâm, trở lại chuyên tu tịnh độ. Trong niên hiệu Long Khánh, Đại sư viết ra bộ Qui Ngươn trực chỉ, hoằng dương Liên tông. Ông Lý Trác Ngô thường ca ngợi hạnh đức của ngài. Về sau, Đại sư ở ẩn, không rõ được ngày chung kết ra thế nào ?)

Đại sư nói : Niệm Phật không luận là hạng người nào, nếu nghĩ mình thuở bình sanh có nhiều điều ác mà tự bỏ, không

chịu tu hành, là sai lầm ! Niệm Phật không quản là thời gian nào, nếu cho rằng mình đã già sắp chết mà không chịu tu hành, là sai lầm ! Niệm Phật bất cứ là phương pháp nào, nếu lập ra một quy cũ nhứt định, bắt mọi người đều tuân theo, khiến cho sự tu hành của họ bị chướng ngại, là sai lầm. Nên biết pháp môn Tịnh độ chẳng lựa trí, ngu, sang, hèn, nghèo, giàu, chẳng phân nam, nữ, già, trẻ, tăng, tục, chẳng luận kẻ huân tập đã lâu hay mới tu hành, đều có thể niệm Phật. Hoặc niệm lớn, niệm nhỏ, niệm ra tiếng, niệm thầm, đánh lễ mà niệm, tham cứu mà niệm, nhiếp tâm mà niệm, quán tưởng mà niệm, lần chuỗi mà niệm, giữ hiệu Phật liên tục không dứt như dòng nước chảy mà niệm, cho đến đi niệm, đứng niệm, ngồi niệm, nằm niệm, ngàn muôn niệm đều về một niệm. Niệm theo cách nào cũng được, chỉ cần yếu là giữ cho lâu bền đừng lui sụt, và phát lòng tin quyết định, cầu sanh Tây phương. Nếu quả hành trì được như thế, cần chi tìm bậc trí thức hỏi đường ?

Cho nên tu Tịnh độ có nhiều phương pháp, kết quả ra sao là do chỗ xu hướng của tâm nguyện. Có thể gọi : "đi thuyền cốt bởi người cầm lái. Hiểu được đồng về cõi tịnh liên !".

- Từ Bá Đại Sư

(Đại sư họ Trầm, người đất Cú Khúc, sau khi xuất gia kiêm tu thiền tịnh, đều đi sâu vào chỗ nhiệm mầu. Khi ngài đến kinh đô, vua Thần Tông rất trọng, nhân đó ngài tâu xin đem kinh bản in ra thành sách. Đại sư tánh tình cương nghị hết lòng nâng đỡ chánh pháp nên bị kẻ gian ganh ghét. Không bao lâu, có người dâng biểu vu cáo, khi được đời đến hạch hỏi ngài dùng lễ chánh phân biệt, thần sắc tự nhiên, nhưng rồi cũng bị giam vào ngục. Quan pháp ty lại nhận của hối lộ, muốn làm hại, Đại sư bảo : "đã như thế, cần chi ông phải ra tay !". Nói đoạn, ngài bảo đem nước tắm rửa, thuyết kệ, rồi ngồi ngay mà hóa. Thuở sanh bình, Đại sư chỉ dạy pháp môn Tịnh độ rất tha thiết, bảo rằng : "Khi lâm chung được chánh niệm, toàn nhờ lúc thường nhứt dụng công phu sâu". Xem Đại sư sống chết tự do, thì sự tu hành lúc bình thời của ngài có thể suy mà biết vậy).

Đại sư nói : Người niệm Phật, tâm chơn thiết cùng không, có thể xét nghiệm trong lúc vui mừng hay phiền não, căn cứ nơi đây, tâm ra chơn giả hiện rõ ràng, có thể suy mà biết được. đại để như người chơn tâm niệm Phật, dù ở cảnh phiền não hay vui mừng, cũng giữ câu niệm Phật không gián đoạn, cho nên những cảnh ấy không làm lay động họ được. Hai điều trên đã không thể làm lay động, thì đối với cảnh sống chết, họ vẫn tự nhiên không sợ hãi. Người niệm Phật đời nay, hơi có chút chi mừng giận, thì gát bỏ câu niệm Phật ra sau. Như thế làm sao niệm Phật được linh nghiệm ? Nên y theo lời ta mà niệm Phật, dù ở cảnh thương ghét cũng đừng quên một câu A Di Đà. Nếu giữ đúng như thế mà lúc hiện tiền không được sự công dụng tự tại, khi lâm chung không được vãng sanh Tây phương, thì cuống lưỡi của ta phải chịu tan nát. Như làm không đúng lời ta, thì niệm Phật không linh nghiệm lỗi ở nơi người, với ta không can hệ gì !

Lại hỏi kẻ học giả là Hải Châu rằng : "Người niệm Phật có gián đoạn chăng ?". Thưa : "Bình thường tôi đều niệm được, duy có lúc nhắm mắt ngủ là quên". Đại sư tác sắc quở : "Lúc nhắm mắt ngủ liền quên, niệm Phật như thế một muôn năm cũng không thành hiệu ! Từ đây về sau, trong lúc ngủ nghĩ chiêm bao, người phải giữ cho câu niệm Phật

không gián đoạn, mới có phần thoát khổ. Nếu trong giấc ngủ thoát có quên niệm, khi thức dậy phải thống khóc, đến trước bàn Phật cúi đầu sám hối, rồi quì niệm Phật một ngàn hay một muôn câu, dùng hết sức mình thì thôi. Làm như thế vài ba phen, dù trong lúc ngủ mê, câu niệm Phật vẫn hiện ra không gián đoạn".

Lời phụ : Trong khi thức đều niệm được, duy có lúc ngủ là quên, làm được như ngài Hải Châu thật rất hi hữu ! Đại sư quở như thế, là tùy theo người trình độ cao mà sách tấn thêm một bước, để cho hành giả mau được nhứt tâm, chớ không phải thật ý bài bác. Người mới tu đừng chấp theo đây mà nghi ngờ, lui sụt.

- Liên Trì Đại Sư

(Đại sư là vị Tổ thứ tám trong Liên Tông, húy Châu Hoàng, họ Trầm, người ở đất Nhân Hòa. Lúc ban sơ, ngài nương theo Tánh Thiên hòa thượng xuất gia, sau khi thọ đại giới, lại đi khắp nơi tham học với các bậc tri thức. Khi Đại sư lễ thánh tích ở non Ngũ đài, cảm đức Văn Thù phóng quang. đi đến núi Vân Thê, thấy cảnh trí u tịch, ngài có ý muốn nương ở đó suốt đời. Dân chúng ở vùng núi ấy thường bị khổ vì nạn hổ, Đại sư tụng kinh thí thực, hổ đều lần tránh. Gặp năm trời hạn, ngài đi dọc theo bờ ruộng niệm Phật, gót chơn đến đâu, mưa rơi đến đó. Từ ấy, người qui hướng càng ngày càng đông, Đại sư đều dùng môn niệm Phật mà nhiếp hóa. Ngài có trừ tác pho Văn Thê pháp vịnh, gồm hai mươi mấy thứ sách, đại khái đều đề xướng về Tịnh độ. Trước khi lâm chung, Đại sư từ giả khắp các đệ tử và hàng cổ cựu, khuyên chơn thật niệm Phật. đến kỳ hạn, ngài ngồi niệm Phật mà hóa, thọ 81 tuổi).

Đại sư nói : Niệm Phật có mặc trì, cao thỉnh trì, kim cương trì. Nhưng niệm thầm (mặc trì) thì dễ hơn trầm, niệm lớn tiếng (cao thỉnh trì) cảm thấy phí sức, duy dùng pháp kim cương trì, se sẽ động môi lưỡi mà niệm, là có thể bền lâu. Nhưng cũng không nên chấp định, hoặc khi niệm theo lối kim cương trì thấy phí sức, thì không ngại gì mặc trì, nếu hôn trầm, lại đổi dùng phép cao thỉnh.

Tâm hôn loạn đã lâu, không thể một lúc mà an định được, cho nên người niệm Phật nếu tâm không thanh tịnh đừng quá vội lo, chỉ cần khi niệm mỗi chữ mỗi câu đều do nơi tâm phát ra, dùng công bền lâu, tự có hiệu quả.

Tạp niệm là bệnh, niệm Phật là thuốc, niệm Phật chính để trị tạp niệm, mà không thấy hiệu quả, là do dụng công chưa được chơn thiết. Cho nên khi tạp niệm nổi lên, phải chuyên lòng gia công niệm, mỗi chữ mỗi câu tinh nhứt không xao lãng, thì tạp niệm tự dứt.

Trong lúc muôn niệm rối ren, chính là thời khắc dùng công phu, mỗi khi tán loạn liền mau thu nhiếp lại, cứ như thế mãi, lâu ngày công phu thuần thực, tự nhiên vọng niệm không sanh. Và lại, người biết được vọng niệm nhiều, là do nhờ niệm Phật; lúc không niệm, vọng tâm như sóng nổi nước trào không giây phút nào dừng nghỉ, khi ấy đâu có tự biết được ư ?

Người học Phật, đừng quá theo hình thức bên ngoài, chỉ quì tu hành chơn thật. Hàng cư sĩ tại gia không cần phải cạo tóc mặc đồ đà, tự có thể để tóc mặc áo tràng mà niệm Phật. Người ưa thích thanh vắng, không cần phải đánh chuông

đánh mõ, tự có thể yên lặng mà niệm Phật. Người sợ công việc phiền phức, không cần kết bè lập hội, tự có thể đóng cửa mà niệm Phật. Người biết chữ, không nhút nhát phải vào chùa nghe kinh, tự có thể xem kinh y theo lời dạy trong ấy mà niệm Phật. Trải qua ngàn dặm đi hành hương ở các danh sơn, không bằng ngồi yên nơi nhà mà niệm Phật. Cúng dường những vị sư không chơn chánh, không bằng hiểu thuận cha mẹ mà niệm Phật. Giao du với nhiều bạn bè kém đạo đức, không bằng kẻ dốt nát chuyên niệm Phật. Hạnh thấp mà vọng nói đạo lý cao siêu, không bằng kẻ chất phát giữ giới niệm Phật. Tánh háo kỳ, ưa cầu sự linh thông của ma quỷ, không bằng chánh tín nhân quả mà niệm Phật. Nói tóm lại, người niệm Phật giữ lòng ngay, dứt hạnh ác, gọi là thiện nhơn. Người niệm Phật nhiếp tâm trừ tán loạn, gọi là hiền nhơn. Người niệm Phật tỏ tâm tánh, dứt hoặc nghiệp, gọi là thánh nhơn.

Xin khuyên những người rất thanh nhàn, việc gia đình con cái đã lo xong, dưới trên rồi rảnh, nên đem hết tâm lực niệm Phật, mỗi ngày từ số ngàn đến muôn câu. Xin khuyên những người duyên đời bận rộn quá nhiều, nhọc nhằn vì việc công, bận ba vì gia sự, tuy ít khi rảnh nhưng mỗi buổi sớm mai cố gắng nhín chút thời giờ, niệm Phật chừng mười hơi, ngoài ra lúc nào rảnh, niệm xen vài trăm câu.

Lúc ta còn đi tham phương học đạo, nghe Biện Dung thiền sư tông phong rất thanh, bèn đến nơi cầu pháp, đôi ba phen quì lạy thưa hỏi, thiền sư bảo : "Người nên giữ bốn phận, không nên tham cầu danh lợi, đừng chạy theo duyên ngoài, chỉ cần phân minh lý nhân quả, một lòng chuyên niệm Phật mà thôi". Ta liền lãnh giáo lui ra. Bấy giờ các bạn đồng hành đều cả cười, bảo : "Từ ngàn dặm đến đây, chỉ mong được nghe những lời cao siêu thâm diệu, té ra chỉ lãnh mấy câu không đáng nửa đồng tiền ! Giá mấy câu ấy, ai mà nói không được !". Ta đáp : "đó mới là chỗ tốt của thiền sư. Chúng ta khát ngưỡng mong mền từ ngàn dặm đến đây, ngài không nói lời chỉ huyển diệu để lẩn lướt kẻ dưới, chỉ chất phát thật thà, đem chỗ công phu thiết cận song tình yếu, chính mình đã thể nhận, mà khuyên bảo dẫn dò. Cái hay của ngài chính ở nơi đó". đến nay ta vẫn còn tuân giữ mấy lời ấy, không dám lãng quên.

Lời phụ : "Giữ bốn phận, không tham danh lợi, không theo duyên ngoài, rõ lý nhân quả, chuyên niệm Phật", lời này xem như cạm cọt tầm thường, song thật rất cao sâu, mẫu nhiệm, tuy là giản dị, song bao quát kinh nghĩa gom thành chỗ tinh yếu của một đời tu. Giữ đúng theo đây, xét kỹ lại, đã có mấy ai làm được ? Cho nên kẻ nông cạn tất xem thường lời này; người ưa nói lý huyển, xem mình là cao siêu vô ngại, quyết không làm đúng được như lời này; nếu chẳng phải bậc đã từng kinh nghiệm như ngài Biện Dung, không thể thốt ra được lời này; và nếu chẳng phải bậc chơn tu như ngài Liên Trì cũng không thể lãnh thọ được lời này.

(Còn tiếp)

Tin Có Luân Hồi

Nguyên tác: The Case for Reincarnation

Tác giả: Joe Fisher

Người dịch : Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn

Chương XII- Tử Vương Tinh : Hành Tinh Của Tái Sinh

. Tử Vương (Diêm Vương) tàn sát, tiêu diệt nhưng lại lấy các chất liệu của những sinh thể, vật thể bị tiêu diệt, lấy từ cái cũ để tạo dựng cái mới.

FRITZ BRUNHUBNER

Lơ lửng trong bầu trời lạnh giá, Tử Vương Tinh bay đều đặn nơi vùng ngoại biên của thái dương hệ. Đắm mình trong ánh sáng yếu ớt, thiên thể xanh xao, bí mật này là hành tinh cầm địa, khó đặt chân tới nhất. Tinh từ "không thể ở được" (inhospitable) xem ra quá nhẹ cho một cảnh giới thiếu vắng (hoặc có rất ít) không khí, bề mặt hành tinh này lại lờm chờm, đầy hầm hố, phủ toàn băng giá mê-tan (methane) và nhiệt độ trung bình ở đó là 346 độ Fahrenheit âm. "Xa xăm" là tinh từ cũng còn nhẹ đối với lời nguyên rủa của đấng Toàn năng tuyên phán là nó phải mãi mãi quay vòng ở cõi sâu kín của vũ trụ. Gần mặt trời nhất, Tử Vương Tinh cũng còn cách đó trên hai tỷ dặm, cho nên dù với viễn vọng kính to nhất, ta cũng chỉ thấy nó một cách mờ nhạt, võ vàng. Tử Vương Tinh mới được khám phá vào năm 1930, nhằm giai đoạn khốc liệt của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Từ bấy đến nay, các nhà thiên văn học chú tâm tìm hiểu cội nguồn của nó, trong khi các chiêm tinh gia nhìn ngắm ánh sao yếu ớt này trên bầu trời tăm tối với một nhãn quan khác. Họ muốn biết ý nghĩa của nó đối với vạn vật vạn hữu. Họ cho rằng Tử Vương Tinh báo điềm sự chết chóc và tái sinh. Tử Vương Tinh đang hoạt động. Nó phóng chiếu bóng đen xuống trái đất. Vì là vua của cõi chết và tái sinh, Tử Vương Tinh được biết nó ảnh hưởng rất mạnh trong những thời đại nào hành tinh này ở trong giai đoạn Hồ Cáp (Scorpio). Hồ Cáp là biểu tượng của Tử Vương Tinh trong Hoàng đạo (Zodiac) và là biểu tượng của tình dục cũng như sự tử vong. Khi quyển sách này lên khuôn thì thế giới sắp bước vào thời kỳ đó vì Tử Vương Tinh nhập cung Hồ Cáp vào ngày 27.8.1984 cho đến ngày 10.11.1995 mới xuất. Những thay đổi to lớn trên địa cầu (về vật thể, xã hội, tâm linh) đều chịu ảnh hưởng của Tử Vương Tinh và những thay đổi quan trọng nhất xảy đến khi Tử Vương Tinh nhập cung Hồ Cáp. Thời kỳ quá độ thể lương, say đắm này chỉ xảy ra cách 248,4 năm một lần (khoảng thời gian Tử Vương Tinh bay hết một vòng quỹ đạo quanh mặt trời) và kéo dài trung bình khoảng 12 năm. Trong những thời đại đó chuyện lạ gì xảy ra ? Các chiêm tinh gia căn cứ lịch sử để quyết đoán : họ đưa những dữ kiện thuộc các thời đại Tử Vương Tinh/Hồ Cáp trong quá khứ vào máy điện toán rồi so chiếu với dòng lịch sử nhân loại trong hai ngàn năm qua. Lạ lùng thay, cuộc tìm tòi mới tương quan với máy điện toán cho thấy các biến cố cách mạng nhất trên thế giới thường xảy ra vào những thời kỳ Tử Vương Tinh/Hồ Cáp, những biến cố thường khiến có sự đổi mới trên trái đất. Các khám phá có thể được tóm lược như sau :

Thời Kỳ Tử Vương Tinh/Hồ Cáp Và Những Biến Cố

1/ Năm 10-22 sau Tây lịch :

- Chúa Ki Tô tại thế và bị đóng đinh trên thập tự giá. Thông thường người ta cho rằng chúa Ki Tô qua đời năm 33, nhưng cuộc khảo cứu của sử gia người đức tên Robert Eisler và chiêm tinh gia ở Toronto tên William Koenig xác quyết Chúa bị đóng đinh năm 21. Tài liệu cổ xưa cho thấy Chúa ly trần vào năm thứ 7 thời hoàng đế La Mã Tiberius trị vì. Tiberius lên ngôi năm 14 sau Tây lịch. Cũng theo Koenig, sao chổi Halley xuất hiện năm thứ 12 trước Tây lịch là ngôi sao truyền sử của Bethlehem báo hiệu đấng Cứu Thế giáng trần.

2/ Năm 504-515 :

- Thời kỳ hưng thịnh của đế quốc Frank dưới triều hoàng đế Clovis. Thống nhất phần lớn các dân tộc dã man ở Âu Châu, đế quốc này bao trùm một lãnh địa mênh mông, từ bờ đại Tây Dương đến sông Danube, vào khoảng năm 800.

3/ Năm 997-1008 :

- Phong trào theo đạo Thiên Chúa của người Nga lan rộng dưới triều Vladimir the Saint.

- Nhà Tống thống nhất Trung Hoa, khởi đầu một thời kỳ thịnh vượng kéo dài khoảng 300 năm.

- Người Viking đổ bộ lên Bắc Mỹ Châu.

4/ Năm 1244-1255 :

- Đế quốc Mông Cổ bành trướng ở Á Châu và Âu Châu.

- Trong những năm đầu cuồng nhiệt, Tòa án Dị giáo (Inquisition) của Giáo Hội La Mã đã săn bắt và thiêu sống những người dị giáo (heretics).

- Quyền uy và ảnh hưởng của nữ giới bị tước đoạt. Xã hội chịu sự thống trị, hoành hành của giới tăng lữ.

5/ Năm 1490-1502 :

- Cao điểm của thời Phục Hưng (Renaissance, Tái sinh). Nhiều kiến thức mới về khoa học, nghệ thuật, văn chương.

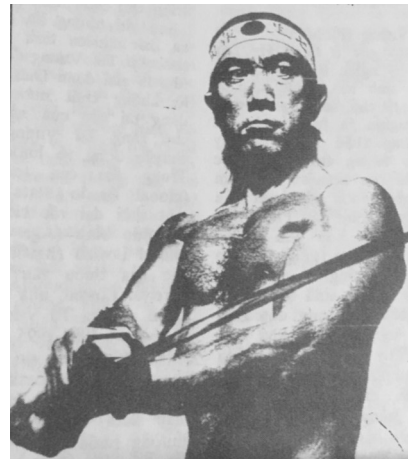
- Thời đại thám hiểm và khám phá : Kha Luân Bố đổ bộ lên Tân Thế giới. Vasco de Gama gióng thuyền đến Ấn Độ ngang qua mũi Hảo vọng.

- Chế độ nô lệ bắt đầu du nhập vùng Tây Ấn (West Indies) tức các hòn đảo vùng biển Ca-ri-bê.

6/ Năm 1737-1748 :

- Cuộc Cách mạng Kỹ nghệ ra đời. Khởi đầu từ các hàng dệt Anh quốc, công cuộc kỹ nghệ hóa đã biến đổi nền văn minh nhân loại. Sự làm việc và tiêu khiển giờ chẳng còn như xưa nữa.

- Động đất kinh khủng ở Calcutta, Ấn Độ, khiến 300.000 người thiệt mạng.



Di ảnh nhà văn YUKIO MISHIMA chụp trước khi mổ bụng tự sát. Chiếc băng trên trán mang dòng chữ : Phục Vụ Tổ Quốc Trong 7 Kiếp

1/ Một Thời đại Vô Tiền Khoáng Hậu :

Các chiêm tinh gia khắp thế giới đều cho rằng thời đại Tử Vương Tinh/Hồ Cáp hiện nay đầy dẫy tiềm năng mãnh liệt, kinh khiếp hơn bất cứ thời kỳ nào trong quá khứ. động đất, kinh tế khủng hoảng, chiến tranh hạch tâm, những cải cách kỹ thuật kỳ diệu, cuộc biến đổi tri thức toàn cầu được xem như những chuyện có thể xảy ra. Cái cũ chết đi để cái mới được khai sinh. Vì nếu Tử Vương Tinh có nhiệm vụ vũ trụ, nó tất gây nên sự phóng thích cái vĩnh cửu từ những gì vô thường và hư cũ.

Cần nhấn mạnh rằng tái sinh và nghiệp báo tự chúng biểu lộ qua sự tính toán của khoa chiêm tinh, đáng giá năng lực vũ trụ ảnh hưởng lẫn nhau trong thế giới vật thể. Chiêm tinh học là cái khung kế toán xuyên qua đó sự tái sinh diễn ra. Tương tự như các cảnh giới bị ảnh hưởng, biến đổi và tái sinh do ảnh hưởng hỗ tương của các năng lực vũ trụ, các cá nhân luân hồi theo cùng những nguyên tắc đó. Khoa chiêm tinh (hay tử vi) tính xem mỗi người chúng ta đang đứng ở đâu trong các đẳng cấp vĩnh cửu. Mỗi lá số tử vi phản ánh những nhân đã gieo tự thuở nào. Trong quyển "Thừa kế của Ngàn xưa" (Heirs to Eternity), Clarice Toyne giải thích rõ :

"Một linh hồn đầu thai vào một thời điểm nhất định (và thời gian được tính theo thái dương hệ) tùy nghiệp duyên của nó. Chẳng phải ngẫu nhiên nó gánh chịu phần số các ngôi sao chiếu mạng. Nó được thụ thai và chào đời vào một năm tháng, ngày giờ nào đó bởi vì các năng lực của linh hồn nó trùng hợp với luồng năng lực vũ trụ của các vì sao vào đúng thời điểm đó".

Trên bình diện rộng lớn hơn, sự trùng hợp này cũng có thể được áp dụng cho vị trí của Tử Vương Tinh, Hồ Cáp và quả địa cầu. Một mẫu năng lực đặc biệt được tạo ra do mỗi sự sắp xếp của trời đất mà ta có thể tiên đoán được. Và vùng năng lực này ảnh hưởng tất cả vạn vật vạn hữu trên trái đất kể cả đất đá.

Nhỏ hơn địa cầu, Tử Vương Tinh có đường kính 1860 dặm, hiện nó đang bay bên trong quỹ đạo của Hải Vương Tinh để từ từ tiến về phía mặt trời. Vào tháng 9/1989, nó gần mặt trời nhất, chỉ cách có 2.750 triệu dặm, tuy hãy còn xa song

kể ra cũng khá gần, nếu so với khoảng cách trung bình của nó đối với mặt trời là 3.667 triệu dặm. Từ Vương Tinh phản chiếu ánh thái dương một cách yếu ớt đến nỗi nó chỉ bằng 1/1.600 của một ánh sao mờ nhạt nhất mà mắt thường có thể thấy được trong một đêm tốt trời. Vệ tinh của nó là Charon (mới khám phá năm 1.978) lại càng mờ mịt hơn nữa.

II/ Diêm Vương (Pluto) :

Chữ Pluto gốc ở tiếng Hy Lạp "Plouton" có nghĩa là sự màu mỡ, khả năng sinh sản, được xem là bắt nguồn từ chữ Sumerian "Boro-Tun" có nghĩa là "người cho từ cung". Trong thần thoại cổ Hy Lạp, Pluto tượng trưng cho sức mạnh, ý chí của chúa tể chốn âm cung. Ở giang sơn ghê rợn của ngài sâu trong lòng đất, Pluto tiếp nhận và tái tạo linh hồn những người chết. Vì Pluto (tiếng La tinh có nghĩa là Phú Ông) là người giữ cửa của cõi trường sinh bất tử, và các ngõ ngách âm cung đều tràn ngập công nghiệp quá khứ của nhân loại. Tuy ngồi cạnh hoàng hậu tên Persephone, Pluto lúc nào cũng vô hình, một đặc tính được tượng trưng bằng chiếc mũ trùm đầu của ngài làm bằng da đầu một con chó. Trong lột hóa trang này, ảnh hưởng của Diêm Vương được che dấu và thường tác động tuyệt vời trong những khoảng thời gian dài trước khi biểu lộ ra ở cuộc đời thay có tính cách quyết liệt. Ngay cả việc Từ Vương Tinh mới được khám phá gần đây sau biết bao chu kỳ vận hành thâm lặng đủ nói lên đặc tính của Diêm Vương.

Từ Vương Tinh tượng trưng cho cõi vô thức của cá nhân và tập thể. Nó điều hành những lực ẩn sâu trong hồn các cá nhân và trong hồn thiêng sông núi (quốc hồn). Cùng với nhiều vị đương thời, nữ chiêm tinh gia Hoa Kỳ Isabel M. Hickey cho rằng năng lực bí mật của Từ Vương Tinh tác động đằng sau cảnh rộn rịp, hỗn loạn, rối rắm của xã hội tân thời. Bà cảm thấy việc Từ Vương Tinh nhập cung Hồ Cáp sẽ bảo đảm việc loại trừ những sai quấy, xấu xa cũ bằng cách tạo ra cuộc thanh lọc chưa từng có. Dù Edgar Cayce chớ hề nói chuyện kinh khủng như vậy, song ông đã tiên đoán rằng năng lực của Từ Vương Tinh sẽ đạt đến cao điểm đối với các xáo trộn địa chất của quả đất vào khoảng năm 1.998. Ông còn nhận xét như sau trước khi đệ Nhị Thế Chiến xảy ra (buổi ngồi đồng số 1100-27) :

"... Trong vòng 1-2 trăm năm nữa, ảnh hưởng của Từ Vương Tinh sẽ rất mạnh đối với uy lực con người, vì ảnh hưởng của nó gần nhất so với các ảnh hưởng khác đối với những hoạt động trên địa cầu. Hiển nhiên là như vậy, và đó là một ảnh hưởng đang phát triển chứ chưa thiết lập xong".

Sau khi những lời này được nói ra, các chiêm tinh gia đã chọn thời kỳ Từ Vương Tinh/Hồ Cáp như là giai đoạn Diêm Vương biểu lộ không chút nương tay quyền năng tái tạo của ngài. Người ta cho rằng Từ Vương Tinh đang chuyển động về hướng trạng thái Trung ảm của toàn thể giới (global Bardo State), báo trước một thời đại rất kiêu kỳ : Thời đại Báo bình (Age of Aquarius). Laurel Lowell (người anh em chú bác của thiên văn gia Hoa Kỳ Percival Lowell, nhà bác học đồng khám phá ra Từ Vương Tinh) viết về thời kỳ 1984-1995 :

"Nỗi thống khổ do những lực có khả năng làm tái sinh đường như là điều khó tránh khỏi. Cái phần thấp kém trong

con người phải nhường bước cho phần thanh cao hơn nếu tất cả những luật Nghiệp báo nghiệt ngã không ứng hiện, có lẽ để dành cho kiếp khác, nếu chẳng xảy ra trong hiện kiếp. Linh hồn đang bị đe dọa".

Nhà chiêm tinh có huệ nhãn John Humber thấy hình thái Từ Vương Tinh/Hồ Cáp đòi hỏi sự san bằng các thân phận trên toàn cầu. Ông viết :

"Nếu mọi việc trên đời không tốt đẹp, Từ Vương Tinh sẽ làm cho có. Tất cả những thành kiến, bất công phải dứt bỏ, dứt bỏ trong tinh thần hoặc là bị cưỡng bách. Sẽ có sự biến hóa, thay đổi xảy ra một cách êm đẹp, nhưng nếu thế giới càng tiến gần đến giai đoạn Từ Vương Tinh/Hồ Cáp mà cứ ì ra ở nguyên trạng, không chịu sửa đổi, thì hoàn cảnh tất sẽ hung hiểm hơn".

Tuy nhiên có một quan niệm khác về mối đe dọa này. Chiêm tinh gia Liz Greene thuyết trình về ảnh hưởng của Từ Vương Tinh như sau :

"Bệnh muốn được chữa khỏi, nó cần phải lộ ra mới được".

Từ Vương Tinh ngự trị trên những cảnh kinh khiếp và tàn phá như động đất, núi lửa phun, hâm hồ, tai biến, thảm họa, chiến tranh, các nạn dịch, lụt lội, v.v.. Hiển nhiên có sự liên hệ với chất plutonium, nguyên tố tổng hợp phóng xạ rất nổi tiếng vì nó đóng vai trò chủ yếu trong việc tạo đầu đạn hạch tâm. Nhưng Từ Vương Tinh còn liên quan nhiều đến sự phong phú, màu mỡ vươn lên từ cõi chết. Chiêm tinh gia Stephen Arroyo viết : "Một trong những khía cạnh nghịch lý của bản chất Từ Vương Tinh là biểu tượng của nó bao gồm cả các dạng của sự sống cũ (sẵn sàng chờ bị tiêu diệt) và chính cái năng lực sẽ xé nát các dạng này cùng những hậu quả... một sự giải phẫu có tính cách tâm lý xúc cảm". Chẳng hạn tro than của hỏa diệm sơn có thể gọi lên cảnh tàn phá, song nó còn tạo ra vùng đất màu mỡ nhất. Hang động đất sét và dòng suối ngầm được tìm thấy dưới lòng đất sâu, nhưng những đặc tính của chúng có thể cung cấp sinh lực cho kẻ yếu đau. Các khám phá có tính cách khảo cổ, sự trỗi lên của những kho tàng bị vùi lấp, những nghĩa địa, kim tự tháp, đền đài, v.v.. đều có sự góp phần của Từ Vương Tinh. Và Từ Vương Tinh điều khiển sự quan tâm đến vấn đề tái sinh, sự phát triển tâm linh và tuyến tủy quả (pineal gland), bộ phận khiến ta có huệ nhãn, nhưng nó lại bị thoái hóa. Fritz Brunhubner là người đầu tiên viết về Từ Vương Tinh vào năm 1934, nói về hành tinh đang đảm trách việc hồi sinh và tinh luyện tuyến tủy quả để nó giúp hướng dẫn nhân loại thoát khỏi sự máy móc hóa, kỹ thuật cơ khí của thời đại chúng ta để tiến sang thời kỳ hồi sinh, phục hưng, hoặc thời kỳ của thần thông có tính cách sáng tạo". Giống như Edgar Cayce, Brunhubner tin rằng những chuyển động mạnh của trái đất có thể làm lục địa Atlantis bị chìm đắm sẽ trỗi lên từ lòng đại dương. Sự tái sinh những gì không phát hiện được sẽ xảy ra cùng lúc với sự diệt vong của những thứ xưa cũ. Ông viết :

"Ảnh hưởng của Từ Vương Tinh sẽ bao trùm các sinh hoạt quốc tế, chính trị, kinh tế... Tinh thần mới này sẽ dùng búa gõ cửa ầm ầm và ra lệnh phải cải tổ, thay đổi".

Đón xem kỳ tới : Sự Tái Sinh Trên Toàn Cầu.

● **Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn**

Sự Phục Hưng Phật Giáo tại Ấn Độ

Thích Trí Chơn
(tiếp theo)

Tiến sĩ Ambedkar quả quyết Ấn Độ Giáo không thể giải quyết những vấn đề mà lịch sử hiện đại đã bắt buộc đối với dân tộc Ấn Độ. Ấn Giáo bao hàm khuynh hướng mạnh mẽ về quốc gia chủ nghĩa, nhưng lòng yêu nước nồng nàn này không phải là yếu tố sinh tử của tôn giáo cho nên nó không thể cứu được Ấn Độ Giáo thoát khỏi sự lún sâu bị tiêu diệt: "Trong sự trống không (vacuum) tiếp theo, chính những người theo Ấn Giáo bắt buộc phải có một thái độ tin tưởng vững chắc hơn đối với Phật Giáo. Phật Giáo sẽ tự biểu lộ như một vai trò cứu tinh duy nhất và thiết yếu".

Ambedkar so sánh đời sống tinh thần của Ấn Độ hiện tại với sự suy tàn của đế quốc La Mã trong thời kỳ phát triển của Thiên Chúa Giáo: "Khi khôi đại chúng nhận thức rằng tôn giáo do các sứ đồ giảng truyền mang lại cho họ sự giải thoát và ủng hộ tinh thần mà người theo tà giáo ngăn cản đối với họ thì việc lên án từ hình những kẻ ngoại đạo là điều tốt. Điều đã xảy ra ở La Mã sẽ không sai lầm khi xuất hiện tại Ấn Độ với những lý do tương tự. Chừng nào khối quần chúng Ấn Giáo giác ngộ, chắc họ sẽ trở về với Phật Giáo".

Có hai sự kiện trong vấn đề này. Thứ nhất là Ambedkar chủ trương cho rằng lịch sử của tôn giáo đã cáo chung cũng như không hy vọng có những tôn giáo mới; và cần thiết là nên chọn trong các tín ngưỡng lịch sử ngày nay một tôn giáo toàn hảo nhất có thể giải quyết những vấn đề hiện đại. Trong thái độ bảo thủ này, Ambedkar khác biệt với nhiều lãnh tụ tôn giáo Á Châu được coi như các nhà sáng lập những tôn giáo mới. Đặc biệt ở Nhật Bản, khoảng giữa thế kỷ 19 và đến mức độ gia tăng thêm kể từ thế chiến thứ hai, nhiều tôn giáo mới đã xuất hiện với sự chú tâm mạnh mẽ đến ý thức xã hội. Những người chủ xướng các tôn giáo mới này cho rằng các tôn giáo lịch sử hiện đang tồn tại không còn đáp ứng thích nghi với mọi nhu cầu của thời đại. Hơn thế nữa, tín ngưỡng của họ còn chống đối những giáo phái truyền thống của Phật Giáo Nhật Bản.

Nhưng Ambedkar đã từ chối theo đường lối này. Ông không muốn hướng dẫn đồ đệ chính trị của ông hoàn toàn tách rời những truyền thống tinh thần và trí thức Ấn Độ. Mặt khác, những phong trào cải lương Ấn Giáo của thế kỷ 19 và 20 đối với ông hình như quá lý thuyết và trên hết, đã bắt lúng túng trong việc tìm một chỗ đứng cho hạng giai cấp không thể tiếp xúc trong xã hội của chính thể Cộng Hòa Ấn Độ mới thành lập. Trở lại theo Phật Giáo và tìm hiểu nó với ý nghĩa mới về chính trị và xã hội, Ambedkar cuối cùng thấy cần kêu gọi đến truyền thống của Ấn Độ. Vì Phật Giáo nổi bật như một sự cải cách của chính Ấn Giáo, đã có một quá khứ vàng son để nhìn lui và bao hàm sẵn những nguyên tắc đạo đức xã hội.

Thêm nữa, Ambedkar có thể nhìn những tấm gương khích lệ của Tích Lan và Miến Điện, hai quốc gia Phật Giáo đã thắng lợi giành lại tự do trong tay chính quyền thực dân Anh với nền dân chủ mà hiến pháp nền Cộng Hòa của họ đã gắn liền với nhiều truyền thống Phật Giáo. Cả hai quốc gia Phật Giáo mà người Anh từng thủ tiêu địa vị ưu thế của tôn giáo này, đã tạo nên mối liên hệ tinh thần với công cuộc chống đối chủ nghĩa thực dân.

Điều ngạc nhiên thứ hai là sự tương đồng giữa Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo. Ambedkar nhận thấy đạo Thiên Chúa của Nguyên Thủy Giáo Hội (Primitive Church) như một phong trào xã hội và chính trị đáp ứng được khát vọng tự do và quyền bình đẳng của quần chúng. Nhưng tại sao ông đã hướng dẫn hàng triệu đồ đệ của ông quy y Phật Giáo hơn là Thiên Chúa Giáo? Thực ra Ambedkar đã điều đình với nhiều giáo hội Thiên Chúa về việc yêu cầu họ thu nhận hạng dân chúng không thể tiếp xúc. Đề nghị thấy hình như hợp lý hơn kể từ khi một vài giáo hội Tin Lành Hoa Kỳ, đặc biệt những phần tử từng đấu tranh hủy diệt sự nô lệ, giành quyền bình đẳng cho hạng dân chúng da đen, đã đề cập đến vấn đề hạng ngoại giai cấp Ấn Độ và hướng trực tiếp mọi nỗ lực truyền giáo đến họ.

Mặt khác, cả hai giáo đoàn Thiên Chúa La Mã và Tin Lành đã không lúc nào diệt trừ được sự kỳ thị giai cấp trong các đoàn thể Thiên Chúa. Hơn nữa, những giáo đoàn Thiên Chúa đã không bao giờ thành công trong việc tranh đấu chống hệ thống giai cấp Ấn Giáo hay xem đó như điều cần đặc biệt nâng đỡ trong chương trình của họ. Ngay từ đầu, hoạt động của giáo đoàn Thiên Chúa đã tỏ ra hết sức khó khăn, hay nói khác là không có thể trong việc kết hợp chung trong một hội đoàn Thiên Chúa cả hai giai cấp cao và thấp cũng như thuyết phục được tín đồ theo Ấn Độ giáo thuộc giai cấp cao hơn chịu hành lễ chung và tiếp xúc với hạng ngoại giai cấp.

Giáo đoàn Thiên Chúa đã hoạt động khá thành công với hạng dân chúng không thể tiếp xúc tại nơi nào họ có thể thành lập các hội đoàn riêng cho giai cấp này. Nhưng hành động như thế, họ đã thừa nhận nguyên tắc giai cấp trong Ấn Giáo. Điều hơn thế nữa là các cựu đoàn thể Thiên Chúa được thành lập bởi những giáo đoàn của Giáo Hội Nguyên Thủy và Giáo Hội Cảnh Giáo Xy Ri (Syrian Nestorian Church) - cũng gọi là tín đồ Thiên Chúa theo Thánh Thomas - được chấp nhận trong hệ thống giai cấp Ấn Độ như một giai cấp đặc biệt. Tuy vậy, các giáo đoàn của mọi giáo phái Thiên Chúa đã cương quyết chống lại hệ thống giai cấp (dù với cường độ và kết quả khác nhau), và ít nhất là họ đã cố gắng làm giảm bớt sự phân đối giai cấp tại các hội đoàn hoặc giáo khu của họ.

Cố gắng của Tiến sĩ Ambedkar nhằm hướng dẫn hạng dân chúng không thể tiếp xúc trở theo đạo Thiên Chúa đã thất bại vì hai lý do. Thứ nhất, cuộc tranh đấu can đảm của Thánh Gandhi chống lại thành kiến xã hội đã thành công tại các chùa Ấn Giáo, nơi cửa đã được mở ra cho hạng ngoại giai cấp. Thứ hai, chính các hội đoàn và giáo hội Thiên Chúa đã chống lại làn sóng quần chúng không thể tiếp xúc. Những người Ấn thuộc Tân Giáo Hội Anh Quốc Giáo phái (Anglican Episcopal Church) gia nhập vào đó với hành động chủ tâm muốn gắn liền với văn hóa nước Anh. Họ đoạn tuyệt với xã hội theo Ấn Giáo trong toàn bộ cách sống, ăn mặc, cư xử của họ. Họ đặc biệt không muốn liên hệ với những phần tử thuộc giai cấp thấp nhất và giai tầng bị khinh miệt của xã hội đó.

(còn tiếp)

Trích tác phẩm "BUDDHISM OR COMMUNISM WHICH HOLDS THE FUTURE OF ASIA" (Phật Giáo hay Cộng Sản sẽ nắm giữ Tương Lai của Á Châu)

Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời

(Tiếp theo)

Đọc báo Viên Giác thấy mục "Đạo Phật đi Vào Cuộc đời" Tâm Như giải đáp nhiều câu hỏi rất hữu ích cho sự tu học. Tôi có người bạn hỏi tôi những câu hỏi dưới đây, tôi thấy mình chưa đủ điều kiện đáp cho thỏa đáng, nên kính gửi đến nhờ Tâm Như vui lòng đáp hộ.

1) Đức Phật và Thượng đế ai lớn hơn ai ?

2) Tình thương và Thượng đế có giống như lòng từ bi của Phật không ?

3) đọc báo thấy có nhiều nước tu Phật, vẫn ăn cá thịt, ngay ở trên đất Pháp cũng có một vài chùa thờ Phật vẫn ăn bất cứ món chi Phật tử đem đến hiến dâng, làm như vậy có đúng với tôn chỉ của đạo Phật không ?

Xin cảm ơn Tâm Như, kính chúc Tâm Như đạo quả viên thành.

Dương Trí Quang – Pháp

Xin cảm ơn bạn rất nhiều về những câu hỏi đã nêu trên. Sau đây Tâm Như sẽ lần lượt trả lời.

Hỏi 91 : Đức Phật và Thượng đế ai lớn hơn ai ?

Đáp : Chúng ta còn ở trong cõi hữu hình và hữu hạn, bị chi phối bởi luật vô thường của tạo hóa, mà đem so sánh với chơn như và vô hạn có lẽ không được đúng mấy; nhưng có người đã hỏi, lẽ nào chúng ta lại không giải thích, mà đã giải thích thì vẫn còn nằm trong sự đối đãi phải không, còn mất, hơn thua, có không, cao thấp v.v.. Vì thế Tâm Như xin ví dụ như thế này để mọi người cùng lâm tường vậy. Nếu hỏi một người tốt nghiệp cử nhân luật học với một người cử nhân toán học, ai giỏi hơn ai ? Ai cao hơn ai ? Chúng ta sẽ khó trả lời cho đúng được. Vì mỗi một ngành có vấn đề chuyên môn của ngành đó. Ở đây Đức Phật và Thượng Đế cũng thế. Bên Đạo Chúa có Thượng Đế. Bên Đạo Phật có Đức Phật. Dĩ nhiên Thượng Đế cũng không thể thay thế cho Đức Phật để chỉ dạy cách tu cho người Phật tử được. Ngược lại Đức Phật cũng không thể thay thế thần quyền để đi dạy cho các con chiên được. Do đó cho nên, chúng ta đừng so sánh vẫn hơn. Và lại, ở nơi cõi giải thoát nào đó có lẽ các Ngài cũng không muốn so sánh như chúng ta đâu.

Hỏi 92 : Tình thương của Thượng đế có giống như lòng Từ Bi của Phật không ?

Đáp : Đầu tiên chúng ta nên định nghĩa thế nào là tình thương (Bác ái) và Từ Bi, sau đó chúng ta sẽ hiểu rõ ràng hơn.

Chữ Bác ở đây có nghĩa là rộng rãi, quảng đại, vị tha v.v.. chữ ái có nghĩa là yêu, thương, tha thứ v.v.. Vậy chữ Bác ái có nghĩa là một tình thương yêu rộng lớn, không giới hạn ở một điểm nào cả. Còn Từ Bi có nghĩa là mang niềm vui đến cho kẻ khác và cứu cái khổ của mọi người. Vậy Từ Bi và Bác Ái chắc chắn không khác nhau; nhưng giống nhau hoàn toàn thì chưa hẳn đúng. Vì Từ Bi của Đạo Phật không

những thương người không, mà còn thương đến vật nữa. Do đó người Tăng sĩ trong Phật Giáo đại Thừa (ngoại trừ Nhật Bản và một phần Tây Tạng) vẫn chay tịnh suốt cuộc đời để thực hiện hạnh Từ Bi đối với tất cả chúng sanh còn đầu thai trong vòng luân hồi sanh tử. Người Phật tử tại gia bên Đại Thừa giáo cũng thực hiện hạnh Từ Bi này bằng cách ăn chay mỗi tháng 2, 4, 6 hoặc 10 ngày để thể hiện tình thương của mình đối với muôn vật. Trong khi đó chữ Bác Ái của đạo Thiên Chúa có lẽ chỉ chú trọng đến loài người hơn là loài vật. Vì thế chúng ta không thấy họ ăn chay như chúng ta để thể hiện lòng từ.

Hỏi 93 : Đọc báo thấy có nhiều nước tu Phật, vẫn ăn cá thịt, ngay ở trên đất Pháp cũng có một vài chùa thờ Phật vẫn ăn bất cứ món chi Phật tử đem đến hiến dâng, làm như vậy có đúng với tôn chỉ của Đạo Phật không ?

Đáp : Hình như câu hỏi này Tâm Như đã giải đáp một lần rồi; nhưng nhân bạn hỏi, Tâm Như hôm nay xin trả lời lại vậy.

Nguyên thời Đức Phật còn tại thế Ngài có dạy phép dùng tam tịnh nhục hoặc ngũ tịnh nhục. Nghĩa là người Tăng sĩ được dùng 3 loại thịt sau đây :

- Thịt ấy không phải chính tay mình giết.
- Khi vật ấy chết mình không nghe tiếng kêu gào.
- Không có ý thích dùng thịt ấy.

Cả 3 điều trên ngày xưa dễ phạm; nhưng ngày nay chỉ còn điều thứ 3 là khó giữ thôi. Ăn mà không biết ăn, đó mới chính là ăn. Nếu khi dùng cả chay lẫn mặn mà còn phân biệt, vẫn là điều chưa đúng với chơn tinh thần của đạo Phật vậy. Việc các vị sư Nam Tông ở các nước Cao Miên, Thái, Lào, Tích Lan, Miến điện và một phần nhỏ của nước Việt Nam, ngày nay ngay cả tại Pháp vẫn giữ phép này, vì thực hiện theo 3 điều đã nêu trên. Nhưng nếu muốn tiến xa hơn nữa, chúng ta nên dùng chay hơn là dùng mạng sống của sinh vật. Thật ra việc chay tịnh đã có ngay từ thời Đức Phật còn tại thế, khi mà Kỳ Na Giáo một tôn giáo cổ truyền của Ấn Độ vẫn dùng chay, trong khi đệ tử của Đức Phật thì dùng mạng sống của sinh vật. Vì thế khi ra biện luận, chúng ta đã khó vượt qua những đối thủ khác. Do đó Đức Phật cũng đã khuyến cáo đệ tử của Ngài nên dùng chay, nếu muốn tiến xa hơn một bậc nữa trên con đường giác ngộ. Việc làm trên có đúng hay sai là tùy theo tâm niệm của người dâng cúng và người thọ dụng. Nếu người dâng cúng với một tâm niệm hoài nghi, chắc chắn sẽ không có phước đức gì cả, khi cúng dường chư Tăng. Ngược lại kẻ thọ dụng, tức chư Tăng, khi nhận lãnh có lẽ quý ngài cũng phải quán chiếu những điều như Đức Phật đã dạy bên trên khi dùng đến. Vì thế đúng hay sai, không có chuyện luận bàn ở nơi đây, mà điều đó lệ thuộc ở người cúng và kẻ thọ dụng vật cúng mà thôi.

Trên đây chỉ là những sự hiểu biết căn bản của Tâm Như, xin trả lời đến bạn vậy. Nếu cần hiểu thêm cận kề hơn, xin bạn có thể hỏi nơi những bậc thiện hữu tri thức khác. A Di Đà Phật.

● Tâm Như

(còn tiếp)

Ins Deutsch

DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENTO KYOKAI
gesellschaft der buddhist. förderer

3-14, 4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, Japan
Telephone : (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982
Druck
Kosaido Printing Co., Ltd.
Tokyo, Japan

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mitleid erfüllt.

Buddhas hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünftausend bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.

INHALT

BUDDHA

Erstes Kapitel : SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II. Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel : DER UNENDLICHE UND VERKLÄRTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde

- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung
- III. Der unendliche Buddha

Drittes Kapitel : DIE GESTALT VON BUDDHA UND SEINE TUGENDEN

- I. Drei Wesenzüge von Buddha
- II. Die Erscheinung Buddha
- III. Buddhas Tugend

DHARMA

Erstes Kapitel : DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel : DAS REIN GEISTIGE UND DIE WIRKLICHKEIT ALLER DINGE

- I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
- II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"

III. Der wirkliche Stand der Dinge

IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel : DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
- II. Das Wesen Buddhas
- III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit

Viertes Kapitel : IRDISCHE LEIDENSCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel : DIE HILFE, DIE VON BUDDHA ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas, Land der Reinheit

DER WEG DER ÜBUNG

Erstes Kapitel : DER WEG DER LÄUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der Weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zweites Kapitel : DER WEG Z.PRAKT.ERKENNTNIS

- I. Die Suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

DIE BRÜDERLICHKEIT

Erstes Kapitel : PFLICHTEN D. BRÜDERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- II. Laienanhänger

Zweites Kapitel : PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familienleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel : AUFBAU EINES BUDDHA-LANDES

- I. Die Harmonie der Brüderschaft
- II. Das Buddha-Land
- III. Über diejenigen, die im Buddha-Land die Herrlichkeit genießen

ANHANG

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte des Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und Verbreitung der Schrift "Die Lehre Buddhas".

PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR WAHREN LEBENSWEISE

I- DAS FAMILIENLEBEN

1. Es ist falsch, zu glauben, daß Unglücksfälle vom Osten oder vom Westen kommen; sie haben ihren Ursprung im eigenen Geist. Deshalb ist es töricht, sich vor Unglücksfälle aus der Außenwelt zu hüten und den inneren Geist unkontrolliert zu lassen.

Es gibt einen Brauch, der aus alten Zeiten überliefert ist und dem die Menschen noch folgen. Wenn sie morgens aufstehen, waschen sie zuerst ihr Gesicht und spülen ihren Mund, und dann verbeugen sie sich in die sechs Himmelsrichtungen - nach Osten, Westen, Süden, Norden, nach oben und nach unten - und wünschen, daß ihnen aus keiner Richtung ein Unglück zustoßen möge und daß sie einen friedlichen Tag haben mögen.

Nach Buddhas Lehre verhält es sich aber anders. Buddha lehrt, daß wir die "sechs Richtungen der Wahrheit" achten, uns weise und tugendhaft benehmen und so jedes Unglück verhindern sollen.

Um die Tore in diesen sechs Richtungen zu bewachen, müssen die Menschen den Schmutz der "vier Taten" beseitigen, die "vier üblen Sinne" kontrollieren und die "sechs Löcher", die den Verlust an Wohlstand verursachen, zustopfen.

Mit den "vier Taten" ist das Töten und Stehlen, der Ehebruch und die Falschheit gemeint.

Die "vier bösen Sinne" sind : Habgier, Zorn, Torheit und Furcht.

Die "sechs Löcher", die den Verlust an Wohlstand verursachen, sind : das Verlangen nach berausenden Getränken und danach, sich töricht zu verhalten, nachts lange aufzubleiben und den Geist durch Leichtfertigkeit zu verlieren, sich musikalischen und theatralischen Vergnügungen hinzugeben, zu spielen, sich mit schlechten Gefährten in Gesellschaft zu begeben und seine Pflichten zu vernachlässigen.

Nachdem man diese vier Verunreinigungen beseitigt hat, indem man diese vier schlechten Gesinnungen vermeidet und diese sechs Löcher der Verwüstung zustopft, werden die Schüler Buddhas den "sechs Richtungen der Wahrheit" ihre Ehrerbietung erweisen.

Nun, welches sind diese sechs Richtungen der Wahrheit ?

Es steht der "Osten" für den Weg der Eltern und des Kindes, der "Süden" für den Weg des Lehrers und des Schülers, der "Westen" für den Weg des Mannes und der Frau, der "Norden" für den Weg eines Menschen und dessen Freund, "unten" für den Weg des Herrn und des Dieners und "oben" für den Weg der Schüler Buddhas. Ein Kind sollte seine Eltern ehren und für sie alles tun, was man von ihm erwarten kann. Es sollte ihnen dienen, ihnen

bei der Arbeit helfen, auf die Familienlinien Wert legen, das Familieneigentum schützen und Stunden des Gedenkens einlegen, sobald die Eltern gestorben sind. Die Eltern sollten für ihre Kinder fünf Dinge tun : sie davon abhalten, Böses zu tun; ein Beispiel guter Taten setzen, ihnen eine Ausbildung zukommen lassen; Vorkehrungen für ihre Hochzeit treffen und sie zur passenden Gelegenheit das Vermögen der Familie erben lassen. Wenn die Eltern und das Kind diese Regeln befolgen, wird die Familie immer in Frieden leben.

Ein Schüler sollte sich immer erheben, wenn sein Lehrer den Raum betritt, auf ihn warten, seine Anweisungen gut befolgen, nicht versäumen, ihm ein Geschenk zu machen, und respektvoll seinem Unterricht folgen. Gleichzeitig sollte ein Lehrer vor seinem Schüler richtig handeln und ihm ein gutes Beispiel geben; ihm genau die Lehre weitergeben, die er selbst gelernt hat; gute Methoden anwenden und versuchen, den Schüler auf Auszeichnungen vorzubereiten; und er sollte nicht vergessen, den Schüler auf jede mögliche Weise vor Bösem zu bewahren. Wenn ein Lehrer und sein Schüler diese Regeln beachten, wird ihre Freundschaft weiterhin angenehm bleiben.

Ein Mann sollte seine Frau respektvoll, freundlich und aufrichtig behandeln. Er sollte ihr den Haushalt überlassen und für die Befriedigung ihrer Bedürfnisse, wie zum Beispiel den Kauf von Schmuck, sorgen. Gleichzeitig sollte sich eine Frau mit dem Haushalt Mühe geben, die Bediensteten weise führen und ihre Tugend als eine gute Ehefrau bewahren. Sie sollte das Einkommen ihres Mannes nicht vergeuden und den Haushalt anständig und gewissenhaft führen. Wenn diese Regeln befolgt werden, wird ein glückliches Heim erhalten bleiben, und es wird keinen Streit geben.

Die Regeln der Freundschaft bedeuten, daß unter Freunden gegenseitige Zuneigung bestehen sollte, jeder dem anderen das gibt, was ihm fehlt, jeder versucht, den anderen zu unterstützen, jeder immer freundliche und aufrichtige Worte für den anderen gebraucht.

Man sollte seinen Freund davor bewahren, auf schlechte Pfade zu geraten; sollte sein Eigentum und seinen Reichtum schützen und ihm in Schwierigkeiten helfen. Wenn dem Freund irgendein Mißgeschick widerfährt, sollte man ihm die helfende Hand anbieten, nötigenfalls sogar seine Familie unterstützen. Auf diese Weise wird ihre Freundschaft erhalten bleiben und sie werden zunehmend zufrieden darüber werden.

Ein Vorgesetzter sollte im Umgang mit einem Untergebener folgende fünf Dinge beachten : Er sollte ihm eine Arbeit zuteilen, die seinen Fähigkeiten entspricht; ihm eine angemessene Entschädigung gewähren, sich um ihn kümmern, wenn es um seine Gesundheit schlecht bestellt ist, angenehme Dinge mit ihm teilen und ihm die notwendige Freizeit einräumen.

Ein Untergebener sollte fünf Punkte beachten : Er sollte früher als sein Vorgesetzter aufstehen und nach ihm ins Bett gehen; immer ehrlich sein; sich Mühe geben, seine Arbeit gut zu verrichten und versuchen, den Ruf seines

Vorgesetzten nicht in Miskredit zu bringen. Werden diese Regeln beachtet, wird es zwischen dem Vorgesetzten und seinem Untergebenen Frieden und keinen Streit geben. Ein Anhänger Buddhas sollte dafür sorgen, daß seine Familie ebenfalls die Lehren des Buddha beachtet. Sie sollten ihren buddhistischen Lehrer achten und auf ihn Rücksicht nehmen; ihn höflich behandeln; auf ihn hören; seine Anweisungen befolgen und immer ein Geschenk für ihn bereithalten.

Derjenige, der die Lehre Buddhas lehrt, sollte die Lehre richtig verstehen, falsche Interpretationen zurückweisen; das Gute hervorheben und versuchen, die Anhänger einen angenehmen Pfad entlangzuführen. Wenn eine Familie diesem Wege folgt und die Wahre Lehre in ihren Mittelpunkt stellt, wird sie glücklich werden.

Ein Mensch, der sich nach allen sechs Richtungen verbeugt, tut dies nicht, um äußeren Mißgeschicken zu entkommen. Er macht dies, um zu verhindern, daß das übel in seinem eigenen Geiste emporsteigt.

2. Ein Mensch sollte unter seinen Bekannten diejenigen ausmachen, mit denen er sich verbünden sollte und jene, mit denen er dies nicht tun sollte. Er sollte sich nicht mit denjenigen verbünden, die habgierig, raffinierte Schwätzer, Schmeichler oder Verschwender sind.

Dagegen sollte er sich mit denen verbinden, die behilflich sind, die gewillt sind, sowohl Glück als auch Leiden zu teilen, die einen guten Ratschlag geben und die ein mitfühlendes Herz besitzen.

Ein wahrer Freund - jemand, mit dem man ohne persönlichen Schaden in Verbindung treten kann - wird den richtigen Weg immer genau einhalten; sich insgeheim um das Wohl seines Freundes sorgen; ihn in seinem Unglück trösten; ihm eine helfende Hand anbieten, sobald er sie benötigt; seine Geheimnisse für sich behalten und ihm immer einen guten Rat geben.

Es ist sehr schwierig, einen solchen Freund zu finden; deshalb sollte man sich sehr darum bemühen, ein solcher Freund wie dieser zu sein. So wie die Sonne die fruchtbare Erde erwärmt, so glänzt ein guter Freund in der Gesellschaft seiner guten Taten wegen.

3. Es dürfte für einen Sohn unmöglich sein, die gütige Freundlichkeit, die seine Eltern ihm gegenüber erwiesen haben, zu erwidern, selbst wenn er hundert Jahre lang seinen Vater auf der rechten und seine Mutter auf der linken Schulter tragen könnte.

Selbst wenn er die Körper seiner Eltern hundert Jahre lang in wohlriechenden Salben baden, als vorbildlicher Sohn ihnen dienen, für sie einen Thron bauen und ihnen alle Luxusgüter der Welt schenken könnte, so würde er doch immer noch nicht in der Lage sein, ihnen seine große Dankbarkeit, die er ihnen gegenüber schuldet, entgegenzubringen.

Führt er aber seine Eltern zu Buddha hin, erklärt ihnen seine Lehren, überzeugt sie davon, einen falschen Weg aufzugeben und einem richtigen zu folgen, und veranlaßt sie jegliche Habgier abzulegen und sich dagegen am Geschenkemachen zu erfreuen, dann gibt er ihnen mehr zurück, als sie ihm gegeben haben.

Buddhas Segen ruht in dem Haus, in dem Eltern geachtet und geschätzt werden.

4. Die Familie ist ein Ort, an dem die Herzen miteinander in Berührung kommen. Wenn sie einander lieben, wird das Heim schön wie eine Gartenblume sein. Schwindet aber die Harmonie der Herzen, so verhält es sich wie ein Sturm, der einen Garten verwüstet.

Wenn in der eigenen Familie Zwietracht entsteht, so sollte man die anderen nicht tadeln, sondern sein eigenes Herz prüfen und einen richtigen Weg einschlagen.

5. Es lebte einmal ein Mann mit aufrichtigem Vertrauen. Sein Vater starb, als er noch jung war. Er lebte glücklich mit seiner Mutter zusammen, und eines Tages heiratete er. Zuerst lebten alle drei glücklich zusammen, doch dann mochten sich die Frau und ihre Schwiegermutter einer kleinen Meinungsverschiedenheit wegen nicht mehr leiden. Die gegenseitige Abneigung wuchs, bis die Mutter schließlich das junge Paar verließ, um fortan allein zu leben.

Nachdem die Schwiegermutter weggezogen war, wurde dem jungen Paar ein Sohn geboren. Der Schwiegermutter kam ein Gerücht zu Ohren, die junge Frau habe gesagt : "Meine Schwiegermutter belästigte mich immer, und solange sie bei uns lebte, geschah nie etwas Angenehmes. Aber sobald sie fortgezogen war, geschah dieses glückliche Ereignis".

Das Gerücht erzürnte die Schwiegermutter, die darüber schimpfte : "Wenn die Mutter des Mannes aus dem Haus gejagt wird und ein glückliches Ereignis stattfindet, dann haben die Dinge ja einen hübschen Verlauf genommen. Die Gerechtigkeit scheint aus der Welt verschwunden zu sein". Dann schalt die Mutter weiter : "Nun müssen wir diese Gerechtigkeit beerdigen. "Wie eine verrückte Frau ging sie auf den Friedhof, um eine Trauerfeier abzuhalten.

Ein Gott, der von diesem Zwischenfall erfuhr, erschien vor der Frau und versuchte vergeblich, mit ihr darüber zu sprechen.

Dann sagte der Gott zu ihr : "Wenn dem so ist, so muß ich das Kind und seine Mutter verbrennen. Wird dich das zufriedenstellen ?".

Als sie dies hörte, bemerkte die Schwiegermutter ihren Fehler, entschuldigte sich für ihren Zorn und bat den Gott, das Leben des Kindes und seiner Mutter zu retten. Gleichzeitig erkannten die junge Frau und ihr Mann ihre Ungerechtigkeit der alten Frau gegenüber, und sie gingen auf den Friedhof, um die Mutter zu suchen. Der Gott

versöhnte sie miteinander, und sie lebten danach als glückliche Familie zusammen.

Gerechtigkeit geht niemals für immer verloren, es sei denn, man wirft sie selbst weg. Es mag gelegentlich den Anschein haben, als ob die Gerechtigkeit verschwindet, aber sie tut dies in der Tat nie. Hat es den Anschein, als ob sie verschwindet, so deshalb, weil man die Gerechtigkeit des eigenen Geistes verloren hat.

Sich miteinander streitende Seelen bringen oft Unheil. Einer geringfügigen Meinungsverschiedenheit kann oft großes Unglück folgen. Davor sollte man sich im Familienleben besonders hüten.

6. Im Familienleben erfordert die Beantwortung der Frage, wie man den täglichen Unterhalt bestreitet, äußerste Sorgfalt. Jedes Mitglied muß wie die fleißigen Ameisen und Bienen schwer arbeiten. Niemand darf sich auf den Fleiß der anderen verlassen oder von ihnen Nächstenliebe erwarten.

Auf der anderen Seite darf ein Mensch das, was er verdient hat, nicht völlig als sein Eigentum betrachten. Einiges davon sollte mit anderen geteilt und für eine Notsituation aufbewahrt werden. Einiges davon sollte für die Bedürfnisse der Gemeinde und der Nation beiseite gelegt und den Bedürfnissen der Lehre Buddhas geopfert werden. Man sollte immer daran denken, daß, strenggenommen, nichts auf der Welt "mein Eigentum" genannt werden kann. Was einer Person zukommt, kommt ihr aufgrund eines Zusammenspiels von Ursachen und Bedingungen zu. Man kann es nur zeitweilig behalten und darf es nicht selbstsüchtig oder zu unwürdigen Zwecken benutzen.

7. Als Syamavati, die Gemahlin des Königs Udayana, Ananda fünfhundert Gewänder schenkte, nahm er diese mit großer Befriedigung an.

Als der König davon erfuhr, verdächtigte er Ananda der Unaufrichtigkeit, so daß er zu Ananda ging und ihn fragte, was er mit diesen fünfhundert Gewändern tun wolle. Ananda erwiderte: "Oh König, viele Brüder gehen in Lumpen; ich werde die Gewänder unter den Brüdern verteilen".

"Was werdet ihr mit den alten Gewändern herstellen?"

"Wir werden aus ihnen Bettbezüge machen".

"Was werdet ihr mit den alten Bettbezügen anfangen?"

"Wir werden Kissenbezüge daraus machen".

"Was werdet ihr mit den alten Kissenbezügen machen?"

"Wir werden aus ihnen Teppiche für den Boden fertigen".

"Was werdet ihr mit den alten Teppichen anfangen?"

"Wir werden daraus Tücher zum Abtrocknen der Füße herstellen".

"Was werdet ihr mit den Tüchern machen?"

"Wir werden daraus Wischlappen anfertigen".

"Was werdet ihr mit den alten Wischlappen anfangen?"

"Oh, Hoheit, wir werden sie in Stücke reißen, sie mit Lehm mischen und damit die Hauswände verputzen".

Jeder Gegenstand, der uns anvertraut wurde, muß mit besonderer Sorgfalt gebraucht und genutzt werden, weil er nicht uns gehört, sondern nur vorübergehend in unserer Verwahrung ist.

(Fortsetzung folgt)

VOM BEGRENZTEN ZUM UNBEGRENZTEN, VON MARA ZU AMITABHA

Tür Xúng – Roland Berthold

Religionen sind Ordnungsfaktoren des spirituellen und sozialen Lebens. Sie trösten den Gläubigen in seiner existenziellen Situation, fordern die Einhaltung von Vorschriften zu einem geordneten Zusammenleben der Menschen und verheißen dem Gehorsamen Glückseligkeit nach dem Tode. Der Buddhismus setzt andere Akzente. Er lehrt nicht die Unabänderlichkeit der innerweltlichen Lebenssituation; er vertröstet nicht auf eine Seligkeit nach dem Tode; ihm geht es nicht um die Befolgung von moralischen Normen aus Gehorsam zu einer überweltlichen Macht. Schon in den ältesten Texten wird der Buddha als der große Arzt bezeichnet, der schonungslos das Wesen der Existenz aufdeckt und dann darlegt, wie die konkrete Situation bewältigt werden kann, hier und jetzt, gerade und besonders in diesem Leben.

Am Anfang seiner Diagnose der menschlichen Situation stellt der Buddha die unablässige Bewegung alles Erleb- und Denkbaren heraus.

"Ob, ihr Mönche, Vollendete erstehen oder ob Vollendete nicht erstehen: eine Tatsache bleibt es, eine feste und notwendige Bedingung des Daseins, daß alle Gebilde (sankhara) vergänglich sind. Dies erkennt und durchschaut der Vollendete, und hat er es erkannt und durchschaut, so lehrt er es, zeigt es, macht es bekannt, verkündet es, enthüllt es, legt es auseinander, macht es offenbar, daß alle Gebilde vergänglich sind". (Ang.Nik. III,134)

Mit den gleichen Worten kennzeichnet der Buddha dann die Gebilde als leidvoll und darüber hinaus alle Erscheinungen als ohne Wesenskern. Und er erklärt es (Ang.Nik. IV,182) als unbeugsames Gesetz der Natur, daß niemand, kein Asket, kein Priester oder Himmelswesen noch irgendeiner in der Welt bewirken kann, daß das, was dem Verfall unterworfen ist, nicht verfallen möge.

Im Mittelpunkt der buddhistischen Lehre stehen also Aussagen über den Menschen und seine existenzielle Situation. Ausgehend vom Schema der alt-indischen Medizin diagnostiziert der Buddha, daß die Grunderfahrung des Menschen, die letztlich all sein Handeln und Denken bestimmt, ein Ungenügen am Leben, an seinem gegenwärtigen Zustand, ist. Wir leiden an der Unbeständigkeit des Augenblicks, an der Veränderung, an Krankheit, Alter und Tod, an Unerwünschtem, an der Unfähigkeit, über das Leben wirklich zu verfügen. Denn auch die wünschenswerten Erfahrungen entziehen sich letztlich unserer Einflußnahme. Zur Klärung der Ursache dieser schmerzlichen Situation lenkt der Buddha die Aufmerksamkeit seiner Zuhörer auf den Lebensvorgang selbst. Er macht deutlich, daß ständige Bewegung und Veränderung die Kennzeichen allen Daseins sind. Nicht

einen einzigen Augenblick lang ist irgendetwas im unendlichen All sich gleich. Welten entstehen und vergehen. Unablässig ziehen die Kreisläufe der Tages- und Jahreszeiten weiter. Menschen werden geboren, altern und sterben. Wir selbst sind hiervon nicht ausgenommen. Bekanntlich identifiziert der Buddha die menschliche Persönlichkeit in fünf Aspekten (skandha) : Körperlichkeit, Empfindungen, unterscheidende Wahrnehmungen, Willenstendenzen und das koordinierende Bewußtsein. In keinem dieser Aspekte ist Beständigkeit zu entdecken. Unablässig sterben Zellen in unserem Körper ab, ständig entstehen neue. Keine Empfindung, kein Gefühl, keinen Gedanken gibt es, der sich selbst mehr als einen Augenblick lang identisch bliebe. Zwar erleben wir uns als bleibende Ich-Identität, doch bei unvoreigenommener Betrachtung ist keine Substanz zu finden, die solch eine subjektive Erfahrung begründen würde. Denn was veränderlich, vergänglich und in steter Bewegung ist, von dem kann nicht wirklich behauptet werden, es gehöre uns, besäße Substanz, sei unser Ich. Im Mittelpunkt der Lehre des Buddha steht deshalb die Aussage, daß wir uns zwar als individuelle Identität erleben, daß diese Persönlichkeit in Wirklichkeit jedoch ein lebendiger Prozeß ist, der sich in ständiger Bewegung fortsetzt. Und so wie durch Nahrung die körperliche Existenz fortgesetzt wird, so sorgt die beständige Aufnahme und Verarbeitung von Sinneseindrücken, Gefühlen und Gedanken in einem Vorgang der Bewußtwerdung für eine Fortsetzung unseres psychischen Persönlichkeitsanteils, wobei allerdings viele dieser Eindrücke vom koordinierenden Bewußtsein nicht weiter erfaßt werden und deshalb in die unbewußten Bereiche absinken, von wo sie unsere Aktionen und Reaktionen beeinflussen. So bauen wir aus dem Brennstoff der universellen Energie unseren Körper und unseren Geist. Wenn wir in der Analyse des Buddha weitergehen, dann ist die allgegenwärtige Leidenserfahrung gerade auf jenes Nicht-Annehmen der Tatsache der Vergänglichkeit alles Entstandenen zurückzuführen. Der Grund für diesen existenziellen Irrtum ist, daß wir uns als beständige Entität erleben, als eine Wesenheit, die den Lebensvorgängen fixiert gegenübersteht. Würden wir nun den Widerstand gegen die Bewegung des Lebens aufgeben, dann würden wir diese nicht länger leidvoll erfahren. Normalerweise aber wehren wir uns mit existenzieller Intensität gegen solch völlig natürliche Vorgänge wie Geburt, Alter, Krankheit und Tod, Trennung von Lieben, Vereintsein mit Unerwünschtem, kurz gesagt : gegen alle Veränderungen unseren Lebens schlechthin. Stattdessen streben wir mit alle unserem Sein nach Beständigkeit und Dauer. Immer sind wir bemüht, unsere negativen Erfahrungen in solche des Glücks umzuwandeln. Positive Erfahrungen möchten wir festhalten und bewahren. Da jedoch alles Gewordene sich letztlich unserem Willen entzieht, erfahren wir Leiden, denn wir möchten verständlicherweise das Erworbene bewahren, weil wir uns an ihm erfreuen. Wir möchte in dieser Freude ewig verharren. In jedem Augenblick läßt uns das Begehren damit ungewollt für eine Fortsetzung des Lebens wirken, erschafft unablässig unsere Welt von neuem, mit unserem Tun anhäufend, beharrend, festhaltend. Diese fortwährende Suche nach Beständigkeit hält das Rad unserer Fortdauer in Schwung.

Andererseits bietet uns aber gerade die Prozeßhaftigkeit unserer Existenz die Chance, unsere Lebenssituation in eine neue Richtung zu verändern. Denn wenn sich auch der körperliche Aspekt unserer Persönlichkeit unserer Verfügbarkeit weitgehend entzieht, so können doch deren geistige Komponenten durch unser bewußtes Eingreifen in jedem Augenblick neu strukturiert und in eine andere Richtung orientiert werden. Diese Möglichkeit zur Umorientierung ist die entscheidende Qualität des Menschseins.

Die buddhistische Lehre ist als Heilungsprozeß formuliert, denn der Große Arzt, als welcher der Buddha bezeichnet wird, begnügt sich nicht mit der Diagnose. Er bietet vielmehr auch die Heilmittel an, die aufgezeigte Krankheit an ihren Wurzeln zu packen und zu kurieren. Der Buddha hat diesen Weg in 8 Aspekten beschrieben, deren Befolgung und Beachtung die menschliche Persönlichkeit zu wandeln vermag.

Der Entschluß, diesen Weg zu gehen, setzt eine persönlichkeitsanrührende Motivation voraus (Rechte Einsicht), eine Erfahrung, die erschütternd genug ist, uns zu stimulieren, eine Veränderung unserer gegenwärtigen Haltung zum Leben anzustreben. Solange es uns gut geht, wenn wir Partnerschaft, Arbeitsplatz, Wohnraum und ausreichendes Einkommen haben, welchen Grund sollte es dann geben, eine Veränderung der Lebensumstände zu suchen ! Doch wird es eines Tages geschehen, daß diese scheinbare existenzielle Sicherheit infrage gestellt wird. Der Partner verläßt uns. Wir verlieren den Arbeitsplatz; dann können wir die Wohnung nicht mehr bezahlen. Der Wohlstand wird von Schulden abgelöst. Was ist geschehen? - Eigentlich etwas Naturgemäßes, nämlich die Veränderung von Lebensumständen. Und wie reagieren wir darauf ? Hier sind zwei Möglichkeiten denkbar. Entweder verlieren wir den Boden gänzlich unter den Füßen, verzweifeln an uns, an unserem Schicksal, an unserem Leben überhaupt, fliehen vielleicht in die Krankheit. Oder aber diese Schicksalsschläge drängen uns in eine neue Richtung, führen eine neue Orientierung des Lebens herbei. Dies wäre der Ansatzpunkt des buddhistischen Weges. Worin besteht nun dieser Erkenntnisprozeß, der uns zum Ausgangspunkt eines neuen Lebenssinnes werden könnte ?

Da hält einer, der auf diese Weise von Schicksalsschlägen getroffen wurde (die der Buddha "Götterboten" nannte), inne und bedenkt seine Lebenssituation. Er erkennt, daß Veränderung die Voraussetzung des Lebens selbst ist. Wie könnte Neues entstehen, wenn das Alte ihm nicht Platz machen würde ! Wie könnte ein Mensch erwachsen werden, wenn er die unzulängliche Reife der Jugend fixieren würde ! Wie könnte es Sonnenaufgang geben, wenn nicht zuvor Nacht gewesen wäre !

Und das Fazit dieser Überlegungen wird zweifach sein : Es mag geschehen, daß der solchermaßen Nachdenkliche einen Augenblick lang von tiefem Frieden erfüllt wird. Dann erkennt er, daß Veränderung das Merkmal allen Lebens ist, daß Veränderung, wenn wir sie annehmen, aber auch zur Wurzel innerer Stille werden kann. So wie sich das Weltmeer unablässig im Wechsel von Ebbe und Flut senkt

und hebt und doch unendlich in sich ruht, so kann auch der Mensch, der im Rhythmus lebt, grenzenlosen Frieden erfahren. Aber auch ein zweites wird er erkennen : Dieses Sich-Lösen in den unaufhörlichen, unendlichen Wechsel ist mit einem einzigen Willensakt nicht zu verwirklichen. Zu fest und statisch hat sich unsere Persönlichkeit mit alle ihren habituellen Reaktionen schon fixiert. Eine unendliche Vergangenheit hat uns so geprägt, wie wir sind : in uns verfestigt, vereinzelt, ich bewußt, selbstzentriert. Wir wollen diesen Zustand, den wir als Identität begreifen, bewahren und nehmen deshalb unablässig neue Dinge auf, eignen sie uns an. Und doch verlieren wir immer wieder das Angeeignete wie auch den Kampf um die Aneignung. Letztlich ist der Tod (mara), den die buddhistische Überlieferung als Versucher personifiziert, immer wieder Sieger; der Tod am Ende eines Lebens wie auch die vielen kleinen Tode in jedem Augenblick. Er nimmt keine Rücksicht auf unser Wollen, auf unsere Bedürfnisse. In den Gebilden ist kein fester Punkt zu finden. "Vergänglich sind alle Gebilde (sankhara). Wer das erkennt und klar versteht, der wird von allem Leiden frei. Dies ist der Weg zur Läuterung !" formuliert der Dhammapada (227). Alles Entstandene ist vergänglich. Nur das Nicht-Entstandene ist Hoffnung. Zu ihm aber führt nur ein Weg, der die Grundfesten unseres Geworden-Seins erschüttert. Es ist dies der Weg der meditativen Erneuerung, der Weg der Einordnung in den Wandel und dessen bewußte Annahme.

Solch ein meditativer Weg im Sinne der Buddhalehre aber erfordert den Einsatz des Lebens selbst. Die Phasen intensiven Bemühens in meditativen Übungen sind dabei nur die Schienen, zwischen denen sich das Leben bewegt. Dieser Weg der Verwandlung ist nur in einem geordneten Leben möglich. Was darunter zu verstehen ist, hat der Buddha in den fünf silas deutlich gemacht. Die sieben "Glieder der Erleuchtung" (sambodhyanga) fassen die die Anweisungen des Buddha zu einem neuen Leben zusammen :

1. Ständiges Gegenwärtighalten (smṛti) der eigenen Situation wie auch des angestrebten Zieles, anschaulich gemacht in der Gestalt der Buddha.
2. Eindringen in den Dharma (dharmavicaya), die unablässige Beschäftigung mit dem Dharma, und seine Anwendung in allen konkreten Lebenssituationen.
3. Tatkraft (virya), das unablässige Streben gemäß der letzten Mahnung des Buddha : "Strebet ohne Unterlaß !".
4. Freude (prīti), aus der vorhergehenden Phase resultierende innere Verzückerung und Begeisterung, das Erfülltsein vom Geiste.
5. Innere Stille (prasrabhi), in welche die Freude mündet, die Heiterkeit des Herzens. Sie führt zur
6. Einspitzigkeit in der Meditation (samadhi), zur Bündelung des Lebens auf dem Weg zur Leidfreiheit.
7. Daraus schließlich resultierend Gleichmut, Unerschütterlichkeit (upekṣa), der Friede des Nirvana.

Diese sieben Glieder der Erleuchtung können in Übung und Frucht gegliedert werden : Durch Klarbewußtheit über unsere Situation und Anwendung der Buddhalehre auf diese sowie durch Orientierung auf das Ziel erfahren wir Freude, innere Stille, Vertiefung und Unerschütterlichkeit.

Wie der Buddha aufgezeigt hat, ist die Unwissenheit über die Wirklichkeit und die tatsächliche Beschaffenheit der Dinge die Ursache dafür, daß wir ständig Kräfte aktivieren, welche unablässig erneut Bewußtsein bilden, das wiederum in Unwissenheit verharrt. Die Bündelung des Bewußtseins und seine Neuorientierung sind daher auch der Ansatzpunkt für eine Verwandlung der ständig bewegten und fließenden Bildekräfte bzw. der sie steuernden geistigen Impulse in Qualitäten des Erleuchtungsprozesses. Diese Fokalisierung geschieht im meditativen Ablauf und sie verlangt dabei ein Objekt, das ebenso dynamisch sein muß wie das übende Subjekt und wie das Leben selbst, würde es doch anderenfalls den Meditierenden zu geistiger Erstarrung führen. Der Fokus der Meditation ist damit eigentlich eine Idee, eine Vorstellung im wirklichen Sinne des Wortes, die sich im Maße unserer inneren Veränderung ebenso verwandelt wie wir selbst. Konkret : Da sie Teil von uns ist, nämlich Projektion des Bewußtseins, und Anteil hat an unseren Bewußtseinsinhalten, hat sie auch an unserer Veränderung und Bewegung teil. Abstrakte, "zeitlose" Wahrheiten haben letztlich keine Bedeutung für den in der Zeit lebenden Menschen, der Vergangenheit und Zukunft von seiner Gegenwart aus bewertet und bestimmt. Eine bloß abstrakte Kenntnisnahme der Lebenswirklichkeit reicht nicht aus, Impulse für eine Neuorientierung unseres Lebens zu geben. Vielmehr sind lebendige Bilder und Vorbilder erforderlich, unsere inneren Bewegungen und Aufbrüche zu inspirieren. Das Ziel muß gesamtpersonal erfüllt werden. Während Gedanken Einengung, Abgrenzung, Festschreibung und Fixierung bringen, lassen Bilder und Vorbilder der schöpferischen Erfahrung freien Raum. Gedanken haben häufig eine festgelegte Weltanschauung, ein Dogma, zur Folge, determinieren ein Ergebnis. Die Begegnung mit dem Bild jedoch, das wir schöpferisch weitermalen, läßt alle Entfaltungsmöglichkeiten offen. Es regt die Phantasie und die Fülle der Erlebnismöglichkeiten an, ohne dabei ein Ergebnis vorwegzunehmen. Innere Bilder wandeln sich ständig, entziehen sich der Fixierung, passen sich vor allem aber ständig unseren neu gewonnen Erfahrungen an.

Solche Überlegungen führen uns zum Verständnis vieler meditativer Entwicklungen im Buddhismus, an deren Anfang dereinst das lebendige Erlebnis des Buddha stand. Die Begegnung mit ihm vermittelte seinen unmittelbaren Schülern die notwendige Inspiration, das höchste Ziel noch in ihrem Leben zu verwirklichen.

"Die Nähe des guten Lehrers gibt uns ein, was wir im Grunde wollen, und sie befähigt uns, wir selbst zu sein. Daher lebt uns das edle Vorbild tief im Herzen, weil wir an ihm erahnen, was wir fähig sind". (Ernst Jünger, Auf den Marmorklippen, TB-Ed. 1982, p.67).

Zwar können Lehrreden und Kommentare uns den Boden zur Einsicht vorbereiten und Anweisungen zu einem Leben

der Innerlichkeit vermitteln. Was uns jedoch wirklich zu tragen vermag, ist das strahlende Vorbild von Menschen, die wie wir einstmalig ein Ungenügen an der existenziellen Situation gefunden haben, die selbst den Weg gegangen sind, die sich wie wir aber auch immer wieder den Bedrohungen ihrer eigenen unbewältigten karmischen Vergangenheit ausgesetzt sahen. Ihr Sieg ist uns Ansporn, ihre Nachfolge zu wagen. Ihr lebendiges Beispiel ist uns Trost in der zeitweiligen Niederlage, Hilfe in der Verzweiflung, Inspiration in den Stunden spirituellen Wachstums. In der Übung vieler Generationen wandelten sich Gestalt und Erscheinungsform des Buddhahabildes entsprechend den sich wandelnden spirituellen Erfahrungen. Akzente wurden verschoben und neugesetzt. Der Buddha war als wirkliches (d.h. wirkendes) Symbol der Horizont, auf den sich seine Schüler in bewegten. Und wie sich der Horizont ständig erweitert, je mehr wir uns in seine Richtung bewegen, um so mehr weitet sich auch der Radius unserer spirituellen Dimensionen, wenn wir auf den Buddha zugehen. Die Zufluchtsformel formuliert es eindeutig: "Ich gehe zum Buddha um Zuflucht!". Nur im Gehen finden wir Hoffnung und Hilfe. Dabei wird noch ein anderes sichtbar. Je weiter wir zu ihm, unserem spirituellen Horizont, an dem sich Welt und vollkommene Befreiung berühren, voranschreiten, um so mehr Eindrücke und Erfahrungen werden wir aufnehmen, die uns, wenn wir uns ihnen öffnen, bereichern, durchdringen und verwandeln. Und jede Erfahrung, die wir im Leben machen, mag sie uns auch noch so unbedeutend erscheinen, prägt ja die Tendenz unseres Lebensprozesses und gestaltet damit unsere Zukunft.

"Vom Geiste gehen die Dinge (dharma) aus, sind geistgeboren, geistgefügt", so beginnt der Dhammapada. Was wir denken, das erfüllt und prägt uns. Denken wir an einen Feind, dann erfüllt uns augenblicklich Haß. Denken wir an ein Sexualobjekt, dann überkommt uns Begehren. Denken wir dagegen an den Buddha, dann erfüllt Friede unser Herz. Dabei wird aber auch deutlich, daß von den das Denken steuernden Faktoren der Wille nur einer und nicht immer der stärkste ist. Nur allzu häufig sind die Sinneseindrücke stärker als die willentlichen Entschlüsse. Fast automatisch rufen liebliche Eindrücke Gefühle des Begehrens und häßliche solche des Abscheus hervor. Im Verlaufe unseres geistigen Weges muß er also darum gehen, dem überwältigtwerden durch Sinnesreize immer häufiger willentliche Impulse zum Heilsamen entgegenzusetzen, Akte des Aufmerkens, um auf diese Weise die alten Gewohnheiten durch neue Kreativität zu ersetzen. Denn das Denken wirkt ja nicht nur in unseren augenblicklichen Geisteszustand hinein, sondern konditioniert auch unsere Zukunft. Lassen wir unheilsame Gedanken zu, dann werden die Folgen entsprechend sein. Denken und handeln wir zum Wohle Anderer, dann wird sich unser Charakter entsprechend formen. Doch es gibt noch eine dritte Form von Karma, nämlich jenes Wirken, das uns endgültig aus dem Griff des Begehrens löst, der Weg zur Befreiung durch die meditative Umgestaltung unseres Wesens, die bewußte Impulssetzung durch ausgewählte Sinneseindrücke. Dies ist der Weg des Buddha-Gedenkens (buddhanusmrti), der Vergegenwärtigung des Buddha.

Wenn wir davon ausgehen, daß jenes, was wir bewußt denken und schauen, unser Bewußtsein und damit unser Wesen prägt und verwandelt, dann sind gewiß jene spirituellen Methoden besonders wirksam, welche die in der Gestalt des Buddha sichtbare Erleuchtung zum unmittelbaren Übungsobjekt haben. Bilden wir unser Bewußtseinskontinuum mit samsarischen Kräften und Eindrücken und binden wir uns an diese, dann verbleiben wir in der Welt, denn Kräfte realisieren sich stets dort, wo es den geringsten Widerstand gibt. Nähren wir unser Kontinuum dagegen mit den prägenden und steuernden Bildern des Außerweltlichen, dann werden diese Kräfte längerfristig bestimmend und reißen im Verlaufe unseres spirituellen Wachstums immer mehr von den wohlgefühten Mauern des "Hauses" (Dhp. 154) unserer Vereinzelung nieder. So ist das Denken Nahrungsaufnahme für den Geist, wie Essen und Trinken für den Körper.

Mit welchen Bildekräften wir unserer Kontinuum, unsere Persönlichkeit aufbauen, hängt ausschließlich von unserer eigenen Entscheidung ab. Liefern wir uns den Sinnen aus, dann binden wir uns entsprechend diesen Einflüssen an die Welt. Denken wir dagegen an den Buddha, speisen wir seinen "Eindruck" in unserer Bewußtseinskontinuum ein, nehmen wir ihn gewissermaßen als spirituelle Nahrung auf und öffnen wir uns andererseits damit dem Fluß seiner Verdienste, dann führt uns dies aus der Gebundenheit zur Freiheit. Begehren und Ablehnung, die aus der Verblendung geboren sind, engen unser Blickfeld ein, grenzen uns ab, vereinzeln und vereinsamen uns. Die Erinnerung und Vergegenwärtigung des Buddha dagegen macht uns innerlich frei, weil der Buddha frei geworden ist. Sein Bild, das die Fülle seiner Erfahrungen und Durchbrüche zur Freiheit zeichnerhaft zusammenfaßt, ruft ins uns eine entsprechende Dimension hervor. Nicht der ständige, schier aussichtslose Kampf mit unseren seit anfangloser Zeit erworbenen Eigenschaften und Mängeln, sondern die Tendenzwende in eine neue Richtung kennzeichnet den Weg des Mahayana. Gerade weil unser Geist Bewegung ist, können wir seine Richtung ständig neu bestimmen. Es gibt keinen dauerhaften Fall, aber auch keinen dauerhaften Aufstieg in der Welt. Bewegung und Wechsel sind Merkmale des Samsara. Der Weg des Buddha führt aus der Gebundenheit der Welt hinaus in eine uns noch unvorstellbare Freiheit. Auf diesem Weg werden alle Kräfte und Tendenzen des Heilsamen immer intensiver gebündelt, bis es irgendwann einmal zu jener Kernexplosion kommt, in deren Sog alle Erstarrung in eine neue Dimension des Energetischen aufgelöst wird, welche sich der Beschreibung in Begriffen entzieht. Wenn wir nun nach dem Verbleib der in jener Kernexplosion freigewordenen Energie fragen, dann zeigt uns die traditionelle ikonographische Darstellung des tausendarmigen Avalokitesvara die Antwort. In die Grenzenlosigkeit des Lebens sich verströmend nimmt der Befreite Anteil an allen Wesen. Den Erleuchteten mißt kein Maß mehr, wie es im Pali-Kanon (SN 1076) heißt. Reine Weisheit und reines Mitempfinden lassen sich nicht mehr begrenzen, ein- oder zuordnen. Doch im Erleuchteten werden sie anschaulich. Und wir werden sie umso intensiver an ihm und in ihm wahrnehmen, je ähnlicher wir ihm werden.

Es hat im Verlaufe der buddhistischen Geistesgeschichte vielfältige methodische Anleitungen gegeben, durch die Hinwendung zum Buddha bzw. zu seinen Dimensionen das Bewußtsein zu wandeln. Die Schule des Lauteren Landes und das historisch etwas spätere Vajrayana sind gewiß die bekanntesten unter ihnen. Dabei ist die innere Verwandtschaft beider Übungstraditionen trotz vordergründiger Unterschiede augenfällig.

Immer wieder wird, wenn die Anatta-Lehre des Buddha dargelegt wird, ängstlich gefragt, wer denn, wenn es kein beharrendes Selbst gibt, den Frieden Nirvanas erfahre. Die Frage beruht auf einem falschen Denkansatz. Der Mensch bekommt es mit der Angst zu tun, wenn er sein Erworbenes (materieller und spiritueller Art) aufgeben soll. Und dies, obwohl er eigentlich zugeben müßte, daß gerade das Verharren im Erworbenen die Quelle allen Leidens ist. Alle Sankharas sind veränderlich und leidvoll. Alle Dharmas, also auch das Nirvana, sind Nicht-Ich. Wie sollte Nirvana da von irgend "jemandem" erfahren werden ! Nirvana ist Erfahrung, gleichwie Leiden Erfahrung ist. Wer aber leidet? Wer erfährt Nirvana ? Es gibt darauf nur eine Antwort : Leiden wird erfahren, Leidfreiheit wird erfahren. Und doch wird weiter gefragt, wer denn dies erfahre. Ein Wesen in seiner Körperlichkeit, in seinen Empfindungen, Wahrnehmungen, mit seinen geistigen Prozessen und in seinem Bewußtsein. Solch ein Wesen ist der Weltmensch, solch ein Wesen ist aber auch der Erleuchtete. Das Vajrayana macht das in dem Mandala der fünf Tathagatas, welches die gewandelten Skandhas eines Erleuchteten bildhaft darstellt, anschaulich. Aus der zentripetalen, isolierenden Bewegung der Ich-Bildung ist durch die Schau der Verwobenheit aller Dinge die zentrifugale, integrative Bewegung des allumfassenden Mitleids geworden. Das buddhistische Heilsziel besteht nicht darin, daß ein Bestehendes durch ein Neues ersetzt wird. Vielmehr ist Erleuchtung die Orientierung von Bewegung in eine neue Richtung.

In dem erwähnten Mandala wird die gewandelte Wahrnehmung, jener Sektor unseres fünffachen Bewußtwerdungsprozesses, von welchem aus wir am einfachsten in das Ichbildungsgeschehen einwirken können, durch den Buddha Amitabha dargestellt. Was wir wahrnehmen, das nehmen wir für wahr als unsere Welt, und rückwirkend bildet es unsere Persönlichkeit. Vielleicht ist die Heilsgestalt dieses Buddha deshalb der für den heutigen Menschen besonders geeignete Fokus meditativen Bemühens. Die meditative Orientierung auf den historischen Buddha könnte uns zu einer Festschreibung spiritueller Werte verleiten, denn er ist geschichtlich, und in seiner Persönlichkeit wie in seiner Aussage zu dokumentieren. Deshalb lehrt uns unsere Tradition die Zufluchtnahme zu dem Buddha Amitabha, der vor unvorstellbar langer Zeit durch seinen eigenen Heilsweg eine Sphäre der Belehrung und unbehinderten Übung, das Lautere Land im Westen, um sich geschaffen hat, in welche alle Wesen geboren werden können, die ihr Herz dorthin wenden. Das Bild des Buddha Amitabha entzieht sich aller Fixierung, Einengung und endgültigen Konkretisierung. Der Bericht über diesen Buddha zeigt eine Richtung an, einen Horizont geistiger Erfahrung, der sich im Maße des

Wachstums des Meditierenden erweitern und verändern wird. Dabei ist jedoch die Inspiration, die durch das Vorbild des Buddha in uns geweckt wird, nur ein Aspekt des Weges. Ihr entspricht die hingebungsvolle Bereitschaft des Buddha Amitabha, uns mit der Fülle seiner Verdienste und Verwirklichungen in unserer Leidenssituation konkret zu helfen. Der übende der Schule des Lauteren Landes läßt sich von der Botschaft des kalpa-langen Strebens des Bodhisattva Dharmakara berühren, so daß sich sein Herz öffnet. Dadurch hat der Buddha Amitabha die Möglichkeit sein Erbarmen zu verwirklichen. Amitabha heißt: "Unendliches Licht". Wo gäbe es Erscheinungen (sankhara), ohne daß sie durch Licht sichtbar würden ! Amitabhas Lauteres Land im Westen, also der Bereich seiner Lehrtätigkeit, seines Bewußtseins, wird als lichthaft beschrieben. d.h. alle Objekte in ihm offenbaren ihre Transparenz, ihre Leerheit von aller Erstarrung. Nach dem Bericht der Sutras hat Buddha Amitabha vor unausdenkbaren Zeiten Erleuchtung erlangt. Unablässig wachsen ihm aufgrund seiner Gelübde die Wesen zu. Sein Land ist unendlich weit von hier entfernt, und doch ist es dem Geöffneten unmittelbar nahe. Das Aufgeben des Fixierten, das Fallenlassen in die Bewegung des Lebens, und doch in dieser innere Stille zu finden, das ist der Weg zu ihm.

Und je mehr wir diese Bewegung an uns erfahren, umso mehr wird sich uns auch diejenige aller anderen Wesen offenbaren. Je deutlicher wir unsere Bedingtheit erleben, umso mehr werden uns auch die Probleme und öngste unserer Mitwesen nachvollziehbar. Wir beginnen mitzuleiden, uns mitzufreuen. Das ist der Weg des Bodhisattva, des wirklichen Nachfolgers des Buddha. Dieser Weg ist kein Weg der Verweigerung oder der Abwendung von der Welt, sondern ein tieferes Eintauchen in das Leben, eine Öffnung für die Werte des Menschseins, welche vom Standpunkt des Weltmenschen als ein Weg in die Transzendenz erscheint, in Wirklichkeit aber die volle Entfaltung des Menschseins hier und jetzt bedeutet. Wir leben in dieser Welt. Wir haben sie anzunehmen und lebenswerter zu machen, alles in ihr als Hinweis auf das nach dem Tode zu erreichende Lautere Land zu erleben. Wer den buddhistischen Weg als Flucht vor den Anforderungen des Lebens begreift, der hat den Buddha nicht verstanden. So wird im Verlaufe unserer Pilgerschaft zur Wirklichkeit unseres Lebens unser ganzes spirituelles Bemühen einem Lauteren Land ähnlich, das einen immer weiteren Horizont umfaßt und in dem alle Werte zu integraler Harmonie gelangen. Durch die Zufluchtnahme zu den Drei Kostbarkeiten haben wir seinerzeit unsere Lebensmitte im Erleuchtungsprinzip gefunden, das wir nun im Buddha Amitabha ständig unmittelbar erleben. Und durch das unablässige Denken an ihn offenbart dieses Licht durch seine Brechung in die Fülle der Farben im Diamanten, zu dem wir dann allmählich werden, die innere Schönheit dieser Welt. In der Stunde unseres Todes aber werden wir endgültig zur direkten Schülerschaft des Buddha Amitabha hingeboren. Und so wird uns dereinst der Tod Vollendung unseres Lebens werden.

• TU XUNG Roland Berthold

Buddhistische Aktivitäten in Deutschland

Tagung des Leiterrausschusses (LAS) der Jungbuddhisten Familien (Jubfa) in der BRDeutschland.

Vom 24. bis 25. Februar 1990 sind die LAS-Mitglieder der Jubfa in der BRDeutschland in der VIEN GIAC Pagode zusammengekommen, um folgende Schwerpunkte zu besprechen :

- 1) Feststellung der LAS-Arbeiten,
- 2) Umsetzung der LAS-Mitglieder, und
- 3) Aktivitäten der Bundes-Jubfa im Jahr 1990.

Zu Punkt 2 erfuhren wir die LAS-Vorstände wie folgt :
LAS-Leiter : Herr Thi Loc Vo van Mai (Norddeich);
Stellvertretende des LAS-Leiters : Herr Tam Cu Truong Ton Chau (Gießen) - auch er übernimmt das Amt der Aussenangelegenheiten; für Innenangelegenheiten : Herr Thi Chon Ngo Ngoc Diep (Hannover); Schriftführerin und Kassenwärtin : Frau Tam Bach Tran Nguyen Huyen Dan (Berlin).

Die Kontaktadresse des LAS der Jubfa in der BRDeutschland ist die der VIEN GIAC Pagode in Hannover.

Andachten

* *Saarland* - Am 10.3.1990, veranstaltete der Ortsverein der VBVF (Vereinigung der Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der BRD e.V.) aus Saarland dessen Umgebung eine jährlich regelmäßige Andacht für dessen Mitglieder und Freunde des Ortsvereins. Als Vertreter vom Ehrw. Thich Nhu Dien leitete Ehrw. Thich Nguyen Hoi aus der VIEN GIAC Pagode in Hannover diese religiöse Veranstaltung, in Begleitung des Novizen Thien Tin. Die Unterweisung der Buddhalere vom Ehrw. Thich Nguyen Hoi folgte nach der Rezitation des Avalokitesvarasutras. Etwa 50 Laien und Freunde des Ortsvereins haben an dieser Andacht in Trier teilgenommen.

* *Münster* - Der Ortsverein der VBVF aus Münster veranstaltete eine Friedens-Andacht für dessen Mitglieder und Freunde des Ortsvereins aus der Umgebung. Am 17. März fand diese Andacht unter der Leitung von Ehrw. Nonne Thich Nu Dieu Tam, Abtin der Nonnen-Pagode BAO QUANG in Hamburg, statt. Die Andacht begann um 14 Uhr 30. Nach der Zeremonie Ehrw. Nonne den tiefen Sinn des "Maha-Prajna-Paramita" Sutras für die Anwesenden dargelegt. Dieses Sutra gehört zu eine der Schulungen des Mahajana-Buddhismus. Außerdem haben die Anwesenden ein Video-Film über den Kulturabend anlässlich des in Hamburg im Jahr 1989 veranstalteten Ullambana-Festes gesehen.

Diese religiöse Veranstaltung endete mit einem vegetarischen Mahl.

* *Mannheim* - Obwohl es bis heute in Mannheim noch keinen Ortsverein der VBVF gibt, veranstalteten die dort lebenden vietn. Studenten und Laien eine Andacht um die Buddhalehre zu vernehmen und dann zu praktizieren. Unter der Leitung von Ehrw. Thich Nhu Dien und Ehrw. Thich Nguyen Hoi fand diese am 24. März statt. Nach der

Zeremonie folgte die Buddhalehre-Unterweisung über "die vier Edlen Wahrheiten" vom Ehrw. Thich Nguyên Hoi und nach dem Mittagessen die Unterweisung vom Ehrw. Thich Nhu Dien über "Zen und das tägliche Leben". Die Einnahme aus dem Verkauf von vegetarischen Spezialitäten wurde zu Gunsten des Bauens der "Lotus" - Begegnungsstätte in Hannover gespendet.

* *Reutlingen* - Am 31. März fand zum ersten Mal in diesem Jahr eine buddhistische Andacht in der Kirche Orschel-Hagen in Reutlingen statt. Diese wurde von dem Ortsverein der VBVF aus Reutlingen und deren Umgebung für ihre Mitglieder und Freunde des Ortsvereins veranstaltet und von Ehrw. Thich Nhu Dien und Thich Nguyen Hoi aus Hannover geleitet. Besonders war die Zufluchtsnahme - Zeremonie für 6 vietnamesische Laien. Etwa 200 Amwesende waren bei dieser Veranstaltung. Nach der Andacht folgte die Versammlung des Ortsvereins und ein Besuch zu 2 Aufnahmelagern für die aus der DDR geflüchteten Vietnamflüchtlinge in Reutlingen und Tübingen.

* *Fürth-Erlangen-Nürnberg* - Seit Dezember 1989 hat dieser Ortsverein den aus der DDR kommenden Vietnamflüchtlingen geholfen. Diese Arbeit ist sehr lobenswert. Am 8. April 1990 fand eine regelmäßige Andacht für ihre Mitglieder und Freunde des Ortsvereins, unter der Leitung von Ehrw. Thich Nhu Dien und Thich Nguyen Hoi, statt. Nach der Andacht, der Unterweisung der Buddhalehre über "die 10 beherzigen Regeln der Sadmadhi-Abhandlung" vom Ehrw. Thich Nguyen Hoi und dem vegetarischen Mahl haben die DDR-Vietnamflüchtlinge einen Vortrag über "die rechtliche und sachliche Betreuung und Beratung für ausländische Asylsuchende in der BRDeutschland" vom Buddhisten Thi Chon Ngo Ngoc Diep, Leiter des Vietnamesisch-Buddhistischen Sozio-Kultur-Zentrums in der BRDeutschland, vernommen.

* *Berlin* - Berlin ist das Tor des Fluchtweges für die aus der DDR kommenden Vietnamflüchtlinge. Unter Leitung vom Buddhist Truc Ngo Pham Ngoc Danh haben der Ortsverein der VBVF aus Berlin und dessen Jubfa Chanh Niem ihren Landsleuten aus der DDR geholfen. Vom 21. bis 22. April 1990 fand eine Atthanga-Sila-übung in der Buddhasstätte Linh Thuu in Berlin statt, unter Leitung von Ehrw. Thich Nhu Dien und Ehrw. Thich Nguyen Hoi. Viele Laien und Freunde des Ortsvereins haben an der öffentlichen Andacht teilgenommen.

* *Neujahrsfeier in Freiburg* - Am Samstag, den 10. März 1990, haben die Vereinigung der Vietnamflüchtlinge und der Ortsverein der VBVF aus Freiburg einen Kulturabend zum Anlaß der Neujahrsfeier - Jahr des Pferdes/1990 - veranstaltet. Die Einnahmen dieser Veranstaltung hat die Feierorganisation an die VIEN GIAC Pagode in Hannover für die Errichtung der "Lotus" - Begegnungsstätte gespendet. Etwa 500 Freunde haben an dieser Veranstaltung teilgenommen.

Das Richtfest der "Lotus" - Begegnungsstätte.

Diese höchste Feierlichkeit fand, vom 9 Uhr bis 11 Uhr, am 18. Mai 1990 in Hannover statt.

Đấu Tranh Bằng Nguyên Cầu

Thích Mãn Giác



*Trích Tạp Chí Phật Giáo - Tiếng nói Phật Giáo Việt Nam
tại Hải Ngoại - Phát hành tại Mỹ - Số 71- 1.90*

Tùy duyên, tùy phương tiện người Phật tử có thể dẫn thân vào đường thế trị bằng nhiều cách, nhiều ngõ khác nhau. Nhưng mục tiêu dẫn thân thì trước sau vẫn là một: giải thoát, và cách thế giác ngộ thì trước sau vẫn là một: khai ngộ kẻ khác để cùng giác ngộ với kẻ khác. Nguyên tắc này gắn liền người Phật tử với đồng loại, đồng bào, luôn luôn nhắc nhở người Phật tử nghĩ đến những nhu cầu tâm linh cũng như thực tiễn của dân tộc và đất nước.

Vì nghĩ rằng đồ tể một phút buông dao cũng có thể thành Phật, và đảng khác tất cả chế độ chính trị đều chỉ là giả tạm và phiến diện nên người Phật tử không tất yếu chấp trụ vào một chánh kiến, một định chế nào trong nguyên ước và cố gắng tranh đấu, xây dựng và bảo vệ hạnh phúc vừa cho bản thân, vừa cho đồng loại đồng bào. Nhưng cũng bởi vì tự giác nhi giác tha là mục tiêu thành đạt tối hậu cho nên người Phật tử cũng không thể hợp tác, hòa đồng hay thỏa hiệp với cá nhân, đoàn thể hay định chế nào có chủ trương hành động ngăn trở hay đi ngược con đường giác ngộ mà căn bản là Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo và Lục Hòa.

Người Phật tử không coi ai là kẻ thù, người Phật tử chỉ có bạn, và chỉ mong có bạn. Cả những người chưa phải là bạn hay không muốn là bạn thì cũng vẫn là bạn của người Phật tử, vẫn được chia hưởng những công đức mà người Phật tử đã hồi hướng khi làm được một việc phước đức. Những chủ trương hành động xem Phật Giáo như kẻ thù vốn là chủ trương hành động phát xuất từ vô minh tham dục. Từ ngày nền đô hộ Pháp cáo chung và đất nước bị chia đôi cho đến bây giờ, Việt Nam có đến ba chế độ. Dưới cả ba chế độ đó Phật Giáo đều là nạn nhân của những hành động chính trị vô minh tham dục.

Phản ứng cố hữu của người Phật tử trước sau vẫn là cầu nguyện ở tư gia, trong Chùa, ngoài đường phố, nơi công trường, trong nhà tù, nơi tha phương lưu đày. Cầu nguyện tự thức tỉnh và thức tỉnh kẻ đang gây điều bất công cho mình. Và lời cầu nguyện cao cả tối hậu là hy sinh chính tự bản thân để thức tỉnh bạo quyền bạo lực. Ngoài mục tiêu và phương tiện đó ra, người Phật tử khó mà chọn một con đường nào khác. Bởi vì được cả nước mà mất chính mình thì cũng vô lý như hại cả nước mà lợi cho chính mình vậy. Truyền thống đấu tranh bằng nguyện cầu này vẫn tiếp diễn.

Người Phật tử lưu vong đang sống trong những xã hội có những điều kiện tâm linh và vật chất để mọi người có thể thực hiện một đời sống an lành no đủ tùy mức cảnh giác, tùy khả năng và nỗ lực của chính mình. Nếu thân phận lưu vong không phải là lý do để quên hiện tại cũng như nỗi ám yên lạnh trong hiện tại cũng không phải là lý do để quên quá khứ thì nuôi dưỡng hận thù với quá khứ hoặc nuôi dưỡng cuồng vọng không tưởng vào tương lai là những điều cần được cảnh giác và chấn chỉnh. Sống với và sống cho một triệu người lưu vong mất nước là điều đã quý, cảm thương lo lắng cho số phận của hơn sáu mươi triệu đồng bào tại quê nhà là điều quý hơn. Ân cần giúp đỡ lo lắng cho trăm ngàn người đang kẹt trong các trại Tỵ Nạn là điều quý. Giúp đỡ lo lắng cho ngừng người còn kẹt tại quê nhà là điều quý hơn. Bởi ít ra đây cũng là những kẻ hoặc đã hoàn toàn bất lực vì bị vứt bỏ lại, hoặc đã cam tâm ở lại mặc cho gió bão dập vùi. Họ cũng giống như nạn nhân đang quần quai đau đớn vì bị tên bắn, và giúp họ rút tên ra là điều cần thiết hơn nghĩ đến chuyện truy tầm trừng trị thủ phạm bắn tên. Thấp cho họ một ngọn đèn còn hơn là hận thù nguyện rửa bóng tối đang phủ trùm lên họ. Cái khôn của người xưa đã dạy như thế.

Sinh hoạt của người Phật tử lưu vong, tại gia cũng như xuất gia, là một sinh hoạt đòi hỏi nhiều định tâm, tri chú và nỗ lực. Hoàn cảnh vật chất vừa dễ dàng vừa khấp khểnh có thể là một quyến rũ sa đọa an nghỉ, nhưng đồng thời cũng là một thách thức để đi tới, vươn lên. Có người đã đi tới, đi xa hơn lần mức họ nghĩ mình có thể đạt được. Cũng có người đã ngã gục dễ dàng nhanh chóng hơn là họ nghĩ có thể tránh được. Khuyến khích, hỗ trợ những người đang đi tới, nâng đỡ dịu dặt những người đang sa ngã là nhiệm vụ của Giáo Hội lưu vong. Đó là nhiệm vụ hàng đầu, và đương nhiên không phải là nhiệm vụ duy nhất. Bởi Giáo Hội lưu vong còn có nhiệm vụ với Giáo Hội ở quê nhà nữa.

Trong cố gắng theo đuổi và chu toàn nhiệm vụ đó, một số công việc ưu tiên cần được thảo luận và quyết định như chương trình huấn luyện Tăng, Ni và đào tạo Tăng tài, phương thức tập hợp và hướng dẫn Phật tử tu học, xây dựng và phát triển các cơ sở và phương tiện hoằng pháp, phương thức mở rộng phạm vi hoằng hóa vào các thành phần sắc tộc khác, các sinh hoạt Phật sự nhằm vào sự sống còn, tồn tại và phát triển của Giáo Hội ở quê nhà... Tùy duyên, và phương tiện Phật tử tại gia cũng như xuất gia, có thể tiến hành tham gia các Phật sự đó

bằng nhiều cách khác nhau, như là các Phật sự liên hệ đến Giáo Hội ở quê nhà. Tuy đây là những Phật sự mật thiết liên quan đến quá trình chính trị, chính kiến và những dự ước riêng của Phật tử về tương lai xứ sở và dân tộc, nhưng chức năng của Giáo Hội trước sau vẫn là theo dõi, hỗ trợ hay thức tỉnh chứ không thể trực tiếp ảnh hưởng hay áp lực. Giáo Hội chỉ có thể chỉ mặt trăng, Giáo Hội không thể đòi hỏi Phật tử nhìn vào ngón tay của Giáo Hội.

Giáo Hội đứng ra ngoài và đứng trên các chiều hướng thế trị chẳng phải vì nhu nhược, vô trách nhiệm hay thủ đoạn nhưng là vì đó là điều kiện tất yếu để thực hiện mục tiêu tối hậu cho nhân sinh. Mục tiêu đó là tự do tâm linh. Thật vậy, chính trị thường xoay quanh những chủ đề, những chính nghĩa như độc lập, dân chủ, tự do, hạnh phúc. Nhưng độc lập nào bằng độc lập với những ràng buộc đã làm cho con người khốn đốn, sa đọa? Dân chủ nào bằng sự tôn trọng tự do của người khác? Tự do nào bằng thoát khỏi vòng cương tỏa của cuộc đời? Hạnh phúc nào bằng sự được hưởng độc lập, tự do, dân chủ theo ý nghĩa vừa nói? Và quả thật, chỉ có tín mới có thể vạch đường thực hiện hạnh phúc đó. Độc lập, tự do, dân chủ chính trị nhiều khi đã trở thành nếu không phải là những lý do kèm kẹp áp bức bởi lợi dụng thì cũng màn khói che đậy những hành vi tham dục giáo hoạt vị kỷ bệ phái. Hành động chính trị chân chính nếu có thành công thì cũng chỉ giúp con người lướt thắng được những khổ đau tạm thời cục bộ chứ không thể giải thoát con người khỏi nỗi khổ cùng cực gắn liền với sinh lão bệnh tử. Chỉ có tín ngưỡng mới thực hiện được cuộc giải phóng toàn diện đó. Cho nên định chế chính trị hay chế độ tốt chính là định chế hay chế độ không những không đi ngược lại mà còn tiếp tay với tín ngưỡng trong công cuộc giải phóng toàn diện đó vậy.

Trên danh nghĩa, đất nước đã thống nhất và độc lập mười lăm năm rồi nhưng hạnh phúc, tự do, dân chủ thì vẫn còn xa vời, ngay cả - như là - hạnh phúc, tự do, dân chủ chính trị vốn phiến diện và giả tạm. Và quả thực làm thế nào mà có được ngay cả hạnh phúc, tự do, dân chủ tối thiểu đó khi mà dân chúng không được tự do bày tỏ nguyện vọng bằng lá phiếu, khi mà quyền tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do hội họp, tự do thờ phụng đều bị xem là lạc hậu và phản động, khi mà công an mật vụ có quyền tiền trạm hậu tẩu mà chẳng bị theo dõi kiểm soát ngay cả bằng cách gián tiếp qua quốc hội, khi mà đảng, chính quyền và nhân dân chỉ là một, tuyệt đối một? Suy nghĩ như thế nào, phản ứng như thế nào, hành động như thế nào để thực hiện hạnh phúc, tự do, dân chủ tối thiểu đó tùy cơ duyên, khả năng và tâm nguyện của Phật tử ngoài nước cũng như trong nước, ngoài chính quyền cũng như trong chính quyền quý hồ là những suy nghĩ, phản ứng, hành động đó không đi ngược nguyên lý giải thoát của Phật Giáo. Riêng đối với Giáo Hội thì nỗ lực cấp thiết hiện nay là tập chú vào cái điếm căn bản là như quyền tự do hành đạo mà cụ thể là quyền tự do tuyển luyện tăng tài, hành lễ, phổ biến kinh sách; thử hỏi các cơ sở của Giáo Hội như Tự Viện, Hội Quán, trường học;

vận động tự do cho các Tăng, Ni Phật tử đang bị giam cầm lưu đày quản thúc.

Giáo Hội không chủ trương cạnh tranh quyền lực chính trị kinh tế xã hội với bất cứ ai nhưng Giáo Hội cũng không thể tự hủy thiên chức, từ bỏ trách nhiệm của Giáo Hội đối với những nhu cầu tâm linh và đạo đức của quần chúng. Khi nhắc đến những mục tiêu vận động liên hệ đến việc hành đạo, cơ sở Giáo Hội, Tăng, Ni đang bị áp bức khốn đốn, Giáo Hội cũng không ngại mang tiếng là chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng tư bởi vì tranh đấu cho những quyền lợi - dù chỉ là, và như là, quyền lợi tinh thần - của hơn tám mươi phần trăm dân số thì hẳn nhiên không phải là một cuộc tranh đấu riêng tư cục bộ vậy.

Người cộng sản Việt Nam đang dùng biện chứng và nền đạo đức duy vật để biện minh cho chủ trương hành động kèm kẹp lưng đoàn đàn áp Phật Giáo mà không ý thức được rằng biện chứng và nền đạo đức duy vật đó chỉ là phó sản tà thuyết ngoại lai chỉ có thể giúp người cộng sản thành công trong việc chống lại những giả trá gian dối chính trị xã hội kinh tế của ngoại nhân trên đất nước Việt Nam. Và khi thành công thống nhất đất nước rồi thì người cộng sản dùng những phó sản tà thuyết này để mong xây dựng một xã hội mới, những nấc thang giá trị mới và vùi lại càng xa rời thực tế dân tộc. Hậu quả là những giá trị và thể lực tinh thần đạo đức truyền thống liên tiếp bị đánh phá suy sụp trong khi cái xã hội mới thì chưa thành hình, và không thể nào thành hình, mà chỉ ngày một đi vào con đường ly tán hỗn độn thác loạn. Sự thể chỉ vì quần chúng Việt Nam ngày xưa đã chống Trung Hoa vì không chấp nhận ý thức hệ tự do dân chủ giả hiệu của thực dân xâm lược thì lý đâu bây giờ lại dễ dàng chấp nhận cái phó sản tà thuyết của ý thức hệ đó, như là khi cái phó sản tà thuyết này lại đang bị nhào nặn thành phương tiện để kèm kẹp khủng bố đàn áp sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần của quần chúng? Cuộc vận động giải thoát của Phật Giáo trong cũng như ngoài nước do đó là một cuộc vận động nhằm cứu vãn nền đạo đức tâm linh đã từng giúp cho dân tộc tồn tại và chiến thắng qua bao nhiêu giai đoạn ngặt nghèo nguy vong trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Sự kết thúc của cuộc chiến Việt Nam chính là khởi điểm cáo chung của chiến tranh ý thức hệ quốc tế. Cho đến khi nào những người Việt Nam tự nhận là kẻ chiến thắng không ý thức được điều đó mà cứ vẫn khư khư ôm ấp cái ý thức hệ đang dấy chết kia thì Phật Giáo tại quê nhà vẫn còn bị kèm kẹp lưng đoàn khủng bố đàn áp, thì toàn dân Việt Nam vẫn còn ly tán điêu linh khốn đốn vậy. Và đương nhiên người Phật Tử và Giáo Hội các cấp trong cũng như ngoài nước vẫn không thể lơ là với nhiệm vụ và thiên chức của mình đối với đồng bào đồng đạo.

Nói Thí Dụ

Kỷ niệm ngày Phật Đản

Nguyễn Đức Hoàn



Có nhiều người không thích nói thí dụ, họ cho rằng muốn nói điều gì cứ nói thẳng làm gì phải bóng gió, xa xôi. Nhưng có việc có thể nói thẳng, có điều lại cần phải dùng thí dụ để dễ hiểu hơn. Có một ông vua cũng rất ghét nói thí dụ và ra lệnh cấm các quan dùng thí dụ khi nói, một vị quan tâu rằng :

- Thưa hoàng thượng nếu có người hỏi hạ thần cái nô hình dáng thế nào? Hạ thần trả lời rằng cái nô tương tự như cái cung nhưng có thêm một cái cán để đặt tên vào đó, như vậy sẽ giúp cho người kia dễ hiểu hơn không? Cho nên thí dụ rất cần thiết giúp cho ta nhận đó mà dễ biết hơn. Đức Phật đã giảng đời là đau khổ, là đại dương nước mắt, nhưng thấu hiểu được sự kiện này không phải là điều dễ. Đức Phật đã nói :

- Bắn hết mũi tên này đến mũi tên khác qua một lỗ khóa ở đằng xa và không trượt một lần nào là một việc khó khăn, bắn một sợi tóc trẻ ra một trăm lần xuyên qua một sợi tóc cũng trẻ ra từng ấy lần còn khó khăn hơn nữa. Thấu hiểu sự kiện tất cả là khổ đau còn khó khăn hơn thế nữa (Edward Conze, Buddhism its Essence and development).

Đức Phật cũng ví thế gian này như một ngôi nhà đang bốc cháy rùng rục, và thương hại cho đàn con mê muội mãi vui chơi trong đó mà quên nỗi nguy hiểm cận kề, người cha đã tận tụy tìm mọi cách để dẫn dụ chúng ra khỏi ngôi nhà đó. Lửa ở đây là lửa của si, mê, tham dục và giáo Pháp của Đức Phật ví như chiếc xe lớn có thể chở được tất cả chúng sinh tới niết bàn, giáo Pháp này chẳng khác gì bảo ngọc, trân châu :

*Toàn nhờ giấy mực chứa trân châu
Châu số nhiều nhiều đại tạng lưu
Lưu chép văn chương thật diệu Pháp
Pháp còn tông chỉ nguồn đạo lưu
Lưu thông sự lý trong khuôn niết
Niết lấy ngôn thuyên làm một bao*

*Bao quát thành phạm rành thể dung
Khi dùng qua mắt thấy tâm đầu
Minh Chánh Thiên Sư
(Pháp Hoa đề cương, Thích Nhật Quang dịch)*

Trong kinh điển cũng thường ví người học Pháp như những chàng hiệp sĩ, phải dùng mãnh can trường xông vào khu rừng kiên chấp, vung thanh gươm trí tuệ Bát Nhã để đại phá ma quân. Thật vậy do công phu tu học ta sẽ thực chứng được sự vô thường của cuộc đời, lẽ duyên sinh, luật nhân quả..... do đó trí tuệ của ta càng ngày càng hùng sáng, càng nhìn rõ được bộ mặt thật của cuộc đời, và lời nói cũng như việc làm của ta càng ngày càng hợp với đạo lý hơn. Nguồn hiệp sĩ này cũng từ tâm rất mực, sau khi đã giải thoát được cho mình, cũng sẵn sàng tìm mọi cách để giúp cho mọi người đều đạt được giải thoát, và lúc đó nhiệm vụ mới được coi là hoàn tất. Dĩ nhiên giải thoát không phải dễ đạt! Trong chúng ta ai cũng ao ước một thân hình cường tráng, nhưng ít ai chịu tự khép mình vào kỷ luật, luyện tập thường xuyên thì làm sao bắp thịt của chúng ta nảy nở được. Cũng vậy để có những "bắp thịt tinh thần" vững mạnh, sáng suốt đời đời chúng ta phải có một sự hiểu biết đáng kể, phải thành thực với chính mình và lại phải có một quyết tâm lớn, vì trên bước đường tu học chắc chắn chúng ta sẽ gặp nhiều thử thách có lúc tưởng chừng không thể nào vượt qua nổi. Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng không thể nào xây xong một tòa lâu đài nguy nga tráng lệ mà chỉ mất có vài tháng, do đó phải kiên trì nhẫn nại như một vị thiên sư đã nói : "Bảy lần vấp ngã, tám lần đứng dậy" và cứ dần dần từng bước một, chắc chắn chúng ta sẽ đạt được những kết quả không ngờ. Cũng như đi vào một thành phố mới, chúng ta dễ bị lạc đường vì chưa thông thuộc đường đi nước bước, để bảo đảm cho sự nhận thức và phán đoán không bị lầm lạc, Đức Phật đã ân cần dặn dò chúng ta :

1/ Đừng tin điều gì chỉ vì nghe thấy đồn, đừng tin tưởng một điều gì chỉ vì là tập tục cổ truyền, dấu rằng tập tục ấy đã trải từ đời này qua đời khác.

2/ Đừng tin tưởng một điều gì dù là bút tích của thánh nhân để lại, đừng tin tưởng điều gì chỉ vì thói quen từ lâu đã làm cho ta nhận điều ấy là sự thật.

3/ Đừng tin tưởng điều gì vì cổ điều ấy đã được nhiều người nhắc đi nhắc lại.

4/ Đừng tin tưởng điều gì do trí tưởng tượng của ta đã tạo ra mà nghi là một vị thần linh đã khải thị chỉ giáo cho ta.

5/ Đừng tin tưởng bất cứ điều gì chỉ vin vào một uy tín của các bậc phụ huynh hoặc các thầy dạy.

6/ Chỉ những điều gì mà các người đã thực nghiệm kỹ càng và suy xét sâu xa thấy đúng với sự thật. Chỉ những điều gì đem lại hạnh phúc cho người và tất cả những người khác, chỉ những điều ấy các người mới hãy tin nhận mà thôi, rồi các người sẽ cố gắng ăn ở, hành động cho thật đúng với những điều ấy.

(- Ne croyez pas une Chose simplement par oui dire, ne croyez pas sur la fais distraction parce qu'elle ont été transmise par de longue generation.

- Ne croyez pas une Chose sur le témoignage de tel ancren sage, ou parceque une longue halutude vous parte à la tenir pour vraie.

- Ne croyez pas une Chose parce qu'elle est dite et répété par beaucoup de monde.

- Ne croyez pas ce que vous vous êtes imaginés, pensant que un être supérieur vous l'avait révélé.

- Ne croyez pas à rien sur la seule autorité de vos ainé ou de vos instructeurs.

- Mias ce que vous aurez vous-même éprouvé, expérimenté et reconnu pour vrai, ce qui sera conforme à votre bien et celui des autres, cela acceptez le et conformez y votre conduite)

- Trinh Mặc. Đường vào ánh sáng Đạo Phật.

Giáo Pháp của Đức Phật được coi như nước rửa bụi, giúp cho chúng ta trở nên trong sáng, như tiếng gõ bàn của thầy giáo để duy trì sự yên tĩnh, như tiếng chuông để cảnh tỉnh, nhắc nhở chúng ta trở về với Chính đạo. Đức Phật cũng là một vị đại lương y và giáo Pháp của ngài là những phương thuốc chữa bệnh cho người đời. Ta cũng có thể xem giáo Pháp của Đức Phật như chiếc bè để chở chúng ta qua bờ giác, khi tới bờ rồi phải bỏ bè đi (chứ không phải vác bè lên vai để khoe khoang!). Và Giáo Pháp của Đức Phật còn được coi như ngón tay để chỉ mặt trăng. Chúng ta nương theo ngón tay để thấy mặt trăng - để được giải thoát - chớ nhận lầm ngón tay là mặt trăng thì đó là một trở ngại, chặn đứng chúng ta lại trên đường giác ngộ. được ý phải quên lời, chớ bám chặt vào từng câu từng chữ, vì ngôn ngữ văn tự chỉ có một khả năng diễn tả giới hạn. Như giữa mùa hè nóng nực, có người nói gió ở trên núi mát mẻ khoan khoái lắm, muốn biết được điều này ta phải leo lên núi đó mới có thể cảm nhận được sự mát mẻ khoan khoái như thế nào, còn nếu không chịu cực nhọc, tốn công leo núi thì dù diễn tả cách nào đi nữa cũng không thể nào giúp ta cảm nhận được một cách chân thực. Edward Conze đã có một nhận xét thật chính xác như sau : " Vô vàn những ngộ nhận có thể không xảy ra nếu người ta ý thức được rằng những phán quyết của những tác giả Phật giáo không có nghĩa là những mệnh đề phát biểu về bản chất của thực tại, nhưng như những lời khuyên về cách thức hành động, phán quyết về những hình thái cư xử và những kinh nghiệm liên hệ với chúng ." "Nếu người muốn điều đó, người phải làm như thế này, nếu người làm việc đó, người sẽ thực nghiệm điều đó".

Một thí dụ mà tôi tin chắc chúng ta ai cũng hiểu được và nhận ra ý nghĩa một cách dễ dàng đó là lấy hoa sen để ví dụ cho tâm đạo của mình, cũng như sen sống trong bùn nhưng không hôi tanh mùi bùn, chúng ta sống giữa xã hội mà không bị lôi cuốn bởi những đam mê của cuộc

đời thiền sư Minh Chánh trong Pháp Hoa đề cương có bài thơ vịnh sen như sau :

*Sen xanh ngó trắng cọng vọt ra
Chẳng nhiễm bùn nhờ ngoài thủy ba
Các lá nở tròn màu xanh biếc
Những cành đứng thẳng khắp sum la
Tuy ở cánh âm, thuận dương tính
Dù trong bùn đọng chẳng ướt mà
Thí dụ đạo tâm trong bằng ấy
Tâm này làm Phật vốn phi tha
(Người dịch Thích Nhật Quang)*

Một thí dụ khác thật linh động và phong phú được diễn tả bằng hình ảnh là Thập ngưu đồ, trong đó tâm của ta lúc chưa hiểu đạo được tượng trưng bằng con trâu, màu đen, người chăn phải luôn luôn cầm roi canh chừng, do công phu tu học, tâm dần dần trong sáng - trâu đen dần dần đổi thành màu trắng - Khi sự tu tập đã thuần thực thì lúc đó trâu hoàn toàn thành màu trắng và cũng chẳng cần người chăn nữa. Qua mười bức tranh diễn tả những giai đoạn của sự rèn luyện tâm trí thật rõ ràng minh bạch. Nhưng có người vẫn đặt câu hỏi thí dụ coi như chúng ta đã hoàn tất được sự tu tập trí tuệ thì lúc đó tâm của ta sẽ có trạng thái như thế nào? Phải chăng lúc đó tâm của ta sẽ bất động như gỗ đá trước những sự việc diễn ra? Thì đây Sri Aurobindo trong quyển Bases of Yoga đã vẽ lên được một bức tranh để chúng ta có một khái niệm thật rõ rệt về kết quả của sự tu tập trí tuệ thành công :

"Kết quả của sự tu tập trí tuệ là đạt được tâm trí lặng. Trong tâm trí bình lặng chính thực thể của tâm thể vắng lặng và vắng lặng đến nỗi không có gì xáo trộn nó. Nếu những tư tưởng hoặc động tính đến, chúng không phát khởi bởi tâm thức, nhưng chúng du nhập từ bên ngoài vào và đi qua tâm thức như những cánh chim bay qua bầu trời lặng gió, chúng đi qua không xáo trộn, không để lại dấu vết nào. Dù cho muôn ngàn ảnh tượng hay những biến cố tàn khốc nhất có đi qua sự vắng lặng thanh bình vẫn còn đó, như thể sự cấu tạo của tâm là một thực thể thanh bình vĩnh cửu và bất diệt. Một tâm thức đã thực hiện được sự bình lặng này có thể bắt đầu hành động và dù hành động một cách dữ dội mãnh liệt vẫn giữ được sự bình lặng căn bản - tự mình không tạo ra một cái gì - nhưng đón nhận từ trên cao và cho nó một hình thức tâm linh - không cộng thêm bất cứ cái gì của riêng mình - dù với niềm hân hoan của Chân Lý, quyền lực của hạnh phúc và ánh sáng của con đường nó đi qua (Chân Pháp Nguyễn Hữu Hiệu, Tinh hoa và sự phát triển của đạo Phật)

Về câu chuyện Niêm Hoa, trong Pháp hội Linh Sơn Đức Phật đưa một cành hoa lên, ngài Ca Diếp mỉm cười và được Như Lai trao phó Chánh Pháp nhân tạng làm vị tổ đầu tiên, như vậy hẳn phải có nguyên do? Khi Đức Phật đưa cành hoa lên, trong khi các vị khác còn ngơ ngác chưa hiểu Như Lai ý muốn nói gì, thì ngài Ca Diếp là người mỉm cười đầu tiên, vì tâm của ngài như tấm gương sáng tiếp xúc trực tiếp được với thực tại, vật đến liền hiện nguyên hình ngay tức khắc cho nên được giao phó trách nhiệm. Thiền sư đạo Nguyên đã diễn tả tâm này thật gọn gàng :

*Tùy thời ứng dụng
Gặp vật thấy cơ
Tính vốn như như
Trong ngoài nào mắc*

Và lại càng đơn giản hơn nữa, chúng ta có thể tóm tắt bằng câu "Phi tướng, Phi phi tướng xứ" chính cõi anh định của tâm hồn giải thoát.

Cũng như ngày nay khoa học tiến bộ vượt bậc, chế tạo được phi thuyền không gian, để những phi thuyền này có thể đi tới đích, sự tính toán phải hoàn tất, tuyệt đối chính xác, nhanh chóng. Chỉ sai lầm hay chậm trễ một vài giây phi thuyền sẽ lạc vào vũ trụ bao la và không bao giờ trở lại nữa.

Qua những điều trình bày trên, chúng ta thấy chư Phật, chư Bồ Tát đã dùng nhiều phương tiện để dẫn dắt chúng ta trên bước đường tu học giải thoát, sẵn sàng trao cho ta bao nhiêu là trân châu bảo ngọc, và có thể nói - mà không sợ sai lầm - rằng còn quý hơn là ngọc ngà châu báu nữa vì còn gì đáng quý hơn là được sống một cuộc đời xứng đáng đúng nghĩa là người. Chúng ta đã may mắn có được một nguồn giáo lý tinh thức đã trải qua bao thời gian mà vẫn còn sáng chói, và sẽ còn sáng chói mãi mãi vì đó là giáo lý của sự thật, của chân lý muôn đời. Quả chúng ta đã may mắn có được một đấng Như Lai đã phát hiện trên thế gian.

Lấy thí dụ như toàn thể vùng đất mê mông của quả địa cầu này trở thành nước và một người bỏ xuống nước một cái ách trên ách có một cái lỗ, rồi có một cơn gió thổi đẩy trôi cái ách từ hướng tây sang hướng đông, ngọn gió khác đẩy trôi cái ách từ đông sang tây, một ngọn gió nữa đẩy trôi cái ách từ bắc xuống nam, ngọn khác nữa từ nam lên bắc và cứ như thế cái ách triền miên trôi dạt. Trong khi ấy có một con rùa mù, mỗi năm nổi lên mặt nước một lần, như vậy có thể nào con rùa mù sau một trăm năm trôi nổi lên mặt nước và thọc đầu ngay vào cái lỗ của cái ách. Quả thật con rùa mù khó làm được như vậy. Cũng thế được sanh vào cảnh làm người cũng khó như vậy. Cũng thế ấy khó có một đấng Như Lai phát hiện trên thế gian.

Có một câu chuyện kể rằng có hai vị tăng sĩ học đạo đã lâu và ao ước được gặp Đức Phật. Một ngày kia hai vị cương quyết lên đường, nhưng đi lâu ngày, lương thực mang theo đã cạn, mà vẫn chưa gặp được Đức Phật. Trong hai vị có một người nhất định giữ giới, khi lương thực hết chỉ tìm ăn hoa quả cho đỡ đói lòng, còn người kia nghĩ rằng ta phải gìn giữ sức khỏe để đủ sức đi gặp Thế Tôn nên vị này ăn tất cả những gì có thể ăn được tìm thấy trên đường đi. Sau đó chẳng bao lâu vị tăng sĩ giữ giới kiệt sức, biết mình không thể sống được nữa, nói với bạn rằng : Sau khi tôi chết đi huynh hãy đem ruột gan tôi đến gặp Thế Tôn là tôi mãn nguyện rồi. Người bạn làm đúng như lời dặn, nhưng đi mấy hôm thì ruột gan cũng bắt đầu lên mùi đành phải bỏ đi. Sau cùng vị tăng sĩ còn lại đã gặp được Đức Phật và kể cho người nghe câu chuyện xảy ra, Thế Tôn nói : Người bạn của tỳ kheo tuy chết đi nhưng đã gặp Phật rồi, còn tỳ kheo tuy gặp được ta nhưng thực sự đã xa cách Như Lai cả ngàn dặm. /.

Sai Một Ly, Đi Một Dặm

- Thể Quán -



*Đầu núi choàng mây bạc
Lòng khe buộc cỏ xanh
Thông reo niềm an lạc
Nước gợn nét thanh bình
Hoa ngát hương ly dục
Chim hòa nhạc vô sanh
Nga Mi phong cảnh đẹp
Văn chương tả khó thành.*

Đây là thắng cảnh của núi Nga Mi khi có thêm hai vị đạo sĩ lên ở đó.

Cảnh đẹp của Nga Mi sơn hòa với tịnh đức của hai vị đạo sĩ, thật ra người ta có gói gọn trong mấy vần thơ trên đây, tưởng cũng chưa tả hết ý nghĩa cao đẹp của nó vậy. Rồi cứ mỗi khi sương sớm, chiều tà lúc đi ngang qua dưới núi Nga Mi, dân chúng không khỏi chậm bước lại, để lắng tâm tư nghe điệu thăng trầm của tiếng chuông, tiếng mõ.

Dân chúng trong vùng ấy không biết danh hiệu của hai ngài là chi ? Và ở đâu đến ? Nhưng một sáng tinh sương cách đây rất lâu. Người ta thấy có hai vị Sa môn, một vị đã lớn tuổi, và một vị còn ít tuổi; bâu gói lên núi Nga Mi rồi ở luôn tại đây, nên họ mệnh danh là Đông Lan Thượng Tọa (vị lớn) và Tây Lan Đại Đức (vị nhỏ). Vì trên ấy có hai động đá : một về phía Tây, một ở phía đông cách nhau không xa. Trên núi có rất nhiều trái tươi, hoa đẹp, lại có suối nước trong, thật vừa đủ tiện nghi cho những ai muốn ẩn thân tu niệm.

Thì đây là hai thầy trò, cùng một lý tưởng, đồng một chí nguyện "đứt hết trần duyên" lên đây tu tịnh.

Hai thầy trò đến núi Nga Mi được ít lâu, dân làng rất sùng mộ, và có những tâm lòng mến đạo bốn phương rủ nhau đến bái yết tấp nập. Song từ lâu rồi, hai ngài không tiếp khách nữa, nên Nga Mi sơn hoàn toàn thanh tịnh. Ngoài những tiếng chim kêu, suối chảy ít thấy nhân vật lui tới.

Thời gian trôi qua, cứ lặng lẽ trôi qua, năm tháng đối với khách ly trần đã không thành vấn đề. Chỉ có khi nào nghe chim Hoàng Anh hót báo xuân về, thì hai thầy trò lại ra suối để đàm đạo cùng nhau.

Thế rồi lâu lắm, có một hôm Tây Lan Đại Đức đương ngồi tịnh niệm. Tuy đêm mới tối mà có mưa lâm thâm nên cảm tưởng như đã khuya, bỗng nhiên, một bóng người cao lớn nhẹ nhẹ bước vào cửa động. Tuy Tây Lan không nhìn hẳn nhưng bên khước mắt cũng thấy dường tượng một phần nào bóng kia, đầu óc bù xóa, và hình như có nanh nhọn lòi ra nơi miệng.

Tây Lan bỗng suy nghiệm : Ai hề ? Ở đây tứ khí anh linh nếu không phải thân tiên hiện xuống, thì chắc ma quỷ chi đây. Vậy ai ? E ma ? Không phải ma, chắc quỷ, nên hình dung mới kỳ quái vậy. Rồi người cảm thấy âm khí tỏa ra, lạnh lạnh sau lưng nhưng rồi cái bóng ấy lặng lẽ rút lui. Bỗng người lắng nghe như bên Đông Lan có tiếng vật nhau huỳnh huých, tiếng hăm hừ, tiếng hét lên rất lâu, lại nghe một tiếng rít dữ dội, tiếp đó như có tiếng người ngã, rồi tiếng rên, ban đầu lớn sau nhỏ dần. Tây Lan chắc thầy mình bị quỷ vật ngã, người toan chạy qua để cứu thầy, nhưng tay chơn đều cứng đờ không làm sao nhấc lên nổi. Bỗng nhiên bóng quỷ lại tiến vào động mình, Tây Lan khủng khiếp quá, người cảm thấy mùi máu tươi nồng nặc ở miệng quỷ tuôn ra, hình như bóng quỷ áp gần, Tây Lan hoảng hốt vận hết sức lực vùng dậy toan kháng cự nhưng tinh thần tán loạn, bất giác người vùng chạy đại.

Vừa khỏi cửa động thì hình như bóng quỷ cũng chạy theo. Tây Lan chạy bán sống bán chết, không còn biết phương hướng nào, càng chạy lạnh, bóng quỷ cũng chạy lạnh cứ xít xoát gần sau lưng thầy. Hai bóng cùng chạy trong đêm, xuống núi bao giờ không biết, rồi băng qua mấy dãy đồi thấp, khi gần đến đồng ruộng thì trời đổ mưa to. Bóng quỷ chạy càng lúc càng gần, nhưng may sao khi gần đến một tòa nhà rộng có bóng đèn trong chiếu ra thì bóng quỷ biến mất, Tây Lan cũng vừa ngã quỵ xuống. Giây lâu mới hoàn hồn nhìn kỹ thì đây là một tòa nhà đồ sộ có lẽ của một vị quan lớn nào. Nhờ cái cửa ngõ làm theo kiểu tam quan nên Tây Lan núp được cơn mưa xối xả.

Giờ đây Tây Lan muốn trở về núi để xem thầy ra sao, nhưng đường đi lên núi Nga Mi thật mịt mù phương hướng, vì hiện đây không biết thuộc quận huyện nào, mà giờ này cũng không thấy một bóng người qua lại.

Tây Lan sững sờ một lúc, hình dung lại khi bóng quỷ hiện vào chộp chòn, rồi hình như bóng quỷ vật lộn với thầy mình, tiếng người rít... ngã xuống... thì chắc chắn thầy mình bị quỷ ăn rồi, bây giờ lên lại núi với ai ? Và biết đi đường nào ?

Trời đã hết mưa, có trăng non lơ mờ. Bất giác Tây Lan nhìn vào nhà kia bỗng thấy có một cánh cửa mở hé, rồi có hai bóng người trong phòng lên ra; bóng trước hình dạng đàn bà, bóng sau là đàn ông cao lớn, trên vai mang

một bọc to có vẻ nặng lắm. Trong bóng trăng lơ mờ Tây Lan cũng đoán chắc hai người này nếu không phải là ăn trộm thì chắc cũng gian phi chi đây. Người chú ý chờ xem có ra cửa ngõ không ? nhưng chờ mãi vẫn không thấy, thầy chột dạ nghĩ thầm : Nếu ta ngồi đây chốc nữa chắc không khỏi tai họa, thôi ta đi liệu vậy. Thế là người thất thểu ra đi. Trăng lại mờ trời, sắp mưa cơn khác. Khoảng đường toàn ruộng, hết ruộng, là từng âm u không có một bóng nhà nào. Tây Lan vừa đi vừa chạy, trong tâm tư phân nghĩ thầy mình bị quỷ ăn, phần nhớ lại những giờ phút tu hành thanh tịnh ở núi Nga Mi mỗi độ xuân về thầy trò lại ra khe đàm đạo. Ôi những lời thầy căn dặn còn vang vẳng bên tai, hình dạng thầy còn dường tượng trước mắt... ai ngờ thầy ta bỗng nhiên bị hại, còn thân thể ta ra vậy thật cũng tại qui báo đời ! than ôi ! Biết bao giờ ta gặp lại thầy ta ! Phần thương thầy, phần thương thân thể, chí trọng phụ đến khi kiệt lộ cũng phải nhũn lòng tự nhiên hai hàng nước mắt trào ra. đêm càng khuya, mưa càng nặng hột rui ro thay thầy lở chơn rơi tuốt xuống giếng hoang cạn nước, hôn bất phụ thể, thầy toan tìm cách leo lên, song sao dưới chơn thầy đạp phải vật gì lầy nhầy, thầy cúi xuống sờ xem thì... Hỡi ôi ! Một cái đầu đàn bà tóc dài lê thê.

Ôi ! sao mà tam đồ bát nạn ở đâu rủ nhau cùng đến với thầy trong khoảnh khắc ? Bình minh lên càng làm thầy khủng khiếp hơn, vì đây là một thầy người con gái hình như vừa mới bị ám sát nên huyết tươi dính đầy áo xống thầy.

Tây Lan bàng hoàng như trong giấc mơ dữ, thầy toan trèo lên để đi, thì bỗng nghe có tiếng lão xào hình như một toán người đông đương lưng bắt kẻ gian. Quả thật, một toán người vừa đi vừa hăm hét, thầy ngồi im dưới giếng sợ run như người sắp bị xử tử. Trong lòng thầy nghĩ nếu toán này dòm xuống giếng thấy ta với cái tử thi này thì ta còn biết kêu oan vào đâu ? thầy ngẩn mặt khẩn giữa hư không : nếu oan trái của con đã đến ngày đáo đầu thì xin Phật cho con trả gấp. Thầy vừa nghĩ vậy thì nghe có tiếng người la to :

Phải cẩn thận coi chừng quân gian nó núp đầu đây. Khi toán người nghe vậy thì ai nấy dừng cả lại và lục soát quảng đường hoang vu ấy. Bỗng một người nhìn xuống giếng kêu to : Quân gian đây rồi, kéo nó lên, trói lại. Than ôi ! Tình ngay lý gian ai là kẻ minh oan cho người tu hành ấy ?

Nói về hai cái bóng ở nhà ông Tể tướng hôm nọ chính là chỗ Tây Lan Đại Đức trốn quỷ ăn mưa là tư dinh ông Tể tướng mới về hưu. Ông có một người con gái tên Lan Hương mới 18 tuổi, nàng rất đẹp lại được cha cưng, và ông đã hứa gả con cho một công tử môn đăng hộ đối. Nhưng nàng không bằng lòng, vì nàng đã trót yêu Tuấn Dũng một người học trò nghèo. Nếu thua thiệt thì chắc cha nàng không chấp thuận. Lan Hương không có mẹ, nàng còn biết tỏ nỗi lòng với ai ? chỉ có một bà vú già là người tay chơn tin cẩn của nàng. Khi Hoàng phu nhân gán tạ thế, người đã ký thác tất cả tình yêu con cho người vú già trung thành ấy. Từ ngày mất mẹ, Lan Hương có tâm sự gì đều tỏ thiệt với bà vú già, vì người cũng thương nàng như con vậy.

Khi được tin ông Tể tướng cho biết, thượng tuần tháng mười sẽ làm lễ vu quy cho nàng, Lan Hương như người

bị sét đánh, nàng chỉ còn biết khóc than thâm tui, rồi bày tỏ tất cả tâm sự cùng ý định của mình cho vú nghe. Vú già rất thương xót tình cảnh nàng, nên hết lời dỗ dành và hứa sẽ giúp nàng theo ý muốn.

Lan Hương liền viết một bức tâm thư nhờ vú mật trao cho Tuấn Dũng. Vú già thận trọng mang thư đi, khi ngang qua nhà, vú ghé thăm người con trai là Lý Ngột. Lâu ngày gặp mẹ, Lý Ngột mừng rỡ bảo vợ dọn cơm mời mẹ. Khi cơm xong thì trời đã trưa chàng mời mẹ ở lại nghỉ một lát cho đỡ nắng. Vì đi xa mệt nên vú nghe lời con liền nằm trên bộ ván rồi ngủ quên. Lý Ngột vô tình mở gói hành lý của mẹ ra bỗng thấy bức thư. Chàng tò mò mở xem thì ra thư của Lan Hương hẹn bỏ nhà đi theo Tuấn Dũng, trong thư hẹn ngày 4.9 lúc 2 giờ khuya bảo Tuấn Dũng đến đón mình tại nhà. Trong thư nàng còn nói thật là sẽ đem theo nhiều vàng bạc và tư trang để đời sống của hai người khỏi lo thiếu thốn.

Lý Ngột xưa nay là người phóng túng, tuy có hiếu với mẹ, nhưng tính tình lêu lổng không chịu làm ăn nên thường bị mẹ rầy, và vì vậy bà ít đến nhà con, mặc dầu chỉ có hai mẹ con, nhưng bà thường ở luôn trong dinh ông Tể tướng với Lan Hương thôi.

Nay Lý Ngột xem thư xong chàng như người bất được của, vội đem lên vào phòng rồi sửa lại : ngày 4.9, 12 giờ khuya xong chàng phong thư lại cẩn thận để vào gói mẹ, rồi giả vờ nằm nghiêng bên ghế dài chờ mẹ dậy. Vú già ngủ một giấc say sưa, khi dậy thì Lý Ngột vui vẻ pha nước mời mẹ, rồi hai mẹ con nói qua loa vài câu chuyện nhà xong, chàng tiễn mẹ đi một quãng đường - Vú già đã gặp Tuấn Dũng và chàng trả lời sẽ đúng hẹn trong thư sẽ đến đón Lan Hương.

Ngày hẹn hai người đã đến, là cái đêm Tây Lan thấy hai bóng người trong nhà ông Tể tướng đi ra. Song oái oăm thay, người đến đón Lan Hương lại không phải Tuấn Dũng mà là Lý Ngột. Lý Ngột lặng lẽ mang cái bao to tướng đi sau Lan Hương mà Lan Hương thì yên trí Lý Ngột là Tuấn Dũng (vì hai người tuổi tác và hình dạng hơi giống nhau, khi ra khỏi nhà ông Tể tướng và đến chỗ hoang vu kia thì Lý Ngột hạ thủ Lan Hương rồi bỏ xuống giếng hoang.

Đoạt được tư trang vàng bạc của Lan Hương xong, chàng ăn chơi thả cửa, cờ bạc rượu chè bê tha, không bao lâu lại sạch sành sanh, chỉ còn vồn vẹn một cái trâm, anh ta đưa cho vợ đi bán nốt. Ma xui thế nào chị ta lại bán cái trâm ấy cho người tớ gái mới của ông Tể tướng (cha Lan Hương), chị tớ gái mua được cái trâm đẹp liền cài tòn ten lên mái tóc đi về dinh. Chị ta đi lên đi xuống coi có vẻ ta đây dặt trâm lắm, mấy bác lính hầu nhìn lầm lét chị càng làm bộ thêm.

Từ khi ông Tể tướng mất con, đến khi tìm được xác nàng dưới giếng và bắt giam Tây Lan, rồi cái án ấy cũng trầm đi chưa tìm ra manh mối, thắm thoát ba năm qua. Hôm nay ông đương ngồi trên lầu bỗng nghe lờ mờ bàn tán mấy người lính hầu nói chuyện với nhau. Ông kêu vào hỏi thì ra chị tớ mua được cái trâm có khắc hai chữ Lan Hương, ông đòi đem vào xem thì quả thật cái trâm của con gái mình, chính ông làm để cho con trong ngày sinh nhật Lan Hương.

- Rồi do manh mối ấy, người ta điều tra ra thủ phạm là Lý Ngột.

Nói về Tây Lan Đại Đức từ ngày bị bắt giam vào ngục tối, thầy thật ngao ngán, thân cô thế cô còn biết kêu oan vào đâu ? Thầy bèn lợi dụng khám thất làm thuyền thắt, đêm ngày chuyên tâm niệm Phật, một lòng cầu Phật cho thầy mình và cầu cho oan hồn của người con gái vô phước kia được siêu thoát. Ròng rã ba năm tù tội, râu tóc ra dài, hình dung tiêu tụy, nhưng tinh thần thầy lại càng sáng suốt, cho đến một hôm người ta mở cửa ngục và trả tự do lại cho thầy.

Thầy lặng lẽ đi thẳng một mạch lên núi Nga Mi. Thầy tự nghĩ : thôi thả bị quỷ ăn ta về với thầy ta còn hơn, chớ oan trái ở thế gian dễ sợ quá. Ta xin nguyện cho tất cả chúng sanh, người làm quan có đủ trí tuệ để mình xét những nỗi oan khốc cho dân; người làm dân phải có lương tâm đừng gây nghiệp báo giết người cướp của, như quả rõ ràng, không sớm thì chầy thế nào cũng không tránh khỏi. Trong đời tu hành của ta, ta xin nguyện cho tất cả chúng sanh hãy bỏ dữ làm lành để hưởng quả báo tốt...

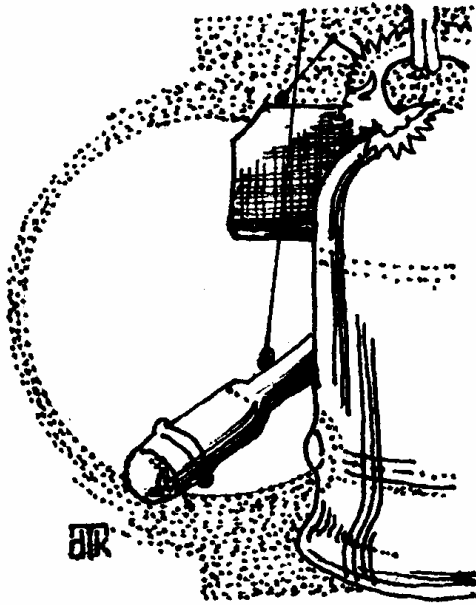
Nga Mi sơn sồ sộ trước mắt thầy, thấy cảnh nhớ người lòng thầy giờ phút ấy thật không giải thoát nổi hai chữ nhớ thương, bất giác hai hàng lệ từ từ tuôn ra. Thầy vừa tiến lên trên núi thì quái lạ ? tiếng mõ ai đều đều như tiếng mõ của thầy ta ? thỉnh thoảng cũng tiếng chuông ngân dịu dàng thanh thoát ấy ??? Thầy vội vàng leo lên đi thẳng đến Đông Lan, thì ô hay rõ ràng thầy ta tụng kinh, âm hưởng vang lừng động đá, hình dạng vẫn y nhiên chỉ có tấm cà sa thầy đắp vì trái nhiều sương nắng nên bạc hết một bên vai.

Vừa lúc ấy Đông Lan thượng tọa tụng kinh xong, Tây Lan chạy vội vào quỳ xuống chon thầy. Đông Lan nắm chặt hai tay đệ tử, hai thầy trò cùng im lặng, và chỉ có sự im lặng mới tả hết nỗi niềm nhớ thương mừng tui. Qua sự im lặng một lúc Tây Lan mới kể lại từ khi sợ quỷ chạy xuống núi và bao nỗi gian lao trong ba năm qua. 'Đông Lan nhìn đệ tử, một cái nhìn đầy thương hại và cảm động. Người đệ tử bảo : Con ơi ! trong đường lối tu hành cần nhứt là nự trị vọng niệm, tất cả chúng sanh cũng đều vì không nự trị nỗi vọng niệm nên mới luân hồi trong biển sanh tử. Nay con là người tu hành lại cũng bởi không nự trị được vọng niệm để đến nỗi sai một ly, đi một dặm như thế đấy, cũng như người đi đêm thấy sợi dây tưởng lầm rắn độc, vọng niệm khởi lên rồi thất kinh nhảy bậy. Vì thế ma quỷ mà con thấy đó chẳng qua chỉ là một nhánh cây gậy, hay một cành củi khô bị gió lay lắc dưới bóng đêm lờ mờ, song khi tâm con đã mất bình tĩnh do vọng niệm khởi lên rồi, thì con tự biến ra là quỉ có đầu có sừng hăn hoi...

Thật ra tự bấy đến nay thầy vẫn vô sự nào có thấy ma quỉ chi đâu. Trong ba năm nay mỗi độ xuân về thầy lại ra suối, qua động tìm con, nhưng mịt mù tin tức, thầy tưởng cảnh sơn cước hoang vu đã làm con thôi đạo bỏ thầy... Nhưng cũng may, tất cả gian truân con chịu đựng vừa đủ để luyện thêm tâm chí cứng cáp cho con, thôi giờ con hãy về thăm động cũ và lo lắng tu niệm tinh tấn hầu mong cứu độ chúng sanh để báo đáp hồng ân Phật Tổ./.

TÂM SỰ TIẾNG CHUÔNG CHÙA

*Phạm Thăng



Tôi là âm vang cái chuông nhỏ ở Tổ đình Hội Phước, một ngôi chùa cổ gần hai trăm năm tại vùng quê heo lánh ở miệt vườn Cửu Long. Nhân mùa Phật Đản năm 2535, ngày Đức Từ Phụ của toàn thể Phật tử thế giới ra đời giúp đỡ nhân loại vượt khỏi bến mê, tôi hân hoan thay lời gia đình chuông trang trọng gửi đến quý bạn lời tâm sự.

Xin bạn đừng cười tôi là cái chuông nhỏ ở miệt vườn heo lánh thì làm sao biết nhiều hiểu rộng mà dám đại diện cho những chuông lớn nhỏ khác trên khắp thế giới? Không đâu, xin đừng nghĩ vậy. Theo quan niệm Phật giáo: Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, vậy Có cũng là Không, mà Không cũng là Có, tùy theo cái nhìn, cái cảm nghĩ mà chúng tôi được xem như có hiện diện, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc to, hoặc bé. Rồi tùy theo duyên nghiệp mà chúng tôi được tạo ra tại xứ Tây Tạng huyền bí trên vùng cao nhứt của địa cầu, tại vùng hiền hòa heo lánh của xứ Lào hay ở tuốt miệt U Minh Hạ heo hút của Cà Mau... chúng tôi dù được chế tạo khác nhau dưới hình thể lớn nhỏ, danh xưng: Đại hồng chung, Tiểu hồng chung, nhưng chúng tôi cùng giống nhau một chỗ: lòng lúc nào cũng rỗng không nhưng lại có rất nhiều „lòng“. Chúng tôi chỉ là MỘT. Lời của chúng tôi cũng là lời của các anh Đại hồng chung, Tiểu hồng chung khác.

„Lòng chúng tôi“ là âm ba ngân trong sương sớm lúc mà người người còn uể oải chưa vội ngồi lên để bước vào một ngày mới. Chúng tôi đã từ các ngôi chùa lớn nhỏ khắp nơi, theo thời công phu buổi sáng mà len lỏi đến với họ, nhắc nhở mau đón bình minh rực rỡ có làn không khí trong lành, mau hăng hái tiếp tục trả nợ cái Nghiệp và tại thêm Duyên lành cho đời mình. Tiếng của chúng tôi chỉ ngân

nhe, âm ba rung động giúp mọi người nhớ đến lòng từ bi của đạo Phật, bỏ sân si giận hờn nếu còn chất chứa trong lòng của ngày qua, rồi suy giảm để dẹp bỏ cái tội lỗi mình đang dự định sắp làm. Chúng tôi rung động tâm hồn họ, kéo họ trở về với „nhân chi sơ, tánh bản thiện“.

Và chiều đến, khi sắc tím sắp trùm lên vạn vật, chúng tôi lại lần nữa theo buổi công phu chiều, quỳ theo không khí bụi bặm thành đô hay len trong khu rừng cây cao rậm mát để đến với mọi người bằng lời nhẹ nhẹ, thì thầm, hỏi han họ đã làm được bao nhiêu điều thiện trong ngày? Nếu họ đang bức bối giận giận sau một ngày tranh đua danh lợi, hãy nghe tiếng chúng tôi để trở về với nguồn yêu thương. Họ sắp gây gỗ hàng xóm? Tiếng chuông nhắc nhở họ về thực tại: Từ bi, hi xá.

Nhiệm vụ của chúng tôi cũng có lúc lên xuống theo sự thăng trầm của Đạo suốt 25 thế kỷ, chúng tôi đã tạo được nhiều „Đất lành“, những nơi „Cực Lạc hạ giới“. Còn nhớ cách đây trên bốn thập niên, ở vùng Hà Tiên, Thất Sơn, Hòa Hảo, Châu Đốc, dân chúng đã sống thật sự đời hạnh phúc của mình. Nhà nhà không cần đóng cửa vì không ai tham lam trộm cắp, tiền rơi rớt ngoài đường không ai muốn lượm, bởi vì khi chiều xuống, từ trên núi Bình Sơn qua Tô Châu, từ núi Thạch Động qua vùng Thất Sơn, dọc theo bờ kinh Vĩnh Tế đến những thôn xóm hiền hòa bên bờ sông Hậu, tiếng Đại hồng chung hùng trầm hòa với tiếng Tiểu hồng chung thánh thót ở nơi này, nơi khác nối tiếp âm thanh quỳ nhau không dứt và tiếng chuông nhỏ boong boong khiêm nhường cũng rảng hòa điệu với tiếng mô lóc cóc trong các am lá tạo âm ba gờn gợn trong không gian đã đi vào tâm hồn mọi người, nên ai cũng quy về Đạo Pháp.

Chúng tôi không nề hà dù ở nơi xa xôi heo lánh cũng rảng đưa tiếng của mình đến với thiên hạ để khỏi phụ lòng các Sư Bác chạy trường diệt dục, thân thể ốm gầy nhưng tâm hồn sáng trong, các chú tiểu, chú điệu tóc cạo chừa chòm, lòng thơ còn ham vui nhưng siêng năng trong các buổi công phu, cho nên chúng tôi đều có bốn phận đưa âm thanh bay đi khắp vùng.

Chúng tôi rảng hết sức mình vì các vị Sư bác, các chú tiểu khi mở đầu hồi chuông đã thành tâm ngâm bài kệ trong Tì Ni Nhật Dụng:

Nguyện thử chúng sinh siêu pháp giới,

Thiết vi u ám tất giai văn,

Văn trần thanh tịnh chứng viên thông,

Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác.

Bài kệ của đạo đã nói lên ý nguyện: Đem tiếng chuông này đến khắp các giới, thiết vi u ám thầy đều nghe để khi nghe năng sơ đều quên đến viên dung thanh tịnh và cầu cho tất cả chúng sanh thành chánh giác.

Chắc chắn ngày lại ngày, suốt từ 2535 năm qua, chúng tôi đã nhắc nhở muôn ức triệu tâm hồn, đời này qua kiếp khác từ bỏ tham sân si, trở về với bản ngã chân thiện của mình để tạo duyên lành.

Như đã nói tùy theo duyên phận, chúng tôi có nhiều hình thể khác nhau, ở nhiều nơi khác nhau, nên không phải chỉ riêng vùng Hà Tiên, Thất Sơn mà khắp mọi nơi, chỗ nào có đốt nền hương thơm là nơi đó có tiếng chúng tôi, không như thiết phải to như anh Đại hồng chung âm thanh đi xa nhiều dặm hay cái chuông nhỏ.

Các xứ Phật giáo vùng Đông Nam Á có những chùa nguy nga to lớn, những ngôi tháp khổng lồ sừng sững như ngọn núi nhỏ, quanh chùa có xây nhiều tháp chuông 4 cột chống đỡ mái ngói đỏ cam cong vút, cách nhau khoảng 5 thước, mỗi tháp treo một cái chuông do Phật tử dâng cúng. Tùy theo người cúng chuông lớn hoặc nhỏ, chạm trổ cầu kỳ hay trơn tru, nhưng cái nào cũng đẹp và âm thanh vang xa tạo sắc thái độc đáo cho ngôi chùa.

Ái đã đến Thái Lan, thăm tỉnh Sarajburi, viếng chùa „Dấu Chân Phật“ hoặc đến Chùa Tháp khổng lồ ở Nakhorn Phathom để được một lần đi quanh chùa, tay cầm cây dùi chuông, miệng lầm rầm khấn nguyện, bước đến bên chuông treo, gõ vào nó để ký thác lời khấn của mình, rồi bước tới cái kê tiếp, lại lầm rầm van vái và đánh vào chuông... Người này vừa gõ chuông lại có người sau bước đến... Vòng theo chùa treo nhiều chuông, 108 cái, âm thanh cao thấp tùy theo chuông to nhỏ phát ra cứ vang lên quyện vào nhau, ngân trong không khí thơm hương trầm không dứt.

Người Phật tử cảm thấy như lời nguyện của mình đang bay lên cao, lên cao mãi, mang theo lời khấn nguyện chân thành.

Quang cảnh náo nhiệt và làn sóng âm thanh trong những ngày hội nơi các chùa đó khác biệt với nhiều ngôi chùa trong ngày thường.

Có nhiều chùa nhỏ nằm hiền hòa bên cạnh cội Bồ đề của xứ Lào, Miên, mái chùa treo nhiều chuông nhỏ. Chuông bằng đồng thau lớn cỡ cổ tay có dính tòn ten một miếng đồng mỏng hình lá Bồ đề. Chiếc lá Bồ đề này nhờ làn gió lay động gõ vào chuông tạo ra âm thanh leng keng. Tiếng leng keng cứ vang đều đều suốt ngày hòa cùng tiếng chim hót, tiếng ve sầu...

Hãy ngồi dưới bóng Bồ đề râm mát nhìn mái chùa hai lớp chạm trổ, màu sắc đã phai lạt theo thời gian, tai lắng nghe tiếng chuông reo để thấy nơi đây là Đất Phật, nơi không còn đua chen danh lợi, nơi đã gạt bỏ mọi nghiệp chướng ưu phiền.

Âm thanh chúng tôi giúp cho ai nếu tin vào Đức Thế Tôn và noi theo Đạo Pháp của Ngài thì dù ngôi chùa giàu có ở thị thành hay cỏ tự xiêu vẹo trong rừng sâu, hoặc trong am nhỏ ở quê nghèo xứ Việt, đâu đâu tác dụng của chuông cũng đều giống nhau.

Khoảng năm Tự Đức thứ 8 (1854) Tổ đình Hội Phước là mái tranh nhỏ bé của hai vợ chồng nông dân hiền lành phát tâm qui y diệt dục, cất lên để tu hành.

Lúc bấy giờ vùng Nha Môn trên đường Vĩnh Long – Sa Đéc này còn hoang vu, ngôi chùa lá nằm bên con rạch nhỏ (sau này gọi là rạch Chùa). Con rạch mọc đầy lau sậy, nhiều rắn rít, ngoài sông Nha Môn còn có cá sấu. Sư ra công phát quang cho có đường rộng rãi quanh chùa lá. Một

hôm Sư lội bộ đến chợ Sa Đéc cách đó hơn 8 cây số để mua tương chao. Trên đường về nét mặt Sư rạng rỡ vì đang ôm trong vạt áo cái chuông tròn nhỏ bé. Đó là tôi. Sư đã mua tôi trong một quán chạp phở nhỏ ở chợ.. Thân tôi chỉ lớn cỡ trái dừa gọt vỏ màu nâu đen. Tôi nằm êm trong vạt áo da mà lòng bồi hồi xúc động theo sự vui mừng của Sư.

Tôi nhìn hai bên đường còn hoang vắng. Nhà lá, nhà tranh rải rác nằm im lìm giữa khu vườn dừa, cau. Tôi hơi lo: Tôi sẽ có nhiệm vụ đưa âm thanh của mình đến với những người nông dân chất phác này đây. Rồi họ có „hiểu và theo“ tiếng gọi của tôi sau này?

Sư trang trọng đặt tôi lên bàn Phật. Thân tròn bé bỏng của tôi được nằm trên một vòng vải êm ái, cạnh chiếc dùi nhỏ có bọc vải đỏ phía đầu. Sư sợ tôi đau mình nên bọc thêm mấy lớp vải đỏ vào anh bạn đời của tôi ? Hay Sư muốn âm vang của chúng tôi hòa vào nhau êm ái hơn ?

Bà đứng cạnh đó chắc cũng xúc động lắm. Bà nói với Sư:

- Thầy có đánh thử coi nó kêu có tốt không?

Bà đã gọi Sư là Thầy khi phát tâm tu hành. Sư mỉm cười trả lời:

- Yên tâm, tôi có đánh thử trước khi mua. Bây giờ để thượng lên bàn xong, đúng giờ công phu chiều nay tôi khai chuông bà nghe chắc sẽ vui lòng.

Chiều hôm đó là buổi trọng đại của đời tôi. Từ lúc ông thợ già đúc ra, tôi cũng phát ra âm thanh khi có người đánh thử, nhưng hôm nay mới thật sự là âm vang, là tiếng nói của tôi. Tôi sẽ ngân lên từ mái chùa lá để cho khắp xóm, khắp vùng biết nơi này có dấu chân Đức Phật, nơi đây đang có một đệ tử thành tâm hướng về Ngài, tay gõ vào chuông, tạo âm thanh huyền diệu cho bá tánh lân cận lắng nghe lời kinh, tiếng kệ sau đó.

Tiếng của tôi hôm đó sao mà cảm động quá. Tôi đã để hết lòng tôi vào âm ba lướt trên đầu cây ngọn cỏ, theo gió đồng lan đi, lan đi khắp vùng...

Rồi bắt đầu hôm đó, ngày ngày hai buổi công phu khuya chiều, Sư đã dùng tiếng tôi để đưa đến dân chúng „tiếng Đạo Pháp“ của Phật môn.

Không bao lâu tôi sung sướng thấy kết quả của Thầy trò tôi.

Lúc đầu chỉ vài bà già rồi dần dần gần hết bà con lối xóm đến chùa lá để lạy Phật nghe kinh và cũng như tôi, họ càng hoan hỉ hơn, vì càng ngày nhận thấy Sư đạo cao, đức trọng. Lờn đồn đi xa như mùi bông bưởi, bông cau tỏa khắp vùng, dân chúng đến lễ Phật càng đông mới thấy ngôi chùa không đủ chỗ chứa nhiều người mộ đạo, họ bèn phát tâm quyên tiền cúng vào chùa để xin Sư xây dựng chùa khang trang rộng rãi. Số tiền quyên không đầy một năm đã được hơn 1.000 quan. Lúc bấy giờ số tiền 1.000 quan rất lớn, Sư một mình lên đường đến Biên Hòa, thời đó còn nhiều rừng hoang và gỗ quý.

Dân chúng ở lại chờ 4 tháng, 6 tháng... rồi một năm, chưa nghe tin gì của Sư. Có vài người nông nổi đã thốt lời dị nghị: Sư đã mang tiền bá tánh đi mất v.v...

Bỗng một hôm, một người dân từ vàm sông Nha Môn chạy miết về xóm chùa để báo tin mừng: Sư đã đem gỗ về tới.

Từ chùa đến sông hơn năm ngàn thước, mọi người chạy bộ ra đó để mà xúc động khi thấy Sư một mình tự chèo chống bè gỗ trên sông. Trên bè gỗ quý lớn thân tròn mỗi cây cả ôm, bóng dáng mảnh khảnh của vị Sư già đen sạm vì mưa nắng.

Hỏi ra mới biết, sau khi lặn lội gian nan đến rừng ở Biên Hòa, tìm được gỗ quý, mượn thợ rừng hạ và trả tiền cho quan địa phương xong, Sư tự mình kết bè thả xuôi theo Sông Bé, vô sông Nhà Bè, qua ngã Chợ Gạo về Tiền Giang để đi dần về Nha Môn Theo thủy triều lên xuống, Sư đã dầm sương dãi nắng, một mình với bè gỗ to suốt sáu tháng trời chống chọi sóng gió...

Dân làng đánh mõ, đánh trống, họ đã chạy vào chùa gõ vào tôi boong boong. Âm thanh rộn rã chào mừng vị Sư già hết lòng vì đạo Phật.

Phật tử quanh vùng phát tâm làm công quả trong những lúc rảnh rỗi để cùng Sư xây dựng ngôi Tổ Đình.

Ngôi cổ tự được cất lên bề thế cách đây hơn thế kỷ vẫn bền chắc với thời gian.

Sau khi đã có ngôi chùa rộng rãi, Phật tử lại mong muốn có Đại hồng chung, trống châu, chuông lớn. Thế là anh Đại hồng chung của tôi được mượn thợ giỏi đúc ra. Anh hân hạnh hơn tôi, vì trong người anh có rất nhiều kim loại quý. Buổi lễ đốt lò nấu đồng được tổ chức long trọng, có nhiều vị Cao Tăng, Hòa Thượng đến chứng minh, dân chúng khắp nơi đến cầu nguyện và cúng dường. Họ bỏ vòng vàng, nhẫn bạc vào nồi nấu đồng đang sôi với sự tin tưởng „Tiền bạc như phù vân, chỉ có Đạo Pháp và chuông lớn có kim loại quý sẽ đời đời còn mãi“.

Đúng như lời nguyện, âm thanh của anh Đại hồng chung trầm bổng ngân nga kéo dài... Tổ đình đã có tiếng chuông lớn lan xa, tiếng của tôi giờ đây nhường cho anh, nhưng tôi vẫn sung sướng, vì như đã nói: chúng tôi là chúng tôi, tiếng chuông mà, Hai cũng như Một.

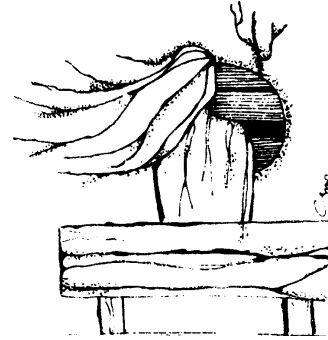
Anh có nhiệm vụ đến với người ở xa, còn tôi bây giờ được vị Sư già gõ nhịp trong các bài kinh tụng hằng ngày.

Vị Sư già yếu truyền lại cho đệ tử ngôi chùa, rồi đời nọ xuống đời kia, bao nhiêu Sư trụ trì tiếp nối vị Tổ khai sáng, tôi vẫn nằm đây để chứng kiến sự nối tiếp mãi mãi của nền đạo tại quê này.

PHẠM THĂNG

(Mùa Phật Đản)

Quê Hương, Nỗi Niềm U Ân



*Mây phiêu lãng hay đời ta phiêu lãng
Mây trên cao ta cuối ngò sông hồ
Tan rồi hợp tượng vô cùng thanh thân
Chỉ riêng ta đơn điệu tháng năm chờ.*

*Chim trái cánh, ta chân mòn gỏi mối
Chim thông dong, ta lê lét cõi trần
Trên phiêu bạt chạnh tấm lòng hối lỗi
Ngỡ riêng ta bội bạc với từ ân.*

*Ngựa chôn chân nên bông bênh vận nước
đến bao giờ mới vẹn cuộc tao phùng ?
Ai lỗi hẹn trên dặm ngàn xuôi ngược
để riêng ta mong ngóng đến vô cùng ?*

*Gió chao động ta vẫn còn tĩnh lặng
Nghe xôn xao nắng đổ mái hiên ngoài
đành chấp nhận những nỗi niềm u ân
Chẳng riêng ta mà gió cũng lạc loài.*

*Rừng u tịch sao hồn còn mê muội
Rừng bao la sao lòng lại hẹp hòi ?
Trên nỗi nhớ đã mù giăng bóng tối
Nên riêng ta vất vưởng tựa mây trời.*

*Xin chiêu niệm về niềm đau lá úa
để băng khuâng nghe năm tháng sang
mùa
Rồi khâm liệm hồn điên trong nắng lụa
Gửi riêng ta ủ ấp chuyện ngày xưa.*

*Ta vẫn lội về dòng sông quá khứ
Quên hao mòn theo tóc đỏ màu sương
Người đã khuất trên dặm buồn lữ thứ
Sao riêng ta còn khắc khoải về nguồn !*

Tùy Anh

Hamburg, tháng 3.1990

(Viết cho ta 10 năm xa xứ)

Sống Trong Cuộc Đời Tương Đối

- Thị Tâm -



Hôm nay lúc tan sở làm, thấy trời tốt tôi đạp xe chạy một vòng quanh trường Trung học Gymnasium ở gần nhà để hít thở không khí trong lành và tiếp nhận ánh nắng ấm áp của những ngày cuối đông, để nhìn những em học sinh đang cặm cụi làm bài hay đùa giỡn ngoài sân trường, để tiếc nhớ lại những ngày xa xưa khi học ở Trung học Le Myre de Vilers tại Mỹ Tho (sau này đổi tên là Trung học Nguyễn đình Chiểu) thời mà những học sinh phải mặc đồng phục với quần sọt vải Kaki trắng, áo sơ mi trắng, giày Bata trắng, đội nón cối trắng, trên cổ áo mang huy hiệu của lớp học v.v... Mãi nghĩ miên man mà đến nhà không hay, đạp xe đạp, lên lầu vừa mới mở cửa thì vợ tôi nói : "Có hai vợ chồng cháu X-Y đến thăm từ hồi trưa còn ở đằng trước". Tôi đi ra phòng khách, hai cháu đứng dậy chào. Tôi nói đùa:

- Chà ! Gió Glasnot hay Perestroika nào mà thổi hai cháu đến đây. Lâu quá gần hai năm nay từ khi làm lễ thành hôn tại chùa rồi bật tin luôn, không thấy hai cháu thư từ gì cả. Hai đứa làm ăn ra sao? Có công tử hay công chúa nào không? nói cho Bác biết Bác mừng với. Thôi ngồi xuống rồi nói chuyện sau. Tôi đi vào phòng thay áo ngoài, vợ tôi nói nhỏ :

Hai đứa nó com không ngon, canh không ngọt rồi đó. Anh liệu mà khuyên răn tụi nó, hồi trưa tới giờ tối cũng cố hòa giải tụi nó nhưng tụi nó muốn đợi anh về để thưa chuyện với anh.

Tôi cười, đi trở ra phòng khách, tôi hỏi :

- Hai cháu đến thăm hai Bác hay có chuyện gì quan trọng

cho Bác biết với. Sao Bác thấy mặt mày đứa nào cũng ủ dột hết vậy? Có chuyện gì đáng cay không?

Cháu X chồng của Y nói : Thưa Bác không dám giấu chi Bác là sau khi làm lễ cưới tại chùa được vài tháng thì vợ chồng cháu bắt đầu có nhiều sự xích mích với nhau, từ việc nhỏ xé ra to, không ai nhìn ai do đó trong nhà buồn thiu như có đám ma chưa chôn vậy. Bác coi cháu đi làm, vợ cháu ở nhà, lãnh tiền tiền tận lăm mới đủ xài, còn phải dành dụm chút ít mua quà gởi về giúp đỡ gia đình. Mà lần nào cháu gởi quà về gia đình cháu là lần đó có cái lộn. Vợ cháu nói tại sao cháu gởi thùng quà nhiều tiền quá vậy. Chạm tụi ai cháu nên có sự gây lộn.

Cô Y đâu có chịu thua, cắt lời anh chồng nói :

- Thưa Bác, anh nói thêm cho cháu, của chồng công vợ, anh không có nghĩ như thế. Mỗi lần anh gởi thùng quà về cho gia đình anh, giá tiền gấp hai lần thùng quà của cháu. Ba tháng anh gởi một thùng, còn cháu 5-6 tháng anh mới đưa tiền cho cháu gởi một gói quà nhỏ xíu về cho gia đình cháu. Bác coi như vậy có phải bên trọng bên khinh không? Anh có ăn hiếp cháu không? Còn nhiều chuyện khác nữa, cháu chịu hết nổi rồi! Anh mà không bỏ tật đó, cháu sẽ bỏ anh cháu đi. Rồi cô ta ngồi khóc...

Khoan khoan, từ từ chuyện đâu còn đó, Bác hỏi hai cháu vậy chớ khi hai cháu được Thầy làm lễ thành hôn, khi quỳ chấp tay hướng về Phật tiền để nghe lời khuyên nhủ của Thầy và sau đó lập lại lời phát nguyện, hai cháu có còn nhớ gì không? Hai đứa cùng trả lời là : Không. Khi đó cháu run quá, nghe tiếng được, tiếng mất, bây giờ đâu còn nhớ gì lời dạy của Thầy. Xin Bác vui lòng đọc lại lời khuyên nhủ, lời phát nguyện và bài giảng "đạo vợ chồng" do Thầy đọc trong buổi lễ cho anh nghe để anh hồi tâm sửa đổi tánh nết của anh.

- Còn em cũng vậy, em cũng phải nghe để khỏi mỗi chút mỗi gây gỗ, mỗi chút so đo giận hờn. Chiều lòng hai cháu, tôi đến tủ sách lấy cuốn "Lễ Nhục Phật Giáo" lật trang 54 - thật chậm rãi đọc lại cho hai đứa nghe. Tôi đọc :

Này hai Phật tử, hãy lắng nghe : Đức Phật dạy rằng, đệ tử của Phật gồm hai hạng : Xuất gia và tại gia. Người xuất gia có bốn phạm hạnh pháp lợi sanh; Còn người tại gia có bốn phạm hạnh trì ngôi Tam Bảo. Người xuất gia sống không gia đình; người tại gia sống có gia đình. Xây dựng gia đình thành đơn vị an lạc giải thoát trong xã hội. Bởi vậy, trong giáo lý đức Phật dạy cho người xuất gia kỹ lưỡng tinh tế bao nhiêu, Ngài cũng không quên nói ra những giáo lý thực tế cặn kẽ để chỉ dạy cho người Phật tử tại gia bấy nhiêu. Cốt yếu nhằm tạo sự tin yêu hòa thuận trong đời sống gia đình, nhất là làm sao có sự tin tưởng đối với Tam Bảo, phát tâm thực hiện những hạnh từ bi, lợi tha để xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội được an lạc.

Hôm nay, quý trước Phật đài, hai Phật tử sẽ phát nguyện chung sống trọn đời để tạo lập hạnh phúc cho nhau. Trong giờ phút thiêng liêng này, đối với Tam Bảo, hai Phật tử đọc lên những lời phát nguyện chân thành sau đây :

Chúng con tên là

1/ Xin nguyện từ đây trở thành chồng vợ suốt đời, chúng con sẽ sống cùng nhau, lúc vui mừng có nhau, lúc đau khổ có nhau và lúc nào cũng xem nhau như chính thân mình.

2/ Chúng con nguyện cùng nhau nuôi dưỡng con cái, đào tạo chúng nên người tốt, hy sinh cho con cái như cha mẹ chúng con đã hy sinh cho chúng con.

3/ Chúng con cùng nhau ghi nhớ công ơn dưỡng dục cao dày của cha mẹ. Kể từ nay, cha mẹ của mỗi chúng con là cha mẹ chung. Chúng con xin nguyện cùng nhau báo hiếu đền đáp phần nào công ơn như trời như biển của cha mẹ.

4/ Chúng con xin vâng theo lời Phật dạy, cùng nhau thực hiện hạnh Từ bi, giữ gìn cho nhau nếp sống lành mạnh, cố gắng làm những việc phước đức.

5/ Chúng con biết rằng có như thế, chúng con mới tạo dựng được bầu không khí thuận hòa trong gia đình, mới cùng nhau vượt qua được những khó khăn trở ngại để đem lại hạnh phúc cho nhau. Xin nguyện đức bổn sư từ bi chứng minh, gia hộ cho chúng con.

Nhìn thấy hai cháu rung rung nước mắt, tôi đọc tiếp bài giảng "đạo vợ chồng" được trích từ kinh Thiện Sanh cho hai đứa nghe. Đạo vợ chồng cần phải kính mến, nhường nhịn nhau. Sự sống chung đụng lâu ngày dù thương nhau thế mấy, nếu thiếu sự kính nhường đều có thể gây tổn thương mỗi tình chung thủy. Đừng lấy quyền làm chồng lấn hiếp vợ. Đừng ý thế vợ khinh khi chồng. Quyền lợi phải giữ như cân cân, không thiên lệch bên nào. Nếu có thiên lệch sẽ có chia rẽ. Cũng đừng để ai hy sinh cho ai. Bởi vì cuộc sống hợp đồng, phải tôn trọng quyền lợi thiêng liêng của đôi bên.

Không bao giờ có hai vợ chồng tánh tình giống hệt nhau. Vì thế, không hợp nhau là lẽ dĩ nhiên, cho nên hai bên phải khéo dung hòa nhau. Mến tánh tốt của nhau, phải chịu đựng tánh xấu của nhau. Đừng than phiền, đừng đòi hỏi, đừng tìm kiếm đâu nữa mẫu người như mình tưởng tượng. Lúc ở xa nhau, thấy tánh hạnh rất thích hợp, nhưng bắt buộc sống chung sẽ thấy hiện nhiều tật xấu khó chịu. Nguyên tắc duy nhất bảo đảm cho cuộc sống chung là "khôn khéo sửa đổi cho nhau và chân thành phục thiện". Dù người chồng hay người vợ, lúc nào cũng phải dẹp bỏ tự ái, đừng coi mình là hiện thân của chân lý. Sống trong cuộc đời tương đối, cái gì cũng phải chằm chước cho nhau. Đòi hỏi một người toàn thiện, tìm khắp thế gian này không thể có được. Theo tinh thần Phật dạy trong kinh Thiện Sanh, người chồng phải thật tình thương mến người vợ, không bao giờ dám khinh khi. Sắm đồ trang sức tùy khả năng, tùy sở thích của vợ, cho vợ trọn quyền xếp đặt việc nhà, xem thân tộc bên vợ cũng như bên mình. Người vợ phải mến trọng săn sóc chồng, hằng tưởng nhớ đến chồng, quản thủ việc nhà. Chăm nom thân tộc cho chồng, thức khuya dậy sớm để lo gia nghiệp, nói năng chân thật ôn hòa. Không bó buộc chồng quá đáng, chào mừng khi đi đâu về và lo thức ăn chỗ nghỉ cho chồng.

đương nhiên, vợ chồng đều phải cố gắng giữ ba giới đầu của 5 giới cấm ở cương vị một Phật tử tại gia : như không được giết hại sanh mạng của kẻ khác, không được lấy trộm cắp vàng bạc, châu báu, của cải của kẻ thứ ba khi không được sự đồng ý của họ và không được phạm giới tà dâm,

nghĩa là đã có vợ nhà rồi, không nên đi thông đồng với vợ người khác và ngược lại, khi có chồng rồi, chỉ một mực thờ chồng, không được tư thông với người trai khác. Nếu không làm như thế, sẽ dễ bị ly tán tình nghĩa vợ chồng. Có vậy trong nhà mới yên vui hòa hợp. đã tin cậy nhau phải tôn trọng sự tự do của nhau, đừng kèm hãm bó buộc khiến sinh ra bực bội, dù vì tình thương cũng vậy. Vừa đọc xong, ngược nhìn lên tôi thấy hai đứa đang khóc thút thít. Những giọt nước mắt lăn trên má là những lời sám hối chân thành tự trong tâm của đôi vợ chồng còn non trẻ. Tôi nói:

- Trong cuộc sống lứa đôi hai cháu phải nhiều và thật nhiều phấn đấu, hết sức cẩn thận đề phòng mọi cám dỗ, dò dẫm từng bước đi để khỏi bị sa ngã trong một cái xã hội văn minh nhưng thiên lệch về vật chất, mà mỗi một sự bất đồng nho nhỏ cũng kéo nhau ra tòa ly dị. Hai cháu đừng quan niệm rằng cuộc sống vợ chồng như cái áo, sáng mặc chiều thay. Một khi đã chấp nhận sống chung với nhau thì phải nắm tay nhau đi cho hết đoạn đường trần ai đau khổ, đừng bỏ mỗi bất bóng, tìm đâu ra được mẫu người trong mộng, đừng theo đuổi cái hình dáng bề ngoài để rồi thương, rồi ghét, rồi lấy rồi bỏ v.v... làm cho đời đã đắng cay lại càng thêm cay đắng. Hai cháu có nghe lời Phật dạy : "Sống trong cuộc đời tương đối, cái gì cũng phải chằm chước cho nhau. Đòi hỏi một người toàn thiện khắp thế gian này không thể có được".

Thưa Bác, là Phật tử mà từ trước tới nay hai cháu mãi chạy theo cuộc sống vật chất, ham mê ngũ dục (1) quên đi lời Phật dạy, lời Thầy khuyên nên gia đình gần sắp đổ vỡ. Hôm nay sau lời chỉ bảo của Bác hai cháu thấy ăn năn hối hận vô cùng. Hai cháu hứa vài ngày nữa hai cháu sẽ đến Chùa trước là lễ Phật, thăm Thầy, sau xin sám hối việc làm sai trái của chúng cháu.

Tốt quá, Bác chỉ mong có thể thôi. A, mà hai cháu ở lại dùng cơm chiều với hai Bác cho vui.

Dạ, thưa Bác, hai cháu đã làm rộn hai Bác quá nhiều rồi, xin hai Bác cho phép cháu được đi về vì đường xa, chúng cháu xin hẹn dịp khác sẽ đến thăm hai Bác và ở lại lâu hơn. Lần sau đến thăm hai Bác phải có thêm một đệ tam nhân tí hon nữa nha, tôi vừa nói vừa cười.

Khi hai cháu ra khỏi nhà, tôi đến trước bàn thờ Phật, đốt nhang, đánh 3 tiếng chuông, lâm râm cầu nguyện Phật gia hộ cho hai người con Phật đang sống lạc lõng giữa chợ đời vật chất hồi tâm tinh thức, không nản lòng, không giao động trước cảnh đời phù hoa biến hóa vạn thiên, đầy đủ nghị lực trong tinh thần Bi - Trí - Dũng để vững vàng thẳng bước trên con đường thẳng hoa cuộc sống dưới bóng từ bi của Đức Phật.

Tây Đức cuối đông 90.

(1) - Ngũ dục : là 5 thứ dục vọng gồm có : Tài (tiền bạc, của cải) Sắc (sắc đẹp) Danh (danh vọng) Thực (ăn uống) Thùy (ngủ nghỉ).

Phải chăng đã đến thời kỳ "Hoàng Dương Đạo Pháp"

Vị Phật Sống Tây Tạng

** Đoạt giải Nobel Hòa Bình 89 là một tát tay rất đau đối với nhà cầm quyền hủ lậu Bắc Kinh.*

** Đây cũng là khởi điểm biến cố trọng đại nhất ở cuối thế kỷ 20 = "Chế độ Cộng sản Quốc tế sau thời gian bạo phát đã đến lúc rụi tàn !"*

Nguyễn Ang Ca

Sự việc Đức Phật Sống Tây Tạng DALAI-LAMA (Báo chí An gọi Ngài là "Dieu vivant" hay "Saint vivant") được giải Hòa Bình Nobel năm 1989 đã làm chấn động dư luận hoàn vũ !

Nhức nhối nhất là bọn cầm quyền già nua, lỗi thời, hung ác và tham quyền cố vị Trung Cộng ! đây là một cái tát đau đớn mà khối tự do hữu thần duy tâm như đã tát vào thẳng mặt bọn phi nhân, vô thần Tàu Đò, sau vụ thảm sát Thiên An Môn.

Đi sâu hơn về tâm linh, phải chăng sau thời kỳ khủng hoảng, đã đến lúc "hoàng dương đạo pháp"?!

Những kẻ hung dữ khát máu, dù được tổ chức chặt chẽ như Cộng sản đê tam Quốc tế, sau thời kỳ bạo phát, đã đến lúc, phải đến lúc, bạo tàn.

Chúng tự sanh rồi tự diệt !

Trước mắt chúng ta, đã xảy ra lăm hoạt cảnh, qua hình ảnh sống động, từ đồng đức đến Tiệp, Hung... giúp chúng ta thấy rõ 5 chữ "Bất chiến tự nhiên thành".

Con siêu vi trùng Cộng sản, cũng như loại vi trùng SIDA (AID) dù nguy hiểm, độc hại đến đâu, chắc chắn cũng sẽ bị khoa học tiên bộ và sự tăng trưởng về kiến thức của nhân loại hủy diệt ở vào cuối thế kỷ 20 này !

Chúng ta có quyền hy vọng rằng bước vào thế kỷ thứ 21, tức kể từ năm 2.001, loài người sẽ hết chết vì bệnh SIDA (AID) hay ung thư... và học thuyết Cộng sản chỉ còn... ở trong dĩ vãng, còn ghi lại trong sử sách mà thôi ! Mỗi khi nhắc lại thời kỳ ngự trị của Cộng sản, thế hệ sau cho đây là thời kỳ thê thảm, bi đát nhất của nhân loại !

Tổng số nạn nhân chết qua các thời chiến tranh trong lịch sử các nước Ai Cập, La Mã, Á Rập, Ba Tư, Hoa Kỳ, Mễ Tây Cơ, Nhật, Tây Ban Nha, Pháp... và hai cuộc thế chiến đều kém xa số nạn nhân trong thời kỳ bọn "Bôn Sơ Vít", Cộng sản Đê tam Quốc tế hoành hành. Những tên đồ tể Lê Nin, Staline, Mao Trạch đông, Fidel Castro, Đặng Tiểu Bình, Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Polpot... đã giết hơn một tỷ chúng sinh trên mặt đất ! (có lẽ khắp thế giới, bọn Cộng sản Việt Nam và Tàu Đò chết sau hết, vì đây là hai tập đầy ngoan cố và ù lì nhất). Trở lại giải Nobel Hòa Bình của Đức DALAI LAMA, các báo Âu, Á, Mỹ có dịp khám phá thêm nhiều sự việc bí mật

ở quanh Darhamsalla và trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn huyền bí.

Nhiều phóng sự mô tả cuộc đàn áp nhân dân Tây Tạng của Trung Cộng là một hành động xâm lăng rõ rệt, thách thức lương tâm của thế giới !

Và vì cái hèn, cái nhát của thế giới tự do, sợ mịch lòng... thị trường khổng lồ Trung Quốc, nên nhiều nước đã giả điếc, giả câm và đui !

Nhưng vào năm 1987, sự nổi dậy chống đối của nhân dân Tibet mà Trung Cộng đã lần nữa dùng bạo lực trấn áp, đã làm cho thế giới hết còn điềm nhiên tọa thị được nữa !

Mãi đến khi thảm cảnh Thiên An Môn xảy ra, giới ngoại giao các nước nhờ vào báo chí có dịp sáng mắt. Bọn Tàu Đò quá cực kỳ hung ác ! Và cuộc chiến đấu đơn độc của Tây Tạng - mà thế giới gọi là "nóc nhà của hoàn vũ" - lần này, được khắp năm châu tìm hiểu thật sát, từ chiều rộng lẫn chiều sâu.

Ngày 5.10.89, khi Hội đồng Giám khảo đồng ý trao giải thưởng cho Đức DALAI LAMA như ngụ ý nói với các lãnh tụ già nua, ngu muội, hung hãn Tàu Đò rằng :

- Hành động hung tàn phi nhân của các "Nị", thế giới tự do đều rõ cả, đừng tìm cách che đậy mắt công !

Vị Chủ tịch Hội đồng Giám khảo giải Nobel đã tuyên bố :

- Đức DALAI LAMA là Vị lãnh đạo thiêng liêng của dân tộc Tây Tạng, là người triệt để chống đối bạo lực. Trái lại, ông còn tán dương các giải pháp hòa bình hầu bảo phòng di tích văn hóa và lịch sử của nhân dân Tibet. Vị Chủ tịch cũng thẳng thắn nhìn nhận :

- Các biến cố ở Thiên An Môn, khi nhà cầm quyền Bắc Kinh đàn áp dân chúng bằng võ lực, càng làm cho sự đề cử của Đức DALAI LAMA lần này có được sự ủng hộ tích cực hơn trước nhiều.

Là hóa thân của đức Phật sống DALAI LAMA tiền kiếp, Đức DALAI LAMA lần này là vị Phật Sống thứ 14 của nhân dân Tây Tạng, đã được lựa chọn một cách hết sức công phu đầy kiên nhẫn, đã lên ngôi thừa kế hồi năm Ngài mới lên 5 tuổi.

Vào năm 1950, Mao Trạch đông đã xua Hồng Quân tràn sang xâm chiếm Tây Tạng và thảm sát cả mấy mươi vạn người yêu nước. Trong số này có cả ngàn nhà tu Phật giáo. Trọn 9 năm dài, dù còn là một thiếu niên Đức DALAI LAMA đã cố gắng hòa giải để giữ cho quốc gia có được sự tự trị hạn chế.

Năm 1959, trước sự lợc lừa xảo trá của bọn Tàu Đò, giả dạng một binh sĩ, Đức DALAI LAMA cùng đoàn tùy tùng như có phép màu yểm trợ, thoát qua được sự canh gác cẩn mật của bộ đội Trung Cộng, vượt núi băng rừng mấy ngày đêm, trốn sang qua Ấn quốc.

Đức Phật Sống Tây Tạng tiếp tục cuộc sống khổ hạnh của một nhà tu đức trọng cao dày ở Darhamsalla. Các đệ tử

cũng là tùy tùng của Ngài vẫn trung thành theo Ngài, để tiếp tục phục vụ đạo pháp và lòng yêu nước thiêng liêng. Qua Ngài, thế giới loài người có tiếng nói trung thực, chánh nghĩa của nhân dân Tây Tạng.

Dân tộc Ấn Độ rất kính trọng Ngài.

Theo họ, lý tưởng và mục tiêu tranh đấu cho nền độc lập quốc gia của đức Phật Sống Tây Tạng giống hệt vị Thánh Gandhi, một vị Thánh bất tử của toàn dân nước Ấn - (Có người gọi là Thánh Cam Địa).

Đức DALAI LAMA luôn chủ trương lấy nhân nghĩa, hòa bình để hóa giải hận thù đầy sắt máu.

Ngài nói với phái viên báo "Monde" rằng :

- Nếu chúng tôi vẫn tiếp tục tranh đấu bằng con đường bất bạo động thì chúng tôi có nhiều hy vọng cảm hóa được tư tưởng của Trung Cộng và vấn đề Tây Tạng.

Bằng chúng tôi chống lại họ bằng võ lực thì hóa ra tạo cho Trung Cộng một sự dễ dàng : Dùng bạo lực đàn áp chúng tôi !

Đức DALAI LAMA đề nghị thẳng với các tên lãnh tụ già mà khát máu ở Bắc Kinh : "Một quốc gia Tây Tạng có một thể chế tương tự như ở Hồng Kông. Đó là một quốc gia mà hai chế độ ("Un pays, deux systèmes")"

Nhưng vì ghen tức uy tín quá lớn lao của Đức Phật Sống, cả trong nước đến ngoài nước, bọn Tàu Đò đã làm ngơ trước lời đề nghị của Ngài. Trái lại, bọn Tàu Đò còn đưa sứ giả tìm gặp Ngài, mời Ngài về Tây Tạng để... "lên ngôi trị quốc" (Bù nhìn !).

Lẽ tức nhiên Đức Phật Sống đâu có thể tin được vào những lời xảo trá của bọn Cộng Tàu !

Năm qua, khi sang Âu, đáp lại lời phỏng vấn của nhiều báo, Đức DALAI LAMA khuyến cáo các nước tự do tư bản, đại ý :

"Chủ nghĩa Cộng sản chỉ có thể sanh sôi nảy nở ở... các nơi đây rác rến (tức chánh quyền các nước nào đây tham nhũng, bệ rạc...).

Và Ngài còn nói với các Phật tử Việt Nam như một lời tiên tri :

"Chế độ phi nhân vô thần Cộng sản trước sau gì cũng bị hủy diệt khi nhân loại tiến bộ nhiều về kiến thức... Sự thông minh của con người ở thế kỷ 20 không như sự hiểu biết của con người hồi tiền thế kỷ...".

Suy gẫm lại, tình hình các nước Cộng sản Đông Âu, cả nội tình Sô Viết bây giờ, đã giúp chúng ta thấy rõ thế nào là : "Bất chiến tự nhiên thành !".

Vì trường thành vững vàng như bức tường ô nhục Bá Linh còn bị sụp đổ dễ dàng trước sự thông minh, tiến bộ về kiến thức, không bị dễ dàng kềm kẹp, nhồi óc, xỏ mũi nữa, thì hướng chỉ là một ngai vàng, một bè lũ, chuyên làm những điều hung ác, vô luân ?!

Đức DALAI LAMA rời khỏi nước ngày 10.3.1959 thì vào tháng 3 năm 1989, đúng 30 năm, Hội đồng Giám khảo giải Nobel về Hòa Bình đồng ý sự đề nghị trao giải Hòa Bình 1989 cho vị Phật Sống Tây Tạng ở phiên họp đầu tiên. Đây là cả một sự ngẫu nhiên nhiệm mầu !

Hay đây đúng là... ý Trời ?!

Vào ngày chúa nhật 10.12.1989, tại thủ đô Oslo (Na Uy) đã cử hành lễ phát giải Nobel Hòa Bình 89 cho Đức DALAI LAMA, Vị Phật Sống, lãnh đạo tinh thần của cả 6.500.000 nhân dân Tây Tạng.

Trước mặt Quốc vương Na Uy O Lau-V và sự hiện diện của toàn thể chánh phủ Na Uy, Đức DALAI LAMA tuyên bố :
- "Đại diện cho các người bị áp bức ở khắp mọi nơi, tôi hân hạnh nhận lãnh giải Nobel Hòa Bình 1989. Tôi nhận giải thưởng với lòng tri ân thâm sâu".

Có mục đích để bẹp mọi sự chống đối ở Tây Tạng, Trung Cộng đã cho hơn 7 triệu binh sĩ và dân chúng tràn ngập vào lãnh thổ Tây Tạng, nhưng Đức Phật Sống vẫn theo đuổi chánh sách ôn hòa được công khai đối thoại với Tàu Đò mà không chủ trương kháng Cộng bằng võ lực.

Trong bài diễn văn ở Hội đồng Âu Châu nhóm ở Strasbourg mà được mời như một vị nguyên thủ quốc gia, Đức DALAI LAMA tuyên bố (4.89) là Ngài từng đề nghị Tàu Cộng dành cho Tây Tạng được quyền tự trị còn quyền đối ngoại thì Bắc Kinh có thể giữ lấy.

... Với tám ngàn phiếu 455.000 đô la của giải thưởng Nobel, Vị Phật Sống có thể giúp đỡ phần nào cộng đồng người tỵ nạn Tibet, như là về mặt giáo dục các con trẻ lưu vong.

Ngoài văn phòng thường trực của Đức DALAI LAMA, dân tộc Tây Tạng còn thành lập một chánh phủ lưu vong để có được tiếng nói chung, đại diện cho khối nhân dân Tibet và có thể giao tiếp thẳng với chánh phủ các nước. Chánh phủ lưu vong Tây Tạng đang sẵn sàng trở về tiếp thu, chấn chỉnh lại việc nước.

Đức DALAI LAMA sanh năm 1935, tên thật là Tenzin Gyatso (Ngài tuổi Giáp Tuất ?) sau 30 năm lưu vong, năm nay Ngài đã được 55 tuổi (theo từ vi Châu Á). Kể từ tháng 4 năm 1959, Đức Phật Sống đã bốn ba đi khắp thế giới, vận động hòa bình, gieo rắc tình thương, thể hiện lòng bác ái từ tâm cho tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo. đồng thời trọn 30 năm dài đằng đẵng Ngài lúc nào cũng tranh đấu bằng phương thức bất bạo động để dành sự tự do, độc lập cho Tibet.

Dù cũng có các phần tử quá khích nói phương thức đấu tranh của Đức DALAI LAMA tiêu cực, Ngài ôn hòa đáp :
- Bạo động trái với lòng từ bi hỷ xả của Phật giáo và dù bạo động có thành công đi nữa, thì chánh quyền đó cũng không sao đứng vững lâu dài.

Phương thức đấu tranh của Ngài khiến cho Hội đồng trao giải thưởng Nobel Na Uy đã đề cử Ngài suốt 3 kỳ liền và năm 1989, Đức Phật Sống đã nổi bật hơn hết trong số 90

nhân vật quốc tế được đề bạt, nhắc nhở. Sau khi được tin Na Uy có quyết định trao giải Nobel Hòa Bình cho Đức Phật Sống, chánh phủ Bắc Kinh lập tức có thái độ... đàn áp tôn giáo bằng cách truy tố ra tòa 17 nhà tu Phật giáo. Tại Tòa án nhân dân của Tàu Đồ họp ở Lhasa, thủ đô Tây Tạng, bọn Bắc Kinh đã tuyên án 19 vị tu sĩ này - đệ tử thuần thành của vị DALAI LAMA - từ 5 năm đến 19 năm cầm cố.

Theo nhật báo Tây Tạng, tất cả tội phạm trong phiên họp xử cuối tháng 11.89, bị Tòa án truy tố về tội trạng "phân ly", nghĩa là muốn tách rời Tây Tạng ra khỏi sự đô hộ của Trung Cộng !

Cũng nên nhắc lại là sau cuộc biểu tình phản đối nhà cầm quyền Bắc Kinh đã "cai trị Tây Tạng với một chế độ hà khắc, bóc lột và kỳ thị", đấm tay sai của đảng Tiểu Bình đã giết chết mấy ngàn người Tây Tạng vô tội. Kể từ ngày Lhasa đẫm máu thường dân và các vị tu sĩ, - ngày đại tang 5.3.89 của nhân dân Tibet -, hiện ở khám đường còn bị giam cầm bạc đãi và cưỡng bách khổ sai lao động hơn 400 người !

Nhưng đây chỉ là con số của năm 1989.

Kể từ ngày 26.10.1950, ngày Bộ đội của Mao, xâm lăng Tây Tạng, lính Tàu Đồ đã bắt giết hay tra tấn, thủ tiêu lối 1.200.000 người ! Bỏ tù 600.000 người, hơn 1/10 dân số Tây Tạng. Số tù chánh trị bị T.C. bắt từ ngày 26.10.50 đến nay còn ở các trại giam là 100.000 người ! (Theo phóng sự của Tivi Pháp, băng tần số 3, truyền ảnh tối chứa nhật 10.11.1989, ở đề mục "Optique : Paix à la Sainteté" và tài liệu của "Beyond International").

Dân số Tây Tạng có hơn 6 triệu mà Tàu Đồ cho xâm nhập vừa lính, vừa dân vào Tibet hơn 7 triệu, tức có ý đồ đồng hóa làm cho dân Tây Tạng bị mất gốc. đây cũng là "Nghệ Thuật Trồng Người" của Cộng Sản, ở đâu cũng vậy, Việt Cộng học y chang theo Tàu Cộng, Tàu Cộng học một sách lược của Nga Cộng v.v...

Và chẳng khác nào Nga Xô đặt căn cứ chiến lược ở Cam Ranh, Tàu Cộng đã biến Tây Tạng làm 1 trong 2, 3 căn cứ quân sự lớn nhất, có nhiều vị trí radar, hỏa tiễn liên lục địa v.v...

Vài đặc điểm về Tây Tạng

Nằm trên núi cao, cách mặt biển đến 4.000 thước, Tây Tạng "nóc nhà thế giới", khí hậu rất lạnh lẽo ! Vào thời kỳ Anh xâm lăng và đặt quyền bảo hộ, Tây Tạng chỉ có khoảng 1.600.000 dân chúng. Năm 1947, khi người Anh rời khỏi Ấn Độ cũng giao trả chủ quyền Tây Tạng lại cho Đức DALAI LAMA thứ 13.

Vị DALAI LAMA thứ 13 đã bỏ trốn sang Tàu trong thời kỳ Anh quốc chiếm đóng Tibet, được xem là một vị Phật Sống thông minh phi thường.

Tây Tạng là một quốc gia rất giàu về cây rừng, dã thú, khoáng sản... Nếu không bị hạn hán thường xuyên, hay nếu được dẫn thủy nhập điền đúng mức, Tây Tạng sẽ là một quốc gia giàu !

Nhưng, tài sản quốc gia của Tibet đã bị Trung Cộng tàn phá hủy diệt gần 90%.

Qua hình ảnh linh động của thiên phóng sự đặc biệt nói trên ở màn bạc vô tuyến truyền hình Pháp, khán giả vô cùng xúc động khi chứng kiến cảnh lính Cộng Tàu đánh đập nhân dân Tibet. Nhiều bộ áo cà sa nhuộm đỏ máu hồng khi các vị tu sĩ Phật giáo bị bá súng C.S.Tàu thẳng tay đàn áp, quần mình trên mặt đất. Không có gì đau lòng hơn khi nhìn thấy các xạ thủ pháo binh Cộng sản Tàu lấy các đèn chùa - có gần hay hơn 1.000 năm di tích lịch sử - làm mục tiêu tác xạ! (lối 6.000 đèn đài bị Cộng Tàu tiêu hủy).

Và cũng như Bộ đội Cộng sản Bắc Việt khi xua quân xâm chiếm đất Chùa Tháp, đã đánh cướp các lục bình cổ, các tượng Phật ở các đền chùa, ngay cả ở Đền Thiên Đế Thích để bán sang Thái Lan hay tại chợ Trời Hà Nội, Sài Gòn, bọn Cộng Tàu đã đem nhiều tượng Phật Tây Tạng bán sang Hồng Kông, Nhật Bản, Tân Gia Ba...

Bọn thổ phi Cộng sản từ Nga đến Cuba hay Việt, Tàu... đều cùng hành động : vợ, vét, vợi vĩa... như nhau cả ! Đáp lời câu hỏi của một nhà báo Âu Châu về lý tưởng của Phật giáo, Đức DALAI LAMA nói : - điểm cốt yếu của Phật giáo xây dựng trên các việc thiện lành, lòng bác ái và tình thương yêu chan chứa...

Vị Phật Sống nhấn mạnh :

- Mình phải tự cải thiện mình trước rồi mới cảm hóa người đời, xã hội được. Xã hội này có nhiều vấn đề phức tạp, mỗi một biến cố đều có khía cạnh khác biệt. Nhìn ở gần thấy khác và ở xa còn thấy khác hơn nữa...

Nhạc dân ca Tây Tạng rất giống Việt Nam, nghe như tiếng kêu thương thảm thiết của đàn chim nhận lạc bầy. Tiếng kêu thương đó làm mây như ngừng bay và cao vút lên tận chín lớp mây cao, vượt thoát cả đôi núi chập chùng. Ta nên lắng nghe lời ca của người Tibet, dân tộc bị mất nước :

*"... Hãy đứng lên đi người dân Tây Tạng
Cùng một loạt đứng lên
Dân tộc này rất yêu thềm tự do
Không thể nào bị đàn áp dài lâu
Đứng lên đi người dân Tây Tạng
Dân chúng thế giới đều đứng kể sau lưng chúng ta
Và sẽ làm nhân chứng cho dân tộc ta
Chính Đức Phật Sống Dalai Lama dù ở gần hay ở xa ta,
cũng là vị lãnh đạo của ta để chống lại bọn Tàu Đồ thực dân*

Hãy đứng lên đi người dân Tây Tạng..."

Quốc gia Tây Tạng nằm giữa Á Châu nên từ xưa được gọi là "Trái tim Châu Á".

Từ năm 1988, Trung Cộng ra lệnh bế quan tỏa cảng, cấm du khách vào thăm Lhasa, thủ đô Tibet.

Ở thủ đô Lhasa có thường trực 70.000 lính T.C., còn khắp Tây Tạng có hơn 300.000 lính Tàu.

Điểm đặc biệt là Phật tử Tibet lạy Phật nằm sấp xuống đất chớ không giống như ở Ấn, Nhật, Hoa, Việt, Thái, Lào, Kampuchea...

Theo lịch sử, vào thế kỷ thứ 7, Tây Tạng từng đánh bại Trung Hoa khiến Hoàng đế Trung Hoa phải gả công chúa cho Quốc Vương Tây Tạng. Vị Công Chúa đó là một tín đồ thuần thành của Phật giáo và đã truyền bá Ánh Đạo Vàng của Đấng Từ Phụ Thích Ca sang lãnh thổ Tibet. Năm 1930, vị DALAI LAMA thứ nhất khởi sự nêu danh vì Ngài tách Phật giáo ra làm một hệ phái riêng, không lệ thuộc vào các nước Ấn, Trung Hoa... Hệ phái này gọi là "Nhà tu Phật đội mũ vàng". Vị DaLAI LAMA thứ năm là người đã xây nên các điện thờ ở trên núi, có điện cao đến 14 tầng, rất nổi tiếng.

Khi Đức DALAI LAMA thứ 13 từ trần Ngài đã trở lại trước khi trút hơi thở cuối cùng. Thi thể Ngài được đặt lên ngôi cao và sáng hôm sau, người ta phát hiện đầu Ngài quay nhìn về hướng đông. Một đoàn tu sĩ theo sự chỉ dẫn tìm về một làng huyền bí, gặp một đứa bé 3 tuổi và qua nhiều cuộc trắc nghiệm, được biết chắc chắn là hóa thân sau của Đức DALAI LAMA thứ 13, và cũng là đương kim Phật Sống bây giờ, nên rước về điện Potala.

Ngày 10.3.1959, Đức DALAI LAMA phải trải qua 48 giờ thi, đáp lại những câu chất vấn của hơn ngàn tu sĩ, mới chính thức được nhìn nhận.

"Vị Phật Sống thứ 14 của nhân dân Tibet".

Báo chí quốc tế ghi nhận Đức DALAI LAMA rất xứng đáng nhận lãnh giải Nobel Hòa Bình vì Ngài, ngoài bậc chân tu đạo hạnh, còn là một nhà hùng biện, thông minh, xuất chúng.

Ngoài Ấn Độ, hiện ở Népal cũng có hàng vạn người Tây Tạng. Tất cả đều là đệ tử thuần thành của Đức Phật Sống và họ hy vọng một ngày gần đây, sẽ theo Đức DALAI LAMA trở lại cố hương, hầu đem tất cả khả năng và lòng nhiệt thành xây dựng, kiến thiết lại quê hương sau thời gian dài bị bọn Quý Vương lộng hành gây nhiều đổ vỡ tang thương cho xứ sở !

Tại Népal, nghề chánh của người dân lưu vong Tây Tạng là dệt thảm và tất cả đều đóng góp tài lực để chánh phủ lưu vong của Tibet được hoạt động hữu hiệu. Sau lưng Đức DALAI LAMA, vị lãnh đạo tinh thần tối cao, nhân dân Tây Tạng đoàn kết thành một khối, không rời rạc, chia rẽ trầm trọng. Họ xứng đáng làm khuôn vàng thước ngọc cho cộng đồng người Việt hải ngoại soi chung.

Cộng đồng người tỵ nạn ở Tibet tuy chỉ bằng 1 phần 5 người Việt Nam ở hải ngoại, nhưng họ đồng một ý chí xem kẻ thù Cộng sản Quốc tế như kẻ thù chẳng đội chung trời. Đối với họ, dù Tibet bây giờ có đến 64% dân Tầu trốn sang lập nghiệp sanh sống, nhưng 6.000 điện thờ chùa miếu của nhân dân Tây Tạng bị Trung Cộng gây đổ nát, không bao giờ họ có thể lãng quên khi họ vẫn còn hơi thở !

Vị Phật Sống đã nói :

- Giải Nobel Hòa Bình mà tôi thọ lãnh đã tăng cường sự tin

tưởng là với thực tế bây giờ, với lòng can đảm của trên sáu triệu dân chúng Tibet, xác quyết như là một vũ khí tối hậu, giúp quốc gia Tây Tạng sớm sẽ được tự do độc lập.

Ban tổ chức tặng giải Nobel có một sai lầm là tưởng tặng giải thưởng Hòa Bình cho H. Kissinger và Lê Đức Thọ của Cộng sản Bắc Việt. (Sau đó, bị lương tâm cắn rứt. Kissinger hoàn trả lại giải thưởng).

Đó là câu chuyện của hơn mười năm về trước mà bây giờ ai cũng muốn lãng quên, vì thực ra, đây là một câu chuyện buồn, chẳng khác nào một bi kịch đã diễn ra trên sân khấu quốc tế : "Trao duyên nhằm tướng cướp"!

Và bây giờ đây, khi Hội đồng Giám khảo giải Nobel Hòa Bình năm 1989, đã biết "chọn mặt gởi vàng" thì có thể nói là uy tín của giải Nobel lần này, nếu còn một linh hồn trong cõi chết, nhà hóa học Thụy Điển Alfred Nobel (1833-1896), cha đẻ của giải Nobel, hẳn cũng được ngậm cười nơi chín suối vậy.

(1) Bọn Cộng Tàu, trước hết tạm thời để Đức DALAI Lama tự do với điều kiện Tibet phải quyên góp cho Tàu Đò một số vàng. Nhưng nuốt vàng rồi, sau đó bọn TC có ý đồ thủ tiêu Ngài.

Vọng Cổ Đô Cổ đô chừ đã ra sao ?

*Cầu Tràng Tiền đâu có còn sáu nhịp
Bến Văn Lâu lại vắng bóng người câu
Kỳ đài xưa cờ đã đổi huyết màu
Sông An Cựu chẳng mưa trong nắng đục
Mây Hoàng Cung vũ vờn vương lụy tục
Chuyện đời đời, chuyện tan tác bề dâu
Nước Hương Giang trôi dạt nặng hồn sầu
Con đò cũ tiếng đàn ca lặng vắng
Trường Đông Khánh đâu còn tà áo trắng
Bạch Hồ cầu cũng thiếu nắng tà huy
Bài thơ Kim Long trong chiếc nón kiêu kỳ
Nay biến mất chỉ còn vành thô kệch
Chuông Thiên Mục giục sáng trời cũng hết
Gà Thọ Xương bắt gáy tiếng kêu sưng
Hồ Tịnh Tâm mang nặng cảnh đoạn trường
Chùa Diệu Đế, má Âm Hồn vắng lạnh
Dốc Nam Giao, chùa Từ Đàm hieu quạnh
Biết bao giờ mới có sự đổi thay ?
Nắng mới lên sưởi ấm những hồn gầy
Cho dân tộc chuyển vương mình sống dậy.*

Tịnh Đức
Montréal, Canada 21.8.88

Cửu Sơn - Thánh Tăng Thời Đại

Lê Tấn và L. Khánh
lược thuật



Thiền sư Cửu Sơn (Kusan) ở tự viện Song Kwan Sa (1), sinh năm 1910 tại Namwon, một làng nhỏ thuộc Cholla Bukdo ở miền cực nam Đại Hàn, chắc chắn là một trong những thiền sư lớn nhất của thời đại. Ngay từ những năm tháng đầu đời cho đến lúc lớn khôn, ngài luôn luôn bị giày vò bởi những cơn bệnh trầm kha và ngật ngèo. được cơ duyên học hỏi Phật Pháp vào lúc 27 tuổi, khi ấy đang sinh sống với nghề thợ hớt tóc, ngài quyết tâm khước từ cuộc sống thế gian đi tìm giải thoát. đến núi Chiri một danh sơn Phật giáo với nhiều thiền thất và tự viện cổ xưa, ngài một mình nỗ lực tu thiền trong 2 năm. Những cơn bệnh khi trước hoàn toàn biến mất, niềm tin của ngài vào đạo Giải Thoát do đó càng vững mạnh thêm. Ngay sau đó, ngài đến Song Kwan Sa, một trong những thiền viên danh tiếng nhất đại Hàn, thọ Sa Di giới với Hyo Bong, một đại thiền sư thời bấy giờ. Một năm sau, ngài đến Tong Do Sa, thọ Tỳ Kheo giới và tu học tại đó.

Việc tu tập trong thiền đường dần dần không còn làm ngài hài lòng: nhu yếu giải thoát của ngài quá lớn, các

huynh đệ đồng tu lại không theo kịp, không có vẻ quyết tâm lắm trong việc khổ công nỗ lực tu thiền hàng ngày. Do đó, ngài lại ra đi, trở về đời sống đơn độc trên núi và mỗi ngày một gắng công nhiều hơn trong việc thiền định. đến nỗi trong lúc ngủ, người cũng cứ thấy công án (2) chập chờn trước mắt. Sau 7 năm liên tục tu tập, trong thiền đường cũng như trên núi non và trong các thiền thất, ngài đạt đại ngộ, chứng được diệu lý của đạo vào năm 1946. Về sự chứng đắc, liễu ngộ đó, ngài đã kể như sau:

"Trước đây tôi ăn tu 5 năm trong một thiền thất tên là Sudo Am, gần tu viện Chong Am. Trách nhiệm của tôi là chăm nom, săn sóc cho đời sống trong cái thiền thất gần hư sụp, mong manh như cái vỏ trứng đó. Sở dĩ tôi có thể kiếm được thực phẩm đủ dùng cho nhóm huynh đệ 7, 8 người chúng tôi là nhờ vào sự cúng dường của Phật tử.

Trong nhóm chúng tôi có vị tên là Peop Ch'un Sunim, người khổ công thiền tập cả ngày lẫn đêm. Buổi sáng nọ, vị huynh đệ này theo tôi đến một tinh nhỏ gần đó, để giải quyết một vài việc cần. Chúng tôi được mời dùng bữa tại nhà một Phật tử. Không may cho bạn tôi: thức ăn làm ông ấy bị đau bụng dữ dội, và không ai có thể giúp đỡ gì được. Thửa đó không có bệnh viện nào ở đó cả. Chúng tôi phải tìm đến những bác sĩ Đông hoặc Tây y trong vùng để chữa trị cho vị huynh đệ của tôi. Cuối cùng chúng tôi cũng tìm được một bác sĩ. Sau khi khám xét bệnh thể, ông ấy kéo tôi lại gần và hỏi nhỏ: "Thầy này trước kia có bị đau ruột không?". Quả thật có lúc vị huynh đệ của tôi sống trên núi Chiri, tu theo lối khổ hạnh. Ngay cả các thứ đậu, bắp và thức ăn nấu chín cũng phải kiêng trong lối tu này; thức ăn chính, phần lớn là rau dại và lá thông. Tu theo lối đó trong 2, 3 năm liền, vị huynh đệ của tôi đã không thể chịu được bữa cơm ngon lành mà một bồng đạo ở Chin Ju (3) thiết đãi. Vị ấy ăn khá nhiều, điều dễ hiểu, do đó mà bị hư dạ dày. Đó là nguyên nhân cơn bệnh, hành hạ ông đã lâu. Rồi bây giờ tình trạng đã thập phần nguy kịch! Theo lời bác sĩ thì sinh mạng của người bạn tôi khó nổi bảo toàn, nếu không kịp đến Teagu, thành phố lớn gần nhất, để kịp chữa trị trước sáng hôm sau trong thời gian đó, bệnh nhân phải được săn sóc kỹ lưỡng. Chúng tôi không thể làm được điều gì; vì lúc bấy giờ đêm đã quá khuya Taegu lại cách xa quá! Khi diu vị huynh đệ trở lại nhà người Phật tử thì ông ấy đã yếu lắm rồi. Tựa đầu vào vai tôi ông nói trong nỗi đau đớn và tiếng thở dài: "Hãy nỗ lực tu tập đúng đắn, để có thể đưa tôi qua bờ". Đó là những lời cuối cùng. Tôi hiểu vị huynh đệ của tôi đã không còn hy vọng gì vào sự bình phục và nói: "Cách thể sống của chúng ta là luôn luôn chú ý, quán sát sự vô thường của đời sống; do đó ta phải chuẩn bị, sẵn sàng ra đi trong từng phút giây. Trong tình huynh đệ đồng tu, ta phải giúp đỡ lẫn nhau từ đời này sang đời khác. Nếu

được chứng đắc trước, tôi sẽ "đưa anh qua bờ"; và ngược lại, đừng lo lắng gì cả.

Vào khoảng 6 giờ sáng hôm sau, bạn tôi mất. Tôi trở về Sudo Am sau khi đã lo liệu việc hỏa táng. Trên đường về tôi nghĩ thầm: "Ra đi là hai, sau khi rã rạc tro thì trở về một mình!". Càng buồn phiền vì lẽ vô thường chóng vánh, tôi càng quyết tâm tu tập để đạt đạo trước lễ táng 49 ngày để có thể "đưa bạn qua bờ".

Thời gian đó là cuối mùa an cư kiết hạ. Tôi không thể nhập thất ngay, vì có những nhiệm vụ phải làm. Khi tôi đã chuẩn bị đồ ăn thức uống và những vật dụng cần thiết thì chỉ còn 8 ngày nữa là lễ 49 ngày. Người ta có thể tưởng tượng tôi nóng lòng thế nào! Phía sau Sudo Am có một túp lều nhỏ, tên là Viên Giác (Cheong Gak). Tôi sắp xếp để có người đưa vật thực vào mỗi ngày hai lần, và quyết tâm sẽ tham thiền cả ngày lẫn đêm, không ngủ. Sau 4 ngày đêm tọa thiền, tôi nhận ra rằng định lực tích tụ từ công phu thiền tập lúc trước đã bị phân tán vì những việc làm trong sáu tuần qua. Gần như lúc nào tôi cũng bị phiền nhiễu bởi hôn trầm và vọng tưởng. Với lối tu tập khốn khó như thế, làm sao có thể giúp bạn đúng hạn kỳ?

Tôi quyết định thay đổi cách tập chống lại sự nhu nhược, yếu đuối, giải đãi bằng cách thiền trong tư thế đứng thẳng, tay bắt ấn (anjali?). Sau 5 ngày, vài vị huynh đệ đến nói chuyện làm lễ tuần thất. Tôi đuổi họ ra. Họ có thể lo liệu chuyện đó với gia đình người quá cố! Còn lại một mình, tôi tự nhủ sẽ không đầu hàng trong bất kỳ trường hợp nào, dù có phải chết cũng không bỏ cuộc!

Khi thiền định trong tư thế đứng thì thời gian khổ sở nhất là 2 giờ đầu. Sau đó thì những khó khăn lớn nhất cũng vượt qua được. Đứng hay ngồi cũng giống nhau, thực sự giống nhau, khi cả thân lẫn tâm đã an trú trong định. Do đó, tôi không cảm thấy mệt mỏi, hoặc đau đớn ở chân; dù đã ở trong tư thế này 7 ngày đêm rồi. Những bậc trưởng lão thiền đức quả đã không làm khi chỉ bày, coi trọng lối tu tập này: trong ngày cuối, khi đồng hồ trên vách vang lên một tiếng "cách", trước khi điểm 9 tiếng, tôi biết mình đã "bước lên một bước". Nghe tiếng "cách", tôi thoát nhiên bừng ngộ, thân tâm như tuyết đọng đột nhiên chảy tan. Vào dịp đó, tôi đọc liền bài kệ như sau:

Tiếng

Ba ngàn thế giới thấy đều nuốt tuốt

Một kẻ độc hành đến thét ba lần "Hah"

Tích tắc tích tắc. Có khác chi thanh sắc bao trùm trong Pháp

Từng mảnh từng mảnh

Sất gỗ cũng chỉ là thanh tịnh pháp thân ta (4).

Cái gì đã xảy ra khi đồng hồ điểm 9 giờ? Công phu ta

tập khẩn thiết và mãnh liệt đã vén mở bức màn vô minh tăm tối do hôn trầm và loạn động. Tác dụng của nó làm tôi như bầu trời trong, không còn một gợn mây. làm tôi trở thành một cái từ nguyên thi (5).

Ngài trình bày sở ngộ của mình lên thầy là Thượng Tọa Hyo Bong lúc ấy đang dạy đồ đệ chúng ở Haein Sa (6), và được ấn chứng; và bốn năm sau được trao truyền tâm ấn. Sau đó ngài được cử làm viện chủ tự viện lừng danh Miruk trong 4 năm nữa, đồng thời đảm trách nhiều nhiệm vụ trong Tổng Vụ Tăng Già Quốc Gia ở Seoul và Tăng Già Văn Phòng tại Cholla Namdo.

Sau đó vài năm, khi thấy chỗ sở đắc của mình vẫn còn khiếm khuyết, ngài từ nhiệm, trở về đời sống ẩn tu trên núi cao. Ở Baekun Am, ngài tinh chuyên tu tập bất kể mưa nắng, ngày đêm. Thường thì ngài đứng yên suốt ngày, đêm không bao giờ ngủ; và lúc thiền tọa, ngài đặt đoạn cây có cột con dao vào dưới cằm chống lại những cơn buồn ngủ. Thực phẩm ngài dùng trong suốt thời gian này là một ít gạo và lá thông. Cuối cùng, sau ba năm tinh tấn, ngài đạt đại ngộ vào năm 1960. Sau đó ngài thay thầy làm viện chủ Tong Hwa Sa ở Taegu. Năm 1969, khi ngôi tự viện danh tiếng Song Kwan Sa trở nên một Chonglim, tức là một thiền viện kết hợp mọi tông phái, ngài được bầu làm viện chủ, và sau đó không lâu, bắt đầu thu nhận môn đồ tây phương. Nhiều người trong số này đã trở thành những tăng sĩ thường trú tinh tu ở đó.

Chú thích:

(1) Tự viện Song Kwan ("Song Quan Tự", Sa là tự viện) được thành lập vào thế kỷ thứ 8 bởi đại sư Hye-rin, sau trở thành nơi hoàng hóa của thiền sư Bojo.

(2) Nguyên văn là hua t'ou. thoại đầu.

(3) Một tỉnh nhỏ ở đại Hàn.

(4) Trong nguyên ngữ đại Hàn đây là một bài kệ. Qua mấy lần chuyển dịch, từ Hán sang Anh Ngữ... rồi Việt, nên nguyên ý có thể bị sai lạc nhiều.

(5) Phật tính.

(6) Haein Sa cũng là một trong những thiền viện danh tiếng, nơi tàng chứa Tam Tạng Đại Hàn.

Tài liệu tham khảo:

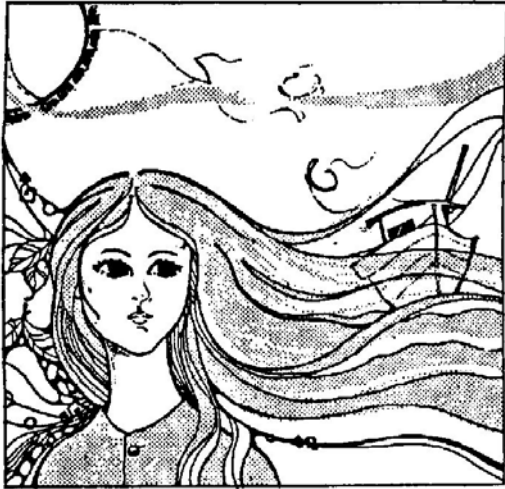
- Ku San, Meditation Master: Nine Mountains. Song Kwan Sa, 1978.

- Ku San, Meditaion Seon Practice Song Kwan Sa, 1979.

- The International Buddhist Forum Quaterly. Introductory Issue và Vol. No.1, 1978-79.

- Zen Mester Kusan. Sorensen, Henrik H. trong Stupa Nr.2 (Nguyệt báo Phật Giáo Danmark, đã đình bản).

Thương Đóa Hoa Cà



Nàng gái thôn trên, chàng trai xóm dưới,
Họ gặp nhau lần đầu, một mùa thu buổi tối,
Ngày toàn dân đứng dậy chống xâm lăng.
Chàng hơn mười sáu, nàng độ mười lăm,
Hai chữ tự do làm sôi dòng máu.
Họ đi bên nhau, đường khuya trăng sáng,
Cùng thét vang dưới ánh đuốc lập lòe
và hân hoan hát những bản hùng ca...

...
Ngày chàng lên đường hàng xóm tiễn đưa,
Trên mái tóc đóa hoa cà xinh xắn
Nàng nhìn chàng, mắt chàng bừng sáng,
mắt nàng long lanh lệ ướt hàng mi.
Họ nhìn nhau im lặng; thời gian ngừng trôi đi...
Tay run run, nàng lấy hoa xinh gắn trên nón sắt
rồi cúi đầu đỏ mặt, nàng nghẹn ngào, e thẹn bước
đi xa...

...
Hơn ba mươi năm đã qua,
nàng đã có chồng chết mùa chinh chiến,
Con lớn khôn sắp bị bắt lên Miên.
Quyết định rồi : nàng sẽ vượt biên
Để con có một ngày mai sáng sửa ...

...
Tim nàng đập to, có người gõ cửa ?!...
Chàng cất mũ chào, nàng nhìn ra người cũ
Nhưng giờ là cán bộ, mang súng bên hông.
Nàng gượng cười bối rối, chàng không nói một
lời...

Hai chén nước trà nóng hổi, lạnh đã lâu rồi
mà họ vẫn ngồi yên, im lặng.

...
Chàng ngập ngừng đứng dậy
Bón mắt nhìn nhau, tránh đi rồi gặp lại
Như một ngày xa xưa...

Tay chàng cầm lá thư lấy trong túi áo,
ngại ngần không dám đưa...
Chàng để nhẹ cạnh tách trà đã lạnh

rồi chậm rãi bước ra...

...
Tay nàng run rẩy,
Mở vội lá thư,
Thư của người cán bộ ?
Hay của bạn thời xưa ?
Thư chỉ có một câu,
Nét chữ quen quen nàng đọc đi đọc lại :
"Ngày mai đừng đi về phía Nam, sẽ có quân tuần
tiểu".

Thế ra chàng biết nàng sẽ ra đi.
Nhưng đây là lời chào tiễn biệt
Hay là lời hăm dọa của kẻ bắt nhân ?!...

Nhìn xa rồi lại nhìn gần,
nàng chỉ thấy trời cao đất rộng ;
Mênh mông !
Trống rỗng !

Nàng biết hỏi ai đây ?!...
Bỗng mắt nàng nhìn thấy :
Trong bao thư có đóa hoa cà !
Hoa đã khô nhưng nàng nhìn ra :
đóa hoa của nàng...
Hoa cũ !
Tình xưa !

...
Ngày ra đi, gió lạnh, trời mưa,
Nàng chỉ hơi ngập ngừng rồi dẫn con đi về phía
Bắc...

Thuyền mới ra khơi, ruộng vườn chưa biến mất,
Nàng nghe tiếng nổ vang...
Tiếng súng ở phía Nam !...

Nàng đưa tay lên ngực : tim đập rộn ràng !
Dịu dàng nàng lấy lá thư đang còn dấu kỷ
Lệ thấm hàng mi, nàng nhớ đến người xưa
Ai ngờ còn chung thủy !

...
Người con gái thôn trên lệ nhòa đôi mắt
Đưa lên môi hôn nhẹ đóa hoa cà ;
Hoa thuở trẻ trung !
Hoa mùa thơ mộng !
giờ đã héo khô rồi !...

...
Mưa buồn, trời biển mênh mông !
Hoa cà ân ái bẽnh bồng trôi xa...

Hoài Việt
Xuân Kỷ Ty

Tu Tập

- Lê Thị Bạch Nga -

Thường khi đi làm về trễ, tôi ghé tiệm mua cho con thức ăn khuya. Mấy tụi nhỏ mùa này thi cử lu bù, học hành chết bò, thấy mẹ về với quà bánh cầm tay mắt đứa nào đứa này sáng rỡ, miệng cười như hoa. Tôi nghiệp thay cho các con tôi, hôm nay tôi đổi chương trình, nhân có các thầy về chùa Quan Âm dự đại lễ và hướng dẫn khóa học Phật Pháp kỳ thứ 14, tôi đi học về trễ, đến nhà thì các con đứng sẵn chờ quà mẹ. Tôi lúng túng chia ra bức tranh "chăn trâu" thầy vờ giảng ở chùa cho các con.

- Đố mấy con, mẹ đem gì về cho các con hôm nay đây?

Hai đứa dành nhau, cầm ngược cầm xuôi, lật qua lật về như đám mù chữ, mà thiệt chữ Việt Nam in nhỏ lí nhí, nó đọc không ra! Con trâu thì nó hỏi "con bò há mẹ?". Bỗng một đứa chỉ ngay vào khung hình cuối cùng:

- Giống hình "Chese burger" há mẹ. A đúng rồi đây là giấy quảng cáo của Mac Donald bằng tiếng Việt! Tivi cũng quảng cáo tuần này "chese burger" chỉ có 1\$99...

Tôi thờ dài lẳng lẳng ra xe, chạy qua tiệm Mac Donald gần nhà mua cho con mấy cái hamburger, nhắc các con ăn no đi rồi sửa soạn đi ngủ, mai còn phải dậy sớm đi học.

Các con ngủ, nhưng tôi đó tôi không ngủ, tôi trần trọc đầu đêm với đề tài "chăn trâu". Bài học về phương cách tu tập thiền này tôi học đi học lại với không biết bao nhiêu thầy, bao nhiêu lần mà mỗi lần học, tôi đều tìm được một vài yếu tố mới để giúp sự tu tập. Có điều hôm nay chính các con tôi đã cho tôi bài học tối hậu. Đó là bài "Đàn gảy tai trâu".

Tôi đem bức "thập mục ngư đồ" ra cho con xem có khác gì thầy tôi đem kinh Hoa Nghiêm ra giảng cho một lũ ngư ngơ bọn tôi hồi mới nghe biết lần đầu về Phật pháp, có khác gì giả dụ một ngày đẹp trời nọ, ông Hai gặp bác Bảy ngoài cửa tam quan chùa, bèn nắm áo bác lại mà nói rằng. Tôi quên nói là bác Bảy rất lớn tuổi, từ ngày bước đến MTL, theo chân thầy Thiện Nghi một lòng chí tâm chí thiết tụng kinh A Di Đà, chờ ngày vãng sinh tịnh độ. Vậy mà ông Hai gặp bác nói một hơi:

- Này bác, tịnh độ cũng tốt, nhưng nếu bác xem theo mấy bức tranh giản dị này, đi từ từ từng bước thì sẽ tốt hơn nhiều, và chắc chắn khi trâu đen biến thành trâu trắng, rồi người vật cùng biến mất, chỉ còn ánh trắng trong thì sẽ đạt đến cảnh giới sự sự vô ngại, pháp giới viên dung, hoa vàng cỏ biếc tự tại mọc thành rừng...

Không cần nghe hết câu, tôi chắc chắn bác Bảy sẽ lắc đầu, xua tay, miệng nói cảm ơn, cảm ơn...

Vậy thì cũng chẳng có gì là lạ... Con tôi non người, trẻ da, ham ăn ham chơi, tâm thức chỉ nghĩ nhớ đến ăn ăn, quà quà... thì dù tôi có chia ra cái hộp trống không nó cũng tưởng tượng đầy hamburger và chese burger.

Tôi cũng chẳng khác gì hơn con tôi là bao trong lãnh vực học Phật. Một người bình thường như mọi người bình thường, có một đời sống bình thường gần như tầm thường không sống gió, chẳng đáng gì để kể lể than van... nhưng rồi thời gian trôi qua, và rồi đến một giai đoạn nào đó giữa cuộc sống dài 100 năm, trong một lúc nào đó, bất ngờ và ngẫu nhiên nhất, bỗng chạm phải thực tế phũ phàng của cuộc đời và đành sáng mắt ra chấp nhận rằng sự hư ảo, vô thường biến dịch không ngừng nghỉ của cuộc đời quả là có

thực, cái đó Phật ngữ gọi là ngộ lý vô thường hay văn hoa hơn một chút, chợt tỉnh cơn mê. Chuyện giản dị vậy mà lâu nay, xưa nay trên chùa mấy thầy giảng đi giảng lại, nói tới nói lui, thiếu đường đánh hét như Tô Lâm Tế, nói như nhét vào lỗ tai của Phật tử mà Phật tử lờ như chẳng nghe, có nghe cũng xem như không nghe, không hiểu, không tin.

Một khi đã tỉnh mộng đời, tôi cũng như tất cả mọi phạm nhân thế tục khác, bỗng nổi mộng tham cầu muốn tìm đến một chân trời khác lánh xa chỗ hư nguy xấu xa mà về nơi an vui vĩnh cửu, ở đó có hòa bình, an lạc, sướng vui.

Từ đó con người có nhu cầu tự nhiên đi tìm kiếm. Tìm kiếm cái gì?? Thì tìm kiếm con đường dẫn về chỗ an vui. Trí tưởng tượng của con người thật phong phú cho nên nhiều người nghĩ tưởng và ví rằng khổ đau và hạnh phúc cách biệt nhau bởi một giòng sông rộng, có bờ bên này và bờ bên kia, hoặc là hai thế giới cách biệt, phân chia bởi một bức tường vững chắc như bức tường Bá Linh chia đôi thành phố, bên này là địa ngục khổ đau và bên kia là thiên đàng hạnh phúc giải thoát.

Vậy thì chúng ta phải "đáo bỉ ngạn" qua bờ bên kia.

Trí tưởng tượng của tôi cũng phong phú chẳng thua ai, lòng tôi cũng háo hức kiếm tìm, lời cổ nhân đã nói "hãy gõ cửa, cửa sẽ mở, hãy đi tìm, và sẽ tìm thấy"... mà quả thật một ngày kia, ngẫu nhiên do duyên hợp, do lòng mong cầu khẩn thiết, do sự bền gan tìm kiếm tôi bỗng tìm gặp con đường học Phật.

Con đường này đối với tôi đầy hoa thơm cỏ lạ, lại có nhiều hấp dẫn hứa hẹn sẽ đưa tôi đến một nơi chan hòa hạnh phúc, mãi mãi an vui.

Chuyện này ngày xưa Phật cũng đã có chỉ bày, kinh sách để lại hăng hà sa số, mà các thầy cũng khẳng định rằng con đường có đó, hiện nay các thầy cũng ở trên con đường, chắc chắn con đường sẽ dẫn đến nơi, Phật tử muốn đến, chỉ có việc bước tới, bước lên con đường mà đi, như các thầy đang bước, đang đi... Nói như thầy Thiện Huệ hay nhắc nhớ, có đi thì có tới, có tu thì có thành... Khổ nỗi Phật tử đời nay rắc rối lắm, cứ thắc mắc hoài và dậm chân tại chỗ, lẩn tránh né tránh hỏi miết mà chẳng cất bước lên đường đến nỗi thầy phải dạy tiếp và nói huých toẹt ra rằng:

- Phải đi để tới, phải tu để thành, phải ra sức cầu pháp, người xưa vất bỏ tiền tài để cứu mạng sống, và vất bỏ mạng sống để cầu lấy pháp, đức Khổng Tử cũng nói sáng biết đạo, tối chết cũng cam, vậy ta muốn qua sông đến bờ giải thoát thì ráng chèo, bơi chông, vớt tìm thuyền qua sông chứ không thể đứng đây mà kêu ơi ới:

- Bờ ơi bờ, qua đây, qua đây với ta...

Thưa quý vị, đó là sự thực

Các thầy tổ khác cũng vậy, trải từ mấy ngàn năm kể từ ngài Ca Diếp, mỗi vị duyên theo cảnh, theo thời, theo căn cơ của chúng sanh, nổi lên lòng từ bi muốn cứu vớt chúng sanh đang loay hoay chân chờ quay quay lộn lộn bên bờ đã hiện pháp chỉ bày nhiều phương tiện qua sông. Có thật nhiều phương tiện từ đốn qua tiệm học thì mệt, nghe thì ù cả tai, rồi cả trí, nản cả lòng, người thường căn cơ la liệt như tôi chả ham ôm đồm... ví dụ có phương tiện đi rất mau, kết quả rất le, chỉ trong nháy mắt, trong sát na có thể đạt tới, kiến tánh thành Phật. Chao ôi, nghe qua thì dễ, nhưng nghe lại thì chẳng phải của mình bởi vì phương tiện này cần nhiều yếu tố lắm như:

- Phải có căn cơ thượng thượng

- Phải có thời cơ thượng thượng

- Phải có một vị thầy thượng đẳng dắt dìu

Phương tiện khác lại đòi hỏi sự tu trì cẩn mật, xa lánh mùi trần, sống đời đạo hạnh thanh cao ẩn dật thâm trầm, sự tu trì phải thận trọng bền bỉ không gián đoạn, có Sư tổ mật truyền cho những "mantra", theo dõi nâng đỡ hộ trì và chứng giám như bên mặt tông.

Gần đây có phương tiện dễ dàng thường được các thầy xiển dương và cổ võ là phương tiện vãng sanh tịnh quốc còn gọi là pháp môn tịnh độ. Pháp môn này dù chỉ cần tín nguyện hành và hợp với đủ mọi căn cơ, trình độ của Phật tử đời mạt pháp của chúng ta bây giờ.

Học thì nhiều, khi hành thì chẳng thấy được bao nhiêu kết quả, vì sao ?? Thì cũng vì lòng người ta cứ mơ màng trúng trật, khó dễ, tịnh thiên, cao thấp, thượng căn, hạ liệt, đốn tiệm, dưới trên, mau chậm, thầy nọ, tổ này...

Tóm lại những thứ lộn xộn đối đãi ngược xuôi đó đã gây cho nhiều người những bất hạnh và hỗn loạn trong đời sống học Phật. Nói gì xa xôi, nhìn ngay nơi tôi thì rõ, khởi đầu bước đường học đạo, chỉ mới học được hai môn trong vô lượng pháp môn của cuộc đời học Phật mà chiến tranh nhà tôi bắt đầu chuyển động, gia đình bắt đầu rối loạn, vì sao ?? Có gì đâu, căn cơ của ông thì hợp thì thích pháp môn thiền, còn căn cơ của bà thì hợp pháp môn tịnh độ, chẳng ai nhường ai, tại sao phải nhường, pháp môn nào cũng của Phật dạy, tại sao cãi nhau ?? Tại sao?? Tại vì thầy tôi dạy như vậy, và tôi tin, tôi nghĩ rằng thầy tôi nói đúng, thầy tôi nói vậy là đúng thì tức nhiên thầy khác nói khác là Sai, thầy của bạn sai thì bạn theo thầy, tức là bạn Sai tuốt tuốt rồi, còn gì mà cãi nữa !!

Cứ vậy mà căng đắng nhau, cãi nhau như chó với mèo, cho đến chết, tu chưa thành trôi dạt qua đời khác... vẫn còn cãi tiếp.

Mãi về sau nghiên cứu nhiều về tịnh độ, tôi mới thấy ra rằng nguyên tắc tín nguyện hành cần thiết cho người hành pháp môn tịnh độ như mặt trời cần thiết cho sự xanh tươi của cây cỏ.

Thật vậy, cây cỏ mà thiếu mặt trời thì không thể mọc xanh tươi ra hoa, kết trái. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của cây không những cần mặt trời mà còn cần những yếu tố khác ví dụ nước, đất, không khí và nhất là hạt giống xấu tốt của cây.

Cũng vậy, sự tu tập của tịnh độ không những tùy thuộc vào tín nguyện hạnh (ví như mặt trời) mà còn tùy thuộc môi trường học đạo xung quanh, tùy thiên tri thức, bạn đồng hành cùng hướng về tịnh độ (ví như đất trồng cây) tùy thuộc vị thầy hướng dẫn, nhập đạo, dẫn dắt Phật tử, nâng đỡ Phật tử (ví như nước tưới bón cây) và nhất là tùy căn cơ của người học Phật (ví như hạt giống tốt xấu, chắc lép, tươi khô).

Hạt giống của một người Phật, nguyên đạt thành Phật quả chính là Phật tính nằm tiềm phục trong mỗi chúng ta.

Chuyện gia đình bác Hoàng là một ví dụ vừa cảm động vừa buồn cười.

Hồi ở Việt Nam bác trai làm chủ sở gì đó ở Ty lao động.

Chạy giặc cộng sản qua đến đây vừa vận tuổi về hưu, con cái đã lớn, học hành thành đạt, hai bác từ đây vui thú điền viên an hưởng tuổi già. Kể ra cuộc đời của bác có thể gọi là có phước : trẻ làm công chức an nhàn, già thành thoi mẫn nguyện... Giờ đây bác trai để dành thì giờ nghiên cứu kinh điển, đọc sách về triết học, trái lại bác gái thích đi chùa và bị bác trai cản nhằn hoài :

- Tu thì ngồi nhà tu cũng được, cứ gì lên chùa mới tu

Cản nhằn vậy chứ lâu lâu gặp hai bác, tôi lại kéo nài bác đi chùa... bác cười xuề xòa.

- Thì bà tu đủ rồi, để bà tu dùm tôi luôn thể.

Quả vậy, tuần nào bác gái không lên chùa thì lòng bác chẳng yên. Mà chẳng phải bác lên chùa để học Phật hay bài sám tụng kinh bát nhã, Di Đà gì đâu! Bác lên chùa dọn dẹp chỗ này, sắp đặt chỗ kia, kiểm soát sổ sách, ghi chú xem chùa có thiếu thốn cơm gạo gì không, hỏi thầy trụ trì xem có phần nần hay đề nghị gì không, và bác niệm Phật.

- Thầy dạy rằng thì giờ và mạng sống của bác chẳng còn bao lâu, ví như cá cạn nước, mà thiết nay bác 71 rồi, càng ngày càng rời rã như giấy sắp mục, hôm trước bác hỏi thầy rằng có ai cỡ tuổi như bác xin đi tu không thầy nói trường hợp ai không biết chứ bác thì "Expiree" rồi, "Expiree" là "quá date" là "hết xài". Nếu bác không lo nguyện cầu vãng sanh Phật quốc lỡ mai một cơn vô thường kéo đến, niệm Phật không kịp, không về tịnh độ được lại đọa vào lục đạo nữa, luân hồi mãi mãi tam giới biết ngày nào ra. Và bác tính tấn hô hào cổ võ bà con bạn bè niệm Phật. Thầy Như Điền dạy 4 buổi về khóa tịnh độ bác dự đủ bốn buổi từ đầu chí cuối vậy mà đến thầy Nhất Chơn giảng về thiền học, bác ở nhà, bác bảo :

- Không cần thiết, học làm gì? Để thì giờ ở nhà tụng kinh A Di Đà thích hơn. Cháu phải biết, tụng kinh vui lắm, tiếng bổng tiếng trầm như mình đang hát vậy đó. Hôm khánh thành chùa thấy bức tranh thật lớn trên tường tả sự tích Tổ Đạt Ma xách chiếc giày vượt sóng qua sông, bác phê bình:

- Chùa thì thờ Phật, còn Tô ở tận bên Tàu mà lai Tô bên Thiên, thờ thì có ai biết đâu vào đâu! Bác thấy giống hình ông Tây có râu lạ hoắc à.

Bác trai thì điềm đạm hơn, bác đọc sách rất nhiều, nghiên cứu đủ thứ triết học. Biết bác học rộng tôi mời bác viết vài bài tiểu luận về Phật học, nhưng bác từ chối. Không phải bác không có thì giờ nhưng bác nghĩ rằng cũng chả đến đâu, việc chùa, việc đạo là việc của mấy thầy.

- Còn mình nửa đạo nửa đời, mà chuyện đạo chuyện đời thì cứ dài dài như vậy, người nói người hay, tôi nói tôi giỏi. Thiên nói thiên cao, tịnh nói tịnh "chắc như báp" "sur 100%", tu một người chứng một người, tu 10 người chứng cả 10, tu cả trăm... chứng hết... theo bác cứ sống bình thường làm đủ bổn phận hàng ngày là tốt.

Từ một năm nay, bác biết mình yếu đi nhiều, bây giờ bác đã 79 tuổi, bác gái cũng lên xuống chùa thường xuyên hơn,

bác siêng năng tinh tấn nguyện cầu tụng kinh niệm Phật...
Để làm gì? bác không lo cho thân bác.

- Bác lo cho bác trai cháu ạ! Người rất tốt tính, học rộng biết nhiều, có tài có đức, khôn ngoan điềm đạm mà vì không tin nguyện về tịnh độ, bác sợ cơn vô thường chợt đến, nghiệp luân hồi sẽ lôi kéo bác trai đi lang thang vào lục đạo, đời này qua đời khác trôi lăn theo ba nẻo sáu đường.

Bác trai vào nhà thương được hai tháng thì mất. Những giờ phút cuối cùng, bác thường cầm tay bác và dặn "bà niệm Phật cho tôi nhé!" Không biết bác nói thật hay nói giỡn chơi để làm vui lòng bác gái, nhưng cũng nhờ vậy, vào giờ phút lâm chung, bác gái đã mời được cả ban hộ niệm chùa Quan Âm vào tận nhà thương niệm Phật vãng sanh cho bác trai, tôi nhớ mấy thầy, mấy bác cứ tụng đi tụng lại câu "nam mô tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.. nam mô tiếp dẫn..." và quả nhiên giữa không gian thanh tịnh, với lời niệm đều đều thanh thoát, bác trai đã ra đi trong yên lành.

Người ra đi thì đã ra đi mãi mãi không về. Bác rời cõi thế, có được Phật A Di Đà tiếp dẫn hay không thì nay chưa ai biết được, nhưng nhìn cái cách bác ra đi, ai cũng mừng cho bác.

Sống ở đời, ai rồi cũng phải chết, nhưng chết an lành, giữa sự yêu thương trìu mến của người thân, của bạn hữu, của niềm tin thương được về cõi an lạc quả thật sung sướng hơn những cái chết đau đớn, khổ sở tối tăm, chết dọc đường dọc xá, trong cảnh tù ngục... cô quả bơ vơ một mình.

Nói thiệt, chết như bác tôi cũng muốn chết! Khổ nỗi bác khác tôi quá xa, bác có bà vợ ngày đêm chí tâm chí thiết nguyện cầu, lo lắng cho bác, xếp đặt vuông tròn cho bác về cõi an vui... còn tôi có một ông chồng "bất khả thuyết" bất chước theo kinh bát nhã mà kể thì gọi là bất tăng bất giảm, bất xấu, bất tốt (bất cấu bất tịnh)... bất đủ thứ thôi thì tôi gọi là "bất hủ" cho nó gọn. Ví như tôi, nhằm cái giờ cuối cùng, phút cuối cùng, giây cuối cùng của đời người dài 100 năm, đã biết phận thân hèn nghiệp nặng mà chí tâm chí thiết mong cầu tha lực đem mình về tịnh độ. Kia kia Phật đã hiện ra thấp thoáng xa xa đưa tay ra đón y chang như trong bức hình Phật A Di Đà có hào quang bao quanh và chân tôi đã dậm bước lên cầu vòng thất bảo về cõi tịnh độ với ao sen báu, cây vàng, lưới ngọc, chim quý ca hát giảng kinh... thế mà ông chồng tôi còn đứng bên cầu kêu giựt ngược :

- Này bà! Bà đi lộn đường rồi, bà phải vào cõi phi phi... với tôi kia mà!

Cõi phi phi gì đó tôi chưa thấy chứ lúc đó, chắc cái một là tôi giựt mình hụt bước lộn tung phèo nhào lặn vào lục đạo tức thì... Đó. căn cơ, duyên nghiệp, nợ nần nó dễ sợ, quan trọng và đáng kính hải như thế đó, nói cho bạn biết để liệu mà tu!

Bởi vậy các thầy duyên theo căn cơ cao thấp của chúng sinh mà dạy ra vô lượng pháp môn, nhất là pháp môn tịnh độ mà Phật tử theo được thì tốt nhất, bởi vì khi về được tịnh quốc rồi, mình chỉ có một việc là học và tu tập cho thành Phật, đầy đủ bi và trí... xong rồi với nguyện hạnh bỏ tất cả đời, với dũng lực vô song của kẻ đã chứng vô sanh nhẫn,

mình có thể trở lại cõi ta bà ám chướng này mà không sợ bị đọa lạc, để làm gì? thì để cứu những ai mình phải cứu, để đem về tịnh độ với mình, về cõi an vui với mình đó là tự độ, tự lợi và lợi tha... Vậy thì nguyện về tịnh độ có gì xấu xa đâu nếu không nói là quá tốt... chỉ có điều, tôi nhìn lại thân tôi, tâm tôi rồi quán chiếu sâu xa, rồi ngồi yên trong tĩnh lặng mà ngẫm nghĩ... Chao ôi, tôi nhìn tôi mà xấu hổ. đừng có đổ vấy tội cho người khác kéo giựt mình lui, không cho bước vào tịnh quốc mà mang khẩu nghiệp nói không thành có mà sau sẽ bái sám quỳ hương chết bỏ. Ví như tâm tôi còn chứa đủ tham sân si nặng nề ám chướng và tôi đem cả khối nặng nề u ám đó đi về tịnh độ hóa ra tôi làm đơ đất Phật, làm xấu cõi tịnh của Phật A Di Đà. Ví như tôi nhớ nhớp, thân khẩu ý không thanh tịnh, chân tay dính đầy bùn đơ thế tục... Không lẽ tôi chỉ để vậy tà tà bước vào cõi lưu ly, vin tay vào hàng lan can thất bảo, đưa tay ra đón lấy chim vàng... Chính tôi làm hoen ố cõi Phật thì có gì vui, có gì đáng hãnh diện ???

Nói chuyện đi chùa lạy Phật, bước vào hành lang, trước khi vô chánh điện là Phật tử đã tự nhắc bảo nhau cởi giày dép, sửa soạn lại áo quần cho ngay ngắn, hoặc khoác áo tràng chấp tay cung kính... Để khỏi làm hoen ố nơi thanh tịnh... thì vô cõi tịnh độ có khác gì?

Chi bằng khi chưa vào cõi tịnh độ, ngay lúc còn sống nơi đây, tôi và bạn, chúng ta là những người học Phật, có một ao ước chung, có một nguyện hạnh chung, có những vị thầy xứng đáng hướng dẫn chung, chúng ta cố gắng bảo nhau thái độ dần dà những tham sân si mạn nghi, ác kiến, thái độ những thân nghiệp ý nghiệp, khẩu nghiệp, cho được nhẹ nhàng an tịnh thân tâm chờ ngày bước vào Phật Quốc. Công việc này ví như con trâu đen nhờ dây trời buộc ngay chóp mũi, nhờ con roi giới luật sẵn sàng vung lên kèm chế tỉnh bông lung, nhờ kẻ mục đồng chăm chăm theo dõi để đừng đạp nhảm lúa mạ (vị mục, sơ điều, thọ chế).

Ra công sức lâu ngày như vậy trâu mới chịu chuyển đầu, tâm lực hung hăng ngoan cố lần lần thành ngoan ngoãn hiền lành (hồi thủ), trâu dữ biến thành trâu hiền (thuần thực) trâu đen biến thành trâu trắng (vô ngại) và từ đó người vật an vui (mặc ý mặc tình) trôi trong mây tịnh, hết lo sợ nghi nan, tuy không thấy nhau mà vẫn có nhau (vô tâm) tuy không nghĩ đến nhau mà dung nhiếp nhau như chỉ còn có ánh trăng trong vắt soi suốt an vui (độc chiếu). Cảm giác an lạc mãnh liệt đó không thể diễn tả, nghĩ bàn, những người nào học thiền cũng nghe nói đến và mong đạt đến. Bức tranh chấn trâu này chỉ là một bài học trong muôn ngàn bài học trong Phật giáo mà các thầy chọn lựa ra để đem dạy cho thế nhân giúp người đời tiến về ngõ giải thoát. Đó là một vị thuốc trong trăm ngàn vị thuốc chữa bệnh cho con người đau khổ .

Nhưng nếu bức tranh kia, liều thuốc nọ được nằm yên trên vách tường, được cất nguyên trong hộp tủ, thì dù cho 100 năm nữa trôi qua, bức tranh kia vẫn chỉ là một bức dư đồ, liều thuốc nọ vẫn chỉ là hộp thuốc vô bổ với nhãn hiệu, cách dùng được đóng khung trên hộp mà thật không có một lợi ích nào cho nhân thế, những người học Phật. Cái hiệu dụng của nó chỉ bắt đầu chuyển động khi có một người nào đó, cầm lên, đọc qua, thấy hợp với mình nên quyết định hành trì theo để đạt được kết quả ghi trên bức tranh. Cũng vậy, viên thuốc chỉ có hiệu lực chữa bệnh khi

một người nhận biết mình đang mang bệnh, bèn cầm lấy hoàn thuốc, y theo lời chỉ dẫn tự mình bỏ vào miệng, nuốt vào bụng, từ đó viên thuốc chuyển động làm nên hiệu quả giúp bệnh nhân lành bệnh.

Thầy không phải là một kẻ toàn năng có thần thông chuyển đổi hay có năng lực bất kể khác theo ý muốn của thầy, thầy cũng chẳng la mắng được một Phật tử rằng :

- Nay đạo hữu, tôi đã dạy phát mệt, đã khuyên bảo hết lời mà đạo hữu không nghe theo tôi, mai một trôi lăn theo lục đạo thì chớ trách mắng thầy không nói!

Tuy nhiên khi có trí thì có Bi, thầy đã đủ lòng từ bi, đủ hạnh nguyện giúp đời, thầy đã cùng niệm Phật với Phật tử, dạy thiền cho Phật tử, tụng kinh với Phật tử, cùng bái sám, quỳ hương, niệm hồng danh chư Phật, cùng sinh hoạt vui buồn với Phật tử, cùng hòa đồng không oán ngại với nơi mình sống, chùa mình trụ trì... Vậy mà tôi đồ bạn có ai nói chính là bác Hai, bác Ba, bác Tám trong hàng Phật tử đâu??

Mở đầu kinh Kim Cang mới thật là chẳng có gì đáng nói, đáng để ý mà thật quá đáng nói vô cùng.

"Lúc bảy giờ, sắp đến giờ ăn, Đức Thế Tôn mặc áo, cầm bát, vào trong thành Xá Vệ xin ăn. Ngài ở trong thành, lần lượt xin đủ rồi, liền trở về chôn cũ, ăn cơm xong, cất bát, rửa sạch chân, rồi giải tòa để ngồi"

Trong chúng hội đó, ngoài Phật và ông Anan (người nói kinh này) còn có 1250 vị tỳ khuru cùng mặc áo, cầm bát vào trong thành Xá Vệ xin ăn. Ở trong thành, lần lượt xin đủ rồi, liền trở về chôn cũ, ăn cơm xong, cất bát rửa sạch chân rồi giải tòa để ngồi.

Mọi chuyện diễn ra đúng như vậy, cùng nhau như vậy đã từ 30 năm kể từ ngày Phật chuyển Pháp luân cho đến lúc ông Tu Bồ Đề nhận biết ra cái điều khác lạ và lên tiếng tán thán. Lòng từ đức Phật để làm duyên khởi cho một bộ kinh có 1 không 2 trên đời để lại cho thế nhân. Vậy mà trong 30 năm trường hành đạo của Đức Phật, chả có ai nói rằng đức như lai chính là một ông khát sĩ trong mấy ngàn khát sĩ quây quần bên Phật, hay nói rằng đáng thế tôn chính là ông Tu Bồ Đề hay ông Anan đâu?

Tại sao có những phủ định quyết liệt như vậy?
Hỏi thì sẽ có câu trả lời, tôi không trả lời thì bác A, bác B, Anh C, chị D sẽ trả lời ngay :

- Tại vì Phật là Phật, thầy là thầy, chúng sanh là chúng sanh, Phật tử là Phật tử, không lẫn lộn được, không nói ngược nói xuôi biến không thành có, biến có thành không biến trên thành dưới được. Nói cụ thể hơn chú sa di Minh Châu không thể gọi là Đại Đức Minh Thông được, nghe chưa!

Hỏi chi hỏi hoài, nghe phát mệt.

Cũng vậy, về trên và dưới, về trong và ngoài, về trắng và đen... Đối với chúng tôi là những kẻ căn cơ hạ liệt thấp hèn vẫn là cái "Chấp" không cách gì phá nổi.

Thôi thì trăm sự nhờ thầy. Năm xưa chùa Quan Âm có hội

lớn, mấy thầy cùng về hộ trì Phật pháp, chuyện này chưa từng xảy ra từ 15 năm nay tại đây, đó chẳng phải là một cơ duyên hãn hữu hay chăng?

Tôi đi dự đại lễ khánh thành chùa về, được diện kiến hàng chục thầy, được gặp hàng trăm Phật tử ai cũng hơn hờ mừng vui cho tiền đồ sáng tươi của Phật Pháp làm lòng tôi cũng vui lây, chỉ có một điều tôi biết tôi căn cơ đây chấp trước, tôi biết người người cũng chẳng khác tôi là bao, tôi bỗng ngời lo khan một điều không biết các thầy có thần thông diệu dụng gì không để biến Chấp thành Không Chấp, biến có thành không?

Đúng là lo khan, vì khi tôi nói với bạn tôi, bạn tôi cười dài.

- Cái lo của bà cũng là cái lo của tôi, cái lo của chúng ta cũng là cái lo của quý thầy, cái lo của quý thầy cũng là cái lo của chư Phật chư tổ, đừng lo thầy chẳng có thần thông, thần thông của một vị thiền sư là bữa cùi, xách nước, thần thông của bác Hoàng gái là Niệm Phật, thần thông của thầy là cùng Phật tử làm lễ, tụng kinh, đọc kinh, niệm Phật, Bái Sám, quỳ hương, giảng kinh, thuyết pháp, còn thần thông của bà và tôi là thứ 2 - thứ 4 cấp sách đi học nghe thầy dạy thiền, giảng tịnh độ, thắc mắc đủ điều... cho đến một ngày... và mọi chuyện vẫn y chang như vậy cho đến đời đời, kiếp kiếp, vô thủy cho đến tận vô chung.

• Lê Thị Bạch Nga

Tài liệu rút từ :

1/ Khóa học Phật Pháp kỳ 14 - Montreal Canada

* Thầy Như Điền (Bài Sám, Kinh bát nhã)

* Thầy Nhất Chơn (Chấn trầu)

* Thầy Thiện Huệ (Bát đại nhân giác)

2/ Kinh Kim Cang lược giải Bản dịch Thiền Chiếu

3/ Kinh Kim Cang giác nghĩa Thiền Sư Hàm Sơn - Nguyên Hiền dịch

Khuyến Tu



*Xuân Hạ Thu Đông trải bốn mùa,
Nghiep trần lặn hụp mãi tranh đua.
Lời kinh, tiếng kệ thường xa vắng,
Nẻo ái, nguồn mê vẫn còn ưa.
Lẽ lẽ cầu cầu mong phước báo,
Xin xin khẩn khẩn đợi ơn mưa.
Ai ơi hãy sớm qui bờ giác,
Niệm Phật một lòng chớ để thưa.*

Từ Thực
Melbourne (Australia)

Viết Về Một Đứa Con Gái Thứ Tư

- Vũ Nam -



Đã bao lần tôi muốn viết một bài thú tội về đời sống và suy nghĩ của mình nhưng tôi vẫn còn ái ngại.

Có nhiều lần, khi ngồi nhìn ba đứa con gái nhỏ đùa giỡn với nhau trong nhà, tôi ân hận tự hỏi tại sao mình không thể có thêm một bé gái thứ tư nữa cho vui cửa vui nhà.

Tôi chưa được đi đâu xa, nên tôi không hiểu rõ được đời sống, nhà cửa và công ăn việc làm ở nơi đó. Nhưng ở đây, miền Nam Đức, tôi biết rõ và chắc chắn mọi người ở đây cũng đã biết rõ, một khó khăn lớn bức bách vô vùng là vấn đề nhà cửa. Nhà cửa ở đây chật hẹp và khó tìm vô cùng nếu là một người ngoại quốc.

Những ngày cuối tuần, khi biết rằng ngày hôm đó sẽ là một ngày nắng ấm gió sẽ thổi thật nhẹ, và những tia nắng sẽ chói rọi trên khắp cánh rừng; những cánh đồng sẽ hiện lên một màu vàng, khi lọt lạt, khi tươi tỉnh bởi những trảng tia nắng rải qua trên những đám mây trắng. Cứ thường vậy là bọn tôi sẽ ra khỏi nhà. Bọn tôi muốn rời căn nhà bực bội và chật hẹp ấy, để có một ngày sống giữa bầu trời quang đãng, thiên nhiên, hòa nhập với núi rừng và cây cỏ. Sẽ có dịp đánh đu trên những cành táo tròng cạnh mé rừng, hay vài tiếng đồng hồ thả bộ, theo những con đường mòn chạy quanh co trong đám rừng thông dây đặc, xanh thẫm một màu, và bút vội vẽ những cánh hoa rừng mọc chen chúc hai bên lối đi. Thường thì trước khi đi tôi hay dặn mẹ bọn nhỏ: - Em ướp vài miếng thịt nướng, đem theo vài cái Wurst cho con, và nhớ chuẩn bị nước và trái cây cho đầy đủ.

Các con tôi đôi khi cũng họa theo:

- Con sẽ mang theo một cặp vũ cầu.

- Con sẽ mang theo một trái banh để đánh bóng chuyền chơi.

Tôi thì đi tìm một tờ báo, một chiếc chiếu lớn, để làm hành trang cho một ngày sống ngoài trời.

Như bọn tôi những người Việt tỵ nạn, những người chúng tôi gặp trong những ngày cuối tuần ở miếng đất trống, có sân chơi, cạnh rừng, toàn là những người ngoại quốc: Ý, Thổ, Nam Tư... Có lẽ họ cũng như bọn tôi, thoát ra khỏi căn nhà chật hẹp trong những ngày cuối tuần, hòa mình với thiên nhiên, sau một tuần căng đũa trong các nhà máy, hãng

sở. Nhưng có lẽ họ cũng hơn được bọn tôi, là họ có những thời gian nghỉ khác và lâu hơn, để trở về quê hương, thăm lại người thân cùng những căn nhà to lớn đồ sộ, mà họ đã dành dụm tiền tận cát lên để dưỡng già. Chuẩn bị cho họ một ngày trở về lại quê hương khi đến tuổi xế chiều. Còn bọn tôi thì chưa biết đến bao giờ!

Đến nơi, thường là tôi tìm một gốc cây yên tĩnh, ngồi dựa lưng vào đó, sau khi phụ mẹ nó kéo mớ củi khô trong rừng về, cùng với lũ trẻ hí hục thổi lên cho cháy, để có đủ than cho mẹ nó nướng mấy miếng thịt, mấy cây Wurst, chuẩn bị ăn tại chỗ. Ngồi dưới gốc cây, tôi dõi mắt theo các sinh hoạt của các nhóm người thuộc mọi dân tộc. Xa xa, cứ thấy ai đội khăn cà đầu lẫn cổ, chỉ chừa phần mặt, và tướng đi thì phốp pháp, kèn càng, thì tôi nhận ngay ra đó là các "nàng" Thổ Nhĩ Kỳ, bên cạnh là những ông chồng mà lúc nào mặt mũi các ông cũng để đầy râu mép. Thường thì không thể nào tìm được nét mỹ miều hay đường cong tuyệt mỹ trên những người đàn bà xuất thân trên vùng đất nửa Âu nửa Á và có một lịch sử lịch lãm và tàn bạo này. Ngược lại, những đường nét thanh và mảnh phải nhường lại cho các cô gái xứ Ý Đại Lợi. Các cô này khôi nỏi, ngày hè rất là hở hang với các loại áo sát cánh, đi găng liếc mắt, ta sẽ thấy luôn cả phần ngực no tròn trong đó thật đẹp. Các cô nhỏ nhắn gọn gàng, ăn mặc lại kiểu cách hơn các cô gái người Đức nhiều. Tóc nâu, mắt nâu, lông mày gọn và đen, các cô gợi tình không thể chịu được.

Ngồi dưới gốc cây, lim dim mắt, tôi thường thức được cả cái sinh hoạt, và các thân hình đang hồi sinh lực hấp dẫn của các cô gái xa lạ... Nhiều khi mơ mộng quá đến như nghĩ rằng mình đang sống trong cảnh thiên thai mà các tiên nữ bay quanh không chỉ có gương mặt đẹp mà có cả thân hình đều được phơi bày lộ liễu, để cho kẻ lạc vào bỗng lại phải đắm say thường thức mà quên cả lối về trần thế. Nói vậy cho vui chứ thường là tôi hay để mắt trên những sinh hoạt của bọn con nít hơn. Bọn nó đánh đu, leo lên những cây cầu tuột, hoặc chạy qua chạy lại trong những cái hầm cát y như cái lô-cốt trên xứ mình. Bọn chúng nói đủ thứ tiếng, và chỉ có nước nào mới hiểu tiếng của nước nấy mà thôi. Bọn Ý chơi theo Ý, bọn Thổ chơi theo Thổ, bọn VN chơi theo VN.

Nhìn đám con nít chạy nhảy chơi tôi chạnh lòng nhớ tới đứa con gái thứ tư. và tự hỏi tại sao mình không thể có một búp bê gái thứ tư nữa nhỉ?

Bấy lâu nay cái câu hỏi đó cứ lần lần rõ dần, rõ đến nỗi, khi nó va vào trí tôi, như búa rơi vào đầu, làm tôi phải choáng váng. Tôi thấy rõ tâm thần mình chưa được yên ổn, lương tâm mình vẫn còn khổ ải thế nào. Và như mọi lần, cứ khi ngồi nhìn trẻ con chơi đùa là trong lòng tôi lại nổi lên cơn trách mình không biết là đường nào!

Tôi và nhà tôi có hai đứa con, cả hai đều là gái. Hai chúng tôi đều ao ước có thêm một đứa trai để thừa tự. Sau hai đứa con gái tôi bắt đầu nản lòng, vì đông con ở ngoại quốc này không còn là niềm vui nữa, mà là một niềm khổ hạnh. Vợ tôi biết tôi rầu nên an ủi:

- Má em kể, khi xưa bà ngoại em cũng thế, ba đứa gái rồi đến một trai. Thôi mình sanh một lần nữa xem sao!

Nhà tôi biết tôi là con trai trong một gia đình mang dòng họ Lương trên mình. Quanh quẩn chỉ thấy mình tôi. Ba mẹ tôi chỉ có mình tôi là trai. Chủ tôi thì chết hời còn rất nhỏ. Bác tôi thì có vài đứa con trai, nhưng đã tứ tán mỗi người một

phương trời không còn liên lạc với nhau, nên cũng không biết họ có gia đình và con cái gì không? Nên họ Lương được lưu truyền hay không đa số mọi người cứ chờ đợi từ tôi, như một người có hy vọng sanh con để "nối dõi tông đường".

Như phần đầu truyện tôi đã nói. Ở đâu tôi không biết chứ ở miền nam Tây Đức việc nhà cửa rất là hiếm hoi. Lại thêm gần đây phong trào cho hồi hương người ngoại quốc gốc Đức từ Nga Sô về, làm việc nhà cửa đã tẻ lại còn nghiêm trọng hơn.

Khi hai vợ chồng tôi đang có hai con; Chúng tôi nhận được giấy từ cơ quan lo về nhà cửa ra nhận nhà xã hội, 3 phòng. Rồi nhà ty nạn đến trình diện vị quản gia khu nhà này, lòng tôi luôn luôn phập phồng lo sợ. Một cái "tây" nếu rui ông ta mà biết được thì không biết làm sao? Đối diện với ông, ông nửa như thương hại, nửa như hăm dọa:

- Ông hên lắm mới được cái nhà xã hội này. Nhà ba phòng chỉ dành cho những gia đình có hai vợ chồng với hai đứa con. Tất cả những gia đình có ba đứa con đều không được dọn vào. Tôi đã từ chối mấy cái gia đình như vậy rồi đó. Tôi sợ quá, nhưng vẫn nói theo:

- Dạ. Gia đình tôi, theo giấy tờ, chỉ có 4 người. Vợ chồng tôi và hai con. Những ngày sau đó, khi tôi lui tới để dọn đồ vào nhà, hoặc khi gặp ông quản gia khu nhà, tôi đã dấu nhà tôi như "mèo dấu cứt" vậy. Chỉ vì một cái "lỗi" là nhà tôi đang có bầu, cái bụng đã thấy u u rồi. Sợ rui, ông quản gia thấy được, ông ngưng cấp nhà lại ngay, và báo cáo với cấp trên với lý do chúng tôi sắp có thêm một đứa con thứ ba, thì hơi ối, không biết đến bao giờ chúng tôi mới được phép rời trại ty nạn, thuê được một căn nhà dù là căn nhà xã hội thơm mát và sạch sẽ như mọi người. Trong những ngày ấy, tôi biết vợ tôi cũng lấy làm tủi hổ lắm. Nhưng biết làm sao đây? "Thời là thế, thế thời phải thế". Khi xưa, khi có bầu người ta mừng rỡ vui tươi; bây giờ, bọn tôi đang có bầu, mà lòng thì cứ âu sầu và nơm nớp lo sợ. Sợ có ai bắt gặp và báo lại với ông quản gia. Đó là cái sự thật, mà không nhất thiết cứ mỗi người đều phải gặp cái hoàn cảnh ấy. Nhưng nếu một người ty nạn Việt Nam mà rui rơi vào ở trong những thành phố kỹ nghệ, dễ kiếm công ăn việc làm, thì những việc xảy ra như thế không phải là điều hiếm thấy. Sau một thời gian thì nhà tôi đập bầu, nở nhụy khai hoa, ông quản gia đã thấy, nhưng ông không động gì đến việc này nữa. Tôi có một công việc làm, vừa sức lại gần nhà. Thế là gia đình cứ xem như là tạm ổn định tất cả. Sau những ngày tháng dằng dặc vì đứa con thứ ba, gia đình bắt đầu len lỏi một nỗi buồn khác. Điều này đã làm cả tôi và nhà tôi buồn lòng. Nhà tôi biết chưa sanh được đứa con trai thừa tự cho tôi, là lỗi hồng, buồn khổ đang khoét dần hạnh phúc trong gia đình. Thế rồi, việc ấy đã đưa đến nhà tôi một quyết định. Nàng không báo tôi biết trước, âm thầm vắt tất cả loại thuốc ngừa thai. Tôi không biết chuyện gì ráo, nếu biết trước tôi đã ngăn nàng. Sự thật, tôi sợ chuyện dời nhà, hoặc mất nhà xã hội, còn hơn là việc không có đứa con trai để thừa tự. Vợ tôi thì thường hay than vãn:

- Chắc đứa con thứ tư sẽ là trai. Bà ngoại em khi xưa như vậy mà!

Tôi thật bất ngờ và hồi hộp vô cùng khi hay tin nhà tôi đứt kinh. Thế là có bầu! Thế là đẻ thêm một đứa con nữa trong

cái hoàn cảnh khó khăn và rối rắm này. Chúng tôi thường hay nhìn ngắm và so sánh một cách kỳ hoặc. Tôi hỏi nhà tôi:

- Em. Hình như bà Đức vừa mới tới khu nhà này có ba đứa con lận hả em?

Vợ tôi ừ. Thế là tôi thấy vui lòng vì có thêm một đồng minh người bản xứ.

Nhà tôi kể một bà già Đức ở gần nhà, khi gặp hay hỏi. Sao, bà hết sinh nở chưa? Thôi nghỉ đi, ba đứa là mệt lắm rồi! Câu nói nửa như thương hại, nửa như dọa nạt.

Khi thấy gia đình nào mới dọn vào mà có đến ba hay bốn đứa con, là chúng tôi cảm thấy như có được những người bạn thân, rất thân, đồng hoàn cảnh với mình. Ngược lại, khi thấy những "mụ già" xuất hiện, chúng tôi lại lo rầu không biết điều gì không tốt đẹp sẽ xảy ra trong những ngày kế tiếp. Sự cãi cọ vu vơ chỉ vì sự đùa giỡn của mấy đứa con trong nhà với những bà già hàng xóm khó tánh là điều khó tránh khỏi.

Khi nhà tôi có bầu, tính ra xem hơn một tháng, tôi ân cần đề nghị với nhà tôi:

- Em hãy đi bác sĩ khám một lần xem sao! Để xem mình sắp có con trai hay con gái.

Nhà tôi cho rằng như vậy thì mát vui đi. Cứ để cho nó tới ngày nở nhụy khai hoa thì vui hơn. Hơn thế nữa, tôi đoán ra là nhà tôi đang sợ một sự thật mà nếu mình biết quá sớm. Rủi thay nàng đang có bầu một cô con gái nữa thì sao. Nàng phải chịu đựng một cái bầu thai "không chờ đón" này suốt cả thời gian bảy tám tháng nữa hay sao? Tôi đoán ra được cái tâm ý này và không ép nàng nữa. Việc đó chỉ là sự tự nguyện của nàng, nhưng bản thân tôi thì rất cầu mong có thêm một đứa con trai.

Cũng thời gian này, tôi có ít thì giờ nghỉ làm việc. Nghĩ mình bận bịu quá vì vấn đề con cái và việc mưu sinh, tôi muốn ít lâu được yên ổn trong tâm hồn qua sách báo và lời dạy của thánh kinh: "... Không, Giê Hô Va Đức chúa trời không tạo ra loài người với một tương lai khốn khổ như vậy. Kinh thánh cho chúng ta biết rằng Giê Hô Va đã ban phước cho cặp vợ chồng loài người đầu tiên và cho họ một vườn đẹp để làm nơi sinh sống. Khi xem xét tất cả những điều ngài đã tạo ra, đức Chúa Trời xác nhận là rất tốt lành". Tôi chưa dám bàn nhiều vì tôi chưa đọc hầu hết nội dung của kinh thánh. Nhưng có lẽ vì tội lỗi ra sao đó, mà cuộc đời chúng tôi, dân tộc bọn tôi, chưa được một chút gì gọi là tốt lành kể từ ngày bọn tôi ló mặt chào đời.

Rồi cái gì phải đến đã đến. Vợ tôi lại đập bầu, và một đứa con nữa lại chào đời trong vòng tay của chúng tôi. Đang đêm, được tin báo nàng đang chuyển bụng, tôi bật dậy như cái máy, cuốn cuốn lên để chuẩn bị ra xe. Lâu lâu nghe tiếng rên của nàng: úi da... hừ.. hừ... hừ...! Tôi cũng lấy làm điếng ruột, điếng gan, vì nàng đau cũng có, mà vì sợ nàng không kịp chờ cũng có.

Đêm nàng đi sanh, trời bên ngoài tuyết đang rơi dày, cánh đồng cỏ trước mặt nhà phủ đầy tuyết trắng xóa. Trong đêm, màu tuyết trắng đã trội lên gấp mười lần. Trên không một mờ không trăng sao; một màn trời tối đen thăm thẳm trong ánh mắt, những giọt tuyết trắng từ trong đó đi ra, rơi xuống, tạo thành hình một thác nước cao, bao trùm cả cảnh vật

trong đêm. Chúng tôi lấy những chiếc áo choàng có nón phủ đầu, tôi đưa nàng ra xe chờ tới nhà bảo sinh.

.....

Thế là tôi chấp nhận đứa con thứ tư như là một hệ quả nào đã có lâu trong tiền kiếp. Đứa con thứ tư có thể là một kẻ đi đòi nợ, hoặc một linh nhân đầu thai xuống để giúp đỡ cho chúng tôi, như lời người trong dân gian thường hay truyền tụng. Dù biết là như thế nhưng tôi vẫn cảm thấy buồn làm sao trong những ngày tháng ấy. Nhà tôi thì không muốn nói ra tất cả những cái ẩn ức của lòng mình, nhưng trong những đêm về, khi trần trọc, tôi vẫn nghe được tiếng rên rỉ của nàng. Dĩ nhiên là tôi không muốn có với nàng một mặt con thứ năm nữa rồi. Tôi rất sợ! Nếu muốn có con nữa, đó phải là sợ đòi hỏi thật vượt bực trong tâm hồn lẫn cuộc sống của cả hai chúng tôi. Chúng tôi sống với nhau những ngày tháng thật là nặng nề! Một mặt con, chớ không phải là một tai họa, nhưng nó vẫn đè nặng lên cái sinh hoạt đang đầm ấm của gia đình như một tảng đá nghìn cân. Những ngày này, thỉnh thoảng tôi cũng tự trách mình sao lại ích kỷ vô cùng, tại sao cứ quanh quẩn trong đầu hình ảnh đứa con trai để thừa tự.

Tôi vẫn đi làm, nhà tôi vẫn ở nhà lo cho con cái, nhà cửa. Chúng tôi vẫn gặp nhau, vẫn ăn, vẫn uống, nhưng cả hai đều không muốn bàn đến một vấn đề mà cả hai đều muốn dấu diếm. "Kết quả của sự sống là do sự nhiệm màu của thượng đế tạo ra. Ta không nên hủy hoại sự sống, vì như thế sẽ có tội với đấng bề trên". Hình như tôi đã đọc câu này trong một bài báo nào đó của hàng giáo phẩm công giáo trong việc chống lại sự phá thai trên thế giới. Chúng tôi đã vượt qua cái tội lỗi ấy, nhưng thật là chúng tôi có không tội vạ gì không khi chúng tôi thật sự không yên vui với một sự sống vừa chào đời?

.....

Xe đang chạy trên một con đường ngoằn ngoèo trên nước Thụy Sĩ. Một bên là cảnh rừng, một bên là hồ nước. Mặt hồ màu xanh phẳng lặng tựa một tấm gương mỏng đang trải trên mặt hồ. Chung quanh hồ một đường viền thẫm đen; những chiếc thuyền màu trắng trông xa như những con ngỗng trắng khổng lồ đang di chuyển. Dãy núi đá thật cao, sừng sững trước mắt bị che phủ bởi một lớp sương mỏng giống hình ảnh một con quái vật khổng lồ đang ngự trị giữa một giang sơn rộng rãi. Xe chạy mỗi lúc một gần. Xe đang vượt qua những lớp sương mỏng, tiến gần vào những khối đá ma quái lạnh lùng. Khí lạnh bắt đầu luồn vào xe, thấm lên thân thể. Xe vẫn giữ tốc độ thật nhanh, muộn rồi, đang đâm đầu vào khối đá! Tôi hét lên, và tỉnh giấc sau cơn mê. Nằm gần đứa con thứ tư, giữ nhà cho nhà tôi đi chợ. Một quá sau những giờ làm việc nên tôi đã thiếp đi. Nhớ là trước khi ngủ tôi sợ lạnh đưa nhỏ, nên kéo tấm mền đắp gần đến cằm của nó. Khi nghe tiếng chuông vợ tôi về, tôi trở mình đứng dậy, khi ấy, hai chúng tôi mới biết đứa con gái thứ tư đã chết từ lúc nào rồi. Nó chết chỉ vì tôi ngủ mê một quá! Nó cựa quậy ra sao, mà cái mền che qua ngang mũi là nó nghẹt thở và... đi luôn!

Nhìn qua ánh mắt, tôi biết rằng vợ tôi ngờ tôi lắm vì hành động "sát nhân" này. Chỉ có mình tôi là biết cho lòng mình!

Sau này, nhiều khi tôi vẫn tự hỏi vu vơ là tại sao mình không thể có thêm một đứa con gái thứ tư nữa nhỉ? Nhưng tôi biết vợ tôi sẽ chẳng bao giờ!...

● Vũ Nam

Ngày Đi Qua Đồi Tôi

- Phạm Hồng Sáu -



"Miền Nam mưa nắng hai mùa..."

Đó là câu nói biểu thị cho tính chất thời tiết của người miền Nam, nơi đất lành trù phú, ruộng đồng cò bay thẳng cánh, chó chạy ngay đuôi, sông rạch cá tôm đầy đầy, cây trái quanh năm cảnh xanh chín ngọt...

Người dân tôi sống với an bình và tâm tình mộc mạc, đâu ngờ rằng bên cạnh họ đang có những con người theo bọn quan thầy mang mộng xâm lăng để biến quê hương yêu dấu của mình trở nên hoang tàn, đổ nát...

Cuộc sống yên vui bên mái lá trong những buổi khuya lam chiều, đèn nhà thấp sáng, một vụ mùa lúa thóc đầy bờ, không cần lo nhiều cho lắm, và tết về đình đám, hội hè, tạ bái Phật Trời, tạ bái Tổ Tiên, Ông Bà Cha Mẹ ngàn đời đã tạo dựng phước lành cho họ. Một tháng giêng ăn chơi, tao ngộ cùng bà con, họ hàng, xóm làng, bè bạn...

Cũng có những nơi như Cà Mau, Thốt Nốt, Sóc Trăng hay vùng Sông Ong đóc... lúa khỏi cần cây mạ, cứ đem giống xạ trên những bãi đất sinh lầy dọc theo bờ sông rồi bỏ mặc đó, tới mùa, lúa chín vàng họ đem xuống ghe đến gặt chở về nhà.

Khi đất nước chia đôi, người dân tôi vẫn sống được những ngày an lạc. Vụ mùa tăng đôi, lợi tức tăng nhiều, thay thế cho những mái lá đơn sơ phơi mình trong mùa gió bão, thành những nhà ngói khang trang, rộng rãi hơn. Ước mơ đơn giản và mộc mạc đó đã đem đến cho họ toại nguyện các nhu cầu cần thiết như phân bón, thuốc sát trùng, dưa, cà, mắm mặn...

Họ cần chỉ những danh từ đánh bóng, mỹ miều ru ngủ êm tai của xã hội chủ nghĩa như vụ đông Xuân, Hè Thu... tiến nhanh, tiến mạnh... Bây giờ hòa bình rồi cần phải ba vụ lúa tăng lên nhưng thiếu đủ mọi thứ, để quê hương sau hơn 14 năm cứ triền miên nghèo đói, loạn lạc, điêu linh... Tôi rời An Thới (Phước Quốc) bằng hai chiến đĩnh, trong cơn mưa nhẹ hạt buổi sáng cuối năm. Từ phòng hành quân Bộ chỉ huy đã thuyết trình và chỉ dẫn cho chúng tôi biết rằng, vùng đất này trước kia dân chúng sống rất đông đúc, làng mạc trải dọc theo dải đất ven sông, đời sống an bình, nhưng sau đó Việt cộng về lập công sự chiến đấu, hợp cùng bọn thảo khấu, lợi dụng sự hoang vu, hiểm trở quân mình ít lui

tôi, hiếp đáp, hoành hành vợ vét của cải dân lành, đã khiến cho họ bỏ đi tìm nơi khác lánh nạn.

Tôi đứng nơi phòng lái con tàu, nhìn bên này, lòng cảm thấy xót xa, thương cho quê hương đổi thay nghiệt ngã... Những hàng dừa, những hàng cau, những hàng cây ăn trái ven sông không còn xanh mướt, cành lá xác xơ, đọt ngọn gãy đổ khô cằn cửa nhà thành tro than hoang dã. Những cây cột cháy sém đứng trơ vơ, những bức tường xám ngắt đầy loang lổ dấu bom đạn. Văng tiếng chim kêu hay tiếng nói giọng cười.

Những người dân chất phát hiền hòa đã bỏ đi khi bộ đội Cộng sản mượn đường Miên về đây lập cứ địa và dinh ninh cho đây là vùng đất bất khả xâm nên thiết lập công sự chiến đấu dọc theo bờ, biến nó thành vùng cấm địa. Phòng hành quân cho phép chúng tôi được quyền tự do oanh kích.

Nhìn qua bên đất Miên, dân chúng không sống tụ tập gần bờ, tuy nhiên những đám ruộng còn trơ gốc rạ mới qua vụ gặt, như tấm thảm màu xám vàng trải dài xa tắp và những đàn bò thông thả gặm cỏ xanh trên những gò chưa được xới đất để trồng khoai, bắp, mướp, rau... Những chiếc nhà sàn san sát nhau trong những khu vườn có nhiều cây ăn trái. Trông quê hương người thanh bình, lòng tôi ước mơ cho quê hương mình cũng được như thế; chỉ bởi một giòng sông nhỏ có đôi bờ nhưng đôi chiếu quang cảnh của nhau thấy hai miền cách xa nhau rõ. Một sung túc, yên lành, một tiêu điều, đổ nát... Phải chi không có bọn người tàn ác đó, thì chắc gì quê hương tôi ngày nay ra nông nổi...

Sông Giang Thành, người xưa đã đặt cho nó một cái tên thật thơ và ý nghĩa, chảy trên một giải đất phẳng phiu chia hai biên giới Miên-Việt, nước sông dâng lên, ròng xuống diễn biến theo thủy triều, từ kinh Vĩnh Tế chảy qua Gò Quao, ngang bến Giang Thành, đổ ra vịnh Hà Tiên rồi tràn ra biển.

Từ vịnh Hà Tiên bề ngang của sông khá rộng, nhưng khi lần vào thì chật hẹp, quanh co tưởng như một con rắn đang bò.

Bên Việt Nam bờ cao hơn mặt sông, còn bên Miên nước triều dâng lên gần xấp xỉ với bờ, đến nỗi khi chạy qua những khúc quanh lái tàu của chúng tôi đã phải chạm vào những đám cây bần ven bờ đang ngập nước. Khối lượng con tàu lướt nhanh qua giòng nước để lại đằng sau những lượn sóng mãnh liệt vô cùng, nó có thể làm cho một thân cây to lớn đang trôi hay ghe xuồng chạy trên sông phải văng tốc lên bờ nằm sóng sượt.

Khi vào cửa sông, tất cả chúng tôi đã sẵn sàng trong nhiệm sở tác chiến, mỗi chiến đình số nhân viên tuy ít theo cấp số, nhưng trước khi nhận lãnh nó, chúng tôi ai nấy đều được huấn luyện kỹ càng, để có thể thay thế nhiệm vụ cho nhau khi lâm trận không may có kẻ bị thương hoặc có người gục ngã và con tàu cũng có thể chạy trong bất cứ thời tiết nào.

Dù đang thả hồn nghĩ đến quê hương và xót thương cho sự đổ nát, nhưng mắt tôi không rời khỏi mặt Radar, giòng sông hiền hòa, uốn quanh nằm trên giải đất phẳng lì hiện ra nơi đó. Cảnh vật bên ngoài im phăng phất tự nhiên làm cho tôi

suy tư lo lắng và linh tính như báo cho tôi biết trước sẽ có chuyện xảy ra.

Khi sắp qua một khúc quanh thì trên mặt Radar hiện lên một chấm nhỏ, tôi lập tức cho nhân viên lái tàu đang đứng cạnh tôi, giảm máy lại và với mắt thường tôi thấy một chiếc xuồng ba lá có gắn máy đuôi tôm, trên xuồng chờ một vị Sư già mặc áo vàng ngồi chính giữa, phía sau có chú tiểu bện đồ nâu sòng nhiều chỗ và đang cầm lái. Tôi nhắc máy gọi ngay Nhân, người bạn tôi đang là Thuyền trưởng con tàu chạy sau tôi, ngừng máy lại để tránh cho chiếc xuồng khỏi bị chìm. Ngay lúc đó một trái đạn B40 của địch từ mé phải tạt vào vách trước phòng lái nổ ngay trên mặt nước bên trái, tiếp theo một trái nữa cày trên nắp hầm máy phía sau cũng rơi nổ luôn trên mặt nước, rất may nhân viên chúng tôi không ai bị thương, rồi tiếp theo đó những tràng đại liên của địch bắn xối xả vào 2 chiến đình.

Tôi bình tĩnh báo lệnh cho tất cả nhân viên của 2 chiến đình, trước tiên không được phép bắn vào xuồng và thứ nhì lập tức tiêu diệt các ổ súng địch trên bờ.

Súng nổ vang trời, khói bay mù mịt, tôi cho tàu quay vòng lại và cầm máy gọi Nhân.

- Mày hãy tác xạ ngay vào các ổ súng địch, còn bên đất Miên để tao lo, tao yểm trợ cho mày!...

- O.K!...

Hai chiến đình như 2 con sói đang quăng thảo trên sông, nhả đạn liên hồi. Những họng súng của chiến đình Nhân bắn ra cây dọc theo công sự chiến đấu của địch và khi một trái đạn đại bác 82 ly của tàu bắn thẳng, trúng ngay vào tổ B40, một khúc chân người còn dính dép râu văng tung lên, rơi xuống mặt nước máu đỏ loang ra. Từ đó tiếng súng của địch yếu dần, còn chiếc xuồng của vị Sư đã tấp vào một con rạch bên đất Miên, tôi thấy 2 người nhào lên bờ, bò đến núp sát bên gò đất trống.

Trong lúc giao tranh tôi chẳng để ý đến chiếc xuồng và thầy trò họ, cứ thân nhiên để cho họ núp vì thấy họ đi tay không và người thì ốm yếu vượt qua vùng cấm địa chắc có việc gì cần.

Độ nửa giờ sau tiếng súng của địch tắt ngấm, tôi nắm được tiềm năng đã kiệt quệ và chắc chắn họ đã lãnh một tổn thất khá nặng nề.

Chúng tôi chỉ có vài người bị thương nhẹ tự băng bó lấy. Chiến đình cũng chỉ bị xây xát nơi nắp hầm máy phía sau và đạn địch xuyên qua làm cong mấy cây sắt căng giầy cáp an toàn, ngoài ra không đáng kể.

Tôi nhắc máy báo cáo về Bộ chỉ huy, rồi được lệnh tiếp tục lên đường đến kinh Vĩnh Tế, ý định trước khi rời khu vực giao tranh, tôi quay tàu trở lại để quan sát và hỏi thăm tình trạng vị Sư cùng chú tiểu, nhưng hai người đã chạy vào đất Miên mất dạng đầu rồi.

Đến kinh Vĩnh Tế trời đã tối mờ, buông neo trên giòng nước mà lòng rộn rợn. Đêm nay mình sẽ ở đây, giữa lòng địch biết có chuyện gì không?... Nhưng nhờ cái hiền ngang của người cầm súng đã làm cho tôi có can đảm. Tôi đi lại

trên tàu thì thăm vài câu chuyện với anh em chung chiến đình.

Bầu trời không trăng sao, cảnh vật chung quanh tối mờ, tối mịt, đầu dây một vài đóm hỏa châu của những tiền đồn bộ binh ở xa bắn lên, ánh sáng tỏa mờ soi bóng 2 con tàu đang neo, đen ngòm in lên giòng nước, vắng xa tiếng súng nhỏ nổ tạch đùng và từng hồi đại bác nổ vội vàng bủa lên đầu gác. Hai bên bờ toàn màu đen, cây cỏ, tiếng côn trùng, chim bìm bịp trong các bụi rậm thỉnh thoảng rung cây vỗ cánh để báo hiệu nước lớn, vài con nhái bầu nhảy tuôn xuống nước hoặc cá nổi lên móng mồi... Tất cả những thứ đó đã làm cho chúng tôi luôn luôn theo dõi để phát giác kịp thời sự mai phục của địch quân hoặc người nhái họ đang lặn hụp đặt chất nổ dưới lườn tàu.

Tôi đưa tay trái lên gần sát mặt dòm chiếc đồng hồ dạ quang trên những con số tỏa ra trong bóng đêm cho tôi thấy được còn 10 phút nữa đến giao thừa. Chắc hẳn ở đô thị Saigon hoặc những thành phố và làng mạc có chút đỉnh an ninh, mọi nhà và mọi người đang rộn rịp chuẩn bị đón giao thừa, dù rằng tất cả ai nấy đang sống trên một quê hương có nhiều chinh chiến.

Theo truyền tục của Tổ Tiên từ ngàn đời để lại. Qua hết rồi những sự xui xẻo, không may đã dai dẳng dày vò để mừng năm mới đến, đón may mắn, phước lành, thịnh vượng cho mình, cho con cháu, hy vọng một năm mới thành thời, an lành và quê mẹ Việt Nam sớm thanh bình.

Tôi tưởng nhớ tới những người trai mang màu áo chiến, chắc hẳn giờ này họ đang âm thầm làm nhiệm vụ đó đây, trên không gian, giữa núi rừng, đường biên giới hay trên lòng biển cả... họ đang trải gan chịu đựng nguy hiểm nhọc nhằn, tay ghi chặt súng đối địch với quân thù hay họ đang gục ngã? Mỏ hôi họ đã tuôn và máu họ đã đổ để giữ từng bầu trời, từng vùng biển và từng tấc đất cho quê hương. Họ không thấy mai nở và cũng chẳng biết Xuân về!... Ngày đi qua theo "Rừng lá thấp" của Trần thiện Thanh "Thành phố sau lưng ô mọng ước gì?... Tôi làm người vui chinh chiến dài lâu, nên mộng ước đầu nghe như đã chìm sâu..." Tôi cũng nghĩ đến người vợ, người tình của họ, mái tóc còn xanh nhưng đã chịu quá nhiều thiệt thòi trong cô đơn, lẻ bóng, có người trên đầu vẫn khăn tang, mắt sưng húp vì đói lệ khóc thương người tình và có người đang bên chồng tiếp từng quả bom, dây đạn, thay tay súng cho chồng dưới chiến hào gục ngã để trực diện với quân thù, xả thân cho đại cuộc. Tất cả người gái Việt anh thư đó xin Tổ quốc hãy mặc niệm và ghi danh.

Ngày đầu năm, khi mặt trời lên chưa đủ rọi sáng con tàu, chúng tôi kéo neo để trở lại đường về. Khi gần đến bến Giang Thành trời đã sáng. Nhân gọi tôi đề nghị cho anh em ghé bến. Tôi mừng thầm vì Nhân có ý nghĩ như tôi thì lệnh cấm lên bờ của cấp chỉ huy nếu có biết được hai đứa lãnh phạt hoặc đi ngò từ cũng chẳng sao - Lính đi tù như ăn cơm bữa kia mà!...

- Tôi trả lời : O.K!... liền.

Bến Giang Thành hay nói đúng hơn là một khu chợ nhỏ nơi đó ngày xưa rất rộn rịp với những buôn bán nông sản thu hoạch được của dân làng hoặc thuyền ghe của người Miên

lại qua trao đổi phẩm vật, đời sống của họ rất an ninh và sung mãn, nhưng trải qua những ngày tháng tao loạn đã biến thành tan tác, nghèo nàn. Họ tới đây dựng chòi lá chen chúc nhau ở tránh đạn bom và xa lánh bọn người không lương tâm thường quấy phá, nên vườn ruộng không có, cây trái cũng không, đời sống hằng ngày với rau khoai hạn hẹp, có được trong mảnh đất nhỏ nhỏ quanh chòi. Những dây bí, dây bầu, dây khổ qua... không đất để làm giàn phải cho bò trên mái lá.

Rời tàu, tôi và Nhân không cần thay quần áo tươm tất như những khi lên các bến khác, cứ giữ nguyên bộ quân phục tác chiến đang bận trong người với chiếc áo giáp, choàng bên ngoài và cây súng colt đeo ngay bên ngực trái, chúng tôi đi một vòng quanh chợ. Mòng một tết chợ đã nghỉ bán, dòm vào những nhà và những chòi lá đầu đầu cũng thấy có một bàn thờ nhỏ nhỏ, một vài đĩa trái cây đơn sơ với đôi đèn cây hay chiếc đèn bóng đốt dầu le hoe ánh sáng, nhang đã tàn nhưng mùi khói còn bay chứng tỏ đêm qua họ có nhiều van vái...

Hai đứa tôi đứng lặng người ngó vu vơ như cổ hình dung lại hoạt cảnh bi thương vừa diễn ra trong đời họ qua đêm giao thừa, thì đằng kia chú Tư Kiên ở quán cà phê gọi chúng tôi lại, ông bảo rằng hôm nay quán không bán nhưng chú mời chúng tôi vào quán uống với chú tách cà phê để mừng năm mới đến.

Không biết tên chú và lần đầu tiên mới gặp nên cũng ngại, tự hỏi lòng mình đã có ai đến quán chú xông đất hay chưa ? Nhưng chú vồn vã mời, đồng thời cho biết trong quán đang có ông Hai Phước và Năm Sang ngồi ở đó.

- Thôi thì cứ vào, tên mình xấu háy kể như bò đi, Nhân có tên hay hay hợp lý lắm. Có Phước, có Sang và có Nhân cũng đủ cho cuộc đời rồi!.. chúng tôi cúi đầu chào và chúc mừng năm mới hai ông, sau đó mỗi đứa kéo một chiếc ghế đầu bằng cây ngò kê cận cùng bàn. Bác Hai Phước gọi tên của chủ quán bằng Tư Kiên nên từ đó tôi mới biết được tên này.

Không như những quán ở các phố phường có đủ tiện nghi, bàn ghế sang trọng nệm êm hay khăn trải. Ở đây mặt bàn là những tấm cửa nhà cũ được gỡ đem ráp với những khúc tre làm chân tạm bợ. Các chiếc ghế đầu chân nọ, chân kia xục xịch và ngã màu, nhưng cũng tạm yên cho là đồ dùng của quán.

Trong lúc chú Tư Kiên đang loay hoay pha cà phê trong bếp, hai ông già kể cho tôi và Nhân nghe chuyện về sư Tam Cốc. Ông nói rằng vùng sông Giang Thành trước đây có 3 ngôi cổ tự, mỗi cổ tự có một vị Sư trụ trì, nhưng trong chiến tranh đã làm hư và sụp đổ. Hai trong ba vị đã viên tịch bởi đạn, bom. Từ ngày đến đây lánh nạn, dân trong vùng đã chung nhau dựng lên một ngôi nhà lá để có nơi thờ phượng, lễ Phật, tụng kinh và họp mặt của đồng bào. Muốn có thầy trụ trì họ cung thỉnh vị Sư đó về đây lo việc hoàng pháp. Sự mất mát to lớn đó dồn lại cho một mình ông nên người ở đây quen gọi ông là "Sư Tam Cốc" và ngôi nhà thờ phượng mang tên "Tam cốc tự".

Mấy ngày gần tết, Sư và chú tiêu lo sửa soạn để chuẩn bị cho đồng bào và Phật tử đến đây đón giao thừa cùng lễ Phật

đầu năm, nhưng sự ác ôn đã xảy ra vào tối hôm kia, lợi dụng lúc tối trời, Việt cộng lên lút về đây bắt hai thầy trò dẫn đi, chẳng ai biết rõ mục đích, về sau nghe kể lại là chúng cưỡng bách hai thầy trò phải lái một chiếc xuồng máy chạy trên sông ngay chỗ chúng đang phục kích, nếu trái lời sẽ bị xử bắn. Cứ như những lần tập kích trước, chúng đã bị thiệt hại nặng nề bởi tốc độ tàu quá nhanh, tầm đạn bắn theo không kịp trúng mục tiêu, để rồi sau đó chúng bị đối phương tấn công dữ dội. Nắm lấy bản chất thiện tâm của chúng tôi mỗi khi thấy ghe thuyền dân chạy trên sông thì giảm máy hoặc ngừng máy để tránh thiệt hại chúng bèn thực hiện ngay mưu chước đó.

Nhờ ơn trên và Phật độ nên hai người thoát nạn, họ bò lên đất Miên ẩn núp, sau đó tìm đường trở về vào đêm qua để sáng hôm sau có buổi lễ Phật. Hai ông bảo nhau uống tách cà phê sẽ đi đến chùa, rồi chú Tư Kiển đi theo nhưng vợ con chú đã đi rồi, chú phải ở nhà dọn dẹp chút nữa đến sau. Chúng tôi hỏi hai ông về sự xa cách của chùa và tình hình an ninh ở đó. Hai ông cho biết không xa và ban ngày chẳng có sao vì đồn địa phương quân nằm gần đó, nên tôi và Nhân đi theo đến chùa.

Bên ngoài, chiếc cổng bằng tre có tấm biển gỗ đề tên "Tam Cốc Tự". Bên trong căn nhà lá được cất đơn sơ theo hình chữ nhật, giữa có bàn thờ, hai chân cắm đèn cầy đã cũ, một chiếc đèn chong nhỏ đốt dầu Gasoil đang cháy, khói đen bám hết bóng đèn, Một bình bông và hai nải chuối để trên hai cái đĩa, giữa tượng Phật Thích Ca bằng gỗ nâu, ngón tay bất ẩn đã gãy mất từ thuở nào rồi.

Khoảng đất bên trái bàn thờ, hai chiếc giường tre trải chiếu cũ, nơi dành riêng cho sư và chú tiểu nghỉ ngơi, vài chiếc áo nâu sòng rách rưới đang treo trên phen đó. Bên mặt, lu, vò, hũ, nhỏ đựng nước uống, gạo muối, tương chao... trở ra đằng sau có căn bếp nhỏ, không vách, không phen gió thổi ào ào... Sư đang quỳ niệm hương trước bàn Phật, phía sau lưng Sư đạo hữu chia thành hai phái, họ quỳ trên những tấm đệm phơi lúa được trải để tụng kinh. Trong bếp một vài thanh niên nam nữ phụ chú tiểu lui cui nấu nước sôi pha trà. Cùi cây không có, phải đốt bằng rơm nên khói bay lên mù mịt.

Tam Cốc Tự không đủ chỗ cho số đạo hữu đến tham dự lễ quá đông, do đó những thanh niên và thiếu nữ phải đứng làm lễ ở ngoài trời. Tôi và Nhân không chấp tay chỉ đứng vòng tay nghiêm chỉnh sau lưng họ. Chấm dứt một thời kinh Phổ môn, sư đứng quay mặt lại mỉm cười để mở đầu lời chúc mừng năm mới và mời đạo hữu ở lại uống trà, trò chuyện cho vui.

Trong đám bạc, trong đơn sơ, nghèo khó nhưng ai nấy đều hân hoan được đón xuân và lễ Phật tại chùa. Các bà cứ ngồi ngay trên đệm và bên này các ông cũng thế, còn những thanh niên, thiếu nữ đứng từng nhóm với nhau, nói nói, cười cười, kể chuyện vui nhộn nhịp.

Một số vây quanh tôi và một số vây quanh Nhân, chúng tôi kể cho họ nghe những mảnh đời lưu lạc đã trải, những buồn vui, khổ nhọc lúc ra khơi, những gặp gỡ ở bến, ở bờ hay hải đảo hoang vu xa lạ... Thỉnh thoảng tôi liếc mắt nhìn bạn tôi, thấy chàng đang thao thao bất tuyệt, đệm với những tiếng

cười khúc khích của các cô thiếu nữ đang xuân miên thôn dã mà lúc đầu gặp chúng tôi họ còn e ấp, rụt rè..

Tất cả nữ nam ở đó chúng tôi kể như quen biết, chuyện còn dài, vui còn tiếp nhưng chúng tôi phải về tàu. Vì số người đến tham dự quá đông nên chúng tôi không chào được Sư và quý đạo hữu cao niên ở đó, chúng tôi chỉ từ giã họ trong luyến tiếc, thâm tình...

Tôi lặng lẽ đi vòng ra sau bếp kê tai chú tiểu nói nhỏ dặn chú khi tan lễ, mọi người ra về, chú hãy đến quán cà phê Tư Kiển ngoài chợ mang về thùng gạo sảy cho Sư và một thùng dầu để đốt đèn bàn thờ. Mọi thứ tôi gói ở đó và có viết giấy chứng nhận gói tặng cho chùa, phòng việc không may xảy đến. Chú mừng rỡ cảm ơn tôi.

Trên đường từ Tam Cốc Tự về tàu, nét mặt Nhân hiện lên niềm vui thấy rõ. Chàng cặp cổ tôi và hí hửng khoe với tôi rằng chàng đã quen được một cô em ở đó. Nàng đẹp vô ngần như tiên nga giáng xuống, có khuôn mặt hiền hòa, cặp mắt xanh và làn da đỏ trắng mỏng... Tuy trong khổ cực, nghèo nàn vì thời cuộc đẩy đưa, nhưng đáng nể trông cao sang, quý phái...

Tôi mỉm cười, khuyên Nhân nên dẹp bỏ những ý nghĩ chung tình đó, hãy coi như đã có những lần quen giao, hy vọng gặp gỡ lại quá mong manh đối với thời buổi nhiễu nhương này, nhưng Nhân thì ầm ờ không mấy quan tâm đến lời tôi vừa nói mà chỉ cười giòn.

Chúng tôi xuống tàu tiếp tục chuyến trở về căn cứ, khi chạy ngang qua chỗ giao tranh với địch quân hôm qua, cảnh vật vẫn im lìm, bên con rạch chiếc xuồng máy còn nằm đó, tôi thấy kệ nó, nếu là của dân cứ để cho họ lấy đem về.

Những ngày tháng sống cùng đơn vị đi qua, dù thời gian ấn định cho chúng tôi phải chuyển đến nơi khác. Từ đó tôi và Nhân tuy cùng một quân binh chủng nhưng khác nhau hẳn đơn vị và KBC. Sự gặp mặt không thường xuyên như khi còn ở chung nữa, có chăng là đôi giây phút qua những lần công tác hay qua những chuyến hải hành.

Rồi cũng một ngày gần cuối đông, khung trời miền Nam, có gió nhẹ, lát phát mưa bay, tôi nhận được thiệp báo tin hôn lễ của Nhân, trong đó Nhân ghi riêng cho tôi một mảnh giấy mời tôi đến dự, Nhân nhắc cho tôi nhớ lại ngày đầu năm ghé qua thăm Tam Cốc Tự cùng reo vui trên ngao tôi bằng vài câu hát của Anh Thi:

"Trăng lên cao muôn hoa sóng dâng đầy,

Tàu lắc lư làm sao viết thư tình...

Áo dài xanh bên áo trắng hoa biển

Anh che cho em đừng làm ướt áo,

Anh quen rồi, mưa gió lính...."

Và người hôn thê của Nhân không ai khác lạ hơn cô con gái bên Giang Thành chàng đã quen từ dạo nọ...

(Đặt lạ đầu xuân Canh Ngọ 90)

Đường Sang Thiên Trúc

- Từ Hùng Trần Phong Lưu-
(tiếp theo)



Rồi ông trưởng phòng cũng hấp tấp ôm đống hồ sơ chạy qua trông có vẻ quan cách lắm. Chúng tôi cứ tưởng chừng một lát chúng tôi sẽ được phát giấy tờ có chữ ký của quan lớn. Nhưng mấy chục phút sau ông trưởng phòng còn thò đầu ra bảo chúng tôi sửa soạn vào chào quan Superintendent. Ai nấy dọn mình, chờ thêm mười mấy phút nữa mới được dẫn vào ngồi quanh một bàn hình bầu dục trước bàn viết lớn, để ngài Cảnh sát trưởng, mặt đen búng ra sữa (dĩ nhiên sữa dê) thẩm vấn từng người từng đoạn lý lịch, từng lý do đến đây và nguyên do lưu lại. Quạt máy trên trần bay vù vù mà ai cũng phát nức. Được cái sau khi hỏi cung ông ta ký tên đóng dấu ngay và trao tận tay từng người làm như phát bằng cấp thi hạch miêng. Giáp vòng đủ 9 người, ông ta còn ban huấn từ chung mấy câu tiếng Anh rồi mới bắt tay từng người đưa ra cửa. Nhưng ông trưởng phòng còn chặn chúng tôi phía trước bảo qua văn phòng chờ. Mọi người nhìn nhau thắc mắc vì giấy tờ đã nắm trong tay còn màn đòi hỏi gì nữa đây. Tuy nhiên đã mất hai ngày rồi thì có phải chờ thêm

một hai tiếng nữa cũng không thêm ngần. Bèn cùng thân nhiên giả như ngây thơ vô tội vạ, ngồi xuống băng chờ. Hai bên cứ nhìn qua ngó lại, chờ tới đờn lui. Nhưng chẳng người nào biết phải quấy, hay nói lên một lời cảm ơn. Cho đến hết giờ làm việc. Ông trưởng phòng nản quá bèn phác tay cho chúng tôi về nhà mà chẳng nêu lý do.

Ra bến xe Lam, cả nhóm cùng cười, tự thấy thân nhau hơn sau 2 ngày đồng cảnh ngộ bị hành chờ đờn. Từ Ni Sư người Anh. Lão sư người Sikkim đến mấy thanh niên Thụy Điển, Âu Mỹ và tôi đều đồng ý bao hết chiếc xe Lam cùng về Bồ Đề đạo tràng.

Trên chuyến xe Lam trở về, nhờ nhứt định chọn chỗ trong xe, dù chật chội, thay vì ngồi bên ngoài tấm ván nhỏ sau yên tài xế, nên tôi có thể yên tâm ngắm nghĩ về lời bàn của các đạo hữu khác ở chùa. Tại anh không cho tụi nó "ăn" nên nó bắt anh phải châu chực hai ba ngày!

Vừa xuống bến xe, đã gặp ngay ông Ân Độ chùa Miến đón hỏi việc xin gia hạn giấy tờ. Tôi đưa ông lại xe nước mía để đãi một châu. Tôi còn cẩn thận dặn anh bán hàng phải lựa mấy cây mía nằm chính giữa đồng đã róc vỏ, ít bị ruồi bu nhứt để ép nước bằng cách quay tay. Lúc tôi trả tám giấy 10 đồng, họ thối lại 6 đồng thì ông Ân Độ quay lại sừng sộ với anh bán hàng mới hay mỗi ly giá chỉ 1 đồng nhưng anh thấy tôi người ngoại quốc nên đập giá gấp đôi. Anh ta đã khôn ngoan giải quyết bằng cách lấy đại 2 cây mía, ép lại 2 ly lưng lưng để đền lại.

Về đến chùa lại gặp buổi cúng kiếng, đãi đằng của các thợ xây cất Ân Độ Abula mang giỏ bánh đến mời tôi. Tôi cũng cẩn thận chọn chiếc bánh nằm trong cùng hy vọng ít bị bụi bặm và ruồi lẩn xâm nhập. Buổi cơm chiều, chị Năm còn mời tôi trái ổi mới mua ngoài chợ. Đến tối bà G. lại ép tôi ăn chén chè cúng Phật để trên bàn thờ từ chiều. Những thức đó hợp lại làm cứng bụng tôi và thừa hôm bất ý đã mang vi trùng Ân Độ xâm nhập, rồi nổi loạn sôi sục suốt đêm kéo dài đến cả ngày hôm sau. Tôi phải uống thuốc tiêu mới mở đầu cuộc giải phóng trong nỗi khổ bị Tào Tháo Ân Độ đuổi nhiều lần.

Đúng buổi chiều hôm đó lại có chuyện lời qua tiếng lại giữa hai bà có chồng Tây, ở 2 bên phái đoàn Mỹ và Pháp. Nhà bếp là nơi chật hẹp, nhiều người ra vào chung đụng nấu nướng, thêm khí hậu nóng bức, dù chén đĩa trong sóng cũng phải

khua động nên là nơi dễ "đổ nghiệp" nhưt. Kết quả cả nồi canh chua to còn ấm mới múc vài tô cho mâm trước đã bị đổ cho chó của Abula được ăn no nê.

Sáng hôm sau, tôi được nghỉ ở nhà dưỡng sức vì cả đêm mất ngủ. Trong khi các bà đón xe lôi lên chợ để tiếp tục đi hành hương các chùa. Lợi dụng thời gian rảnh, tôi xách thước ra đo ranh đất để ghi lại gần đúng kích thước khu đất vì Thầy chẳng có họa đồ, lại mua đất từ nhiều chủ lấp ghép thành một hình thể rất phức tạp. Tôi lại chỉ mang theo thước dây 5m. Không có máy nhẩm. Đất bờ dề, ruộng nước gập gềnh, nên rất khó định được góc độ cũng như đo được bề dài chính xác. Tuy nhiên nhờ anh Phước giúp căng thước đo, tôi cũng cố gắng ghi nhận sơ khởi hình thể thửa đất với sự kiểm nhận của Thầy Hội trưởng. đặt bước đầu cho việc lập họa đồ tạm.

Sau bữa cơm trưa, tôi và anh Phước được Thầy thường công đưa đi viếng Khổ hạnh lâm. Các bà đi viếng chùa buổi sáng còn mệt, đang nghỉ trưa. Và lại bà G. vừa ăn sinh nhật 70 tuổi, thật khó mà mời tham dự một chuyến đi bộ gần 2 tiếng đồng hồ, lội sông, leo núi, ...

Chúng tôi đón xe lôi, sang xe lam rồi ngừng lại giữa đường lên quận, tại một vùng vắng vẻ. Không có nhà cửa, vắng bóng người, không nghe tiếng chim, tiếng thú, chỉ toàn bãi cát bụi bặm bám đầy những cây xoài, cây me cần cỗi. Chỉ thấy một bà bán một thứ nước giải khát, hứng từ đọt cây kê, các chum đất nung bỏ lẫn lóc dưới đất. Thầy kể, ngày xưa Đức Phật khuyên các đệ tử không nên uống loại nước này vì nước ngọt hứng từ đọt cây kê qua nhiều ngày đã lên men thành rượu và cũng làm say, gây hại như bất cứ loại rượu nào.

Sông Ni Liên Thiên hiện ra trước mắt tôi. Không thơ mộng như trong trí tưởng tượng, không xanh um cây cảnh như trong các tranh vẽ. Chỉ một dải nước nông cạn đến mắt cá chân. Chúng tôi lột dép, xắn ống quần lội xuống dòng nước mát, dầm lên cát mềm thấy dễ chịu hơn đi trên bờ cát nóng. Phía đằng xa, vài người thợ Ấn đang đeo trên giàn trò dựng quanh mấy chiếc móng cầu. Thầy H.D. cho biết cây cầu bắc qua sông này đã được khởi công từ mười năm nay, bây giờ chỉ được chừng đó. Mười năm nữa anh trở lại cũng sẽ không hơn được bao nhiêu! Không ai biết được đến bao giờ cây cầu này sẽ hoàn tất. Dù đến mùa nước lớn, sông cũng sâu, nước cũng chảy. Tôi

bàn góp, có lẽ thời gian xây dựng ở Ấn Độ được tính bằng thế kỷ!

Sang đến bờ sông bên kia đã thấy một bầy trâu lẫn quần đàn chào. Con nào cũng giơ sừng nghinh nghinh trông phát ón! Chợt một con tách bầy lùi cặp sừng to tiến về phía tôi, rồi khởi sự chạy xô tới. Tôi hoảng kinh, thối lui xuống sông và chạy nhanh ra giữa dòng trong tiếng la gọi của anh chàng chăn trâu.

Nhìn lại mới hay, chiếc áo "polo" tôi mặc màu đỏ. Tôi vội cởi ngay ra và giấu vào sau lưng. Phải đánh một vòng tránh xa ra, mới vượt được ải địa đầu của con cháu Ngưu Ma Vương!

Chúng tôi đi dần vào một làng quê heo lánh dưới trời nắng gắt. Cũng có những mái tranh, cây đa, gò đất, vũng nước; nhưng mọi cảnh vật đều có vẻ cần cỗi, uể oải hơn các làng mạc miền Trung Việt Nam. Nhiều nhà vách đất, lợp rạ, lốt ổ rơm làm chỗ ngủ và họ sinh sống chung đụng với thú vật nuôi trong nhà. Con bò là cả gia tài của họ, được họ tận tụy để cày bừa. Không biết họ có vắt sữa bò hay không, vì phần nhiều cà ri họ nấu bằng sữa dê! Nhưng phân bò thì họ đem nhồi ngay với rơm cắt ngắn và nắn thành từng bánh dán lên vách đất để phơi làm chất môi lửa cho cả than đá. Đó là chất đốt cổ truyền mà tổ tiên người Ấn đã biết xử dụng từ nhiều ngàn năm trước. Thỉnh thoảng một bầy heo chạy tủa qua, những con heo con mình vẫn thuộc giống heo rừng, heo mọi. Thêm một khác biệt với cảnh vật bên ta là những cây kê, cây chà là. Có cây rất to phía trên còn bám thêm những cây bồ đề con. Đó là thứ bồ đề bay mà ta vẫn thấy mọc trên các máng xối nhà cổ Việt Nam. Ai cũng định bụng khi về sẽ bứng vài cây đem trồng sang các xứ Âu Mỹ.

Tới một cây bồ đề to gốc rễ bò tràn ra một khoảng đất lớn, tàng rộng, Thầy ngồi xuống nghỉ chân, chúng tôi cũng lựa những rễ to ngồi nghỉ và được biết thêm đây là trạm nghỉ mà phái đoàn nào cũng có dịp dừng chân giữa đoạn hành trình. Rồi chúng tôi tiếp tục đi một khoảng đường dài tương tự như vậy mới tới một khu rừng lá sésam. Cây mọc thưa thưa và nơi đây chúng tôi được dịp hỏi tường lại truyện tích Đức Phật hỏi ngài A Nan về nắm lá trong tay và lá trong rừng, để nói cho Ngài biết rằng những gì Đức Phật Thích Ca dạy cho đệ tử Ngài ví như nắm lá trong tay; còn Phật Pháp thì vô lượng vô biên như lá trong rừng.

(Còn tiếp)

Vấn Chuyển Hành Hương Đi Úc

- Diệ Huê -



Về đề tài này - Chuyển hành hương đi Úc - tôi đã không viết sớm hơn vì tôi nghĩ cũng có người viết rồi. Nhất là Thầy Thích Như Điển biết đâu Thầy không tiếp nối mục "Đường Không Biên Giới". Mà Thầy cũng đã nói đến cuộc hành hương ở Úc trong bản tin tức Phật sự trong Viên Giác số 55. Cũng trong số này, tôi được đọc bài "Một Chuyến Hành Hương" của đạo hữu Thiện Nguyệt. Tôi không được biết ai có pháp danh đó, nhưng tôi đoán chắc không ai ngoài chị Chu, vợ anh L.N.N. Chị bây giờ là "dân bản xứ", vậy mà chị nói đến cuộc hành hương của chúng tôi như chính của chị.

Điều đó cũng đúng thôi, vì đoạn đường ở Brisbane thì vợ chồng chị, cùng vợ chồng anh Long nhân dịp nghỉ hè lớn - dịp Giáng Sinh và Tết tây cũng là dịp hè ở xứ Úc - đã đi theo chúng tôi từng bước, tiếp đón chúng tôi, phụ chùa lo bữa ăn cho chúng tôi, cùng đưa chúng tôi đi thăm các chùa và các thắng cảnh. Anh chị và anh chị Long là người mới tới Úc lập nghiệp, nhưng là người cũ của nước Đức và của Chùa Viên Giác, nên rất nặng tình với Thầy trò chùa Viên Giác. Vừa gặp chúng tôi, chị Chu mừng và khóc nức nở, đến khi tiễn chúng tôi chị cũng mũi lòng không cầm được lệ. Cả chị Thanh, vợ anh Long, cũng cảm động, mừng mừng tủi tủi. Người xưa gọi cảnh cũ, các chị đều nuôi tiếc vùng đất lạnh với bao nhiêu kỷ niệm buồn vui. Chỉ các anh là có vẻ hài lòng với cuộc sống mới phần đầu để làm nghề nghiệp mình ưa thích.

Chị Thiện Nguyệt đã kể rất kỹ đoạn đường chúng tôi đi Brisbane. Nếu tôi muốn kể thêm thì chỉ còn phần còn lại. Mà trong mục Tin Tức Phật sự Thầy Thích Như Điển cũng đã kể lại cuộc hành hương theo thứ tự từng chùa với đầy đủ chi tiết rồi.

Bây giờ tôi chỉ xin nói về cảm tưởng chung của chúng tôi và nhất là của riêng tôi. Tôi xin phép Quý độc giả, nói về cái "tôi" trong lúc tuổi già tới. Thật thì tôi chưa đến 70 (như chị T.T. viết), nhưng cũng suýt soát, 69 tuổi ta rồi! Mà có lúc tôi còn nghĩ là tôi chưa già, việc gì làm được tôi cũng làm, đi đâu được tôi cũng đi. Năm 1984, tôi đã 63 tuổi, lúc

đi dưỡng sức (Kur) cùng các bạn đồng hương, các bạn cho tôi là còn trẻ, vì tôi bơi lội và hoạt động như bất cứ người nào trong bọn. Thế mà chỉ một năm sau là bị bệnh nặng phải vào nhà thương mổ ở cổ, và từ đó tôi yếu hẳn đi. Thấy rõ cái già nó "sđen, có lúc tôi cũng buồn vì thấy mình sút kém quá, nh òng sộc" ưng tôi không hề sợ, nghĩ đó là sự thường của cái "vô thường" rồi.

Hồi cuối năm ngoái, nhân dịp Thượng Tọa Thích Như Điển xuống tỉnh tôi ở thuyết pháp, tôi được biết Thầy sắp hướng dẫn một phái đoàn Phật tử đi hành hương tại Úc, tôi xin Thầy cho tôi ghi danh, nhưng lúc đó đã hết chỗ rồi. Mãi sau, còn sáu ngày nữa thì máy bay cất cánh, Thầy điện thoại cho tôi biết là có người rút lui, tôi muốn đi thì phải tự lo ngay giây tờ mới kịp. Ngày hôm sau, tôi đi Bonn, cũng may chỉ trong một buổi xin được chiếu khán, không phải chờ đợi gì cả.

Thế là như Thầy nói, tôi có duyên may được đi Úc, chứ trước đó tôi nghĩ khó lòng tôi đi được. Vì đường quá xa, tôi nửa vòng trái đất, nội ngồi trên máy bay đã 24, 25 giờ rồi, không kể nửa ngày nghỉ ở Athen và một giờ ở Singapore. Chúng tôi được đi thăm 5 thành phố cả thầy : Sydney, Adelaide, Melbourn, Camberra và Birsbane, đều xa nhau, ở Tiểu bang khác nhau. đi xe Bus loại lớn cũng phải đi từ 10 đến 18 giờ rồi. May là xe có máy lạnh, chỗ ngồi lại ngã nằm được nên cũng thoải mái. Riêng tôi, sau khi đến Sydney một tuần thì tôi trượt chân bị ngã một cái nên thân, tối nằm trở mình rất là đau đớn, tưởng như gãy xương, hôm sau phải nhờ chùa đưa tôi đi khám bác sĩ. Nhân dịp T.T. Thích Bảo Lạc xuống phố, Thượng Tọa đưa tôi đi ba nơi (hôm đó là chiều thứ tư) mới có một nơi làm việc. Tôi được chích thuốc và cho thuốc uống, bác sĩ dặn nếu hai ngày nữa không bớt đau, thì phải đi chiếu điện ngay. Thành ra đến Adelaide, tôi phải xin đi chiếu điện. Chùa Pháp Hoa ở đó đang tổ chức lễ khánh thành, bận rộn như vậy mà chùa cũng phái một chú lái xe đưa tôi đi. May tôi không bị gãy xương, nhưng vì tôi có tuổi mà lại ngã nặng nên cột xương sống hơi bị dòn, chắc lâu mới khỏi. Biết vậy tôi cũng yên tâm.

Nói chung, chúng tôi đi đến đâu cũng được các vị Tăng Ni và Phật tử ở đấy tiếp đãi ân cần. Và còn tổ chức xe cộ hướng dẫn chúng tôi đi thăm chùa chiền và các thắng cảnh trong vùng nữa.

Phái đoàn chúng tôi trong vòng một tháng được đi thăm 10 chùa Việt Nam và 5 chùa Tàu, Nhật, Miên và Tây Tạng. Chùa ở Úc thường được cất trên đất rộng. Chả là nước Úc mệnh mông, nhà cửa đều khang trang và có vườn tược. đất rộng nhất phải nói đến chùa Vạn Hạnh (Đại Đức T. Quảng Ba trụ trì), được chính phủ Úc cấp cho 17.000 m², mới khánh thành Chánh điện và Phật đài lộ thiên là đợt đầu. Chùa Vạn Hạnh đồng thời cũng là Tu Viện đào tạo Tăng Ni và là Trung tâm Phật Giáo Thích Ca Mâu Ni của cả người Úc và sắc tộc lẫn người Việt ở Canberra.

Ở Adelaide có chùa Pháp Hoa cũng rộng lớn, xây cất theo kiểu Việt Nam với cổng Tam Quan, chánh điện có hai lớp ngói và dãy nhà ngang. Chùa mới khánh thành, có rất đông quan khách và Phật tử tới dự. Chùa Phước Huệ ở Sydney (Hòa Thượng T. Phước Huệ trụ trì), tương lai cũng là xây cất lớn, hiện giờ chung quanh

chùa là vườn hoa với nhiều bụi trúc, có cả mảnh vườn rau muống xanh tươi mà chính Hòa Thượng chăm sóc. Chùa có hiệu cơm chay dưới phố, hiệu An Lạc. Sau buổi viếng chùa, Hòa Thượng cho chúng tôi xuống đó thưởng thức những món ăn thật ngon và tinh khiết.

Cũng ở Sydney, chùa Pháp Bảo là nơi đầu tiên chúng tôi tới và cũng ở lại trước khi về. Thượng Tọa Bảo Lạc là bào huynh của Thượng Tọa Thích Như Điền trụ trì ở đây. Chánh điện của chùa hình lục giác, mà nơi Tôn tượng đức Phật mỗi sáng mặt trời rọi vào trông như có hào quang chiếu. Chùa có tượng đức Phật Quan Âm lộ thiên, và vườn chùa có nhiều cụm lan và cụm cúc rực rỡ, và đặc biệt là ở hàng dãy trên một trăm cây đào, mỗi cây mang tên một Phật tử phát tâm cúng dường, khi cây lớn, hoa nở rộ cả thì đẹp biết chừng nào!

Chúng tôi cũng được đi thăm chùa của một vị cao tăng mà là một học giả có tiếng, người Anh, tên là Ven. Khantipalo Thera, một mình một cõi trên quả núi cao, đường rất gập ghềnh khó đi, cũng có đủ chánh điện, nhà thiền, nhà trai, thư viện và cái cốc nhỏ của vị trụ trì, nhưng tất cả đều đơn sơ lại ở xa nhau, trong cảnh núi non hoang vu mà hùng vĩ làm ta tưởng như lạc tới cõi bồng lai thoát tục nào đó. Tại Brisbane có chùa Pháp Quang (Đại Đức T. Nhật Tân trụ trì) với cây cối um tùm, hồ ao, non bộ, y như cảnh Già lam của những chùa cổ xưa bên nhà. Còn chùa Linh Sơn (Sư cô Trung Chánh trụ trì) thì rõ ràng là chùa quê với rặng mía, rặng bắp, cây ôi, cây xoài.

Chúng tôi cũng được đi thăm nhiều nơi thắng cảnh. Ở Sydney thì Nhà Hát Lớn (Operahouse) mà mái nhà thì là nhữngglóp hình vỏ trai lớn trắng xóa trông rất lạ mắt, Cầu Hải Cảng (Harbour Bridge) dài tới 4km nối liền hai miền Bắc Nam của Sydney. Đi vài giờ cách tỉnh thì tới Thạch động, gồm nhiều hang động ở sâu trong núi với những tầng đá lớn thạch nhũ cheo leo cùng lốm chớm những hàng đá chạy dài xuống, mỗi khi người hướng dẫn bật đèn màu lên thì trông vô cùng rực rỡ và diễm ảo thần kỳ.

Đến Adelaide, chúng tôi được thấy trong vườn bách thảo một hồ sen rộng, với đầy hoa màu hồng và lá xanh mướt, lâu lắm rồi tôi mới lại được ngắm hồ sen như vậy, tự nhiên trong lòng thấy nhẹ nhàng, thanh thoát. Chúng tôi đến Melbourne ở hai ngày, nhưng tôi không có gì để nói, vì hôm đó tôi mệt phải nghỉ tại chùa Quang Minh không đi đâu cả. Sau khi tới Canberra, thủ đô Úc, chúng tôi được đại đức Quảng Ba đưa đi qua một lượt các Tòa đại sứ ở đây, và Tòa Quốc Hội Úc với kiến trúc tối tân, cột cờ thật cao được đỡ bằng bốn cột sắt nặng. Chúng tôi được vào cả trong Quốc Hội, dự buổi họp của Cộng đồng Người Việt Nam Tị Nạn tại Úc, vào lúc bắt đầu, có chào Quốc kỳ và phút Mặc niệm. Thật là cảm động! Theo tôi được biết thì chỉ có ở nước Úc đồng bào tỵ nạn mới được họp chính thức trong Quốc Hội như thế.

Sau cùng là tới Brisbane tôi cũng xin kể qua thôi. Tại đây chúng tôi được nhìn tận mắt hai loại thú đặc biệt chỉ có ở nước Úc : con Kangaroo tại vườn Lonnie Pine, cũng bằng như con nai, nhưng đầu nhỏ bụng to, nhất là những con cái mang túi trước bụng đựng con còn bé, và một con nữa là con Koala, có thể giới riêng biệt là Koala Town, trông như con gấu bằng bông dễ thương, thường nhắm mắt ngủ, lâu lâu mới mở đôi mắt tròn xoe đen láy. Vào nơi gọi là Pineapple Sunshine có Trái Khóm già thật lớn, cao hơn mái nhà, từ xa ai cũng nhìn thấy, thì chúng tôi được đi loại tàu nhỏ kéo qua các rạch, thưởng thức các loại hoa trồng chung quanh đó, rồi cũng đi loại tàu nhỏ xuyên qua vườn dứa,

chuối, chôm chôm, vải, xoài đang mùa trĩu quả trông thật đẹp.

Ngoài ra chúng tôi được đưa đến bờ biển Gold Coast và Sunshine Coast rộng và sạch, để tắm biển, làm "Picnic" và hứng gió biển khoan khoái.

Khí hậu trong mùa Giáng Sinh ở đây ảm áp - quá ảm và quá nắng nữa, như tháng 4, 5 ở Sài Gòn, nhưng nhờ có gió nên cũng dễ chịu. Cũng là mùa hoa phượng vĩ, nhắc tới tuổi học trò với mùa thi cử ở quê nhà. Lại có cả bông giấy, bông sứ, hoa dâm bụt, hoa ngọc lan. Rau trái thì đủ mọi thứ của miền nhiệt đới : rau muống, mướp hương, bầu bí và mọi thứ rau thơm, bây giờ là đang mùa vải, khóm, xoài, dứa Về đây ta có cảm tưởng đang ở quê hương Việt Nam, nhất là lại sống cùng với người đồng hương dưới mái chùa "che chở hồn dân tộc".

Tôi viết ra đây lòng tri ân của chúng tôi đối với các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và Phật tử các chùa đã cho chúng tôi dịp may hiếm có đó. Chúng tôi tri ân Quý vị ở Úc không những đã cho chúng tôi nơi ăn chốn ở, mà còn lo xe cộ và hướng dẫn chúng tôi đi thăm mọi nơi. Chúng tôi cũng không quên tri ân Thượng Tọa Thích Như Điền là người tổ chức chuyên hành hương này thật hoàn hảo, xếp đặt mọi chương trình, mọi cuộc đi chuyển và cũng lo lắng vì chúng tôi không ít.

Tôi cũng nhân dịp này cảm ơn các bạn đồng hành đã để tâm nâng đỡ tôi, như anh Tài sẵn sàng xách hộ hành lý cho tôi mỗi lần đi chuyển, và các đạo hữu khác cùng Quý Ni sư Ni cô thăm hỏi tôi. Tôi cũng xin nói lên mặc cảm của tôi là, vì đau tôi không hay lên chánh điện dự khóa lễ được, cũng không giúp được gì cho ai mà chỉ nhờ mọi người giúp đỡ tôi. Có một điều đối với tôi như có phép lạ, là đau như vậy, có lúc phải kêu lên, mà chỉ riêng đau lúc đi nằm hoặc ngồi dậy thôi, còn đi lại vẫn được như thường, có thể tôi mới dự được các cuộc hành hương và du ngoạn. Chắc nhờ Phật độ, cũng như các cụ già đi chùa Hương ngoài Bắc, đường thì xa lại cheo leo, các cụ lưng khòm tay chống gậy hoặc lần tràng hạt miệng niệm Phật, mà đi tới nơi tới chốn lại không thấy mệt mỏi gì cả. Do lòng tin thì cũng như do Phật độ.

Nội việc tôi đã có tuổi mà ngã như thế lại không bị gãy xương cũng là may mắn lắm rồi. Thành trong cái rủi cũng thấy được cái may là thế. Và cũng nhờ cái may đó mà tôi theo đuổi được hết hành trình của cuộc hành hương tốt đẹp, đây ý nghĩa này.

Diệu Huệ

Đầu tháng 3, 1990.



Gặp Người Xưa Ôn Chuyện Cũ

- Nguyễn Ang Ca -

(Tiếp theo Viên Giác số 54)

Trong bữa tiệc cưới của Nguyễn Bình Quang, cựu đại úy mũ xanh (lực lượng đặc biệt) cựu tù binh lao tù Cộng sản và con trai của cố ký giả Nguyễn Bình Phương, người anh thứ bảy của anh An Khê Nguyễn Bình Thịnh tôi gặp lắm người quen. Trong loạt bài điều tra phóng sự sôi nổi, tố cáo bọn cai thầu bên cảng Sài Gòn đã làm giàu trên mồ hôi lao động anh em phu bên tàu (nhật báo Ý Dân) bọn Ba Lâu, Sáu Tùng không sao mua chuộc được nên thuê một nhóm thuộc hạ của Bình Xuyên bắt cóc nhà báo Nguyễn Bình Phương ngày 23 Tết (năm 1955) trên đường từ tòa soạn về nhà. Nguyễn Bình Phương bị thủ tiêu mất xác và gia đình Nguyễn Quân đã lấy ngày 23 tháng chạp, ngày đưa ông Táo về Trời làm ngày giỗ cho một cán bút tài danh kiên cường đã chết vì nghề nghiệp.

Tại tiệc cưới, tôi còn gặp một vài "cố nhân" như ông chánh án Nguyễn Quốc Hưng, gốc người Mỹ Tho, bạn lao tù cùng lao động khổ với Nguyễn Bình Quang. Tôi cũng gặp ông Quách Xén, người sĩ quan đẹp trai hào hoa phong nhã của Bộ Tổng Tham Mưu vào thời kỳ tướng Hình nắm chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng. Là tùy viên quân sự đầu tiên ở Tòa Đại Sứ VNCH ở Pháp (thời Đ.S Bửu Lộc, Đ.S Phạm Duy Khiêm) lúc nhà báo tiên phong Nam Việt Nguyễn Phan Long làm Bộ Trưởng Ngoại Giao sau trở thành thủ tướng Chính Phủ tự trị Nam Kỳ, ông Quách Xén bây giờ đã hơn 60 tuổi, nhưng cốt cách vẫn còn giữ được cái "uy" độc đáo của một trong những vị sĩ quan VN đầu tiên của trường kỵ binh Saumur Pháp quốc.

Giữa ông Quách Xén và tôi có lắm sự trùng hợp.

Hồi nhỏ, tôi mang họ Quách. (Tôi là đứa con lạc loài của ông Quách Ngọc Đồng, một điền chủ lớn ở Bạc Liêu). Khi còn theo học lớp đồng ấu Mỹ Tho tôi cũng tên Sến, viết S thay vì X như ông Quách Xén. Lúc biết ông Quách Xén là em rể của nhà văn An Khê, tôi đã biên thư hỏi thăm, bởi nếu ông QX là người Bạc Liêu thì chắc chắn có liên hệ gia đình với tôi và nữ nghệ sĩ Túy Hồng. Nhưng ông Quách Xén lại là kiến họ Quách, ở Rạch Giá.

Chiều hôm sau, ông bà Quách Xén có nhã ý mời anh An Khê và chúng tôi đến viếng tư gia, ở trên ngọn đồi, thuộc vùng Saint Cloud, trong phạm vi đặc khu dành cho giới thượng lưu giàu có.

Bà Quách Xén nêu ra câu hỏi:

- Tại sao phần lớn các sĩ quan cao cấp quân lực Việt Nam đều yêu các nữ nghệ sĩ?

Tôi mỉm cười nín lặng.

Nhưng bây giờ xin mạn phép nhắc lại thiên cổ sự.

Chuyện này đã thuộc về quá khứ, bởi lớp bụi thời gian gần 40 năm như đã chôn lấp hồ sơ tình ái của khách đa tình nơi một xóm xinh nào đó, chẳng ai còn nhớ đến nữa. Lẽ tức nhiên ngoài những chứng nhân vẫn còn sống nhăn sau bao cuộc thăng trầm của dòng đời thế sự...

Xin lỗi bà Quách Xén nhé. Và mong bà hẳn đã hết ghen rồi... Bởi người đóng vai chánh trong cuộc đời tình ái của cô đào có biệt danh kỳ nữ, trước kẻ viết bài này và các bạn Ngọc Linh, Nguyễn Đạt Thịnh, Chánh án H., nhạc sĩ NVĐ., không ai đâu lạ, chính là chàng kỵ binh hào hoa phong nhã của năm xưa đó.

Lẽ tức nhiên có những mối tình gọi là... "amour platonique" đúng nghĩa lại cũng có những cuộc tình... ngây ngất trên biển ái non ân, bất chấp cả không gian lẫn thời gian.

Nhắc lại chuyện này tôi bắt nhớ đến thiên tình sử:

Đại Tá Dương Văn Đức phân khu trưởng Sóc Trăng, hùm xám Hậu Giang với nữ nghệ sĩ số 1 miền Nam: Lê Thị Phi tức cô Năm Phi hay cố nữ nghệ sĩ tài hoa kia từng cho hai vị tướng lãnh VNCH trồng cây si một lượt.

Và tôi không quên một vị tư lệnh vùng I, đã nhờ sĩ quan tùy viên lấy mền trùm kín một nữ nghệ sĩ từ Sài Gòn mới đáp xuống sân bay, rồi dùng xe jeep, chở thẳng cô đào (trùm mền) thẳng vô Tư lệnh bộ... (Xin hẹn quý bạn đọc giả khi có dịp khác, tôi sẽ viết kỹ những chuyện tình... nghệ sĩ từ sân khấu đến cuộc đời).

Đó là chưa kể dưới thời Đệ nhị Cộng Hòa, có nhiều vị Sư đoàn trưởng, đã dùng trực thăng tải thương để chở... , từ tình lý về tận... bản doanh.

Tiệc cưới của bạn Nguyễn Bình Quang được tổ chức tại nhà hàng Nioulaville ở Belle ville, Quận II Paris. Lần thứ nhất chúng tôi mới biết cái khu China Town ở thủ đô nước Pháp mà có người cho tôi biết khu vực này trong năm tới chắc chắn sẽ qua mặt phố Tàu ở quận 13 mà chẳng cần phải... bóp kèn.

Và cũng lần thứ nhất - sau ngày sống lưu vong - chúng tôi mới được chứng kiến một tửu quán đặc hàng như vậy. Với gần 500 chỗ, bán hai ba lần "service" và khi chúng tôi ra về, 11 giờ đêm rồi mà khách vẫn còn chen đứng nơi quầy ngoài cửa đợi đến phiên mình, có bàn được ăn... khuya.

Huyền Nhi nói :

- Anh à, từ bây giờ đến trước vài năm Hương Cảng giao hoàn về Trung cộng chắc chắn dân Hồng Kông còn tung người ... tung vốn ồ ạt sang đây mà chính phủ Pháp không sao ngăn chặn nổi.

- Chẳng những ở Pháp mà khắp cả trời Âu luôn Úc, Canada, Mỹ đều là Phật địa của người dân Hướng Coong. Từ năm ngoài, dân giàu ở Cửu Long và Cảng Thơm đã hát bài... tấu mã trước rồi.

- Cái đám... mơ màng thiên đàng Cộng sản, sau vụ thăm sát Thiên An Môn, đều hồn phi phách tán hết rồi. Cộng sản trước sau vẫn là Cộng sản. Dù Tám đêm Gotbatchev có tạo ra một hình ảnh Nga số mới mẽ, đồ cha ai mà đám tin đám búa liềm trên nền cờ máu đỏ.

- Ngày xưa Lênin nói : "Tôn giáo như nha phiến! Bây giờ mình có thể sửa lại rằng : " Cộng sản như xì ke ma túy". Bởi có lắm thằng V.C ở hải ngoại này đã lờ ghiền... "xì ke Cộng sản nên đến bây giờ vẫn chưa chịu... cai.

- Bọn đó cũng như bọn "hòa hợp hòa giải" chỉ có cách trần nước hoặc may chúng mới chịu "désintoxiqués"!

Trở lại Nguyễn Bình Quang, người sĩ quan năm xưa từng viết báo trả lời Lý Quý Chung khi anh dân biểu trẻ tuổi này, chắc do VC xúi biếu, đã viết báo chỉ trích "chiến sĩ lực lượng đặc biệt mũ xanh là : tụi lính đánh thuê không lý tưởng!". Và để trả lời một cách cụ thể hơn, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Bình Quang đã giáng lên đầu bọn Cộng xãm lãng băng trận chiến oai đấng ở quanh núi Cô Tô (Hà Tiên), lúc VC chém về, bỏ lại trận địa trên 100 xác chết.

Tôi nào rừ duyên cố này, nên từng tỏ ra hối tiếc Lý Quý Chung là một cây bút trẻ, có khả năng viết phóng sự rất hấp dẫn, nhưng đã trót đại bị VC dụ dỗ, thì anh An Khê quả quyết : Lý Quý Chung không hề nhẹ dạ dễ tin nhưng cũng như Lê Hiền, Kiên Giang Hà Huy Hà, hay Lưu Nghi, Tô

Nguyệt Đình, Lý Quý Chung hay Phát Chung là Cộng sản thực sự, đã bị nhuộm đỏ hồi lúc đang theo học Quốc Gia Hành Chánh rồi bị mời ra khỏi trường chưa kịp tốt nghiệp.

Cũng tại nhà hàng Nioullaville tôi thấy Lê Đình Lan đi ăn với một số bạn. Đáp lời người bạn, tôi cho anh biết Lê Đình Lan từng là sĩ quan 6è bureau, có thành tích chống Cộng, nhưng không hiểu lý do nào, sau khi trở về Pháp (1955), anh ta lại trở cờ, biến thành công cụ của bọn Cộng sản vô thần đa trá.

Người bạn còn cho biết thêm ở những khúc quanh lịch sử khi chấy nhà hay lời ... mặt chuột. Chẳng hạn như cựu Trung tá Nguyễn Văn Châu, nguyên giám đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý, đệ tử cật ruột của cố vấn Ngô Đình Nhu, từng chạy theo Cộng sản Pháp, sau khi bay mất chức tùy viên quân sự ở Tòa Đại Sứ VNCH thì há chuyện đáng ngạc nhiên quá đời hay không? Có người chua chát kể, cho rằng thậm chí ông Ngô Đình Nhu còn... đi đêm toan thỏa hiệp trước với Cộng Sản Hà Nội thì nói gì Châu là đàn em của ngài Cố Vấn.

Ngồi nghe người bạn kể về cuộc đời Nguyễn Bình Quang tôi vô cùng thương cảm. Có vợ (Pháp lai) được 1 trai ba gái. Vợ về Pháp trước với bốn con sau khi lo xong mọi thủ tục: khi Quang được VC trả tự do sẽ được bốc sang Pháp theo diện đoàn tụ. Ở Suối Máu non một năm, vì thương nhớ vợ con, Quang trốn khỏi trại. Tại Sài Gòn bởi quá tin một chiến hữu, (cùng cấp bậc) Quang đến thăm. Nào ngờ đầu chính người bạn của Quang thay lòng, đã chạy tố cáo Quang. VC bắt được Quang, chở anh về trại cũ, đánh đập tàn nhẫn cho bọn tù sợ hãi hết dám trốn trại nữa.

Đoạn VC đem bỏ Quang vào connex, dùng gậy gộc khua vào thùng sắt cho Quang bẽ mặt nhĩ, trở thành phế nhân, điếc cả hai tai, chúng mới chịu thôi. Đoạn tổng Quang ra trại Thanh Hóa với điểm phê "thành phần tối ưu nguy hiểm". Bạn tù của Quang kể là tội quân giáo đánh Quang nặng nề, bảo Quang không được nhìn thẳng vào mắt chúng. Nhưng Quang không nghe, mỗi cú đá, báng súng, củi đòn đập chạ vào thân thể người chiến sĩ mũ xanh, đên nổi máu rơi tung tóe, Quang vẫn ngó lại thẳng vào mặt chúng, mắt quắc sáng, xương quai hàm nổi bật như sẵn sàng chấp nhận cái chết.

Sau bảy năm bị tù đầy và hạ nhục, Quang được trả tự do vào năm 1982. Khi được sang Paris, chẳng bao lâu vì bị thương tật, vì chưa tìm được việc làm, lúc vết thương thịt da vẫn chưa lành hẳn, thì anh mang thêm một vết thương lòng... rớm máu. Vợ anh, người phụ nữ mang trong mình hai dòng máu, vẫn còn bóng sắc, bị áp lực của thân nhân, đã cương quyết chia tay cùng Quang để đi tìm hạnh phúc nơi khác.

Gần đây, có một thiếu phụ lai Hoa Việt, thương cảm hoàn cảnh anh lính chiến ở buổi hoàng hôn, nên bằng lòng làm người nữ điều dưỡng cận kề bên anh để săn sóc vết thương, hầu anh đủ sức đi cho hết quãng đường đời còn lại.

Cư sĩ Bạch Sơn Vương Đức Đại, 75 tuổi, cựu nhân viên Bộ Ngoại Giao, đang ẩn sĩ "bến Marseille", biết rõ hoàn cảnh và nỗi lòng của Nguyễn Bình Quang cũng như nữ ... "y tá" bất đắc dĩ của Quang, có cái tên rất ư là... tiểu thuyết Quỳnh Dao Âu Tố Nữ, đã gợi cho Quang bài thơ mừng cô dâu chú rể như sau :

Nguyễn quân tương hội ý trung nhân

Bính diễm chung tình phối hậu can

Quang phục tiền đồ đồng hợp tác

Âu châu kiết địa tạm dung thân

Tổ tâm hiền thực anh hùng trọng

Nữ tánh đoan trang, hào kiệt trần

Hạnh ngộ lương duyên ư Pháp quốc

Phúc điền canh cũng hưởng toàn phần

Đáp lại lời thơ bằng Hán văn, bất ngờ siết bao khi chúng tôi thấy Nguyễn Bình Quang tỏ ra vô cùng can đảm, bằng họa lại lão hữu Vương Đại Ca bằng một bài thơ Việt ngữ dưới đây :

Nguyễn lãnh lời vàng của quý nhân

Bính (1) nhâm tu ngục bảy năm can (2)

Quang minh phục quốc đầu lui bước

Âu lạc thanh bình cũng dẫn thân

Tổ ngọc kim ngân đồng quý trọng

Nữ tòng tứ đức thầy đều trần

Cảm ơn quân tử ban lời dạy

Tạ mấy vần thơ phục bội phần

(1) *Đúng ra từ Ất Mão (5.75) đến Nhâm Tuất (4.82) nhưng vì tôn trọng chữ Bính nên đành tiến lên một can. Nhưng nếu tính năm đi tù thì cũng đủ 7 năm.*

(2) *Cân bảy năm tù để cân đo sức chịu đựng gian khổ và ý chí kiên cường bất khuất của ... người trai thời loạn!*

Cũng nên biết ngoài bài thơ chữ Hán, cư sĩ Bạch Sơn còn gợi tặng ngày vui hôn lễ của Quang-Nữ bài thơ Việt văn theo điệu lục bát rất dài, có đoạn:

... *Mến thương tha thiết bởi chung,*

Tặng người tri kỷ hồng đừng quên nhau.

Nguyễn tộc giống tốt nhiều màu,

Bính gieo sáng sửa trước sau nối giòng.

Quang minh chánh đại cầu mong

Âu cơ oanh liệt, sử trong ghi rành

Tổ trình hạnh kiểm nêu danh,

Nữ lưu mến chuộng tạo thành gương chung

Làm thân tứ đức tam tòng,

Kỷ cương gìn giữ kiên trung suốt đời

Niệm tình chồng vợ thành thời...

Lần nào ghé sang Paris, tôi thường đến ngụ nơi nhà anh chị LMQ một Phật tử thuần thành, một người bạn chí thân mà vợ chồng chúng tôi kính yêu như cật ruột.

Cũng nơi đây, tôi đã giới thiệu chị Đại Tá Võ Đại Tôn đến cư ngụ trong thời gian chị Tôn từ Úc dắt con thơ sang Âu, tìm cách lên đường sang Genève để nhờ tổ chức Hồng Thập Tự Quốc Tế can thiệp cho chồng. Anh chị LMQ đã mở rộng cửa như mở rộng lòng hoan hỉ cho chị Võ Đại Tôn cùng cháu Cu Li trú ngụ cả tháng trời khỏi phải chi ra đồng quan nào hết. Ở vào thời đại này, ngay tại đất Ba Lê, há dễ tìm được nhiều tấm lòng quý báu như vậy hay sao?

Nhờ anh chị LMQ chúng tôi được gặp Nha sĩ Ngô Quang Phát mà bà Phát là em gái của bà Bác sĩ Trần Văn Đổ, cựu Ngoại trưởng VNCH, được biết thêm về tin tức của anh Thanh Lan Võ Ngọc Thành, người công chức TTP, nổi tiếng nhờ loạt bài sưu khảo phê bình "Nhân Vật Đông Chu", "Hán Sở Tranh Hùng", "Tam Quốc Chí" trên nhật báo Tiếng Chuông. Anh Thành cũng như một số lớn văn nghệ sĩ gốc miền Nam sau thời kỳ bị VC vắt hết chanh, nay liệng vô vào xọt rác, bị cho ra rìa, bị cho hư trí non, sống cù bơ cù bất, đứng đưng nhìn dòng đời... bèo dạt hoa trôi.

(Còn tiếp)

Dòng Lệ

Lai Thị Quý Vân
(Wuppertal)

Mấy hôm nay trong trại này có một khối sa hoang mang sôi động. Nhiều người không còn vô tư yên giấc nữa. Ngay cả mấy đứa con nít không còn được ăn ngủ yên nữa. Mà yên sao được từ khi hai ba hôm nay, cứ mỗi ngày lại có bọn cảnh sát vát dụng cụ của chúng tôi để lôi người vô xe trở ra phi trường lên máy bay thẳng Hà Nội. Đã đến khoảng bốn trăm già trẻ lớn bé, chồng vợ, cô út bị trả về quá khứ rồi.

Sáng nay, có đến mấy đứa bạn của tôi đã giằng co tay cấn với mấy tên mang những tấm bia nặng và chắc cùng với những ba-toong cao su. Nhìn thấy cảnh dồn đống bảo ty nạn như người tù dưới chế độ Cộng sản, lòng tôi uất ức, muốn cùng ngàn người còn lại, đánh lại chúng, đuổi ba chục tên đao phủ ấy đi khỏi các trại mấy năm của người mới vào, người may mắn được đi, của những ngày đấu tranh tuyệt thực, của những buổi nghe nhạc dưới nắng trưa hè.

Vì sự quyết liệt phản đối của đồng bào nên tới 2 giờ trưa, 10 chiếc xe tù mới khuất bóng, và để lại trong trại một nỗi lo sợ khó khóa lấp. Cuộc sống hằng ngày không còn tiếp diễn như trước nữa. Mọi người đều mang máng trong người một viễn ảnh không xa đây cực hình : trở về Việt Nam, quê hương mà nhiều người đã quyết định bỏ đi cách đây năm năm, và nhiều người chỉ mới 5 tuần thôi. Tôi cũng không tưởng tượng nổi mình phản ứng ra sao khi đến lượt mình. Một điều rõ nhất là mẹ và chị tôi sẽ chẳng vui gì khi gặp lại tôi ở Hà nội. Nghĩ tới đây, tôi thấy sao đời người khổ quá và thương cho thân phận mình. Tôi nghĩ thiếu gì đứa ở tuổi chúng tôi sung sướng ở Đức, ở Mỹ nhưng khổ hơn thì chắc chắn chỉ có thằng Dân và trăm người bị thái vè. Dân cùng gia đình đi từ Hải Dương và con thuyền đưa hấn và 60 người nữa tạt vào trại này, cách đây hai năm, lúc đó tôi đã quen với từng ngõ ngách trong trại một năm rưỡi rồi. Gia đình Dân nằm ngay đầu số đen. Và con bạn gái của nó và cũng như chính nó, không đành âm thầm cam phận; hai đứa không có quyền ở lại, cả hai. Và con Hạnh phải chọn giữa gia đình và môi tình chớm nở thật ngọt hương, như đêm nó một lần tâm sự :

Dân bị lôi đi khỏi tầm tay ánh mắt người yêu. Nó đã gào hét giằng co cưỡng lại một cách tuyệt vọng. Cái cảnh đau thương đó sẽ diễn ra với bao nhiêu người, cho tới khi nào không còn một người ty nạn nữa. Chúng tôi có quen với những đe dọa hồi hương cưỡng bách và "thanh lọc", chứ đâu có bao giờ tin sự thực hiện ý định đó đâu, không ai trong chúng tôi có thể tính đến sự nhẫn tâm ở đó của nước. Một nỗi thấm thía tâm hồn tôi. Tôi để cho dòng nước mắt chảy xuống cái gối cũ kỹ. Nghĩ đến ngày mai và tương lai mịt mù, tôi không buồn ngủ nữa. Từ giường trên một cái cửa mình đội xuống. Đó là sự phản ánh của ngày qua, tôi trộm nghĩ về sự việc anh Tuấn có thể ngon giấc như vậy. Hai giờ sáng rồi. Vài tiếng nữa là sự tạm yên như vậy tan đi không để một dấu vết. Tới sáng mặt mày ai cũng sẽ trông mệt mỏi, bởi vì bây giờ mà vẫn còn tiếng nói chuyện râm râm.

Nằm ôn lại xong hình ảnh ngày qua, tôi cảm thấy cần một

người để nói chuyện. Trên giường thẳng sang, tôi nhìn thấy một nhóm tụ tập thể. Có thể ở đó, tôi biết thêm được chút gì, tôi dùng câu "tự kỷ ám thị" trong khi bò xuống nền đất lạnh lẽo. Tháng mười hai năm nay vẫn còn mưa nhiều, tôi nghĩ tới những ngày Tết rét ở Hà nội, và ngạc nhiên lại mấy hôm nay mọi liên tưởng của tôi đều dềnh dàng đến Hà nội. Nhưng cái lạnh run làm tôi quên đi ngay đi sự tiên cảm đáng sợ đó.

Đọc theo những dãy giường lâu, tôi quan sát và cố tìm ra những chỗ trống mà những người đi để lại. Nhưng không có chỗ nào được rộng thành thoi, vài trăm người bót đi chỉ vừa làm tròn lại số người qui định trong đúng gian barak, bởi vì trước đây biết bao nhiêu chuyện tranh dành đã xảy ra, làm cho thời gian đợi chờ thêm khó chịu.

Tiếng nói của mọi người như bị nghẹn cổ. Ai cũng thều thào và để không quá rầy những người đang nghỉ, họ chỉ để âm thanh phát ra vừa đủ nghe cho người bên cạnh. Bởi thế, tiếng dép lệt bệt của tôi vang lên thật bèn bèn, và lớp đế cao su gần như là mảnh rời thứ hai của chiếc dép và như dính lại nền xi măng. Sau mỗi cái nhấc chân tới phía trước, càng tạo khó khăn cho tôi nên bốt tiếng động của mình.

Quang hời tôi rất nhỏ về điều gì đó, nhưng tôi không hiểu. Anh Chương lớn hơn tôi mười tuổi, ra đi độc thân, sống độc thân - Không ngủ được hả Khải. Ngồi xuống với anh em. Tôi là người thứ bảy. Điều bộ của ai giống như trong đêm không ngủ. Mỗi người có riêng một tách trà. Tôi thấy miệng mình khát một ngụm thật nóng. Sang đưa của nó cho tôi và nói : Đàng góc lò điện còn nữa đó. Thấy cũng vừa đủ, tôi ngồi yên và chiếc tách kê lên miệng, mắt nhìn vào đáy nâu bản, trong khi nghe một giọng khan khan hàn huyền. Khuôn mặt của Hoàng rất là xương xẩu. Cái lưng quyền cao không phải do trời sinh, mà Hoàng có nó là tại những ngày tháng bệnh hoạn. Và hầu như ai ở đây đã bệnh một lần rồi thì không trở lại trạng thái xưa được.

- Mình nghe bọn Anh không phải là động cơ chính trong vụ này. Ngay cả tụi "hồng" cũng không phải là phần quyết định nữa. Mà chính thế giới, chính mấy nước không muốn nhận người nữa đã thỏa hiệp với nhau. Chứ nếu không thì, Liên hiệp quốc đã can thiệp vào và chống đối rồi, mà Liên hiệp quốc là ai, cũng chỉ là do mấy nước đó điều khiển chứ ai vào đây. Mà người mình chỉ có trông cậy vào mấy nước đó thôi. Giọng nói hơi Huế của Hoàng rất hay nhưng buồn.

- Anh Chương cất tiếng để ý nghĩ bi quan khỏi đầu chúng tôi:

Nói gì thì nói, nhưng từ trước tới giờ số phận của mình cũng tự quyết định lấy đấy chứ! Như mấy lần tuyệt thực bên trại X. cũng làm cho mấy tên LHQ nhượng bộ và ngưng vụ thanh lọc.

- Bộ anh tưởng tụi nó lại nhượng bộ lần nữa à. Còn lâu đó. Một người xen vào. Cách ăn nói thiếu lịch sự kiêu thẳng Quách tôi không thích.

- Để tôi nói hết đã - Sự thông thả của anh Chương làm tôi hơi bực - Chúng ta mới dương biểu ngữ phản đối có hai ngày mà. Phải kiên nhẫn, thế giới mới biết tới và qui mô cơ, ngày mai bọn nó nói mình phải kháng cự hăng lên nữa, để

báo chí biết đến. Tôi thấy cần góp ý: - Nhưng tại nó cứ tới, cứ làm bồn phận, và mình dần dần chỉ còn vài ba mạng thì làm gì được. Với lại không chừng ngày mai đã tới phiên mình rồi. Tôi coi đồng hồ, bốn giờ sáng rồi. Tôi nói, nhưng ai cũng im lặng. Một tiếng ngáp chán chường thật dài của Sang kèm theo đó tiếng phì phò anh Chương hút thuốc lào. Ngó quanh mấy khuôn mặt áo nã, tôi bắt gặp một miệng cười,. Nhưng cái cười quá lộ liễu sự gượng gùng. Chủ nhân của nó là con người luôn vui vẻ, lúc nào cũng có nụ cười trên môi. Tuy thế sự bộc lộ kiểu đó của Chính làm tôi thấy an tâm và dễ chịu hơn là những khuôn mặt quá ủ rũ. Ít nhất cũng làm phẳng phất nỗi lo âu canh cánh được vài giây.

Một không khí thiếu não bao phủ chúng tôi. Để lôi họ ra khỏi trạng thái u sầu, tôi khêu gợi một vài ý nghĩ kích động :

- Sao tại mình không bắt chước bên X. Lần này mình không cho chúng vô tội.

Một thành công ló ra: - Bằng gì há, tuần vừa rồi tại nó chuẩn bị trước rồi, vô khám xét rồi thu hết mọi cái có thể làm vũ khí tự vệ được.

Rồi một tiếng nữa : Lấy đồ chặn cửa.

- Ở đâu, ở đâu mà lấy ra mấy thứ ngoại lệ đó. Từ giờ tới sáng gỡ được cánh cửa cái ra chắc. Có hai, ba phuy nước là chặn nổi được ai, huống chi mấy thằng đó trang bị từ đầu tới cuối tối tân hơn là lính nữa.

Và sau lời nhìn nhận đường cùng nước bí này, không ai còn hứng nói nữa. Rồi từ từ, khi không còn cưỡng lại giấc ngủ tuần hoàn nữa. Ai nấy đứng dậy về chỗ mình. Tôi thấy mình quá tỉnh, nên rủ Sang đi ra ngoài. Nó xách theo cây đèn. Ngồi dưới mái hiên trước Barack, nước mưa lấm tẩm và gió từ biển thổi lạnh vào mặt. Sang đờn nhẹ bản tự sáng tác mà tôi cũng thích. Tiếng đàn vang vào mây đêm thật điệu buồn. Một cảm giác quen thuộc lại đến với tôi. Trong những lúc du dương thả dòng ý nghĩ trôi dòng, tôi thường thấy mình trở lại quá khứ nơi quê nhà. Và hôm nay, tôi thấy rõ đậm nét linh động hơn. Tôi ngủ với mái nhà thân yêu với mái tôn lỗ hồng để nước mưa nhiều xuống. Tiếng đàn dứt tôi giật mình thức dậy, lấy tay vuốt lên má lấm tẩm với những giọt mưa.

Và đúng tám giờ sáng, tiếng báo động kéo tôi ra khỏi giấc ngủ không mộng mị. Trong khi đang dọn chỗ mình, tôi thấy Sang đi tới. Tôi nghĩ nó chỉ định rủ tôi tới văn phòng trại để xem tình hình. Nó dừng lại, cách giường tôi khoảng năm thước, nhìn một lần rồi đi những bước không tự tin. Tôi còn nói: - Đợi tí đi. Sắp xong rồi.

Tớ nằm ngủ quên luôn. Tôi tuy nói vậy, nhưng không biết mình sẽ quên cái gì, nếu ngủ quên.

- Khái vừa ở phòng thông tin về đây - và chậm và nhỏ hơn như chia buồn - cậu có tên trong danh sách. Bây giờ cậu tỉnh sao.

Tôi nghe và dùng dung chẳng một phản ứng thái quá sợ sệt nào: - Tao biết mà !!!

Lai Thị Quý Vân
(Wuppertal)

Giải "Văn Nghệ Viên Giác"

Bên cạnh mục "Sáng Tác Có Nhuận Bút 50DM" trong báo Viên Giác, qua tinh thần phiên họp Ban Biên Tập báo Viên Giác trong ngày 10 tháng 2 năm 1990 tại chùa Viên Giác Hannover, Tòa Soạn sẽ mở giải "**Văn Nghệ Viên Giác**" cho các bài viết được đăng phần Văn Nghệ của báo Viên Giác.

1. Tất cả mọi cây viết đã từng hay chưa viết bài cho báo Viên Giác, có tên hoặc còn ẩn danh, những cây viết lão thành hay trẻ đều có thể tham dự giải này.

2. Các bài viết của tác giả muốn tham dự giải này sẽ được đăng trong phần Văn Nghệ và bài viết sẽ không đề tên tác giả (chỉ có tòa soạn biết tên và địa chỉ của tác giả) mà sẽ đánh số.

3. Thời gian : Bắt đầu từ Viên Giác số 56 (tháng 6/90) và chấm dứt đăng bài tham dự giải này trong Viên Giác số 62 (tháng 6/91).

4. Việc chấm giải : Trong Viên Giác số 62 ra trong tháng 6/1991 sẽ có phiếu chấm bài. Độc giả Viên Giác sẽ cắt phiếu này ra và ghi số hiệu của bài viết mình thấy hay nhất và gửi về cho tòa soạn báo Viên Giác qua địa chỉ chùa Viên Giác. Các giải gồm có hạng nhất, nhì và ba; ngoài ra còn có 5 giải khuyến khích nữa.

5. Phát giải : Sẽ được công bố trên Viên Giác 63 ra trong tháng 8/1991 và phần thưởng sẽ được phát trong Đại Lễ Vu Lan Phật lịch 2534 - 1991.

6. Phần thưởng cho độc giả chấm giải : Tất cả độc giả cũng chấm cho các bài hay nhất, nhì và ba sẽ được bốc thăm trong đại Lễ Vu Lan 2534 - 1991. Và cũng nhận được những phần thưởng khích lệ.

7. Quý Văn, Thi hữu có bài viết tham dự giải này, khi gửi bài về tòa soạn xin ghi chú ngoài bì thư hoặc bên trong giòng chữ : "Tham Dự Giải Văn Nghệ Báo Viên Giác".

8. Những bài viết tham dự giải này không phản ảnh lập trường và chủ trương báo Viên Giác xin miễn đăng. Và theo thông lệ, nếu không có sự yêu cầu của tác giả, chúng tôi xin miễn gửi trả lại bài viết.

Kính mong Quý Văn, Thi hữu nhiệt tình tham dự giải Văn Nghệ - Viên Giác để hỗ trợ và góp phần cho nội dung báo Viên Giác được thêm khởi sắc.

Tòa Soạn

Trại Thiện Hòa



Huấn luyện đội, Chúng Trưởng GDPTT/VN tại Tây Đức từ ngày 3.11 đến 5.11.89 tại Chùa Thiện Hòa - Moenchengladbach.

*"Mưa khuya hắt hiu xuyên qua màn, tình ngăn cách rồi,
Đêm qua trắng đêm, mơ về hình bóng xa xôi.."*

Con đường Dahlemer Str. ngôi nhà mang số 617 đã do Thầy Thích Minh Phú với sự đóng góp của quý vị đạo hữu mua lại của người đức để sửa chữa khang trang hơn, làm thành một ngôi chùa có tên Thiện Hòa kỷ niệm một vị cao Tăng của Phật giáo, cho đồng bào Phật tử Việt Nam tha hương tại Moenchengladbach và vùng phụ cận có nơi lễ bái, tụng niệm, tu học ... sao tôi chạy hoài chẳng thấy tới ?

- Chết cha, trễ giờ rồi ! ... Thì ra nó là con đường một chiều dài thậm thụt. Vào trung tâm thành phố đến trước mặt cửa hiệu C & A quẹo mặt, chạy một đôi quẹo trái lên cái dốc gập nó, nhưng chưa tới số nhà, phải chạy vòng trở lại điểm khởi đầu. Kỳ này tôi bỏ thêm một ngã tư nữa mới quẹo, lên cũng gập nó đây mà cũng chưa. Lần thứ ba thì chỉ chạy xa hơn, bỏ thêm một ngã tư nữa rồi mới quẹo, bây giờ tôi chạy tà tà đến số nhà.

- A, nó nằm đây rồi ! ... Xe tấp vào chưa được vì giữa là một công viên nhỏ nằm dọc theo để chia 2 lối đường, tôi đang chạy đường bên mặt, nên phải tìm ngã tư quẹo lại mới có thể đậu xe trước cửa chùa.

Mưa đêm nhẹ hột rơi xuống như sương làm mờ đường phố và cảnh vật, tôi cảm thấy là mình đã đến trễ quá rồi. Theo chương trình trại tối thứ sáu (3.11.89) lúc 21 giờ họp BHT/TU và BHT/Quản Trại tại chùa, trong văn thư của BHT/TU đã đặt cử tôi làm Trại Trưởng. Tôi hơi bối rối, nhưng nhờ trời phú cho tánh tình, nhìn bề ngoài có nhiều người đã bảo tôi gặp chuyện sao chẳng thấy lo, cứ bơ ra như người Ang-lê phớt tỉnh - nhưng sự thật ai hiểu được tôi đã lo lắng trăm chiều.

Tôi đẩy cửa bước vào chùa trong ánh đèn rọi tỏ hành lang men theo cầu thang lên tìm chánh điện, tôi gặp Thầy

Minh Phú đi xuống, tôi chấp tay niệm danh hiệu Phật để chào Thầy.

- A, anh Thiện Căn mới về đến phải không ? Thầy hỏi.

Tôi nghĩ rằng Thầy chưa biết Thiện Căn là ai ? Nhưng nhờ nơi tổ chức trại là nơi của Thầy và tôi cũng là Trại Trưởng, nên mấy tuần gần đây để biết tình hình và vấn đề âm thực tại đó, tôi có điện thoại hoặc thư từ trình bạch với Thầy, cho nên dù mới gặp Thầy cũng đã nhận được ra tôi.

- Dạ, con đã đến đây sớm, nhưng phải chạy vòng vòng tìm chùa thành thử trễ quá !

- Anh Nhật Định, Thị Chơn cùng các anh chị em Phật tử khác đã về đây từ chiều, bây giờ họ qua lo trang hoàng bên Halle của Katholische, anh ăn uống đi rồi hãy qua bên đó. Thầy bảo.

- Dạ !

Ngôi nhà 4 tầng lầu mới vừa được tiếp giao, mọi việc đang còn trong thời kỳ thiết kế và sửa chữa lại nên đồ đạc ngổn ngang khá bẽ bộn, do đó Thầy phải mượn một Halle của nhà thờ Thiên Chúa Đức tạm thời làm nơi ăn, chốn ngủ cho trại sinh về đây tham dự trại trong 3 ngày.

Tôi theo Thầy lên lầu, Thầy lấy tay chỉ và giới thiệu cho tôi biết chánh điện, đèn bàn thờ Phật và đèn nơi đây rất sáng, tôi thấy Sư Cô Diệu Ân cùng một số bà con Phật tử trong vùng đang lom khom lo nhang đèn, bông trái để trưng bày lên bàn thờ Phật. Tôi chấp tay chào Sư Cô cùng quý vị ở đó rồi đi thẳng vào qui danh lễ dưới Phật đài. Xong xuôi tôi đi xuống và ra đường tìm cách đến Halle, nhưng ngại đi một mình lạc đường, chờ có ai đi, đi theo cho chắc ăn.

Tôi trở vào, lên lầu vô nhà bếp tìm chút gì ăn dần bụng, rồi xuống đứng ở hành lang.

Ni Sư Diệu Tâm ở Hamburg, HT Thị Lộc Võ văn Mai ở Norden, anh Huyền ở Reutlingen, mỗi người đều có dẫn một số em Phật tử vừa đến để tham dự trại. Tất cả họ vào lễ Phật và ăn uống tại chùa tôi đứng ở hành lang đợi anh Mai, lúc gặp tôi anh có bảo chờ anh để cùng qua Halle một thể.

Rời chùa Thiện Hòa bằng 5 chiếc xe hơi nhỏ do một em Phật tử ở địa phương dẫn đầu. đường phố Moenchengladbach vào khuya hơi vắng xe và mưa bay lất phất, tâm tư tôi dạt dào nghĩ đến trách vụ của mình. Vào bãi đậu xe, tôi vội vàng xuống xe đi vào Halle tìm phòng ban quản trại, gặp HT Nhật Định, Tâm Cừ, Thị Chơn ... 3 anh đã có mặt tại đây cùng với anh Nguyễn Hiền Phó Trại Trưởng. Các anh ấy cùng với những HT khác ngồi chung quanh một cái bàn soạn thảo giấy tờ, cắt dán Hoa Sen và những linh tinh khác để trang hoàng hội trường và nơi hành lễ.

Sau phần chào hỏi với nỗi vui mừng lâu ngày gặp lại. HT Thị Chơn bảo tôi : -Anh Hiền đang sinh hoạt Trại sinh ở Hội trường, anh ra đó đi. Xong đề nghị anh họp BQT để hoạch định chương trình và phân vụ cho ngày mai.

Tôi : - O.K !

Bước vào hội trường, thấy HT Hiền đang tập họp Trại sinh mới đến ngôi thành hàng trước chỗ thiết trí Phật đài và đang sinh hoạt với họ rất vui vẻ, nét mặt người nào cũng rạng rỡ tuy đêm đã khuya và tôi cũng không ngờ rằng họ đã về đông như thế, nếu cộng thêm Trại sinh của 5 chiếc xe vừa mới đến chắc là con số đông thêm nữa, chưa kể phần HT và Trại sinh của Bá Linh chưa đến kịp cùng các đơn vị ở xa khác còn đến lai rai. Tôi bước tới gần chỗ đứng của Hiền, Hiền chào tôi và

giới thiệu với Trại sinh về pháp danh, tên họ, chức vụ trại của tôi. Tiếng vỗ tay vang dậy làm mất đi cái thanh sắc vắng vẻ về khuya tại hội trường.

Tôi ngỡ lời chào mừng họ và dặn dò, ngay lúc đó Thầy Minh Phú, Ni Sư Diệu Tâm và Sư Cô Diệu Ân cũng vừa đến thăm viếng. Tôi cùng các HT thuộc BQT và Trại Sinh có mặt cung thỉnh quý Thầy, Cô bằng nghi lễ theo GDPT.

Sự hàn huyên giữa quý Thầy, Cô với Trại sinh trại Thiện Hòa bắt đầu từ đó, nhưng chỉ một chốc thôi chứ không thể kéo dài vì Trại sinh mới đến còn phải ghi danh ở phòng BQT và đi ngủ, giữ sức khỏe cho việc học tập ngày mai.

BHT/TU và các HT/BQT họp với quý Thầy, Cô bàn tính việc di chuyển âm thực từ chùa đến Halle theo đúng giờ giấc cho Trại sinh và kiểm lại người phụ trách các đề tài giảng huấn. Quý Thầy, Cô theo các đạo hữu về chùa riêng BQT chúng tôi họp phân nhiệm một lần nữa rồi đi ngủ.

Hơn 2 giờ sáng, bắt đầu cho ngày thứ bảy, các HT và Trại sinh của đơn vị Tây Bá Linh mới về trong đó có bác đánh (Trúc Ngộ) là Phó Hội Trưởng HPTVN tại CHLB/Tđ và cũng là người Gia Trưởng của GDPT Chánh Niệm tại Bá Linh nữa.

HT Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc thuộc đơn vị Bá Linh, người nhỏ con, tiếng nói khàn khàn "đường trường xa muôn vó câu bay dập dờn..." đã về khuya còn không biết mệt mỏi, đáng lý lo tìm chỗ nướng nấu tắm thân cây sậy của mình lại cứ xách máy hình đi vòng vòng trong đêm khuya thanh vắng chụp hình trộm người ta, để sáng hôm sau thức dậy nhìn lên bảng, ai nấy thấy có "sinh hoạt" ngôn ngữ của mình, neho mây đứng ngấm rồi cười ngiêng ngửa.

Như những kỳ trại huấn luyện trước, chương trình trại vẫn là 05 giờ 30 thức dậy, nhưng kỳ này phải cho trễ thêm 1 giờ, vì chùa và đất trại cách xa nhau, không chung một chỗ, nhiều Trại sinh về khuya phải ngủ lại ở chùa, do đó họ cần thời gian để di chuyển.

Trải qua cuộc hành trình mệt mỏi, thức khuya vì các đơn vị của họ phải dùng nhiều phương tiện, kể tàu hỏa, người xe Bus, kể xe hơi... đi từ Norden, Hamburg, Bremen, Lingen, Barntrop, Hannover, Geilenkirchen, Erfstadt-Köttingen, Aachen, Jülich, Frankfurt, Reutlingen, Stuttgart, München v.v.. và đặc biệt trại này có một đơn vị ở Hòa Lan gồm có 5 trại sinh theo tham dự.

Buổi tập họp chung để phân chia đoàn, đội, Chúng, tôi thấy vẻ mặt ai cũng tinh táo, tươi vui, có lẽ nhờ nền nhà có lò sưởi ngầm (Bodenheizung) âm lưng cho người lữ thứ nên sức khỏe dễ phục hồi ?!

Số Trại sinh dự trừ cho việc huấn luyện khoảng 40, nay đã lên 71, nếu kể thêm Trại sinh dự thỉnh, quý Thầy Cô, BHT/TU, BHT/QT ... thì số người đã lên hơn 100 người, quá mức dự tính.

Khác với những lần trại huấn luyện trước, vai trò đảm nhận BQT là các HT trong BHT/TU nay các HT đó chỉ đảm nhận nhiệm vụ cố vấn, còn BQT kỳ này gồm những anh chị HT trẻ có khả năng, được đào tạo qua khóa Lộ Uyển nên sự sinh hoạt của Trại sinh cũng khá sôi nổi cho kỳ trại này.

Đón Thầy cố vấn giáo hạnh (Thượng tọa Thích Như Điền) hồi 15 giờ 45 (4.11.89) khi Thầy đang trong chuyến bay từ Đài Loan về Đức, sau khi dự xong đại hội Tăng Già Thế Giới và đi thẳng đến đất trại để kịp thời

công việc của Thầy cùng thăm quan các HT lần Trại sinh.

Chương trình thi Phật pháp của Trại Sinh bắt đầu hồi 20 giờ đến 21 giờ. Sau đó họ được sinh hoạt văn nghệ cộng đồng để giải trí cho một ngày liên miên học tập. BHT/TU và HT đại diện các GDPT vào họp với quý Thầy, Cô trong Chi Bộ tại phòng làm việc dành cho BQT.

Sáng hôm nay chủ nhật (5.11.89) quang cảnh chung quanh khu giáo đường của đất trại rất yên tĩnh, bầu trời Moenchengladbach màu xám ban mai của ngày đông đang còn, nhưng không mưa và bên ngoài không lạnh lắm. Trại sinh được đánh thức dậy, sinh hoạt theo chương trình trại, sau đó ăn uống điểm tâm rồi 8 giờ 30 dự cuộc thi khảo hạch chuyên môn qua hình thức một trò chơi lớn. Lợi dụng hoàn cảnh ngoài trời khô ráo và có phần ẩm áp, các HT ủy viên thi đua muốn cho Trại sinh có cơ hội sống gần với thiên nhiên thoải mái hơn và cũng để tránh việc ồn ào của Trại sinh có thể gây nên làm mất đi sự yên tĩnh của giáo đường sáng chủ nhật có nhiều người Thiên Chúa đức đến đây dâng thánh lễ, nên đã di chuyển Trại sinh đến một công viên rộng lớn dành cho người đi dạo nằm đối diện và hơi xa nhà thờ, nơi đó Trại sinh có thể tự do, không bị ràng buộc trong những sinh hoạt tập thể và hát ca của mình.

Họ lần lượt từng cá nhân, từng đội, chúng đi qua các trạm hỏi do các HT trong ủy viên thi đua đảm trách xong xuôi lúc 10 giờ.

Còn nửa tiếng đồng hồ ngoài chương trình trại họ tập họp chung lại sinh hoạt, cho trò chơi nhỏ vui đùa chung vờn nhau qua sự quản trò thay phiên của các HT hoặc Trại sinh, Trại sinh có cơ hội sống thoải mái và vui tươi bằng sự hồn nhiên tuổi trẻ của họ để rồi trở về lại đất trại lo thu dọn đồ đạc, ngăn nắp phòng ốc trả lại cho nhà thờ và di chuyển về chùa làm lễ bế mạc.

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của Tổ tông.*

Qui dưới Phật đài, gởi tâm mình lên Tam Bảo trước sự chứng minh của Thượng tọa cố vấn giáo hạnh, quý Thầy, Cô trong Chi Bộ cùng toàn thể đạo hữu và HT hiện diện. Trại sinh nhận chứng chỉ và huy hiệu Hoa Sen, từ đây họ là những người con Phật thuần thành và cũng là những người đội, Chúng trưởng của GDPT, đem những hiểu biết của mình đã học được san sẻ cho những người cùng lứa tuổi đang sống phiêu lãng nơi xứ người biết nghĩ về quê hương, dựng xây cho đạo pháp.

Thời gian 2 ngày tròn của trại đi qua nhanh, vui sum họp chưa chi đã phải vội chia tay, họ chẳng biết nói gì, chỉ còn nắm tay nhau ca bài "Dây Thân Ái" và nhắc đến câu : *Tay sắp xa, nhưng tim không xa...* Họ chụp hình chung cùng ghi lưu bút kỷ niệm.

Bữa cơm hoàn mãn tại chùa cũng đã do quý vị đạo hữu lo sẵn. Trại Trưởng thay mặt các HT/BQT chúc họ "thượng lộ bình an", rồi ai nấy vẫy tay chào nhau và vội vã lên đường về.

Những ngày lập đông 89.
(Thiện Căn)

Nhà Hậu Lý (1010-1225)

- Thiên Hạng sưu tầm - Cuộc Chiến Tranh với Chiêm Thành (tiếp theo)

Nguyên Nhân : Từ khi nước ta giành được độc lập, việc đánh Chiêm Thành đã là một việc thường xuyên. Như ta đã biết, dân Chiêm quen cấy thể hùng mạnh thường sang quấy nhiễu nước ta; nên từ nhà Tiền Lê đã quan niệm rằng không đánh Chiêm thì Chiêm cũng đánh mình. Từ đây, hầu như triều đại nào, khi yên nội bộ rồi cũng đều mang quân Nam chinh.

Khi Đinh Tiên Hoàng vừa thực hiện xong nền thống nhất thì Ngô Nhật Khánh, là một trong 12 sứ quân bị bại chạy qua Chiêm Thành, xin Chiêm đem quân tấn công vào đất Việt. Năm Kỷ Mão (979), hơn 1000 chiến thuyền Chiêm tiến đến cửa Đại An (cửa sông Đáy thuộc hải phận Ninh Bình và Nam Định), chẳng may bị bão đánh chìm. Quân Chiêm không bị đánh mà tan, Nhật Khánh cùng một phần lớn quân Chiêm làm mồi cho cá.

Khi vua Lê Đại Hành lên ngôi, sứ giả Đại Việt là Từ Mục và Ngô Tử Canh sang giao hiếu bị Chiêm giữ lại. Đại Hành nổi giận, ngự giá đi hỏi tội Chiêm Thành, quân ta đại thắng, chiếm kinh thành và lấy được nhiều vàng bạc châu báu. Vua Chiêm kinh sợ ra chịu tội và từ đó thần phục nước ta.

Từ đời vua Lê Đại Hành, nước Chiêm Thành đã thần phục nước ta và hàng năm triều cống. Nhưng từ đời Lý Thái Tông, Chiêm Thành không triều cống nữa, lại thường cho quân cướp phá vùng Nghệ An và Hà Tĩnh. Vì thế, các vua Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông cho quân chinh phục Chiêm Thành.

1) Lý Thái Tông dẹp Chiêm Thành :

Năm Giáp Thân (1044), sau khi sửa soạn được binh thuyền, lương thực, vua Lý Thái Tông ngự giá đánh Chiêm Thành. Quân hai bên gặp nhau ở phía Nam sông Ngũ Bồ. Quân Giao Châu đánh tràn sang, khí thế hăng hái quá, quân Chiêm bỏ chạy. Quân ta bắt được 5000 quân và 30 con voi. Tướng Chiêm là Quách Gia Dĩ hạ sát quốc vương Xạ Đầu rồi xin hàng.

Vua Thái Tông tiến vào kinh đô Chiêm là Phật Thệ (thuộc làng Nguyệt Biền, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên), bắt được vương phi Mỹ Ê và một số cung nữ Chăm đem về nước. Dọc đường, Mỹ Ê nhảy xuống sông tự vận để khỏi bị nhục.

Còn 5000 người bị bắt về Giao Châu được vua Lý Thái Tông cấp ruộng đất, cho lập ấp để sinh sống.

2) Thánh Tông Thân Chinh đánh Chiêm Thành :

Năm 1065-1069, Chiêm lại bỏ cống; Thánh Tông nổi nghiệp vua Cha đem quân Nam chinh. Năm 1068, lực lượng Lý triều có chừng 5 vạn, khoảng 200 chiến thuyền. Lý Thường Kiệt được làm đại tướng đi tiên phong, em là Thường Hiến giữ chức Tán kỵ vũ úy. Đoàn quân Nam chinh của Lý Thánh Tông đại thắng, vua Chiêm là Chế Củ bị bắt sống đem

về Thăng Long. Chế Củ xin dâng 3 Châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính (Quảng Bình và Quảng Trị ngày nay) để chuộc tội. Thánh Tông nhận lấy 3 Châu ấy và cho Chế Củ về nước.

3) Đời Lý Nhân Tông đánh Chiêm Thành :

Năm 1075, trước khi đánh Tống, Lý Thường Kiệt đã xuất quân đánh Chiêm Thành. Tuy chưa thành công, nhưng Lý Thường Kiệt đã vẽ được bản đồ 3 Châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính do Chế Củ dâng cho ta năm 1069, rồi cho người sang ở.

Năm Quý Mùi (1103) Lý Giác làm phản ở Diên Châu (Nghệ An). Lý Thường Kiệt lại thân hành đi dẹp, Lý Giác thua chạy sang Chiêm Thành xui Chiêm vương Chế Ma Na đem quân lấy lại 3 Châu trên đây.

Năm 1104, vua Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt (1) đem binh đi diệt trừ. Quân Chiêm bị phá tan, Vua Chiêm phải dâng lại ba Châu và hàng năm sang triều cống như cũ.

Kết Quả:

Cuộc chinh phục Chiêm Thành dưới đời Hậu Lý mở đường Nam tiến cho các triều đại về sau, hầu giải quyết vấn đề nhân mãn do mật độ dân số ở miền Trung Châu ngày càng lên cao. Nhà Hậu Lý đã có công lớn trong việc mở mang bờ cõi cho đất nước.

(1) Lý Thường Kiệt, khi ấy đã ngoài bảy mươi tuổi, bình Chiêm về được một năm thì mất. Ông là một vị tướng uy dũng, mưu lược hơn người, không thẹn với câu "cô kim võ công đệ nhất", như trong Việt Sử Tổng Vịnh đã khen.

(còn tiếp)

Viết Cho Trang Thiếu Nhi

Ông Chu Văn An

Ông Chu Văn An là người tỉnh Hà Đông bảy giờ, đỗ tiến sĩ về đời nhà Trần. Tính ông ngay thẳng và điềm đạm, không ham danh lợi, chỉ chăm làm cho tổ đạo thánh hiền và trừ khử những mối dị đoan.

Ông thi đỗ rồi và mở trường dạy học, học trò rất đông, có người làm đến Thượng thư, Tể tướng, nhưng đối với ông phải giữ lễ học trò. Khi nào đến thăm thầy, vẫn phải đứng hầu. Trong bọn học trò, ai có điều gì không phải, dầu quyền quý thế nào cũng mặc, ông quát mắng đuổi ra.

Vua nghe ông là bậc đạo đức mô phạm, triệu vào kinh làm quan, để dạy Thái tử. Sau ông thấy chính sự trong triều suy đồi, bọn quyền thần nhiều kẻ làm bậy, ông dâng sớ xin chém người gian nịnh. Vua không nghe lời. Ông bèn từ chức, không thiết gì đến công danh quyền lợi nữa.

Người trong nước ai cũng khen ông là bậc cao hiền. Khi ông mất, vua cho đem vào thờ trong Văn miếu, ngang hàng với bậc tiên nho.

(Trích Quốc Văn Giáo Khoa Thư.)

● **Hồng Nhiên** (Lingen)

Cuộc Đời Đức Phật

(Chùa Khánh Anh)

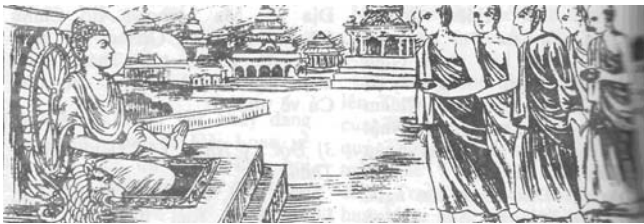
(tiếp theo)



41. Cũng cách đó, Ngài đã giảng cho một Bà la môn tên Bharadwaja rằng đáng cao cả nhất là người có hành vi cao quý và đáng kính nhất. Niềm kiêu hãnh mình thuộc dòng dõi cao sang chỉ là giả dối, nếu hành vi họ không cao thượng.



42. Vua Ba Tư Nặc đến thưa với Đức Phật rằng : Các tỳ kheo nhận nước (uống) từ tay của mọi hạng người, vậy là không đúng. Đức Phật giải thích với nhà vua rằng : Chư tỳ kheo không thuộc về giai cấp nào cả. Đối với họ, nhận nước uống hay thức ăn ở đâu cũng đều không đúng. Nhưng họ chỉ kính trọng thiện hạnh, thành tâm và tôn giáo của người.



43. Theo cách ấy, Đức Phật đã chỉ rõ con đường của tôn giáo chơn chính cho mọi giới quần chúng bằng giáo thuyết của Ngài. Ngài nói lên lời giảng cuối cùng cho A Nan và chúng Tỳ khưu tại một chỗ gọi là làng Capala.



44. Sau thời pháp này, A Nan đi theo chư tỳ kheo. Ma Vương tới và cầu xin Đức Phật rằng : Tôn giả Cù Đàm,

công việc của Ngài đã xong, Ngài nên vào Niết Bàn đi. Đức Phật nhận lời cầu xin này của Ma Vương.



45. Khi trở lại, A Nan được biết Đức Thế Tôn từ khước lời hứa lưu lại cuộc đời, ngài sầu thảm tràn ngập. Đức Như Lai an ủi ngài A Nan.



46. Khi đến vùng Câu Thi La (Kusinara) Đức Phật bảo ngài Anan đi lấy nước. Có một con sông nhỏ vừa bị năm trăm chiếc xe lội ngang. Tuy vậy nước vẫn trong. A Nan lấy nước đó đem về dâng lên Đức Phật.



47. Sau đó, trong rừng cây Ta La, xứ Ma La tại thành Câu Thi La, Ngài nằm xuống lần cuối cùng trên chiếc nệm do A Nan trải giữa hai cây Ta La. Chính nơi này, Ngài đi vào Niết Bàn.



48. Khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Tăng Già toàn quốc đón đau khôn tả. Sau cùng lễ an táng Ngài hết sức long trọng. Xá lợi của Ngài được giữ gìn trong các tháp ở tám chỗ trong nước. Một ngọn tháp được dựng lên nơi chỗ hỏa táng và nhiều tháp khác. Cả thảy 18 tháp được dựng lên để cúng dường Đức Phật. **(Hết)**



Thông Báo

Khuyến khích đoàn sinh các GĐPTVN tại Tây Đức viết bài :

Kể từ Viên Giác số 57 ra trong tháng 8/1990 trở đi, đoàn sinh các cấp thuộc GđPTVN tại Tây Đức có bài viết được chọn đăng trong phần "Trang Sen" của báo Viên Giác sẽ được Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức thuộc chùa Viên Giác gửi tặng một món quà khích lệ rất có giá trị. Mục đích nhằm khuyến khích các đoàn sinh tập viết tiếng Quốc ngữ, không quên tiếng Mẹ, cũng là cơ hội để nói lên những cảm tưởng, ý nghĩ của mình trong cuộc sống ở xứ người cũng như trong sinh hoạt GĐPTVN. Xin Quý đạo Hữu trong Chi Hội, phụ huynh các đoàn sinh cũng như Ban HT GđPTVN tại địa phương khuyến khích con em và đoàn sinh của mình hưởng ứng việc này. Xin thành thật cảm ơn.

Trại hè Liên Hoa II của G ĐPTVN tại Tây Đức.

Chiều quyết định của phiên họp Ban Huynh Trưởng Trung Ương (Ban HTTU) Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức (G ĐPTVN tại TĐ) ngày 20-21/2/1990 tại chùa Viên Giác, cũng như được sự chỉ đạo và chấp thuận của Thượng Tọa Thích Như Điền, cố vấn giáo hạnh G ĐPTVN tại TĐ, trại hè Liên Hoa II/1990 sẽ được tổ chức cho đoàn sinh và phụ huynh của đoàn sinh các G ĐPTVN hiện có tại Tây Đức :

1. Mục đích trại : Thất chặt tình Lam, có dịp đi nghỉ hè sống với thiên nhiên và tắm biển. Riêng đối với phụ huynh các đoàn sinh, trại này tạo cơ hội cho quý vị đi nghỉ hè, sống với con em mình và cũng là dịp để tìm hiểu thêm nét sinh hoạt đặc thù của G ĐPTVN tại TĐ.

2. Địa điểm : Bãi cắm trại Nordsee Camp Norddeich - Alte Sendefunkstelle Deichstrasse - 2980 Norden - Norddeich - Tel. 04931/8073.

3. Thời gian : Từ 14 giờ ngày thứ ba 14.8.1990 đến 10 giờ ngày chủ nhật 19.8.1990.

4. Thành phần Ban Quản Trại :

- Cố vấn : Huynh trưởng (HT) Thị Lộc Võ Văn Mai và HT Tâm Cừ Trương Tôn Châu.

- Trại trưởng : HT Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp.

- Thư Ký & Thủ Quỹ : HT Tâm Bạch Trần Nguyễn Huyền Đan.

- Đời sống trại : HT Thiện Căn Phạm Hồng Sáu.

- Ký luật trại : HT Tâm Cừ Trương Tôn Châu. Các anh chị em HT sơ cấp (đã trúng khóa Lộc Uyên giai đoạn I&II, đồng thời đã có quyết định của Ban HTTU về sự trúng cách này) sẽ được mời bổ sung nhân sự cho các Ban thuộc Ban quản trại.

5. Tham dự viên là đoàn sinh chính thức của một G ĐPTVN hiện có tại Tây Đức và phụ huynh của các đoàn sinh ấy.

6. Việc ghi tên tham dự :

Sẽ do Ban HT của GĐPTVN tại địa phương đảm nhận. Trường hợp có phụ huynh các đoàn sinh ghi tên tham dự, kính mong quý đạo hữu trong Chi hội liên hệ hỗ trợ cho Ban HT của Gđ.

Thông báo này có tính cách phổ biến trước hầu các phụ huynh và đoàn sinh chuẩn bị thời gian xin nghỉ hè để tham dự trại.

Chi tiết trại Liên Hoa II (như thời gian ghi trên, điều kiện tham dự, tài chánh, chương trình trại v.v...) sẽ được Ban HTTU gửi đến Ban HT các G ĐPTVN tại địa phương cũng như các Chi hội trực thuộc để thông báo sau.

Mọi thắc mắc và muốn biết về trại Liên Hoa II/1990, xin liên lạc qua HT Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, địa chỉ chùa Viên Giác Hannover.

Đặc San GĐPTVN tại Tây Đức

Trong năm nay 1990, qua sự chấp thuận của Thượng Tọa Thích Như Điền Cố vấn giáo hạnh GĐPTVN tại Tây Đức và quyết định của Ban Huynh trưởng Trung Ương tại Tây Đức, một đặc San GđPTVN tại Tây Đức sẽ được thực hiện. Nội dung của đặc San này gồm có :

1. Cung thỉnh quý Thầy, Cô viết bài.
2. Các GĐPTVN ở địa phương tường trình và cảm tưởng những sinh hoạt của Gđ trong những năm qua và cùng hình ảnh (tránh việc đề cao cá nhân)
3. Bài viết của Ban HTTU
4. Bài vở của các đoàn sinh GĐPTVN tại Tây Đức qua cuộc thi viết văn cho các ngành Oanh, Thiểu và Thanh. Các bài được chấm hạng 1,2 và 3 sẽ được đăng trong tập san. Chủ đề : "Tình Lam"; đủ các loại, truyện ngắn, tùy bút, thơ.
5. Ban giám khảo : Ban HTTU G ĐPTVN tại Tây Đức.
6. Thời hạn nộp bài : cuối tháng 8/90. Các bài gửi dự thi xin các đoàn sinh ghi rõ tên tuổi, pháp danh, hiện đang sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử nào và chức vụ.
7. Phần thưởng của các giải sẽ được công bố trong báo Viên Giác số 57 –
8. Phần thưởng sẽ được phát trong Đại Lễ Phật Đản 2534 - 1991 tại Hannover.
9. Hình thức đặc San : khổ DIN A5 và số lượng 1.000 cuốn.
10. Ban Biên Tập và trách nhiệm : Ban HTGđPTVN tại Tây Đức. Kỹ Thuật : HT Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp .
11. Tài chánh : Xin các Chi Hội và Gia đình PTVNN các địa phương yểm trợ.

Mọi chi tiết về đặc San xin liên lạc qua Ban HTTU G ĐPTVN tại TĐ địa chỉ chùa Viên Giác. Riêng Các G ĐPTVN tại Tây Đức nhận được thông tư chi tiết gửi đến sau.

(Ban HTTU' GĐPTVN tại Tây Đức)

Áo Dài Tay Raglan

- Minh Thiện phụ trách -



Muốn may một chiếc áo dài vừa vặn, xinh xắn cho một mẫu người cân đối thì không mấy khó, chỉ cần chúng ta chịu khó, tỉ mỉ một chút thì sẽ có một chiếc áo vừa ý ngay.

Có nhiều mẫu người mà cách cắt và may phức tạp hơn. Tiện đây Minh Thiện cũng xin ghi lại chút kinh nghiệm nhỏ nhen mà những năm qua M.T. đã rút tỉa được.

Nếu cách cắt và may cần nơi chúng ta nhiều kiên nhẫn thì cách đo cũng không kém phần quan trọng. Cần phải đo ni thật chính xác. Vì vậy khi đo nên mặc đồ mỏng và sát. Mặc áo dài để đo lấy ni là tốt nhất.

Cách đo :

1.- Dài Áo : Đo phía trước, từ giữa vai, ngang qua đầu ngực, xuống eo và dài đến khoảng giữa ống chân hay dài hoặc ngắn hơn tùy thích.

2.- Dài Tay : Đo từ cạnh chân cổ, qua đầu vai, xuống cùi chỏ, dài đến mắc cá tay hoặc ngắn hơn tùy thích.

3.- Vòng Nách : Vòng thước dây phía dưới nách qua đầu vai, đo thật sát vòng nách.

4.- Bắp Tay : đo khoảng giữa đầu vai xuống cùi chỏ. Khi đo lồng 4 ngón tay vào bên trong thước dây và đo hơi rời tay vòng bắp tay

5.- Cửa Tay : Rộng hẹp tùy thích.

6.- Hạ Eo Sau : Cột 1 đầu thước dây nơi vòng eo chính xác, đầu thước dây còn lại đo từ chân cổ phía sau, nơi cục xương ót, xuống đến mí trên vòng thước dây nơi eo hay trừ bớt từ 1 đến 3 cm hoặc 4 cm tùy thích.

7.- Hạ Eo Trước : đo từ chỗ hún trước cổ xuống đến mí trên của vòng thước dây cột ngang vòng eo (nếu hạ eo sau trừ bớt mấy cm thì hạ eo trước cũng phải trừ bằng nhau).

8.- Hạ Pince Ngực : Cũng đo từ chỗ hún trước cổ xuống đến ngang giữa 2 đầu ngực.

9.- Dang Ngực : đo khoảng cách 2 đầu ngực.

10.- Vòng Cổ : đo vừa sát vòng chân cổ.

11.- Vòng Ngực : Đặt thước dây chính xác trước và sau nơi phần lớn nhất của ngực. Đo vừa sát vòng ngực.

12.- Vòng Eo : Có 2 cách đo :

a) Đo vừa sát vòng eo (khi vẽ lên vải + thêm cử động).

b) Khi đo cộng luôn cử động cho vừa như ý khách hàng.

13.- Vòng Mông : Người mẫu đứng khép sát 2 chân lại. Đo vừa sát nơi phần lớn nhất của mông.

14.- Rộng Tà : Số đo này không phải đo, nhưng ít nhất cũng phải hỏi ý khách hàng. Rộng hẹp tùy thích, nhưng ít ra cũng phải bằng 1/2 số đo vòng mông + từ 3 cm trở lên.

Ghi Chú : Trường hợp ngực ẻnh và mông điều thì số đo hạ eo phải trừ lên từ 3 đến 5 cm thay vì -1 đến 3 cm của vóc người cân đối để tránh bớt cái máng phía eo sau.

Ni Mẫu :

1- Dài áo : 106 cm

- 2- Dài tay : 64 cm
- 3- Vòng nách : 33 cm
- 4- Bắp tay : 29 cm
- 5- CỬA tay : 23 cm
- 6- Hạ eo sau : 36 cm
- 7- Hạ eo trước : 30 cm
- 8- Hạ pince ngực : 17 cm
- 9- Dang ngực : 18 cm
- 10- Vòng cổ : 34 cm
- 11- Vòng ngực : 82 cm
- 12- Vòng eo : a) 62 cm b) 68 cm
- 13- Vòng hông : 86 cm
- 14- Rộng tà : 46 cm

Cách Chọn Hàng Vải và Màu Sắc :

Cách chọn hàng vải và màu sắc cho hợp với làn da và vóc người về mỹ thuật cũng ảnh hưởng không kém. Trước kia M.T. cũng có học chút ít về mỹ thuật. Tiện đây cũng xin ghi lại để các bạn gái dễ dàng khi chọn lựa hàng vải.

Các bạn gái có diễm phúc được trời phú cho một làn da tươi mát, nõn nà và một tầm vóc cân đối thì tha hồ mà chọn lựa cho bằng thích. Nhưng đối với các bạn gái quá gầy, hơi béo hoặc có một làn da bánh mật, mặn mà thì chọn hàng phải hơi kén một chút.

- Vóc Gầy :

. Tránh chọn những loại hàng quá mỏng, màu sậm như nâu, đen, xanh dương đậm, huyết dụ, tím thẫm ... vì những màu ấy sẽ làm cho các bạn như gầy thêm ra dưới mắt mọi người. Cũng nên tránh loại hàng có sọc xuôi theo bề dài áo.

. Nên chọn loại hàng hơi dày (nhưng đừng quá cứng sẽ làm mất vẻ thướt tha) mặt hàng hơi bóng, có màu sáng, hoa hơi to hoặc có sọc ngang.

- Hơi Béo :

. Tránh những loại hàng dày, cứng và mặt hàng bóng láng. Cũng tránh những màu sáng chói như đỏ, vàng, cam, xanh kệt, xanh lá non, hàng hoa to ... Vì những màu ấy sẽ làm cho vóc người bạn như mập thêm ra. Tránh cả loại hàng có sọc ngang.

. Nên chọn loại hàng mềm (không quá mỏng) có màu dịu, nhạt như : crème, cà phê sữa, lam, xám, vàng đất ... Hoặc những màu sậm như xanh dương, đen, tím

thẫm, nâu, hàng có sọc dọc hoặc hoa nhỏ hòa hợp với những màu sắc thích hợp.

- Da Bánh Mật :

. Tránh những màu sáng chói như đỏ, vàng chanh, cam, xanh kệt.

. Hợp với những màu dịu nhạt như : crème, cà phê sữa, hồng phấn, xanh lơ, tím cà, xám, rêu nhạt ... Hoặc hàng màu sậm như xanh dương, đen, nâu, tím, hàng có sọc và hoa không quá to, màu sắc hòa hợp nhau.

. Các loại hàng có thể bị co rút, ta nên cẩn thận ngâm nước một đêm, phơi, ủi kỹ trước khi cắt.

. Nên chú ý phân biệt 2 mặt vải phải và trái, làm dấu cho khỏi lộn.

Cách Tính Vải :

. Mỗi áo dài cần 1 cái móc nhỏ và khoảng từ 10 đến 12 cái nút bấm 7 mm với 1 miếng lưới lót cổ.

- Vải khổ 1,50 m :

2 bề dài tay áo + 20 cm (cho vóc người trung bình) cần khoảng 1,40 m đến 1,50 m.

- Vải khổ 1,40 m :

. 2 bề dài tay áo + 20 cm (cho vóc người hơi gầy, cần khoảng 1,50 m.* . 1 bề dài áo + 1 bề dài tay + 20 cm (vóc người hơi béo) cần khoảng 2 m.

- Vải khổ 1,20 m :

. 1 bề dài áo + 1 bề dài tay + 20 cm cần khoảng 1,90m đến 2 m (cho vóc trung bình).

. 2 bề dài áo + 20 cm (hơi béo) = 2,50 m

- Vải khổ 0,90 m :

. 2 bề dài áo + 20 cm = 2,40 m (vóc người trung bình).

. 2 bề dài áo + 1 bề dài tay + 20 cm cần khoảng 3,30m (cho vóc hơi béo).



- Vũ Ngọc Long phụ trách -

* Việt Nam

. **Thay đổi lớn phe cứng rắn cả thắng từ chối bất cứ một cải cách nào về chính trị.**

. **Trần Xuân Bách hàng thứ 9 trong Bộ Chính Trị chủ trương cởi mở kinh tế, chính trị song hành bị loại.**

- **Đám trở cờ đón gió hòa hợp hòa giải ôm chân đám cộng con xin xỏ.**

- **Hỏi :** Tại sao cả khối Cộng Đông Âu và Liên Xô đã thay hình đổi xác. Trong khi đó tại VN đảng CS vẫn cố trì kéo, không chấp nhận một sự thay đổi ?

Đáp : Đông là Đông, Tây là Tây, nhân dân các xứ CS Đông Âu khát khao tự do, dân chủ và chấp nhận một sự hy sinh tranh đấu, còn nhân dân VN liều chết để bỏ chạy khỏi nước, dù đó cũng là một sự hy sinh.

Hỏi : Hai sự hy sinh này có khác nhau không ?

Đáp : Hoàn toàn khác biệt. Một đảng hy sinh tính mạng để tranh đấu cho lý tưởng tự do, dân chủ. Còn một đảng cũng hy sinh tính mạng cho những nhu cầu vật chất.

Hỏi : Xin cho dẫn chứng cụ thể.

Đáp : Hãy nhìn đám "Việt Kiều" du lịch về VN và đám chính khách Việt Nam ở hải ngoại thì thấy rõ.

Trên đây là một đoạn đối thoại giữa một nhà báo Việt và một chuyên viên nghiên cứu về vấn đề Đông Dương của một viện nghiên cứu chính trị nào đó ở Âu Mỹ. 30.4.1990, tròn 15 năm, toàn cõi VN dưới sự cai trị của người CS. Bao nhiêu lời hứa hẹn của các lãnh tụ cao cấp hàng đầu trong đảng CSVN, từ Hồ Chí Minh cho tới Trường Chinh, Lê Duẩn...và Nguyễn Văn Linh v.v.. nước VN sẽ độc lập, dân chúng VN sẽ no cơm ấm áo, đất nước sẽ phồn vinh, thịnh vượng v.v.. và v.v..

Sự thể sau 15 năm, VN ngày nay ra sao thì tất cả mọi người ai cũng đã thấy. Một sự mong đợi, cứu dân, cứu nước bởi người CS, của những ai còn ngây thơ mong chờ, xin tất cả hãy mở to mắt, nhìn các việc làm của giới lãnh đạo Hà Nội trong 15 năm qua. Cũng như sự đói khổ của đại đa số dân Việt ở quốc nội và những đấng cay nghiệt của các thuyền nhân trong các trại tỵ nạn ở Đông Nam Á.

Năm 1989 cả khối Cộng Đông Âu đã và đang hóa thể. Giới lãnh đạo của các xứ Cộng sản này đã nhìn thấy sự lỗi thời và không tương của chủ nghĩa Marx Lenin. Họ đã chấp nhận một sự sửa sai, để tự cứu dân, cứu nước họ,

cũng như không ngại đại trì kéo bánh xe lịch sử, trừ trường hợp ngoại lệ ở Lỗ Ma Ni của Ceausescu, cuối cùng để rước lấy cái chết thê thảm. Trong khi đó tại VN tập đoàn lãnh đạo CS đã cả tin rằng, không một thế lực nào có thể làm họ bị lật nhào, cũng như họ vẫn tin rằng chủ nghĩa Marx Lenin là toàn hảo, chẳng cần phải sửa sai thay đổi. đầu tháng 3.1990 đại hội kỳ 8 của Trung ương đảng đã bí mật diễn ra, vấn đề chính thảo luận, được tiết lộ sau khi đại hội bế mạc. Đó là sự chống đối của nhóm kháng chiến gốc Miền Nam cũ, lâu nay bị bạc đãi. Như chúng ta được biết năm qua một nhóm tướng tá và đảng viên cao cấp người miền Nam, từng nắm các chức vụ then chốt trong cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và chính phủ cách mạng lâm thời trước đây. Vì bất mãn không được hưởng các quyền lợi cũng như các chức vụ chỉ huy quan trọng như nhóm đảng viên gốc miền Bắc và miền Trung. Nên ngay từ khi chiếm được miền Nam và thống nhất 2 miền, mỗi xung đột Bắc Nam đã manh nha trong hàng ngũ lãnh đạo cao cấp đảng CSVN. Kịp cho tới 1986, sau khi đại hội kỳ 6 của đảng được triệu tập. Với sự đề cử Nguyễn Văn Linh là Tổng Bí thư đảng, đồng thời một vài nói lỏng cho báo chí. Cũng như phe đảng viên cao cấp gốc miền Nam, tiêu tan hy vọng vì đại diện của nhóm này là Võ Văn Kiệt đã bị loại, không được nắm chức Thủ tướng chính phủ, sau cái chết của Phạm Hùng. Đỗ Mười đã được phe cánh miền Bắc và Trung đẩy ra nắm chức vụ này. Mỗi xung đột và bất mãn ngày một gia tăng trong giới đảng viên cao cấp gốc người miền Nam. Kể đến nhóm này cho xuất bản 2 tờ báo mang tên Truyền Thống Dân Tộc và Tiếng Nói Kháng Chiến, mạnh mẽ đã kích guồng máy nhà nước do Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười điều hành. Như chúng ta biết nhóm câu lạc bộ kháng chiến do Trần Văn Trà, Nguyễn Hộ, Trần Bạch Đằng và một số đảng viên cao cấp gốc miền Nam, trước đây từng nắm nhiều chức vụ quan trọng trong đảng và chính phủ. Nhưng sau đó dần dần bị loại, hoặc cho về hưu. Vài ồn ào của nhóm này, đã tạo chú ý trong dư luận quần chúng ở trong nước và đặc biệt đám chính khách đón gió ở hải ngoại, thì suy luận đây là nhóm tranh đấu đích thực cho một Việt Nam cởi mở. Tuy nhiên nếu theo dõi kỹ các hoạt động của nhóm này, thì chúng ta thấy có nhiều dấu hiệu của một trò bịp bợm chính trị, một cuộc "tranh dành" giữa nhóm lãnh đạo cao cấp đảng CSVN. Sự kiện đã trở nên rõ ràng, vào đầu tháng 3.90 Trần Văn Trà cố vấn quan trọng của nhóm này, sau khi có cuộc gặp gỡ với Nguyễn Văn Linh, đã được Linh trao cho chức vụ Chủ tịch ủy ban cải cách miền Nam. Lập tức sự chia rẽ đã xảy ra trong nhóm mệnh danh câu lạc bộ kháng chiến. Trần Văn Trà đã đạt được mục đích là có được chức vụ mới, nên đã lên tiếng chống đối nhóm do Nguyễn Hộ và Trần Bạch Đằng. Kể đến 4.3.90 nhóm này họp ủy ban điều hành trung ương Nguyễn Hộ và Trần Bạch Đằng đã bị loại khỏi chức vụ chủ tịch của câu lạc bộ. Nhóm này đã chia rẽ vì kẻ được ăn, người không được ăn. Phạm Khai tân chủ tịch của nhóm cùng với 2 phó chủ tịch là Nguyễn Đức Hưng và Huỳnh Văn Tiếng. Bị mất chức lãnh đạo trong nhóm Đảng và Hộ đã mạnh mẽ đã kích Nguyễn Văn Linh dùng "độc kế" tạo chia rẽ trong nhóm như chúng ta biết trong cuộc tiếp xúc giữa Nguyễn Văn Linh và nhóm chống đối

miền Nam, Linh đã nói "Nguyễn Hộ là một trong những tay quá khích của nhóm". Cho tới nay nhóm câu lạc bộ kháng chiến miền Nam đã chia ra làm 2 phe, một phe được sự chia phần của Nguyễn văn Linh, còn phe do Nguyễn Hộ và Trần Bạch Đằng... thì tiếp tục chống đối và lên tiếng ủng hộ Võ văn Kiệt và Trần Xuân Bách, cũng theo Nguyễn Hộ thì câu lạc bộ kháng chiến sẽ kỷ niệm ngày chính thức ra đời của nhóm 23.9. tới đây với số hội viên là 4000 và rất nhiều cảm tình viên.

Trong khi đó sau đại hội Trung ương đảng kỳ 8 vào đầu tháng 3.90 vừa qua, chính quyền CSVN đã cho đẩy mạnh một cuộc thanh lọc mới trong hàng ngũ lãnh đạo trong các cơ cấu chính quyền địa phương, nhiều đảng viên cấp trung bị loại khỏi đảng, cũng như những cuộc bố ráp mạnh mẽ khắp nơi, mang danh bài trừ tệ đoan xã hội, nhưng thực tình đây là cuộc thanh toán giữa các phe phái với nhau, trong hàng ngũ cao cấp của đảng. Mặt khác trước những biến chuyển ở Đông Âu, đã làm cho tập đoàn lãnh đạo Hà nội phải e dè và lo sợ một cuộc biến động có thể xảy ra, từ phía quân chúng nhất là đồng bào ở miền Nam. Có thể nổi lên chống đảng nhà nước nhiều đơn vị công an, quân đội đã được điều động sẵn sàng đàn áp bất cứ một cuộc phản kháng nào. Trong khi đó áp lực từ phía Liên Xô ngày một gia tăng đối với tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN là phải nhanh chóng đổi mới. Nhưng nhận thức được sự nguy hiểm của chính sách nói lỏng, nó có thể đẩy tới sự bùng nổ của khối quân chúng lâu nay bị áp bức, và đưa tới sự lật nhào vai trò độc tôn của đảng CSVN. Đứng trước thế tiến thoái lưỡng nan, không nói lỏng thì bị Liên Xô hăm he cúp viện trợ, mà làm theo ý quan thầy thì hình ảnh đen tối đã thấy rõ trước mắt là đảng CS, mất quyền như ở các xứ Đông Âu. Để hóa giải sự vây hãm này tập đoàn lãnh đạo CSVN, đang cố mùa may, làm nhiều trò bịp bợm, như thanh lọc hàng ngũ đảng, một số đảng viên tham nhũng, hối lộ bị loại, cho vài tiếng nói đối lập tham gia chính quyền, cũng như thúc đẩy đám cán bộ CS ở hải ngoại lên tiếng đòi tự do, dân chủ và cải cách. Để dựa vào các yếu tố này, tập đoàn lãnh đạo Hà nội có thể lừa bịp được thế giới là VN đã cởi mở, nói lỏng và chấp nhận những sửa sai, cùng tôn trọng ý kiến đối lập, như chúng ta biết trong đầu năm dương lịch vừa qua, nhiều đám Cộng con ở Pháp, Đức, Canada, Úc... đã cùng nhau ra tuyên ngôn, tuyên cáo, rồi tâm thư gửi giới lãnh đạo CSVN và đồng bào trong ngoài nước. Tuy nhiên trò lừa bịp "con nít" này chẳng được bao nhiêu người hưởng ứng.

Nhưng một điều ngạc nhiên cho nhiều người, là một đám mang danh là trí thức có trình độ cao ở một thủ đô ở Tây Âu đã nồng nhiệt Đáp lời kêu gọi của đám Cộng "cá kè, cá lòng tong" này. Đám "trí thức" này đã "hồ hởi phấn khởi" tới hội họp với đám Cộng con, gọi là để "hành" những lời kêu gọi hòa hợp hòa giải trước đây. Tuy vênh váo tự phụ là thành phần trí thức có trình độ cao, nhưng nhìn lại đám này, lại còn thấp trí hơn đám quân phiệt hết thời Nguyễn Huy Lợi, Vương văn Đông... Vì đám Lợi, Đông còn gặp được đám Cộng già quyền thế ở Hà nội, mà đại diện là Nguyễn Cơ Thạch. Qua sự kiện trên cho chúng ta thấy, sự "mê sảng" trong danh lợi, đám "trí

thức, trí ngu" này không từ nan một việc làm nào cả, miễn là được hưởng chút bổng lộc...

Trong khi đó tại VN với danh nghĩa là bài trừ tệ đoan xã hội, chống tham ô, móc ngoặc, chính quyền CSVN đã phát động các cuộc tổng bố ráp khắp nơi, rất nhiều người bị bắt giữ. Cùng nhiều công ty, xí nghiệp bị kiểm kê. Đặc biệt vụ nhà hàng "Đường Sơn Quán" nơi ăn chơi nhậu nhẹt, trai gái... của các tay đảng viên cán bộ thứ cao cấp và nó cũng được sự bao che của nhiều thành phần đảng ủy của thành phố Sài Gòn. Vụ Đường Sơn Quán đã gây ồn ào dư luận đồng bào trong nước và hải ngoại. Vì ngoài số đảng viên cao cấp, còn một số đám "Việt Kiều du lịch" tới đây ăn chơi... cũng bị bắt giữ. Trong khi đó tờ báo Tuổi Trẻ loan tin vì có sự chia chát, nên hầu hết các cá nhân có liên hệ tới vụ cháy công ty xuất nhập ở đường Nguyễn Huệ Sài Gòn, đều đã được phóng thích. Đây được coi là vụ tham nhũng có tầm mức lớn, có liên hệ tới nhiều đảng viên cao cấp, nên toàn bộ cơ sở đã bị đốt cháy để phi tang. Trong khi đó những tin tức của giới quân sự ở Thái Lan và tình báo ở Nam Vang, thì bộ đội CSVN lại tiếp tục được gọi qua Miền lại.

Cho tới cuối tháng 3.90 một diễn biến chính trị thật quan trọng đã xảy ra tại VN. Theo tin đài phát thanh Hà nội phát đi ngày thứ tư 28.3.1990. Sau những buổi họp kéo dài kỷ lục 2 tuần lễ rưỡi của ủy ban Trung ương đảng CSVN tại Hà nội. Cuối cùng thêm lần nữa giới lãnh đạo hàng đầu ở VN đã lập lại những lời danh thếp quyết không từ bỏ vai trò độc tôn của đảng CS trong sinh hoạt chính trị ở VN, và cũng quyết không từ bỏ mục tiêu tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa. Tóm lại không có một sự cởi mở nói lỏng nào trong lãnh vực chính trị cả. Tuy nhiên trên lãnh vực kinh tế vẫn chủ trương như 3 năm qua đã làm, là cho tự do buôn bán, và kêu gọi tư bản ngoại quốc bỏ vốn đầu tư. Mặt khác phía chính quyền cũng đưa ra những nhận định về thành quả đã đạt được trong lãnh vực kinh tế là nạn lạm phát đã giảm, mức xuất cảng đã gia tăng v.v.. từ đó suy ra việc nói lỏng chính trị là điều không cần thiết.

Đặc biệt ủy ban Trung ương đảng cũng đi tới quyết định trục xuất Trần Xuân Bách, một trong 13 ủy viên bộ chính trị ra khỏi bộ này. Bách được xếp hàng thứ 9, trong thời gian qua đã có những lời tuyên bố thúc đẩy giới lãnh đạo đảng, nhà nước CSVN phải nhanh chóng cải tổ, nói lỏng cả 2 lãnh vực kinh tế và chính trị song hành. Bách đã ví von, cải cách kinh tế mà không cải cách chính trị như người đi một chân cao, chân thấp. Bách cũng nhắc nhở giới lãnh đạo CSVN phải lấy hình ảnh các xứ Đông Âu để làm gương. Sự trục xuất Trần Xuân Bách ra khỏi bộ chính trị, cùng những lời tuyên bố mạnh mẽ kết án bọn đế quốc và phản động đang đánh phá các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Sau kết quả của đại hội Trung ương đảng cho thấy khuynh hướng cứng rắn đã lên chân lại ở VN. Mọi mơ ước của đám "đón gió trở cờ" hải ngoại tan theo bọt nước. Những tên chính khách hoạt đầu tự vỗ ngực là trí thức có trình độ cao, nay hãy mở mắt theo dõi những biến chuyển ở VN. Xin hãy đem những chủ trương kêu gọi hòa hợp hòa giải xếp vào góc

tử, hay ném vào sọt rác, và nếu còn chút tiết tháo của kẻ trí thức, thì hãy về phụ vợ con trong việc bếp núc, thì hợp khả năng hơn. Đất nước Việt Nam, dân tộc VN sẽ còn thống khổ, thương đau vì còn những loại trí thức sớm đầu, tối đánh, xem danh và lợi cá nhân, phe nhóm dù nhỏ bé, hơn quyền lợi quốc gia dân tộc. Hơn 30 năm của trận chiến Quốc Cộng, và 15 năm CS toàn chiếm 2 miền Nam Bắc, bao thương đau tủi nhục dân Việt đã bị bạo quyền CS và những người trí thức nữa vùi, mê ngủ nầy hành hạ, đọa đày và bôi bác.

Trở lại quyết định sau phiên họp của ủy ban Trung ương đảng CSVN cho chúng ta thấy tương lai một VN tự do dân chủ vẫn còn xa mờ. Ngoài ra đại hội kỳ 7 của Cộng đảng VN dự trù sẽ được tổ chức sớm hơn vào đầu năm tới 1991 thay vì cuối năm như dự tính. Ngoài ra cũng có những tin tức được loan truyền tất cả những đảng viên cao cấp có khuynh hướng cởi mở đều bị thay thế, trong đó có thể Nguyễn Cơ Thạch phó thủ tướng kiêm ngoại trưởng cũng bị loại. Riêng đám câu lạc bộ kháng chiến miền Nam đã chia 2 phe, một phe chấp nhận hợp tác với phe nắm quyền hiện tại, còn một phe vẫn được đảng nhà nước duy trì làm màu mè, để lừa bịp thế giới là VN vẫn tôn trọng ý kiến đối lập. Cũng như làm cò mồi, để nhữ đám chính khách hoạt đầu trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

* Đức

. Ước mơ một nước Đức thống nhất đã diễn ra mau lẹ, có lẽ hơn dự tính.

. Nhiều hy vọng cho Thủ tướng Kohl trong cuộc tổng tuyển cử 12.1990.

"Deutschland über Alles" "nước Đức trên tất cả", câu được viết trong điệp khúc thứ 3, của bài quốc ca Đức hiện nay, đã dần dần trở thành sự thật. Cuộc bầu cử tại Đông Đức vào trung tuần tháng 3 vừa qua đã cho thấy một ý chí thống nhất nước Đức của người dân Đức trong cả 2 miền Đông và Tây, lên tới cao độ. Tinh thần ái quốc và ý chí vùng lên của dân Đức, đã đập đổ tất cả những cản ngăn của mọi thế lực, không muốn cho dân Đức sống lại cùng nhau. Ngày 9.11.1989 khi bức tường Bá Linh được mở, sau 28 năm ngăn chia 2 xứ Đức. đây cũng là ngày đánh dấu một khúc quanh thật lớn cho lịch sử cận đại của dân Đức. Và nó cũng là một ngã rẽ quan trọng cho tình hình an ninh chung của thế giới trong hậu bán thế kỷ 20. Sau 45 năm bại trận, đất nước bị tàn phá tan hoang, lãnh thổ bị cắt xén nhiều phần, và bị chia hai. Người dân Đức đã âm thầm phấn đấu bắt tay vào việc xây dựng đất nước, cùng hàn gắn những thương đau khủng khiếp do chiến tranh gây ra. Chỉ sau hơn 4 thập kỷ, từ trên hoang tàn đổ nát của quê hương, người dân Đức ngày nay đã nghiêm nhiên đứng lên đòi hỏi những gì họ đã mất mát.

Ngược giòng lịch sử trở lại hội nghị Postdam vào mùa hè 1945, 4 Đồng minh thắng Đức lúc bấy giờ đã ký kết một hiệp ước bắt buộc Đức phải chấp nhận. Nước Đức bị

phân chia ra từng khu vực, thuộc quyền kiểm soát của 4 nước Mỹ, Nga, Anh và Pháp. Riêng thủ đô Bá Linh cũng bị chia cắt từng vùng cho 4 cường quốc nắm giữ. Kế đó trận chiến tranh lạnh bùng nổ với sự trở mặt của Liên Xô, xé bỏ những gì đã ký kết với 3 nước Mỹ, Anh, Pháp về bản đồ Đức cũng như gia tăng võ trang. Mỹ, Anh và Pháp đã đồng ý thành lập Cộng Hòa Liên Bang Đức trong những phần đất thuộc quyền chiếm giữ của họ, và Liên Xô cũng thành lập Cộng Hòa Dân Chủ Đức, trong phần đất do họ chiếm đóng. Nhưng quân đội của cả 4 nước Mỹ, Nga, Anh, Pháp vẫn còn tồn tại trên toàn xứ Đức cả Tây và Đông. Chỉ có một điểm đồng ý chung của 4 nước là nhà tù Spandau ở Tây Bá Linh để giam giữ các tội phạm chiến tranh Nazi, 4 nước chia nhau trách nhiệm điều hành nhà tù này trong mỗi tháng. (Sau khi người tù cuối cùng là Rudolf Hess chết 1987 thì nhà tù Spandau được dẹp bỏ).



Kẻ chiến thắng Lothar de Malzière

45 năm sau, 4 cường quốc Mỹ, Nga, Anh, Pháp đã cố gắng trực tiếp hay gián tiếp mong thực hiện lại được cái quyền của kẻ chiến thắng ngày xưa. Tuy nhiên vấn đề ngày nay đã khác, với sự lớn mạnh kinh tế của Tây Đức, cùng ảnh hưởng to lớn cho hòa bình và thịnh vượng của Đức. Tây Đức đã đóng một vai trò chủ chốt cho cả NATO và khối thị trường chung Đức. Tiếng nói của người dân Đức ngày nay đã có một giá trị cho những quyết định của dân tộc họ. Cuộc bầu cử tại Đông Đức vào 18.3.1990 vừa qua khuynh hướng bảo thủ chủ trương nhanh chóng tiến tới thống nhất nước Đức đã đắc cử một cách vẻ vang với số phiếu hơn 52%, trong khi đó đảng Dân Chủ Xã Hội (SPD) trước đó hy vọng tràn trề đắc cử trong số phiếu tối đa đã thảm bại, vì chủ trương từ từ đi tới sự thống nhất, đảng này chỉ chiếm 22% và kẻ đó một sự không ngờ là đảng CS Đông Đức cũng còn chiếm được hơn 15%. Qua kết quả của cuộc bầu cử này, chính phủ CDU của Thủ tướng Kohl ở Tây Đức bỗng hy vọng lớn sẽ tái nắm quyền trong cuộc tổng tuyển cử vào tháng 12.1990 tới đây tại Tây Đức. Một điều tin tưởng hơn nữa cho thủ tướng Kohl, là các xứ đồng Minh Mỹ, Anh, Pháp cùng các xứ quanh vùng, muốn một nước

Đức nếu tự ý 2 xứ Đông Tây thống nhất, thì vẫn nằm trong khối NATO, và không tuyên bố trung lập. Một nước Đức thống nhất với gần 80 triệu dân, với một lực lượng quân đội hùng mạnh (Tây 494.000 lính; Đông 173.000 lính), không lực gần 1000 chiến đấu cơ, thiết kỵ (Đông 3140 tank, Tây 5005 tank), tàu chiến (Tây 14, Đông 19). Tuy nhiên về lãnh vực kinh tế một nước Đức thống nhất là một con số đáng kể (1077 tỷ \$US trong 1988) về tổng sản lượng quốc gia. Trong khi đó số hàng hóa xuất cảng của 2 xứ Đức hơn 350 tỷ \$US năm 1988 (Tây 323 tỷ + Đông 31 tỷ \$US). Năm qua Tây Đức đã đứng đầu thế giới về sự chênh lệch giữa xuất và nhập. Mặt khác là một xứ bại trận trong thế chiến thứ hai, nên xứ Đức còn bị chi phối nhiều bởi các hiệp ước đã ký kết với các xứ thắng trận, trong vấn đề sản xuất các vũ khí nguyên tử và hóa học. Tuy nhiên mới đây qua báo chí thế giới tiết lộ, Tây Đức đã bí mật sản xuất rất nhiều các nguyên liệu để chế bom nguyên tử và hóa học. Rồi đem xuất cảng đi các nước để dùng các xứ này như là nơi thí nghiệm các loại vũ khí này. điển hình vụ bom hơi ngạt do Tây Đức chế bán cho Iraq, và Iraq dùng chống Iran và lực lượng chống đối Kurdish từ 1983 tới 1988. Loại vũ khí Saad 16 trang bị cho quân đội Iraq, cũng do Tây Đức cung cấp. Tại Pakistan từ 1977 tới 1980 Tây Đức đã giúp chế sản xuất chất Uranium hầu Pakistan chế bom nguyên tử. Cũng như ở Ba Tây và nhiều nơi khác, mới đây như là vụ nhà máy chế bom hóa học ở Libya do một công ty ở Tây Đức đứng ra xây cất. Trước những tiến bộ khoa học nhanh chóng của Tây Đức, tất cả các xứ quang vùng cũng như cả Mỹ và Liên Xô, đều lo sợ một sức mạnh quân sự hùng hậu của một nước Đức thống nhất. Hình ảnh 2 trận thế chiến trong thế kỷ 20, đều do dân Đức gây ra, nó luôn ám ảnh dân chúng các xứ lân bang. Tuy nhiên với sức mạnh kinh tế, và sự quyết tâm của dân Đức, dù một cản ngăn nào cho sự thống nhất của họ, cũng bị họ vượt qua cả. Như chúng ta biết chỉ hơn 4 tháng kể từ ngày bức tường Bá Linh được mở cửa, cùng đường ranh biên giới ngăn chia Đông Tây được phá bỏ. Dân chúng Đức cả hai miền đã tự ý có những trao đổi, nói chung dưới hạ tầng đã có sự thống nhất, chỉ còn sự khác biệt trên thượng tầng cơ cấu chính phủ mà thôi. Một thủ đô chung ở Bá Linh đã được nói tới, một chuyên viên kinh tế thuộc đảng CDU ở Tây Đức, được đề cử qua năm chức tổng trưởng kinh tế trong tân chính phủ đông Đức (Elmar Pieroth 55 tuổi). Cho tới nay hình ảnh một nước Đức thống nhất đã hiện rõ, các xứ quanh vùng cũng như cả Mỹ và Liên Xô đều nghĩ tới sự thống nhất của Đức ảnh hưởng gì tới NATO, Đức và chương trình đổi mới của Gorbachev ở Nga. Riêng phía Mỹ, chính phủ của Tổng thống Bush đã có những thay đổi, trong đường lối ngoại giao và quân sự ở Đức. Giờ Bush muốn duy trì mạnh NATO ở Âu Châu, sự thống nhất Đức phải ở trong NATO, và quân đội Mỹ phải duy trì ở Tây Đức, phe cải cách của Gorbachev phải tiếp tục nắm quyền ở điện Cẩm Lĩnh, cũng như phe bảo thủ của thủ tướng Kohl phải tiếp tục ở lại sau tháng 12.1990 tới đây... Cho tới nay chính giới Mỹ thấy rằng nếu phe xã hội thắng cử ở Tây Đức trong 12.90 này, Đức sẽ rút ra khỏi NATO và Trung lập, tiếp theo đó khối NATO sẽ tan vỡ. Trong khi đó ngay về phía các xứ trong khối Varsovie, cũng không

đồng ý một nước Đức thống nhất mà Trung lập. Mới đây vào thượng tuần tháng 3.90 ngoại trưởng Liên Xô và ngoại trưởng các xứ Đông Âu họp ở Prague, tất cả các xứ Đông Âu, đều chống một nước Đức thống nhất Trung lập rút ra khỏi NATO, ngoại trừ Liên Xô. Ngoại trưởng Tiệp Khắc thì cho rằng "một sự chuyển tiếp nguy hiểm", ngoại trưởng Balan "không tốt cho Âu Châu". Với sự duy trì lực lượng hiện tại ở Âu Châu của cả NATO, và Varsovie, sẽ kiểm soát được sự lớn mạnh quân sự của một xứ Đức thống nhất. Trong khi đó trước viễn ảnh một nước Đức thống nhất đã gần kề, là một mối đe dọa nhiều nhất cho xứ láng giềng Balan. Vì hiện tại lãnh thổ Balan với hơn 1/3 là của Đức trước thế chiến thứ hai. Thủ tướng Balan Mazowiecki, muốn có một hiệp ước ký kết với Tây Đức về vấn đề biên giới hai nước, phải có trước khi xứ Đức thống nhất. Tuy nhiên về phía chính quyền của thủ tướng Kohl, để trấn an cánh cực hữu trong dân chúng và đảng của ông, Kohl vẫn "lập lững" đưa ra những lời tuyên bố đầy ngôn ngữ ngoại giao về vấn đề này. Trong khi đó nhiều biểu ngữ trong những cuộc biểu tình ở Đông Đức đã thấy xuất hiện một nước Đức thống nhất phải bao gồm những phần đất bị mất trước thế chiến, tức 1/3 lãnh thổ Balan và một phần vùng cực Đông Bắc bị sát nhập vào Nga.



Nồng nhiệt chúc mừng tân Chủ tịch Quốc Hội ĐĐ: Bà Bác sĩ Sabine Bergmann Pohl thuộc đảng CDU – ĐĐ

Cho tới nay trước sự quyết tâm nhanh chóng tiến tới sự thống nhất nước Đức đã làm cho thế giới bàng hoàng, xen lẫn những lo sợ. Năm ngoại hội nghị Malta giữa Tổng thống Mỹ Bush và Tổng bí thư Gorbachev của Nga. Hai siêu cường đầu sỏ thế giới Nga Mỹ nghĩ rằng với sức mạnh quân sự của họ sẽ có quyền định đoạt tất cả vận mệnh các dân tộc trên thế giới nói chung và các xứ Âu Châu nói riêng. Nga, Mỹ đã bàn tới vấn đề cả hai phía cắt giảm quân số ở Âu Châu, cũng như cuộc chạy đua vũ trang được giới hạn. Vấn đề giảm thiểu ngân sách quốc phòng có lợi cho cả hai phía Nga và Mỹ. Riêng phía Nga các lực lượng Hồng Quân rút khỏi Đông Âu mang về nước để duy trì an ninh ngay tại xứ Nga, hậu ngăn những vụ nổi loạn của các cộng hòa đòi tự trị.

Nhưng tình thế nay đã biến chuyển nhanh lẹ, một xứ Đức thống nhất với sức mạnh kinh tế bao trùm cả Âu Châu. (Sự lên xuống của đồng Mark đã ảnh hưởng toàn bộ khối tiền tệ Âu Châu, sức mạnh của ngân hàng Trung ương Đức có thể làm tăng hay giảm giá trị các đồng tiền Âu Châu). Riêng ngân sách của khối thị trường Tây Âu, Tây Đức đóng 28%. Các cuộc nổi dậy đòi tự trị ở Liên Xô, cũng như các xứ Đông Âu dần dần tách khỏi ảnh hưởng của Nga.

Riêng phía Mỹ chính sách ngoại giao toàn cầu của chính quyền Bush đã phải nhanh chóng thay đổi. Giờ Mỹ lại muốn duy trì G.I. tại Tây Đức, và tăng cường sức mạnh cho NATO, giờ không phải để đương đầu với phía Cộng sản Đông Âu và Nga, mà để kiểm soát sự lớn mạnh về quân sự của một nước Đức thống nhất. Về phía Liên Xô thì giờ Gorbachev đang ngụp lặn trong khó khăn, đế quốc Nga đang tan vỡ ra từng mảng, chủ nghĩa CS đang trên đà giấy chết, các chư hầu Đông Âu, hơn 4 thập kỷ nép mình thân phục Nga, nay đã vùng lên. Hai siêu cường Nga, Mỹ đang co lại, các quyền lực đã bị hao mòn. Một Tây Âu thống nhất vào 1992 lại càng là mối đe dọa cho cả Nga và Mỹ. Nhưng liệu với sức mạnh quân sự sẵn có của 2 siêu cường này, liệu họ có khoanh tay, để cho các xứ Tây và Đông Âu tự do hành động không. Một vài chuyên gia chính trị thế giới lại nghĩ rằng, nếu một nhân vật cứng rắn nắm quyền ở Nga, quyết chấp nhận một cuộc thử lửa, tái chiếm lại những ảnh hưởng đã mất ở Đông Âu, dù phải dùng tới bạo lực. Người ta tin rằng phía Mỹ và các xứ Tây Âu cũng chẳng dám gọi quân qua giúp các xứ Đông Âu. Tuy nhiên điều khó khăn cho Liên Xô hiện nay là những thất bại kinh tế nếu Nga quyết duy trì sức mạnh quân sự, thì sự phát triển quốc gia sẽ bị trì trệ mạnh, và dân Nga sẽ ngày thêm cùng khốn. Nhưng tình thế hiện nay ở Âu Châu và ngay tại Liên Xô là cả một sự bất ổn khó lường trước được. Nếu một nước Đức thống nhất đòi lại phần đất của Balan, thì nhân dân Balan cũng sẽ đòi lại phần đất của họ bị Nga chiếm giữ từ sau thế chiến thứ hai, rộng hơn 1/3 xứ Balan hiện nay.

Những năm của thập niên cuối trong thế kỷ 20 này, sẽ có nhiều những biến chuyển bất ngờ, khó ai tiên đoán được. Riêng tại Tây Đức cuộc tổng tuyển vào tháng 12.1990 này sẽ vô cùng quan trọng cho tương lai của dân Đức nói riêng và thế giới nói chung. Mọi vấn đề về an ninh, hòa bình và thịnh vượng của thế giới vẫn còn là vấn đề mong manh dễ vỡ.

* **Kampuchea**

. **Sihanouk về chiến khu lãnh đạo cuộc kháng chiến.**

Dù hội nghị quốc tế thảo luận về một giải pháp cho hòa bình ở Kampuchea đã diễn ra đúng hạn định tại Jakarta từ ngày 26.2. tới 1.3.1990. Nhưng ngay những ngày trước tiên hội nghị, mọi người đều nghĩ rằng, vấn đề tìm một giải pháp cho hòa bình ở Miên vẫn còn là cái gì đầy khó khăn và trăn trở. Khi khai mạc hội nghị, ngoại trưởng Nam Dương Ali Alatas trong tư cách là xứ đứng

ra tổ chức, đã kêu gọi cả 4 phe Khmer, liên hệ trong trận chiến, chấp nhận giải pháp, do phía chính phủ Úc đề nghị là : một lực lượng quân sự của Liên Hiệp Quốc, được giao trách nhiệm duy trì tình trạng ngưng bắn, và các nhân viên Liên Hiệp Quốc làm nhiệm vụ điều hành các cơ cấu chính phủ như một chính phủ lâm thời, để đứng ra tổ chức bầu cử với sự tham dự của cả 4 phe Khmer. Giải pháp trên đã được nhiều nước tán đồng và ngay cả 3 phe Khmer, Sihanouk, Sonn Sann và Khmer đỏ, nhưng riêng phía Khmer Nam Vang và CSVN thì bác bỏ với lý do chỉ chấp nhận sự hiện diện của nhân viên Liên Hiệp Quốc ở Nam Vang mà thôi, còn các tỉnh vẫn duy trì chính quyền các cấp cũ và đứng ra tổ chức bầu cử. Ngoài ra Hà Nội và Nam Vang cũng từ chối sự đề nghị để Sihanouk nắm chức chủ tịch hội đồng tối cao quốc gia trong giai đoạn chuyển tiếp để tổ chức bầu cử. Vấn đề bất đồng giữa các phe Khmer đã không thể nào giải quyết được, khi các thế lực siêu cường đứng sau, chưa thực tình muốn tìm một giải pháp cho nên hòa bình ở Miên. Vì các thế lực này đều muốn chiếm phần thắng về mình. Sự thất bại ở Jakarta, giới ngoại giao Á Châu thì mong đợi một quyết định nơi hội nghị diễn ra tại Paris của 5 đại diện thường trực trong hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc dự trù họp vào trung tuần tháng 3.90 và một hội nghị kế tiếp để 4 phe Khmer gặp lại nhau ở Paris.

Riêng tình hình quân sự trong lãnh thổ Miên, phe Khmer đỏ đã mở những cuộc tấn công lớn trong vùng Battambang, cũng như cắt đứt các trục lộ giao thông chính dẫn về Nam Vang. Mặt khác, hàng chục ngàn dân chúng lâu nay sống trong các trại tỵ nạn ở dọc biên giới Thái Miên đã bị lực lượng Khmer đỏ bắt trở về các vùng họ chiếm được trong lãnh thổ Miên để sinh sống. Hành động dành dân này của phe Khmer đỏ để chuẩn bị nếu vấn đề có bầu cử diễn ra họ cũng hy vọng chiến thắng. Sau khi bộ đội CSVN tuyên bố rút hết quân hồi cuối tháng 9 năm ngoái, nhiều nơi ngay khi đơn vị bộ đội CSVN rút đi, lực lượng Khmer đỏ tới chiếm đóng. Lính Khmer Nam Vang không phải là đối thủ của bộ đội Khmer đỏ. Tuy nhiều đơn vị CSVN trá hình dưới bộ đội Khmer Nam Vang, nhưng tinh thần chiến đấu cũng đã sa sút. Nay thấy tình hình quân sự đã có vẻ nguy hiểm cho phe Khmer Nam Vang, bộ đội CSVN lại được lệnh âm thầm qua Miên lại. Như chúng ta biết phía CS bao giờ khi tới bàn hội nghị họ cũng ở trong thế mạnh trên chiến trường. Nay tình hình quân sự suy đồi nhanh chóng của chính phủ bù nhìn Nam Vang. Mọi người đều tin rằng phía Hà Nội và Nam Vang sẽ chưa đồng ý bất cứ một giải pháp nào cho hòa bình ở Miên trong lúc này. Ngoài ra vấn đề Đông Dương ảnh hưởng tới thế quân bình lực lượng của Mỹ, Liên Xô và Trung Quốc ở Á Châu và vùng Thái Bình Dương. Nên người ta phải chờ đợi những đổi chất giữa 3 siêu cường này. Chiến tranh sẽ vẫn tiếp diễn ở Miên giữa những người Khmer bôi mặt giết nhau. Chưa thấy một dấu hiệu nào tươi sáng cho dân tộc thống khổ nhất, nhì thế kỷ này cả.

Trong khi đó riêng về phía thái tử Sihanouk vào ngày 27.2.1990 ông tuyên bố với báo chí là ông sẽ về lại quê

huong ông, và sẽ thường xuyên ở lại với các chiến sĩ thuộc lực lượng của ông. Thực ra vào ngày trên Sihanouk đã trở về một căn cứ nhỏ thuộc tỉnh Surin của Thái Lan sát biên giới Miên. Tại nơi đây có chừng hơn 100 người ra đón tiếp ông, nhiều dân làng đã gọi ông là người cha của Cambodia. Ông nói ông trở lại Miên để khích lệ tinh thần binh lính thuộc lực lượng của ông. Vì từ sau khi bộ đội CSVN tuyên bố rút quân khỏi Miên, hai lực lượng Khmer đỏ và Khmer Sonn Sann đã đạt được nhiều chiến thắng, duy có lực lượng của Sihanouk là yếu kém. Sihanouk năm nay 68 tuổi, Sihanouk nắm quyền ở Miên gần 30 năm, lúc đầu là vua, và sau là quốc trưởng. Sau đó ông bị lật đổ vào 1970, vì chủ trương khuynh tả của ông. Trong những năm trận chiến ở VN ở mức độ cao, Sihanouk đã cho CSVN dùng đất Miên để chuyển binh lính và chiến cụ vào miền Nam. Kể đến 1975 khi phe Khmer đỏ chiến thắng tiến vào Nam Vang, ông nghĩ rằng chức vụ Quốc Trưởng của ông vẫn được phe Khmer đỏ duy trì. Nhưng khi Khmer đỏ nắm quyền ông bị bắt cầm tù ngay tại dinh của ông. Nhiều thân nhân của ông đã bị Khmer đỏ sát hại. Từ cuối năm 1978 khi CSVN xua quân xâm lăng Miên, đánh bật phe Khmer đỏ ra khỏi Nam Vang, Sihanouk được phóng thích và lãnh đạo lực lượng kháng chiến chống CSVN. Ông đã sống lưu vong ở Trung Quốc và Bắc Hàn hơn 10 năm qua. Với một lập trường chính trị bất nhất, nên các siêu cường đã tỏ ra dè dặt khi giúp đỡ lực lượng của ông. Tuy nhiên không ai phủ nhận vai trò quan trọng của ông trong sự giải quyết vấn đề ở Miên. Nhưng liệu lối chính trị đi giầy của ông, có thể giúp ông thành công, trở lại nắm quyền ở Miên không, hay ông sẽ phải bỏ xác nơi xứ người, như bao nhiêu các ông Hoàng bị mất ngôi khác. Cũng như người dân Khmer còn có dịp để tôn vinh ông như một người cha già của dân Miên nữa không ? Chỉ có thời gian trả lời được mà thôi. Trong khi đó vào trung tuần tháng 3 cuộc họp của đại diện 5 siêu cường trong hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc ở Paris đã chấm dứt. Với kết quả là kêu gọi các xứ gởi các phái đoàn sung vào lực lượng kiểm soát của Liên Hiệp Quốc. Phái đoàn của 5 nước Mỹ Nga Anh Pháp và Trung Quốc vẫn còn nhiều bất đồng, tuy nhiên điểm đồng ý là buổi họp lần thứ tư sẽ tiếp tục diễn ra ở New York vào tháng 5 tới đây. Tình hình chính trị đã có một vài biến chuyển nhỏ, khi tin tức mới nhất được báo chí thế giới loan đi là vào cuối tháng 3.1990 ở Bắc Kinh ông Hoàng Sihanouk tuyên bố ông sẽ về cư ngụ tại vùng đất giải phóng trong lãnh thổ Miên và ông cũng nói ông không là Khmer đỏ, và cũng không là một ông "Hoàng hồng" và ông mạnh mẽ xác nhận Khmer đỏ là một lực lượng có thực lực thật sự trên chính trường.

Những gì sẽ xảy ra ở Miên khi các phe nhóm ở Miên vẫn tiếp tục nhận chiến cụ từ các thế lực ngoại bang yểm trợ và hàng ngàn bộ đội và cố vấn CSVN tiếp tục trở lại Miên từ đầu năm tới nay. Giới quân sự thì tiên đoán rằng, chắc chắn phải có những cuộc đụng độ lớn để chiếm đất dành dân, trước khi một giải pháp chính trị thành hình. Trong khi đó tổng tư lệnh quân đội Thái tướng Chaovalit Yong Chaiyut đã mở cuộc viếng thăm Hànội vào cuối tháng 3.90, Thái Lan đang muốn có một

sự đổi chất với CSVN, về nguồn tiếp tế cho 3 phe kháng chiến Khmer phái qua đất Thái. đường lối chính trị đi giầy của Thái giữa CSVN và Trung Quốc, cũng như các nước trong khối Asean, đã tạo cho Thái nhiều mối lợi kinh tế do Hànội dành cho. Nhiều lực lượng kháng chiến chống chính quyền CS của 3 xứ Việt Miên Lào có căn cứ trên đất Thái, đã bị những cú "bắn đứng" rất đốn đau..

* Lào

. Một mô thức cởi mở mà CSVN lấy làm kiểu mẫu.

Năm qua Lào sản xuất hơn 380 tấn thuốc phiện, con số được ước tính bởi chính phủ Mỹ. Lào đứng hàng thứ 3 thế giới về số lượng sản xuất. Nhiều đơn vị quân đội và nhân viên chính quyền đã hoạt động trong ngành buôn bán ma túy này. Tuy giới chức chính quyền CS Lào thì cho rằng con số thuốc phiện ở Lào sản xuất hàng năm chỉ từ 30 đến 45 tấn do sắc tộc thiểu số Hmong trồng.

Sau gần 15 năm sau khi chính quyền CS nắm quyền ở đây trước những thất bại kinh tế trong chính sách kinh tế tập trung. Chính quyền CS Lào đã từ bỏ dần đường lối kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chính quyền trả lại đất cho nông dân để tự canh tác. Về kỹ nghệ, nhiều cơ xưởng cũng bán lại cho tư nhân để tự do kinh doanh. Nói tóm lại trong lãnh vực kinh tế chính quyền CS Lào đã có một sự xét lại hoàn toàn. Trái lại trên lãnh vực chính trị đảng cách mạng nhân dân Lào hay đảng CS Lào quyết không chia xẻ quyền lực cho các đảng phái đối lập. Trong buổi xuất hiện trước quốc hội nhân dân vào đầu tháng 2.90 vừa qua, chủ tịch đảng Kaysone Phomvihane đã tuyên bố "dân chủ phải đặt dưới quyền chỉ đạo của đảng" dân chủ không tập trung chỉ đạo sẽ trở thành một thứ dân chủ quá trớn, cuối cùng sẽ đi tới sự bất ổn. Kaysone ngoài chức chủ tịch đảng kiêm thủ tướng và dân biểu quốc hội Lào. Năm qua chính quyền CS Lào đã cho ban hành một số luật lệ, cũng như tổ chức hệ thống tòa án, và bộ tư pháp, cũng như hứa hẹn một tân hiến pháp sẽ được ban hành vào năm 1991. Trong các bộ luật hình sự có ghi phạt tù, những người phụ nữ mặc quần áo Jeans, thanh niên nhảy Disco... Về báo chí cũng bị cảnh cáo sẽ có những biện pháp kiểm soát mạnh mẽ, và không được bắt chước như báo chí ở Liên Xô hiện nay. Trong khi đó nhà nước vẫn nắm trọn các hệ thống truyền thông. Tuy nhiên theo một nhà ngoại giao Tây phương, thì dân Lào hầu như thờ ơ với tất cả những lời tuyên truyền của nhà nước. Nhà ngoại giao này nói, khi đi ra khỏi Vạn Tượng thủ đô Lào, nhiều dân chúng Lào cho tới nay họ cũng không biết là xứ họ không còn vua nữa. Tuy nhiên một điều ngạc nhiên cho giới quan sát tình hình Đông Dương, thì bỗng nhiên trong tháng 12 vừa qua, lực lượng du kích kháng chiến chống chính quyền CS Lào bỗng bộc phát mạnh, lực lượng được sự yểm trợ mạnh của các sắc dân thiểu số. Trong khi đó phía chính quyền Lào thì cho rằng, do sự tiếp tay của đế quốc và các thành phần phản động. Nhưng hầu hết đều tin rằng do sự yểm trợ của các làng xã của những sắc tộc thiểu số nhất là sắc tộc Mèo do tướng Wang Pao lãnh đạo. Mặt khác trong thời gian trước đây chính lực lượng CS Phathet Lào chống chính

phủ Hoàng gia, cũng được các sắc tộc thiểu số ủng hộ và tiếp tế. Ngày nay cũng chính các sắc dân này nổi lên chống lại chính quyền CS. Sau gần 15 năm chiếm quyền chính những người ủng hộ Phathet Lào đã bị chính quyền CS bỏ quên và bóc lột, cũng như nuốt tất cả những lời hứa hẹn. Mới đây để xoa dịu các sắc dân này, chính quyền CS Lào đã cho thực hiện những chuyến ủy lạo, như cho thuốc men thực phẩm. Trái ngược hẳn với các vùng quê, vài thành phố dọc bờ sông Cửu Long, cũng như thủ đô Vạn Tượng, nhiều cơ sở thương mại, kỹ nghệ đã mọc lên kể từ 3 năm qua khi chính sách nới lỏng kinh tế được thi hành. Mức xuất cảng tương đối đã gia tăng từ hai năm qua từ 44 triệu \$US của năm 1987 lên 97 triệu \$US của 1989. Tuy nhiên mức nhập cảng là 230 \$US vào 1989, Lào chỉ có gỗ là thứ hàng để xuất cảng và thuốc phiện. Gỗ xuất cảng trị giá gần nửa tất cả số tiền xuất cảng hàng năm. Mức lạm phát 60% trong năm qua, giá trị tiền từ 400 Kip ăn 1 \$US, xuống 710 Kip = 1 \$US. Liên Xô trong kế hoạch ngũ niên chấm dứt vào cuối năm nay đã viện trợ cho Lào 410 triệu \$US. Sau 3 năm cởi mở kinh tế có 82 tư bản ngoại quốc vào đầu tư tại Lào trị giá 70 triệu \$US.

Hiện tại trên 40.000 bộ đội CSVN còn đóng tại Lào, cuối năm qua một chính phủ lưu vong đã được phe kháng chiến Lào ở hải ngoại ra mắt báo chí. Tướng Wang Pao làm tổng tư lệnh quân đội và một hoàng tử con vua Lào trước 1975 làm thủ tướng. Cho tới nay CSVN, lấy Lào làm kiểu mẫu trong chủ trương chỉ nới lỏng kinh tế, nhưng từ chối cởi mở chính trị và đảng CS vẫn độc quyền cai trị.

* **Mông Cổ**

- **Ngọn gió Đông Âu đã thổi tới Á Châu.**

"Tôi xuất gia năm 5 tuổi và bị bắt hoàn tục năm tôi 27 tuổi, nhưng tôi tin rằng việc tu hành của tôi là chính đáng, và bây giờ tôi trở lại tu viện, tiếp tục con đường tôi đã lựa chọn".

Trên đây là lời tâm sự của cụ Luvsanosor 78 tuổi. Năm 1924 cuộc cách mạng cộng sản ở Mông Cổ thành công trên 8000 tu viện và hơn 100.000 tu sĩ Phật giáo đã gặp những khó khăn lớn. Các tu viện bị bắt đóng cửa, và tu sĩ phải bỏ áo tu. Cho tới nay toàn xứ Mông Cổ chỉ còn vài tu viện và hơn 110 tu sĩ. Sau 66 năm dưới sự thống trị của chính quyền CS, trước sự thay đổi mạnh mẽ của các xứ CS Đông Âu. Chính quyền CS tại Mông Cổ đã tự nhận thấy không thể nào cưỡng lại được khát khao đòi hỏi tự do dân chủ của dân chúng Mông Cổ. Tuy chậm chạp chờ đợi những biến chuyển ở Liên Xô và các xứ Đông Âu thay đổi. Trung tuần tháng 3.1990 đảng CS Mông Cổ đã quyết định một cách nhanh lẹ và tự giác từ bỏ vai trò độc tôn và hứa hẹn trao lại cho dân chúng quyền tự do, cũng như khuyến khích các phe nhóm đối lập tham gia cuộc bầu cử tự do vào cuối năm 1990 này. Mặt khác chính quyền CS Mông Cổ đã tuyên bố thực sự thay đổi, quyền tự do, tín ngưỡng, ngôn luận, hội họp... được trao lại cho dân, 5 đảng viên trẻ cấp tiến được đề

cử vào bộ chính trị, cũng như Jambyn Batmonh cầm đầu bộ chính trị đã bị thay thế bởi một nhân vật cởi mở từng là chủ tịch công đoàn Mông Cổ. Được biết nhóm chống đối đòi cải cách kinh tế và chính trị ở Mông Cổ chỉ thành hình cách nay hơn 3 tháng, với một cuộc tranh đấu cụ thể là tuyên bố tuyệt thực vào đầu tháng 3 vừa qua. Sự Đáp ứng nhanh lẹ của giới lãnh đạo đảng CS Mông Cổ trong vấn đề thay đổi làm cho giới chính trị thế giới phải ngạc nhiên. Tuy nhiên sự thay đổi chính trị ở Mông Cổ đã gây sự chú ý của chính giới Tây phương là tinh thần ái quốc đã được khơi dậy mạnh mẽ. Nhân vật Thành Cát Tư Hãn người đã từng làm bạt vía dân chúng các xứ Âu Châu và Á Châu, gần 8 thế kỷ trước, nay đã được đề cao trở lại một cách rầm rộ. Nhiều bài hát ca tụng những chiến thắng của Thành Cát Tư Hãn, cũng như sự hùng mạnh của đế quốc Mông Cổ ngày xưa kéo dài từ Trung Quốc tới Hung Gia Lợi. Nhiều chuyên viên khảo cổ và sử gia đã được giao trách nhiệm tìm kiếm những di tích lịch sử liên quan tới con người anh hùng vĩ đại của dân Mông Cổ này.

Từ 1924 đảng CS Mông Cổ nắm quyền, đất nước Mông Cổ đã ngày một nghèo đói và nặng nề bị chi phối bởi Liên Xô và Trung Quốc. Xứ Mông Cổ đã bị cắt xén và sát nhập phần ngoại Mông vào Liên Xô và nội Mông vào Trung Quốc (ngoại Mông tức Cộng Hòa Nhân Dân Mông rộng 1.565.000km² với trên 2 triệu dân). Từ thế kỷ thứ 17 Mông Cổ bị Trung Hoa chiếm đóng và đồng hóa coi như một phần đất của Trung Hoa. Năm 1911 một phần tuyên bố độc lập gọi là ngoại Mông, cho tới 1924 đảng CS do chỉ đạo chiếm quyền ở đây và đổi tên là Cộng Hòa Nhân Dân Mông Cổ. Trước những thay đổi nhanh lẹ trong vấn đề thực thi dân chủ và tự do cho dân chúng Ngoại Mông, cũng như khơi dậy trang sử oai hùng của sắc dân Mông Cổ thời Thành Cát Tư Hãn, nhiều giới chính trị thế giới tin rằng trên 3 triệu dân gốc Mông Cổ trong phần Nội Mông bị sáp nhập vào Trung Quốc chắc chắn sớm muộn gì cũng nổi lên đòi độc lập.

Khuynh hướng trở về nguồn của người dân Mông Cổ đã được cổ vũ mạnh, qua 4 thập kỷ mẫu tự Cyrillic đã được dùng, nay lại trở lại dùng tiếng thuộc mẫu tự xưa, các chương trình truyền hình cũng dùng loại mẫu tự này, và chính phủ đang dự trù dùng lại trong ngôn ngữ hành chánh. Như chúng ta biết Nga Xô trước đây đã bị đế quốc Mông Cổ xâm chiếm hơn 2 thế kỷ, dân Nga ngày nay đa số có máu huyết sắc tộc Mông Cổ trong người. Sự cải cách nhanh lẹ của chính quyền CS Ngoại Mông như báo hiệu những biến cố sẽ xảy ra cho Trung Quốc vào những ngày tới đây.

* **Hung**

. **Tuy bầu cử tự do nhưng đảng Cộng Sản Hung vẫn chiếm một tỷ lệ cao so với đảng về đầu.**

Ngày chủ nhật 25.3.1990 hơn 7,5 triệu dân Hung đã đi bỏ phiếu, một cuộc bầu cử tự do lần đầu tiên kể từ hơn 4 thập kỷ nay. Được biết Hung là xứ CS Đông Âu đầu tiên có khuynh hướng xa dần chủ nghĩa CS từ hơn 2 năm

qua. Nhưng chính quyền CS ở đây lại duy trì vai trò độc tôn của đảng CS lâu nhất, sau các xứ CS quanh vùng. Tuy nhiên với cuộc bầu cử vào hạ tuần tháng 3 vừa qua, cho thấy cao trào đòi hỏi tự do, dân chủ của dân Hung đã đạt được thành quả mong muốn. được biết qua kết quả cuộc bầu cử, đảng thuộc khuynh hướng bảo thủ Diễn đàn dân chủ Hung chiếm 24,9% coi là đảng mạnh nhất, kế đến đảng Dân chủ xã hội chiếm 19,72%, kế đến đảng Nông dân chiếm 12,83%, đảng Xã hội Hung chiếm 10,26% và đảng Dân chủ Thiên Chúa chiếm 6,64%. Đảng Dân chủ Hung sẽ liên minh với một số đảng cuộc cánh hữu để đứng ra thành lập chính phủ. Trong thời gian vận động bầu cử, các sinh hoạt đã diễn ra thật sôi nổi như trong các xứ dân chủ Tây Âu, hình các ứng cử viên được treo đầy khắp trên đường phố. Theo như giới quan sát tình hình chính trị ở Budapest, nếu vấn đề liên minh giữa đảng Dân chủ và cánh hữu không kết quả, cuộc bầu cử vòng 2 sẽ diễn ra trong tháng tới. Được biết hơn 7,5 triệu cử tri Hung chọn 386 đại biểu trong quốc hội. Imre Pozsgay lãnh tụ cấp tiến của đảng Xã hội, tức đảng CS trước đây đã thất bại không đạt được kết quả mong muốn.



Fidesz quảng cáo qua bích chương với dòng chữ "Hãy nghe tiếng nói của con tim và bỏ phiếu cho Fidesz"

Hung là xứ người dân có mức sống cao nhất ở Đông Âu, hơn cả Liên Xô. Tuy nhiên tới nay Hung mắc nợ các xứ tư bản Âu Mỹ 21 tỷ \$US. Sự sai lầm trong chủ trương phát triển kinh tế của chính quyền CS Hung trong những năm qua, là tập trung vào kỹ nghệ sắt, thép, nhôm và than. Mặc dù hầu hết các khoáng sản này Hung đều nhập cảng, kể cả dầu. Cho tới nay con số thất nghiệp trên 400.000 người trong số dân 11 triệu, mức lạm phát gần 1000%. Tình trạng kinh tế suy thoái của Hung hiện nay, nó đòi hỏi một sự thay đổi cơ cấu chính trị mạnh mẽ. Tuy nhiên qua kết quả cuộc bầu cử, không đảng nào chiếm được đa số. Nhiều quan sát viên chính trị Đông Âu nghĩ rằng tình hình chính trị của Hung sẽ rơi vào trường hợp như ở Ý, là không đảng nào chiếm được đa số ghế trong quốc hội cả.

Tuy nhiên cho tới nay tất cả các đảng đều chủ trương phải nhanh chóng xa dần chính sách kinh tế chỉ huy của các chính quyền CS, và chủ trương khuyến khích một nền kinh tế tự do, kêu gọi các tư nhân bỏ vốn đầu tư mở các xí nghiệp, công ty để phục hưng kinh tế. Những xáo trộn kinh tế và chính trị ở Hung hiện nay phải chờ đợi kết quả của cuộc bầu cử quốc hội vòng hai được ấn định

vào 8.4.1990 tới đây. Tuy nhiên người ta tin rằng với nguồn viện trợ từ các xứ tư bản Tây Âu, và một nền tảng kỹ nghệ đã có, nhân dân Hung sẽ nhanh chóng vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế hiện tại.

*** Liên Xô**

. Đế quốc Nga vỡ ra từng mảnh nhưng hòa bình thế giới bỗng mong manh.

500 năm trước xứ Muscovy nổi lên tách ra khỏi đế quốc Mông Cổ, nước Nga lúc đó chỉ rộng vài trăm dặm trong vùng thượng lưu sông Volga. Ngày nay Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết diện tích chiếm 1/6 diện tích thế giới trải dài 7000 dặm từ biên giới Balan tới biển Nhật Bản với dân số 289 triệu dân bao gồm hơn 100 sắc tộc, gồm nhiều tôn giáo, cùng những nền văn hóa và văn minh khác nhau. Đế quốc Nga từ thời của Viking Rus tới Ivan the Terrible qua Stalin quyền lực, và đất đai của đế quốc Nga đã thấm đẫm những máu của những trận chiến giai đặng đê bành trướng đất đai. Một đế quốc bao la, bao gồm nhiều sắc tộc, bị bắt buộc sống cùng nhau, dưới sự cai trị của sắc dân chiếm đa số là gốc Bạch Nga 51%. Từ rất nhiều các dị biệt màu da, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc, phong thổ... đế quốc Nga trở thành một tập hợp sắc tộc đầy bất ổn, từ những năm còn chế độ quân chủ của những Nga hoàng. Năm 1917 cuộc cách mạng vô sản thành công ở Nga, dưới sự cai trị sắt máu của đảng CS mọi sự xung đột, giữa các sắc dân, cũng như giữa các cộng hòa, đều được giải quyết bằng súng đạn, nên tất cả đều đã nép mình thân phục. Từ tháng 3.1985 Gorbachev lên nắm chức tổng bí thư đảng, nhìn thấy đế quốc Nga là một tập hợp mong manh dễ vỡ, trước trào lưu tiến bộ của nhân loại, chắc chắn sớm muộn gì những cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo trong 15 cộng hòa sẽ xảy ra. Nếu cứ tiếp tục đè ép bằng bạo lực, để các sắc dân này phải sống cùng nhau, thì ngọn lửa căm thù, xung đột, sẽ âm ỉ cháy và khi bùng lên sẽ vô cùng khốc hại. Trong khi đó những xứ chư hầu ở Đông Âu, cũng chẳng mãi mãi ngoan ngoãn nép mình thân phục Nga nữa. Sớm muộn gì các xứ Đông Âu cũng tìm cách tách ra khỏi quỹ đạo của Nga. Để ngăn ngừa trước tất cả những bất ổn chắc chắn sẽ xảy tới, Gorbachev đã chủ trương một cuộc cách mạng mới ở tại Nga và cả những xứ chư hầu Đông Âu. Chính sách cởi mở, nói lỏng được hô hào, cổ vũ. Giới lãnh đạo điện Cẩm Linh tin rằng với chủ trương mềm dịu và mới mẻ này, sẽ đem lại một sự đã thông, hiểu biết và hòa thuận cùng nhau, giữa hơn 100 sắc tộc, trong 15 cộng hòa ở Liên Xô, cũng như giữa các xứ Đông Âu với Nga. Sự việc đã chẳng diễn ra như điều giới lãnh đạo Cẩm Linh mong muốn. Sự vùng lên đòi tự trị của các cộng hòa, như chụp lấy cơ hội ngàn năm một thuở. Từ vụ xung đột ngấm ngấm giữa 2 sắc dân Armenians với Azerbaijan đưa tới những vụ đổ máu vào 1986 và hãy còn tiếp tục tiếp diễn, nó không đơn thuần là sự va chạm sắc tộc mà nó mang ý nghĩa một sự vùng lên đòi tự trị của các sắc dân này, cũng như mục đích chính của 2 cộng hòa này là làm sao tách ra khỏi Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết. đầu năm vừa qua chính quyền Mạc Tư Khoa đã dùng một lực lượng quân sự và công an hùng

hậu tới đàn áp thẳng tay dân chúng tại thủ đô Baku của Cộng hòa Azerbaijan. Cuộc tắm máu này đã trấn áp được những xáo trộn nhất thời, nhưng nó hứa hẹn còn nhiều sôi động trong cộng hòa đa số là Hồi giáo này. Vấn đề tranh chấp ở 2 cộng hòa trên vừa chìm xuống thì ngày 11.3.1990 cộng hòa Lithuanian tuyên bố độc lập và tách ra khỏi CHLB Sô Viết. Một vấn đề đã trở nên vô cùng khó khăn cho giới lãnh đạo điện Cẩm Linh. Vì cuộc tranh đấu đòi độc lập của dân chúng Lithuanian, trong tinh thần bất bạo động, sự tuyên bố được sự thông qua của tuyệt đại đa số đại biểu quốc hội của cộng hòa. Mặt khác Lithuania cùng hai cộng hòa Estonian, và Latvian thuộc vùng Baltic, là những quốc gia riêng biệt. Sau khi đảng CS nắm quyền ở Nga, kể đến những năm trong thập niên 20 Stalin đã ép buộc 3 xứ này vào cộng hòa liên bang Sô Viết. Dù vậy những quốc gia Tây phương vẫn không công nhận sự xâm lăng này của Nga. Riêng Mỹ, Anh và Pháp vẫn coi 3 xứ này là lãnh thổ riêng biệt và vẫn có những công nhận ngoại giao riêng từ các xứ này. Tuy nhiên các xứ Tây phương không có một chính sách nào giúp 3 dân tộc này đòi độc lập cả. Vấn đề tuyên bố độc lập và tách ra khỏi CHLB Sô Viết đặt Gorbachev trước một khó khăn lớn. Vì nếu một giải pháp quân sự được dùng đến thì nó có thể đè bẹp phong trào đòi độc lập này, nhưng nó sẽ làm tan vỡ tất cả chủ trương cởi mở mà Gorbachev đã muốn theo đuổi. Hầu kêu gọi các tư bản Âu Mỹ bỏ vốn phát triển kinh tế Nga. Khi chủ trương nói lỏng Gorbachev và giới lãnh đạo đảng CS Nga mong muốn 3 Cộng hòa vùng Baltic, sẽ biến thành một thứ "Hong Kông" của Liên Bang Sô Viết, để 3 xứ này làm đầu cầu cuốn hút tư bản Âu Mỹ và cửa khẩu để Nga giao thương với các xứ tư bản. Mặt khác giới lãnh đạo Nga cho rằng nếu 3 xứ vùng Baltic vì những khó khăn trong vấn đề kinh tế không thể nào đủ cung ứng thực phẩm nếu tách ra khỏi Liên Bang. Ngoài ra nhiên liệu, hơi đốt v.v.. hàng năm phải thâm thủng với ngân sách Liên Bang hơn 2, tỷ \$US. Mới đây sau khi quốc hội Lithuania tuyên bố tách ra khỏi Liên Sô. Biện pháp kinh tế đã được áp dụng, giá gỗ Lithuania mua từ các Cộng Hòa khác tăng 30%, đồng thời Nga không cung cấp lương thực cho Lithuania nữa. Ngoài ra chính quyền Liên Bang đã lên tiếng đòi Lithuania phải trả lại số tiền 34 tỷ \$US trị giá các tư bản đầu tư ở Lithuania trong 5 thập kỷ qua. Tuy nhiên phía dân chúng Lithuania lên tiếng số dân chúng Lithuania là 300.000 người đã chết, tù đầy, và biệt xứ do sự chiếm đóng của Liên Sô trên quê hương họ. Còn một vấn đề mới đây đã đưa tới sự rắc rối lớn, và chính quyền Cẩm Linh đã dùng tới biện pháp mạnh đánh đập, bắt bớ một số thanh niên. Trong số 50.000 Hồng Quân gốc người Lithuania, đã từ chối tiếp tục phục vụ trong quân đội của Liên Bang. Hơn 2 ngàn lính đã chạy vào các bệnh viện, và nhờ Hồng thập tự quốc tế che chở. Chính quyền Trung ương đã ra lệnh các lính này phải trình diện đơn vị cũ, và coi đây là một sự đào ngũ. Nhiều đơn vị Hồng Quân và KGB đã được gọi tới thủ đô Vilnius của Lithuanian. Cuộc tấn công vào các bệnh viện bắt số lính gốc Lithuanian, cũng như chiếm đóng các cao ốc trong thủ đô. Ngoài ra Hồng Quân Sô Viết cũng được lệnh bao vây các cửa ngõ biên giới, cũng như yêu cầu các ký giả ngoại quốc phải rời

khỏi lãnh thổ Lithuanian. Không khí chiến tranh đã bao trùm khắp thủ đô Vilnius của Lithuanian, trong khi đó Tổng thống Gorbachev lên tiếng cảnh cáo sự tuyên bố độc lập của Lithuanian, và yêu cầu quốc hội của Cộng Hòa phải xét lại. Trước những áp lực mạnh mẽ của Hồng Quân lên thủ đô Vilnius, cùng những lên tiếng của Tân Tổng thống Landsbergis của Lithuanian kêu gọi thế giới hãy cứu dân chúng ông, cũng như riêng Hoa Kỳ phải lên tiếng mạnh mẽ để ngăn cản một cuộc tắm máu của Hồng Quân đối với dân Lithuanian. Riêng đối với phía chính phủ Bush đã tỏ ra dè dặt trong vấn đề lên tiếng chính thức ủng hộ sự độc lập của Lithuanian, phía lập pháp Mỹ đã cử nghị sĩ Kennedy cầm đầu một phái đoàn qua gặp Gorbachev để thăm dò những phản ứng từ phía Cẩm Linh. Cuộc thảo luận kéo dài 1 giờ 30 phút, ngay sau khi trở lại Hoa Thịnh đốn, nghị sĩ Kennedy đã tới báo cáo cuộc tiếp kiến với lãnh tụ Nga cho Tổng thống Mỹ, và sau đó Tổng thống Bush cũng nhận được báo cáo từ đô đốc William J. Crowe cựu tham mưu trưởng liên quân Mỹ, sau chuyến viếng thăm với tư cách riêng ở Nga. Cùng các báo cáo từ tòa đại sứ Mỹ ở Mạc Tư Khoa. Vào ngày 29.3.1990 Tổng thống Mỹ đã gửi một thư tới Tổng thống Gorbachev, trong đó có đoạn "Tôi muốn Sô Viết hiểu cho vị thế của chúng tôi, và hiểu thêm rằng chúng tôi không muốn tạo thêm những khó khăn về vấn đề Lithuanian, cũng như những phân khác trong lãnh thổ Liên Bang Sô Viết". Lá thư này đã được qua tòa đại sứ Nga ở Hoa Thịnh đốn. Riêng phía nghị sĩ Kennedy đã tiết lộ, Gorbachev đã phàn nàn là bị các xứ Tây phương lợi dụng chủ trương cởi mở ở Nga để đánh phá Liên Sô, như vụ Lithuania hiện tại.



Chiến xa của Hồng Quân Nga nằm trong trại lính phía Tây thành phố Wilma và trong tư thế tác chiến

Tình hình ở Lithuania chưa lắng dịu thì thứ sáu 30.3.90 Cộng Hòa Estonia tuyên bố họ đang chuẩn bị một giai đoạn chuyển tiếp trước khi tuyên bố độc lập và tách ra khỏi Liên Bang Sô Viết. Ngoài ra quốc hội Estonia cũng lên tiếng ủng hộ sự tuyên bố độc lập của nước láng giềng Lithuania, và trước đó Cộng Hòa Ukraine cũng lên tiếng ủng hộ sự độc lập của Lithuania. Arnold Ruutel người mới được quốc hội Estonia bầu làm tổng thống đã tuyên bố ông bắt đầu nói chuyện với lãnh tụ Cẩm Linh về vấn đề độc lập của Estonia. Vào cuối tháng 3.90 Tổng thống

Gorbachev đã triệu tập hội đồng liên bang (một cơ cấu mới trong mô thức chính quyền Nga), để thảo luận những vấn đề đang nóng bỏng xảy ra ở Liên Xô. Mặt khác Cộng Hòa Belorussia kê bên Lithuania về phía Nam lên tiếng đòi 6 quận đã bị sát nhập vào Lithuania từ 50 năm qua. Trong khi đó tình hình ở Lithuania vẫn căng thẳng, KGB tuyên bố vẫn tiếp tục có nhiệm vụ ở Lithuania và phòng vệ biên giới, cũng như ngăn chặn các hoạt động của ngoại bang.

Trước "con sốt" độc lập ở Lithuania đã khiến tình hình thế giới bỗng trở nên căng thẳng. Cho tới cuối tháng 3.90 vẫn chưa có sự bảo đảm chắc chắn nào là chính quyền Liên Xô từ chối một biện pháp quân sự để đàn áp dân chúng Lithuania. Trong khi đó các quốc gia Âu Mỹ đã tỏ ra dè dặt trong vấn đề lên tiếng ủng hộ nhân dân Lithuania độc lập. Riêng Mỹ thì cả phía hành pháp và lập pháp Mỹ đã thật tế nhị trong vấn đề lên tiếng về Lithuania. Các xứ Tây Âu lại càng tỏ ra dè dặt, Anh, Pháp bỏ quá nhiều vốn ở Nga nên không muốn Gorbachev bị lật đổ vì các vụ khủng hoảng này. Tây Đức thì chẳng đại gì lên tiếng, khi vấn đề thống nhất nước Đức đang cần phải sự làm vừa lòng Liên Xô. Tương lai về nền độc lập của Lithuania vẫn còn là vấn đề đầy rắc rối và nhiều trắc trở. Tất cả các xứ Âu Mỹ đang lo sợ một sự giãy chuyễn nổi lên đòi độc lập của các Cộng Hòa ở Liên Xô, sẽ đẩy Gorbachev vào một tình trạng cực kỳ khó khăn và Gorbachev phải ra đi để nhường quyền lại cho phe cứng rắn. Tình hình an ninh thế giới sẽ bị đe dọa trầm trọng, và nhất là các xứ Đông Âu với nền dân chủ non trẻ, liệu có thể tồn tại, khi các đảng CS ở các xứ này vẫn còn nắm nhiều quyền lực.

Trong khi đó để chuẩn bị một thể đứng chính trị cho mình Gorbachev đã thay đổi mô thức guồng máy chính quyền Liên Xô, hủy bỏ điều 6 của hiến pháp Nga, dành độc quyền cho đảng CS. Gorbachev lên nắm chức Tổng thống và cũng làm lễ tuyên thệ xin thực thi những điều đã ghi trong hiến pháp là tôn trọng những quyền căn bản cho người dân Nga... khác với tổng thống chế ở các xứ dân chủ Tây phương do dân chúng trực tiếp bầu lên, đây quốc hội nhân dân đã tôn Gorbachev lên làm tổng thống. Nhiều giới quan sát chính trị thế giới tiên đoán nếu Gorbachev làm một cuộc tổng tuyển cử chắc chắn ông cũng đạt kết quả mong muốn. Trong lời tuyên bố trước quốc hội, Gorbachev là có lời chúc đảng CS Nga sẽ tiếp tục nắm vững quyền lực ở Nga, điều này có nghĩa Gorbachev đã chuẩn bị từ chức tổng bí thư đảng CS và rồi đây đảng CS sẽ như bất cứ những đảng nào khác ở Liên Xô.

Trước những biến động ở Liên Xô, trong vấn đề các Cộng Hòa tách ra khỏi Liên Bang, nó mang một tầm mức ảnh hưởng chung cho nền hòa bình thế giới. Thật là khó lường được hậu quả nếu cuộc nội chiến bùng nổ khắp nơi ở Nga, và phe cứng rắn lên nắm quyền lại ở Liên Xô. Tình hình thế giới sẽ biến chuyển như thế nào ? Chỉ thời gian mới trả lời được mà thôi, không ai có thể đưa ra lời kết luận chắc chắn được.

- Đảng Lao Động của đương kim thủ tướng Úc Bob Hawke đã chiếm 77 ghế, trong khi liên minh 2 đảng Quốc Gia và Tự Do chiếm 70 ghế. Sau một cuộc tranh cử đầy gay go, đảng Lao Động của Hawke đã toàn thắng và tiếp tục nắm quyền qua nhiệm kỳ thứ 4, đây là một kỷ lục. Hawke lên làm Thủ tướng từ 1983, tân nội các sẽ được ra mắt trước ngày thứ tư 4.4.1990 theo như dự trù.

- Cho tới nay dân số Việt Nam là 64 triệu, tăng 2,3% mỗi năm, theo dự tính cuối thập niên này là 80 triệu. Thông tấn xã VN loan tin tính tới 1.4.1989 dân Việt là 64,4 triệu.

- Thủ tướng Trung Quốc Li Peng viếng thăm Liên Xô vào tháng 4.1990 để yêu cầu Nga ngưng sự tiến lại quan hệ bình thường với Đài Loan. Trung Quốc đã lên tiếng phản đối Tiệp Khắc về cuộc gặp gỡ của Tổng thống Vaclav Havel với Phật sống Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma trong tháng 2.90 vừa qua, cũng như tiếp xúc với một số lãnh tụ sinh viên tranh đấu cho Dân chủ của Trung Quốc đang lưu vong.

- Chỉ trong năm 1989 có tất cả 71 ký giả đã bị tử nạn trong lúc hành nghề, con số cao nhất ở vùng Mỹ Châu Latinh - riêng 15 người bị giết ở Colombic, 11 ở Salvador và 7 ở Peru. được biết năm 1988 có 45 người chết, năm 1987 có 32, và 1986 có 19. Con số leo thang các người cầm bút bị sát hại ngày một gia tăng, trong khi đó vai trò của báo chí, truyền thông ngày càng trở nên tối quan trọng, cho mọi sinh hoạt của xã hội.

- Bà Violeta Barrois de Chamorro đã về vang đắc cử tổng thống ở Nicaragua đánh bại đương kim tổng thống Marxít Ortega với số phiếu chiếm 55% trong khi Ortega chỉ đạt 41%. Tuy nhiên con đường tiến tới tự do dân chủ cho Nicaragua vẫn còn nhiều khó khăn.

Cáo Lỗi & Thông Báo

Xin cáo lỗi cùng các độc giả trong số VG.55 trong 2 bài Thời sự thế giới năm 1989 và VN có rất nhiều chỗ bị đánh máy sai và ghép hình lộn (về Thủ tướng Balan). Vì những sơ xảy kỹ thuật mong độc giả lượng tình thứ lỗi. Nhân đây chúng tôi cũng mong mỗi sự đóng góp bài vở, tin tức, hình ảnh, tài liệu để cho trang thời sự ngày thêm phong phú. Riêng các hội đoàn quốc gia chống Cộng, chúng tôi cũng mong đợi, đón nhận tất cả những tin tức sinh hoạt của quý vị, để phổ biến cho tất cả đồng hương... (Ngoài bao thư xin đề Trang Thời Sự).

(Trang Thời Sự Thế Giới.)

Dự Án Luật Ngoại Kiều Mới

(Và Phần Quy định Việc Nhập Tịch Đức)

- Nguyễn Văn Thịnh -

Tất cả đảng phái đã thỏa thuận nhau về nội dung luật ngoại kiều mới mà chính phủ CHLB Đức đã đệ lên Thượng Viện đầu năm nay, để yêu cầu duyệt lần chót và trở lăm là trước ngày mãn nhiệm kỳ quốc hội. đến nay, vì lý do những vấn đề ngoại kiều cư trú tại CHLB Đức thuộc thẩm quyền Nội vụ Tiểu bang, các luật nhập cảnh, luật lưu trú, cả việc đoàn tụ gia đình không được đồng nhất và do mỗi tiểu bang có quyết định riêng, tuy có sự phối hợp. Trước đây, cách xét đơn nhập tịch cũng khác một ít; nhiều anh chị em tỵ nạn cũng nhận thấy có tiểu bang rất dễ dãi như Berlin. Nay phần lớn luật chỉ dẫn xét đơn nhập tịch do các cơ quan xét đơn áp dụng trở thành luật liên bang được áp dụng toàn cõi CHLB Đức. Theo luật mới này, việc nhập tịch đối với người VN tỵ nạn được dễ dãi hơn, và vì vậy không thấy đề cập đến thời gian chuyển tiếp. Chi phí nhập tịch cho thành phần ngoại kiều được hưởng quyền nhập tịch được ghi rõ là 100.-DM (theo luật cũ có thể đến 75% lương tháng đã trừ tất cả thuế và bảo hiểm xã hội).

Luật này hiện chỉ là dự án luật, và chính thức có giá trị khi được ban hành trong công báo, rất có thể vào cuối năm nay. Tuy vậy nhiều cơ quan áp dụng trước trên thực tế. Mẫu đơn có thể được thêm bớt một ít, nhưng không mấy quan trọng. Bài này chỉ đề cập đến phần nhập tịch. Những mục khác như đoàn tụ gia đình, cấp chiếu khán lưu trú, nhập cảnh, v.v... vì lý do quá phức tạp không thể được đem ra phổ biến một lần được.

Một điểm quan trọng cho vài ngàn anh, chị em từ Đông Đức mới chạy sang Tây Đức là tuy ngày nào đó Đức Quốc sẽ được thống nhất và luật lệ áp dụng đồng đều khắp xứ, luật ngoại kiều này được thảo trước ngày có tự do qua lại giữa hai quốc gia và đề cập đến người ngoại quốc tại CHLB Đức thôi. Chắc chắn sẽ có luật qui định việc chuyển tiếp để giải quyết các vấn đề "khách lao động" tại Đông Đức, trong số ấy phân nửa là người Việt Nam. Chưa ai biết chính phủ thừa kế sẽ lấy quyết định nào; nên tránh mọi tiên đoán để khỏi gây bi quan hay phấn khởi đưa đến hiểu lầm và vì đó mà có hành vi đi ngược lại đường lối đối với ngoại kiều của chính phủ thống nhất.

Phần Thứ Bảy

- Dễ Dãi Hóa Việc Nhập Tịch

(Sau đây chỉ dịch gọn lại bài dịch)

Điều 85 (1) : Ngoại kiều hơn 16 tuổi và trước ngày đúng 16 tuổi nếu đệ đơn sẽ được nhập tịch, và khi nào :

- 1/ Từ bỏ hay mất quốc tịch hiện tại.
 - 2/ Đã lưu trú 8 năm tại CHLB Đức.
 - 3/ Đi học tại một trường trên lãnh thổ CHLB Đức trong 6 năm, trong thời gian này có 4 năm trường phổ thông.
 - 4/ Không có vi phạm luật hình nào (trừ luật giáo hóa, và luật hình thiếu nhi), và
 - 5/ Đủ phương tiện sinh nhai.
- (2) Nếu không tự mình tạo phương tiện sinh nhai, phải có :
- 1/ Phương tiện thân nhân cấp
 - 2/ Có quyền nhận trợ cấp chính phủ (xã hội)
 - 3/ Có trợ cấp thất nghiệp.

- **Điều lệ 86.** Nhập tịch nhưng tình trạng quốc tịch đôi được chấp thuận.

- **Điều lệ 85 số 1** : Được miễn trừ (việc từ bỏ, hay mất quốc tịch hiện tại) nếu gặp phải khó khăn trong việc từ bỏ quốc tịch cũ do luật lệ chế độ độc đoán gây ra :

- 1/ Việc không cho từ bỏ quốc tịch cũ.
- 2/ Việc bị chối từ đều đặn
- 3/ Việc không cấp nghị định, chứng chỉ ly khai quốc tịch cũ sau một thời gian được xem như đầy đủ để cứu xét đơn, hay là nguyên đơn không hy vọng gì nữa.

4/ Riêng cho thành phần tỵ nạn chính trị, nếu việc từ bỏ quốc tịch cũ là đòi hỏi quá khắc khe thì được miễn. **Điều lệ 85 số 2:** Nếu còn trong tuổi vị thành niên theo luật nguyên xứ, và điều kiện từ bỏ quốc tịch cũ là tuổi trưởng thành, nguyên đơn sẽ được giấy hứa cấp quốc tịch Đức.

- **Điều lệ 87.** Quy định việc cứu xét đơn cho ai bị một hình tội. Nếu có án treo vẫn được nhập tịch sau khi hết án. Tuy theo tội, chính quyền sẽ cứu xét từng trường hợp tội hình mà cấp quốc tịch Đức.

- **Điều lệ 88.** Phí tổn nhập tịch là 100.-DM cho nguyên đơn thuộc thành phần kê trong các điều 85 đến 87.

- **Điều lệ 89.** Nếu không hội đủ điều kiện trên, những điều kiện tổng quát sẽ được áp dụng.

Theo luật mới, việc tránh quốc tịch đôi vẫn còn ghi trong tinh thần lập pháp của dự án luật. đây là việc cấm xử dụng thực tế một lần hai quốc tịch, và biện pháp là tránh cấp quốc tịch Đức, nếu chắc chắn nguyên đơn còn quốc tịch cũ, và nhất là quốc tịch của một xứ mà chính thể khác xa CHLB Đức và nhứt là luật lệ hữu hiệu không được rõ ràng, hay chính quyền ấy cũng không trọng luật lệ chính của họ ban ra bằng cách "chơi chữ". đối với một ít quốc gia lân cận, CHLB Đức chấp nhận tình trạng quốc tịch đôi vì cả hai thuộc khối quốc gia có nền tảng luật pháp (Rechtsstaat). Trên thực tế một số ít công dân có hai quốc tịch qua lại hai xứ xử dụng hai quốc tịch một lần. Từ 1993 tình trạng sẽ thay đổi khác hẳn với "nội thị Âu châu" vì luật lệ được đồng nhất đến mức độ khá xa.

Thật ra quốc tịch thứ hai của nhiều người Âu không do việc ban cấp mà ra, nhưng chỉ vì luật quốc tịch (phần đông rất cũ) nhìn nhận ai sinh trên lãnh thổ họ sẽ được quốc tịch ấy. Do một thông tư ngày 06.5.1963 Hội đồng Âu châu đề nghị các quốc gia thành viên tránh hay ít nhất cũng thu bớt) tình trạng quốc tịch đôi.

Những điểm mới đối với cộng đồng tỵ nạn VN.

- 1/ Phí tổn ít hơn (điều 88).
- 2/ Việc ly khai quốc tịch cũ được miễn nếu tôn trọng vài điều kiện. Luật mới nói rõ ràng: công dân thuộc các quốc gia chuyên chế gây khó dễ tốn kém. Chỉ có trường hợp người VN tỵ nạn là thành phần ngoại kiều đồng đảo nhứt được hưởng dễ dãi là miễn xuất trình chứng chỉ ly khai quốc tịch nguyên xứ. Nhưng phải biết giải thích thế nào là "đòi hỏi quá đáng", để ghi trong đơn. Nhứt là phải tôn trọng cái điều kiện như việc không được xử dụng quốc tịch cũ (và vì vậy được xem như còn giữ quốc tịch ấy) bằng cách xin giấy tờ hộ tịch, qua lại giao thương v.v...)

Theo điều lệ 85 lập pháp nói rõ :

Việc mất quốc tịch cũ đòi hỏi hai điều kiện nhất quyết phải được thi hành (conditio sine qua non) là : không còn giữ giấy tờ hộ tịch có chứng minh quốc tịch cũ, và còn hiệu lực,

cũng không hề lập thủ tục xin gia hạn, hay là có hành vi tự đặt mình và quyền lợi mình dưới sự che chở của Tòa đại diện quốc gia nguyên xứ. Điều kiện thứ hai là họ bị tước quốc tịch, tước quyền công dân, do một đạo luật, hay do việc tổng xuất khỏi xứ.

Ngay đến các báo chí Đức cũng dùng vài danh từ rất dễ gây hiểu lầm, vì họ nhắm vào mục đích cho đại đa số hiểu chung chung là đủ. Sau khi đọc bài báo Viên Giác số 51, tháng 6 -1989. Với danh từ Doppelte Staatsigkeit möglich, vài anh, chị em đã tự động lập đơn xin quốc tịch đôi... Tất cả đều bị chối từ và khi không được giải nghĩa (có lẽ cơ quan xét đơn cho rằng không đủ trình độ ngoại ngữ, hay không đủ thì giờ để giải thích, hay họ không có phận sự ấy). Có anh, chị em ngỡ ý rằng tác giả Thiện Dũng biên lầm. Tác giả Thiện Dũng không biên lầm; trong lúc ấy anh, chị em tự nạn tự một mình tìm hiểu, suy diễn sai ý kiến của lập pháp Đức.

Câu hỏi nào cũng được đặt ra cho tất cả ai nhận được giấy hứa cấp quốc tịch Đức. Nhưng phải biết vị trí mình để đòi áp dụng để dãi. Có anh, chị em lập gia đình với người Đức, nhưng khi nhận mẫu văn kiện yêu cầu chứng minh đã mất quốc tịch cũ, hay ly khai, đã tự động lập đơn xin Tòa đại sứ giấy ly khai, đóng 500.-DM thêm 12% tháng lương chưa trừ thuế, và các thứ bảo hiểm. Cơ quan nhập tịch nào cũng tự động đưa đủ thứ mẫu đơn, kể cả khi họ không được quyền để một đại diện chính quyền xứ khác đòi lý lịch, tên tuổi, lương bổng của một kiều dân Đức trên xứ Đức, và hiện lập gia đình với nguyên đơn xin nhập tịch Đức.

Tâm Tình

Geroldsgruen 5/4/1990

Chú Th. cùng Anh D. kính mến !

Cách đây mấy hôm, cháu đã nhận được thư chú. Cháu vui mừng vô cùng vì trong ngày 8/4 vùng Nuernberg sẽ hân hạnh đón Thầy trụ trì Viên Giác tự đến chủ trì lễ cầu an và có anh N.D. Trao đổi với anh em mới xin tỵ nạn từ DDR.

Trước hết cho cháu kính chào quý Thầy từ chùa Viên Giác cùng các anh chị cùng đi với anh D. (theo cháu nghĩ vậy). Chúc quý Thầy, quý anh chị luôn bình an và mạnh khỏe.

Kính thưa chú! Vì thời gian gấp rút và sự đi lại đối với cháu còn khó khăn quá mà không tiện để về cùng tham dự, được cùng đánh lễ với quý Thầy, Chú và các anh chị tại vùng Nuernberg đợt này. Mong chú và anh thông cảm cho cháu. Thế là chưa gặp được Thầy trụ trì chùa VG.

Chắc trong ngày đó sẽ có nhiều anh chị quanh vùng Fuerth-Erlangen-Nuernberg sẽ về đây đông đủ. Trước hết là cầu an theo nghi lễ địa phương và sau là phần trình bày của anh D. Em cũng chân thành cảm ơn anh D. đã gọi sách cho em học hỏi và tham khảo (đợt sách từ chùa VG).

Hiện giờ địa phương cháu vẫn chưa có cấp giấy thông hành tạm thời nên bọn cháu đi lại luôn được cảnh sát địa phương chặn xét giấy tờ. Còn trên Zirndorf thì chưa kêu cháu về thăm vấn. Mỗi tháng họ trợ cấp 65DM để tiêu dùng. Mùa đông rồi họ cho 1 giấy mua quần áo đúng 150DM. Mùa hè cũng vừa có như lúc mùa đông. Ăn ở tạm ổn và tùy thuộc vào chủ nhà. Mỗi tháng có 8 buổi học Đức ngữ căn bản nên bọn cháu còn sung sướng hơn vài nơi khác (mà ở gần cháu). Trong hoàn cảnh hiện tại, đối với bản thân cháu không có vấn đề gì khó khăn lắm. Nhưng qua tin tức bạn bè và mọi nguồn dư luận chung thì cháu cũng không được yên tâm lắm! Những thư cho chú Th., chắc cháu tỏ sự bi quan

lắm chú nhi? Không đâu! Cháu chỉ nghĩ tới bạn bè và các anh em khác ! Nhiều người còn khó khăn và thiếu thốn hơn bọn cháu nhiều, mà mình thì không làm gì và giúp cho ai được trong lúc này! Trên con đường chạy tỵ nạn rồi mỗi người sẽ phải ném trái mìn tỵ nạn - có khó khăn gian khổ thì mới tự nỗ lực mà vượt qua. Cháu thường nghe người ta nói : đi dễ dàng thì đến sẽ khó khăn ! Và bọn cháu đã đến trễ thời điểm để hòa nhập vào nước Đức? Nên 3 hay 5 năm nữa họ mới bàn xét đến người tỵ nạn VN từ Đông Âu qua? Ôi, không rõ thực hư thế nào trước một tình hình còn đầy biến động của nước Đức này. Mong phần anh D. am tường sẽ giải đáp chung cho bọn cháu rõ.

Vừa rồi cháu có nghe qua đài truyền hình và xem sơ qua báo địa phương (mà cũng đoán chớ không làm sao hiểu hết nội dung tin).

Người Đức các bang họ không nhận dân di cư nữa (Uebersiedler) vì nhiều lý do khác nhau. Nhưng sao họ vẫn chấp nhận cho người gốc Đức di cư hồi hương trở về quê quán cũ sinh sống. Và dòng người di dân từ DDR đã xin trở về DDR sinh sống. Đó là nội bộ riêng người Đức - đi - ở - về là chuyện của dân và nước họ, nhưng còn dân nước ngoài (thể chế chính trị trong nước thay đổi) họ cũng không cho chấp nhận tỵ nạn - và riêng người VN mình thì cho đến nay không rõ họ sẽ giải quyết như thế nào? Có cái gì thay đổi và cái gì mới mẽ, mong chú và anh D. cũng phân tích thêm. (về hiến pháp - luật pháp đ/v việc tỵ nạn). Một vấn đề thật lo ngại là làn sóng chạy sang BRD càng ngày càng đông của người VN mình sau năm 1989 này. Tự cháu cũng ngẫm nghĩ. Nếu chính quyền West Berlin và Zirndorf không nhận hồ sơ và không cấp và lo cho việc ăn ở đ/v người tỵ nạn thì là họ đã có sự thay đổi luật lệ của họ rồi. Nhưng họ vẫn nhận và vẫn phải lo cho mọi người - Và rồi họ phải tính hết mọi chuyện, chớ không thể nào họ lại bỏ lưng công việc này đi? Chỉ mong các chú, các anh nắm vững tình hình và luật lệ mới của BRD mà phân tích giải bày giúp. Nếu sự thực có gì khắc nghiệt thì bọn cháu vẫn chịu đựng hết. Dù sao những ngày tháng đã qua từ khi bức tường Berlin sụp đổ, những tia nắng tự do cũng đã phần nào sưởi ấm được tâm lòng của bọn cháu. Những ngày ăn, ở, sống và sinh hoạt ở West Berlin đã mang lại cho bọn cháu đầy niềm hân hoan - xoa dịu hết bao nỗi cay đắng nghẹn ngào một thuở nào. Sự cru mang đùm bọc và lo lắng của bà con cùng các hội đoàn VN đã làm cho bọn cháu an dạ mát lòng.... Về phần cháu ăn không ngồi rồi thật bức mình. Cái tuổi phải hăng say hoạt động mà ngồi một góc thật không ổn chút nào. Nhưng có lẽ ở nơi đời cao yên lặng thì tâm mình càng thanh tịnh hơn - có nhiều thì giờ mà ngồi quán niệm và chiêm nghiệm lại bản thân mình. Chỉ cầu mong sao luôn mạnh, tinh tấn và có giấy tờ đi lại tự do, cháu sẽ tìm đến với các anh chị, các chú bác mà học hỏi tham thiền nhiều thêm... Cá nhân cháu và em Thanh còn kẹt 2 cái đơn viết bằng tiếng Việt. Nếu chú và anh D. giúp dịch hộ thì quý hóa. Khi cháu và em Thanh trở về Zirndorf chắc chắn sẽ về thăm nhà và để nghe chú chỉ bảo thêm...

Thôi cháu cạn ý - xin dừng bút thư này. Nguyễn Phật Pháp độ trì gia đình chú Th. và anh D. luôn mạnh khỏe và nhiều an lạc - hạnh phúc. Cháu xin kính chào.

Cháu - Em
Nguyễn Đình Tuệ.

NÓI VỚI CÁC BẠN VN TỪ ĐÔNG ÂU SANG TÂY ĐỨC XIN TỶ NẠN CHÍNH TRỊ

Ghi lại và bổ túc nội dung buổi nói chuyện với đồng hương Việt Nam từ Đông Âu sang tỵ nạn tại Tây Đức trong Hội trường Caritas Langwasser, Nürnberg. Trước phần nói chuyện của ĐH Thị Chơn, Thượng Tọa Thích Như Điền đã giới thiệu với mọi người hiện diện về sinh hoạt của GHPGVNTN - Chi Bộ TĐ, và những hoạt động về Văn Hóa, Xã Hội của Trung Tâm VHXHPGVN tại CHLB Đức thuộc Chùa Viên Giác.

Thượng Tọa: Về Phật sự của ĐH Chi Hội Trưởng Đức Hương, tôi đã giới thiệu với tất cả bà con Phật tử cũng như đồng hương từ DDR sang tỵ nạn tại Tây Đức. Trong thời gian qua chúng tôi có đến thăm đồng bào ở Reutlingen và tuần này tại Nürnberg-Fürth-Erlangen. Hai tuần nữa tôi sẽ đến Tây Bá Linh. Trong thời gian qua, Chi Hội Phật Tử cũng như đồng bào Phật tử tại đây đã giúp đỡ tận tình cho các anh chị em, nhưng có một số câu hỏi, một số vấn đề lo lắng, ưu tư của các anh chị em vẫn chưa được giải đáp một cách rõ ràng. Thì hôm nay Đạo hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp sẽ giải thích tường tận cho các anh chị em. Đầu tiên chúng tôi cũng xin giới thiệu sơ qua một số công tác hoạt động của chùa, của GHPGVNTN tại Tây Đức và sau đó ĐH Thị Chơn sẽ nói chuyện.

Trước năm 75 tại nước Đức này có khoảng 2000 anh chị em sinh viên du học đi từ miền Nam Việt Nam. Trong khoảng 2000 anh em sinh viên có một số đã tốt nghiệp về nước làm việc, số còn ở lại, và một số chưa tốt nghiệp. Số còn lại ở Đức trở thành những người tỵ nạn hoặc nhập tịch Đức nhưng vẫn là người VN. Sau năm 75, có rất đông đồng bào VN chúng ta ra đi tỵ nạn từ miền Nam. Nhắc lại năm 78, chuyến tàu Hải Hồng đã đến được nước Đức 10.12.78. Lúc bấy giờ thì bà con tỵ nạn tại Tây Đức có khoảng chừng 2 đến 3 ngàn người. Đến năm 79 – 80, vấn đề đoàn tụ gia đình, vấn đề thu nhận đồng bào trong các trại ở các đảo qua định cư đông đảo hơn. Cho đến hôm nay theo thống kê của Bộ Nội Vụ CHLB Đức thì có khoảng 41 ngàn người Việt tỵ nạn từ VN hiện sống tại Tây Đức. Họ sống đây trong các diện đoàn tụ gia đình, cũng như từ các trại tỵ nạn Đông Nam Á Châu đến định cư ở đây. Song song với vấn đề ổn định đời sống tại địa phương, hầu hết đều được chính quyền Tây Đức hỗ trợ, thì đời sống tinh thần cũng là một vấn đề rất quan trọng. Cho nên đến năm 1977, sau khi du học ở Nhật 6 năm, tôi được lệnh của Giáo Hội qua Đức.

Lúc bấy giờ tại Tây Đức chưa có người Phật tử thuần thành nào cả. Người tỵ nạn chưa tới hoặc già có rất ít, anh chị em sinh viên khi gặp Thầy đưa tay bắt, đại khái như vậy... Theo cung cách của PG khi gặp Thầy thì chấp hai tay và nói A Di Đà Phật hoặc Mô Phật, thế mà có anh chị em khi gặp Thầy có khi còn vỗ vai hỏi thăm như bạn bè. Thầy không phải là bạn bè đâu mà vỗ vai! Nhưng anh em cũng thấy điều đó biểu lộ qua sự tự nhiên. Tôi vào trại tỵ nạn Hồng Kông cách đây khoảng 3 năm để thăm hỏi. Khi vào có những người trẻ, nhất là những anh em ở miền Bắc, gặp tôi thì „Thưa Bác, Bác từ đâu tới?“. Khi chế độ CS tồn tại ở miền Bắc 30 năm, tôi nghĩ người CS đã mê hoặc lòng tin ngưỡng của người dân VN ta, trong đó PG đóng góp rất nhiều, nhưng mà họ không để cho Phật Giáo phát triển. Qua câu hỏi như thế, nghe tiếng xưng hô là Bác, tôi không buồn, nhưng mà tôi suy nghĩ như thế này: Đứng là chủ trương của CS ở miền Bắc 30 năm nhằm tiêu diệt tất cả niềm tin của người Phật tử đối với đạo. Ở miền Bắc các em không thấy hình ảnh của một người tu. Họ có thể là người già, người ta nghĩ người tu phải là người già lụm cùm không làm gì được ở ngoài đời nên vào chùa tu. Nhưng trước 75, nếu ai sống tại miền Nam thì thấy được hình ảnh của người tu rất nhiều. Thật ra người tu không phải là những kẻ chán đời, mà là những kẻ rất yêu đời và vì thương đời nên họ mới đi tu. Chứ nếu người ta không yêu đời và thương đời, thì không thể hy sinh cá nhân để phụng sự đời phải không, thưa quý vị. Không phải chuyện tình Lan và Diệp đâu nhé! Tức là phải có một lý tưởng và niềm tin thì người ta mới đi tu được. Sau 75 tôi đề nTây Đức này. Mỗi khi đi đâu tôi phải mang theo hũ cháo, để làm gì quý vị biết không? Bởi vì hồi đó các anh chị em sinh viên không biết nấu cháo, đi đến đâu anh em nấu cơm

thì tôi mang cháo ra ăn. Trong những người đầu tiên có duyên với đạo là Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, anh là đệ tử đầu của tôi. Anh là một kỹ sư cũng là một cư sĩ. Kỹ sư vì đã học và tốt nghiệp ở nước Đức, còn cư sĩ vì anh là Phật tử tại gia thuần thành, rất giỏi trên mọi phương diện và giúp đỡ rất nhiều cho Hội PGVNTN tại Tây Đức, về các vấn đề xã hội, văn hóa, tôn giáo v.v... Từ năm 1978 chúng tôi đã thành lập được một NPĐ Viên Giác. Đến năm 79 thì thành lập Hội SV&KBPTVN tại Tây Đức, sau này đổi tên là Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Tây Đức. Năm 81 thành lập chùa. Trong hiện tại, chùa Viên Giác có Trung Tâm VHPGVN do Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp phụ trách. Nếu các anh chị em có cơ hội về chùa trong tương lai, trong lễ Phật Đản này hay trong nhiều năm tới thì sẽ thấy công trình kiến trúc của chúng ta tại Tây Đức do sự đóng góp của bà con Phật tử. Ngôi chùa Viên Giác mới được xây cất với chi phí tổng cộng là 3 triệu Đức Mã khoảng 30 triệu tiền DDR. Hiện tại chúng ta đã đi được 2/3 chặng đường thì chắc chắn còn 1/3 con đường này mai sẽ hoàn thành. Công trình này có giá trị rất nhiều cho Phật Giáo tại nước Đức, đối với nhân dân Đức cũng như đối với đồng bào Phật tử chúng ta tại đây.

Tôi nghĩ rằng hôm nay các anh chị em sẽ nôn nóng nghe vấn đề của mình nhiều hơn, không nên nói chuyện gì khác, thì một lần nữa, xin giới thiệu Đạo hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đến quý vị. Nghe tên có vẻ giống đàn bà quá! Vì tôi Như - thầy Như thì đệ tử là Thị. Nhưng về sau này tôi cho là Thiện hết. Vì thế Thị không phải là đàn bà mà là Như Thị Ngã Văn và Chơn Như Thị Đòng. Một số Phật tử sau này Quy Y tôi đặt pháp danh là Thiện ví dụ như Thiện Nguyễn v.v... Một người Phật tử quy y xem chur có „Passport của Đạo“, ở đây ai có gior tay lên“ Chỉ có 3 người có „Passport của Đạo“. Nhưng mà phải chờ có Passport của chính phủ trước rồi mới có Passport của chùa sau! Đến đây xin trao lời lại cho Đạo hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp. Hẹn lại anh chị em lần khác.

Sau đây là câu chuyện của ĐH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp gửi đến các bạn VN từ Đông Âu sang tỵ nạn tại Tây Đức.

Nam Mô A Di Đà Phật

Các Bạn thân mến,

Lần đầu tiên, sau khi bức tường ô nhục Bá Linh phải sụp đổ trước tình người, tôi có để Tây Bá Linh thăm các trại. Điều làm tôi xúc động trước nhất là thấy các bạn đều ở số tuổi của các em tôi. Trẻ nhất là 18 và lớn nhất khoảng 38. Nhìn được các Bạn may mắn liều thân sang được TĐ tỵ nạn, tôi liên tưởng đến hàng trăm ngàn đồng hương đang còn bị kẹt trong các trại tỵ nạn khắp Đog Nam Á; nhất là các đồng hương đang bị cưỡng bách về VN, tôi liên tưởng đến các thuyền nhân bị nạn hải tặc v.v...

Gặp được các Bạn, tôi hình trong trong tôi một viễn ảnh tương lai VN khi người ta nói đến “Thanh niên là rường cột của nước nhà”.

Tôi chỉ biết thốt lên trong lòng “Cộng Sản thật dã man”. Chỉ muốn con người trở thành một công cụ, một con vật kéo cày. Họ đang giết dần mòn thế hệ thanh thiếu niên VN. Thanh niên VN chúng ta ra sao với 30 năm ngu dân tại miền Bắc. 15 năm qua với một lớp người trẻ hiện sống trong giáo điều CS tại quê nhà; hằng trăm ngàn trong các trại tạm cư; hằng trăm ngàn đang dần đi vào quỹ đạo của sự vong thân tại hải ngoại; và hằng trăm ngàn đang bán sức lao động cho cái gọi là “hợp tác lao động” không khác gì việc bán nô lệ trong những thập niên trước. Ôi! tại sao các em phải chịu những sự thống khổ này! Tương lai của thanh thiếu niên VN ở đâu?”.

Tôi thật bàng hoàng trước thảm cảnh này. Nhưng qua những giây phút vừa vui mừng khi nhìn thấy các Bạn có quá nhiều may mắn trên con đường tìm Tự Do - mà cái giá không phải trả quá cao và đau thương như những thuyền nhân VN - ; những xúc động và bàng hoàng trước viễn ảnh tương lai VN, tôi biết mình phải làm gì. Trong tôi không có vấn đề người tỵ nạn trước hay tỵ nạn sau; theo diện đoàn tụ gia đình hay từ Đông Âu sang. Chúng ta đều có chung một mẫu số, đó là “đồng sanh, cộng khổ”. Đồng sanh, vì chúng ta có cùng một Mẹ, và cộng khổ, vì chúng ta đồng mang tâm trạng của người xa xứ, cùng mang thân phận của người tỵ nạn, không hơn và không khác.

Việc các Bạn qua được xứ Tự Do rồi, tuy còn phải trải qua nhiều giai đoạn pháp lý để chính thức được công nhận là người tỵ

nạn, chúng ta cần phải biết đây là giai đoạn “đôi đời”. Trong quá trình và kinh nghiệm sống, chúng ta biết rằng không có một sự đôi đời nào mà không đòi hỏi thời gian, kiên nhẫn và mất mát. Cường độ về thời gian và những thiệt thòi, mất mát trong bất cứ sự đôi thay nào ở mỗi người đều khác nhau. Kiên nhẫn chính là sự kiên cần được lưu tâm trước nhất. Tôi tin chắc rằng các Bạn đã thiếu kiên nhẫn trong thời gian qua. Điều đó cũng dễ hiểu mà thôi. Vì các Bạn chưa định hướng được tương lai mình ra sao, nên đành phó mặc cho số phận. Thậm chí đôi lúc còn phải vướng nhiều hoang mang, khi các Bạn không được hướng dẫn tận tường.

Chúng tôi đến thăm các Bạn ngày hôm nay, không phải là đại diện chính quyền để mang đến các Bạn một lời hứa hẹn nào cả. Mà đến trong tình đồng hương ruột thịt, để với những sự điều nghiên tường tận mọi vấn đề trong nhiều lãnh vực liên quan đến vấn đề xin tỵ nạn của các Bạn. Những gì chưa rõ, chúng tôi đã thưa hỏi các cơ quan, những nhân vật có thẩm quyền để giúp đỡ các Bạn trong những bước đầu bỡ ngỡ, xa lạ.

Quan niệm của chúng tôi vẫn là “Thi ân bất cầu báo” và “Giúp cho các Bạn để các Bạn tự giúp chính mình”. Một điều xin các Bạn hiểu cho rằng, nếu giúp để cho người ấy bị lệ thuộc chẳng khác nào sự giúp ấy có hậu ý”. Vì thế qua câu chuyện ngày hôm nay tâm sự cùng các Bạn, chúng tôi hy vọng rằng các Bạn sẽ được một sự “an tâm”. Rồi từ đó, các Bạn sẽ định tâm để chuẩn bị cho mình một tương lai.

Câu chuyện này, tôi xin phép được chia ra làm 3 phần:

1. *Diễn tiến quá trình của người ngoại quốc xin tỵ nạn tại Tây Đức; diễn hình là trường hợp của các Bạn;*

2. *Chuẩn bị tư tưởng chính trị cho cuộc thăm vấn quyết định việc xin tỵ nạn; cũng như những câu hỏi có thể được đặt ra trong lúc thăm vấn;*

3. *Cuối cùng là trả lời những thắc mắc liên quan đến xã hội, pháp lý v.v... mà trong suốt những tháng qua các Bạn đã, đang và còn thắc mắc.*

Quan trọng nhất là là chúng tôi đưa ra những dữ kiện để chứng minh rằng các Bạn sẽ được ở lại Tây Đức, dù lý do chính trị cá nhân chưa hội đủ điều kiện xin tỵ nạn, nhưng chính phủ Đức - dựa vào những dữ kiện này- cũng khó mà trả các Bạn trở về Đông Đức hoặc trả về VN. Đây không phải là sự quá quyết của chúng tôi, nhưng dù sao nó cũng là những dữ kiện chính trị quan trọng giúp các Bạn an tâm.

Thưa các Bạn,

Để giải quyết về vấn đề tỵ nạn, điều 16 khoản 2 của của bộ luật cơ bản (Grundgesetz) nước Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức nói rằng: Những ai đang bị truy nã về chính trị ở nước họ hoặc lo sợ rằng họ bị truy nã khi trở về nước, những người này được hưởng quyền tỵ nạn. Sự truy nã chính trị khi họ có lý do lo sợ trước những biện pháp truy nã của chính quyền vì lập trường chính trị, vì vấn đề chủng tộc, vì tín ngưỡng hoặc có liên hệ với một nhóm xã hội hay chủng tộc nào đó. Qua sự truy nã này, việc xin tỵ nạn chỉ được công nhận khi người xin tỵ nạn phải gánh chịu hoặc lo sợ trước những biện pháp có nguy hại đến tánh mạng, sức khỏe hoặc sự tự do của chính người đó vì những lý do đã nêu trên (thí dụ như bị cầm tù dài hạn, bị tra tấn hoặc những hình phạt tương tự). Những vấn đề như sự ngược đãi (Dis-kriminierung) hay sự làm khó dễ của các cơ quan nhà nước (như việc thường xuyên bị kiểm soát hay khám xét nhà cửa) không được xem là đủ lý do xin tỵ nạn. Nói chung, phải là một nguy hiểm lớn cho người xin tỵ nạn vì sự truy nã chính trị, để việc trả họ về nước không thể xảy ra được. Sự đối lập chính trị với chế độ trong nước (như là thành viên của một Phong trào đối lập, tham gia các cuộc biểu tình, phát truyền đơn) mà qua đó đương sự bị truy nã.

Sự chối từ không thi hành nghĩa vụ quân sự (Kriegsdienstverweigerung) chỉ được xem là lý do chính để xin tỵ nạn, khi nghĩa vụ quân sự này (Wehrdienst) có mục đích áp dụng kỷ luật chính trị và đe dọa thành phần chính trị chống đối trong cùng hàng ngũ, sự cải tạo tư tưởng người khác chính kiến hoặc một sự cưỡng bức đồng hóa dân tộc thiểu số.

Những lý do kinh tế chỉ được xem là lý do xin tỵ nạn, khi nền kinh tế trong nước bị nguy hại lớn lao vì những lý do chính trị, vì thế không thể sống được. Nên thất nghiệp trong nước không đủ lý do xin tỵ nạn. Những người đến từ các vùng nội chiến

(Buergerkrieg) thì lý do này cũng chưa đủ để làm đơn xin tỵ nạn. Ngoài ra còn có những tình trạng khác về lý do xin tỵ nạn, mà sau khi rời khỏi nước mới xảy ra (gọi là lý do sau khi tỵ nạn – Nachfluchtgruende): được kể là đào tẩu (Re-publikflucht- như người từ các xứ Đông Âu), những biến cố như đảo chánh, cách mạng, gia nhập một tổ chức lưu vong hay có những hành động chính trị ở hải ngoại chống lại chế độ trong nước, mà những việc làm này có thể dẫn đến sự truy nã chính trị. Những lý do chính trị tự thực hiện sau khi trốn thoát (gia nhập một tổ chức lưu vong, những sinh hoạt chính trị) - chiểu theo quyền xử (Rechtsprechung) của Tòa án Hiến pháp Liên Bang (Bundes-verfassuggericht)- phải nói lên được đó là những việc làm tiếp nối trước khi trốn thoát được và phải chứng minh rõ lập trường chính trị kiên cố của mình.

Những người ngoại quốc đã sống trong một quốc gia khác mà nơi đó họ không bị truy nã chính trị, thì không được công nhận tỵ nạn.

Trên đây chúng tôi đã lược thuật qua đạo luật về pháp luật cơ bản cho việc xin tỵ nạn tại CHLB Đức, điều 16 khoản 2.

Như thế, một người ngoại quốc hội đủ những lý do kể trên sẽ được hưởng quyền tỵ nạn. Họ được hưởng quy chế tỵ nạn CT và gọi là Asylberechtigte. Còn trong lúc chờ đợi xét đơn, họ là Asylsuchende hay Asylbewerbe (người tìm hoặc xin tỵ nạn CT). Ngoài ra còn có những diện tỵ nạn CT khác như Kontingentfluechtlinge: nghĩa là người tỵ nạn được chính phủ Đức nhận theo chương trình nhân đạo, mà không phải xét xử đơn xin tỵ nạn. Đây là trường hợp đặc biệt riêng củ TĐ, những quốc gia khác chưa hẳn có trường hợp này. Dù được đón nhận theo diện này, nhưng tất cả đều được hưởng quyền tỵ nạn theo đạo luật tỵ nạn (Asylrecht). Trường hợp người xin tỵ nạn không hội đủ những lý do chính trị để được hưởng quyền tỵ nạn, nhưng họ có những bằng chứng cụ thể về việc họ sẽ chịu những hình phạt nặng nề như bị giam cầm lâu, tra tấn v.v..., họ vẫn được chính phủ Đức cho ở lại TĐ và sống theo luật người ngoại quốc (Auslaendergesetz) – trong diện Duldung (tạm dung). Đó là trường hợp của số thuyền nhân VN trước đây được Cap Anamur vớt sang TĐ, nhưng ở đây họ không được chấp nhận tỵ nạn CT và chính phủ TĐ cũng không trả họ về VN. Họ có thông hành “xám” (Fremdenpass) -loại thông hành dành cho ngoại kiều, chứ không được thông hành tỵ nạn “2 sọc đen” –(Reiseausweis). Với thông hành “xám”, họ vẫn được cư ngụ, đi lại khắp nơi và tìm công ăn việc làm tại đây. Chỉ có vài quyền lợi không giống như người được chấp nhận tỵ nạn, như trợ cấp học Đức ngữ,...

Các Bạn thân mến,

Theo chỗ chúng tôi biết, Tây Đức chưa có đạo luật nào nói rằng không nhận người xin tỵ nạn cả. Bất cứ ai cũng có quyền xin tỵ nạn tại TĐ, nếu họ có lý do chính đáng. Vì có trường hợp đã xảy ra như sau: nCó một số Bạn từ ĐĐ qua đến một tỉnh thuộc miền Trung Đức. Có người quen điện thoại hỏi tôi xem phải làm gì để hưởng dẫn cho các Bạn ấy. Tôi trả lời rằng hãy đưa các Bạn ấy đến Sở Ngoại Kiều tại địa phương liên hệ, phòng xin tỵ nạn (Asylsuchende hoặc Asylbewerbe), xong trình Ausweis của họ cho nhân viên văn phòng và nói rằng muốn xin tỵ nạn (Asylbewerber). Khi các Bạn ấy đến nơi, nhân viên văn phòng nói rằng họ không nhận người tỵ nạn, mà lại gọi Cảnh sát bắt trả các Bạn này về ĐĐ. Các Bạn ấy lại tìm đường vượt biên. Họ đến được Hannover và đi thẳng đến Chùa nhờ chúng tôi giúp đỡ. Qua lời kể của họ, chúng tôi mới biết được sự tình như thế. Tôi lập tức điện thoại Bộ Nội Vụ của Tiểu bang Niedersachsen để xin xác nhận là đã có đạo luật hay quy định mới nào chưa về việc nước Đức không nhận người xin tỵ nạn CT. Họ khẳng định rằng không có chuyện đó. Quả đúng như tôi đã trình bày ở trên. Tôi xin phép Thầy trú trì cho các Bạn ấy được tá túc ở Chùa trong những ngày cuối tuần. Sáng thứ hai sau đó, một em cũng từ ĐĐ sang, hiện công quả ở Chùa, đã hướng dẫn các Bạn ấy đến Sở Ngoại Kiều của thành phố Hannover xin tỵ nạn. Sau khi giải quyết mọi thủ tục hành chánh, các Bạn ấy đã được cấp vé xe lửa để về trại tiếp đón người tỵ nạn của Tiểu bang Niedersachsen ở Braunschweig.

Điều trên cho chúng ta thấy rằng, có lẽ Tiểu bang Nordrhein-Westfallen thuộc miền Trung Đức không có trại tiếp đón nên họ không nhận đầy thôi! Chứ chưa có luật không nhận người muốn

xin tỵ nạn. Việc quyết định không cho họ tỵ nạn đó là phần hành của Liên Bang quyết định tỵ nạn tại Zirndorf.

Nơi đây, tôi cũng xin kể thêm cho các Bạn rõ. Tất cả những người VN xin tỵ nạn CT tại ĐĐ –dù sang ĐĐ trong mọi diện, thí dụ đoàn tụ gia đình, thuyền nhân, sang từ đảo, hay từ các nước Đông Âu (trừ trường hợp theo diện Kontigentfluechtlinge)- đều do Văn phòng Liênbang tại Zirndorf quyết định hết. Nên trước sau gì các Bạn cũng đều được mời về Zirndorf thăm vấn.

Từ các trại tiếp đón người xin tỵ nạn, sau khi làm xong một số thủ tục hành chánh, các Bạn sẽ được phân phối đến các tỉnh, quận, làng, xã để tạm cư, trong lúc chờ cứu xét đơn xin tỵ nạn CT.

Rồi lần hồi các Bạn được thư mời cho cuộc thăm vấn quyết định xin tỵ nạn tại Zirndorf. Tôi xin trình bày thêm rằng tại trung tâm tiếp nhận người xin tỵ nạn CT ở Braunschweig cũng có một số Bạn được mời thăm vấn sơ khởi. Tôi có thừa chuyện với một nhân viên cấp cao có trách nhiệm trong việc quyết định đơn xin tỵ nạn cho những người ngoại quốc khác (như người Ba Lan được thăm vấn tại Braunschweig). Họ cho biết việc thăm vấn sơ khởi này cũng rất là quan trọng. Đề xem lý do nộp đơn xin tỵ nạn của đương sự có hữu lý không và họ phê chuẩn vào hồ sơ cá nhân của đương sự, xong chuyển về Zirndorf.

Như thế việc chuẩn bị tư tưởng cho lời khai lý do xin tỵ nạn thật hết sức quan trọng -khôngnhững trong cuộc thăm vấn sơ khởi mà cho cả sự thăm vấn chính thức tại Zirndorf nữa. Nếu đầu đuôi không mạch lạc hoặc có sự mâu thuẫn nhau sẽ gây nhiều khó khăn cho việc quyết định của Zirndorf.

Cho đến nay chính phủ Tây Đức chưa có quyết định gì số phần của các Bạn cả. Chưa có ai được chấp nhận và cũng chưa có Bạn nào bị từ chối cả. Những con số phân trăm nói về sự chấp nhận tỵ nạn CT, trong thời gian gần đây có nhiều báo chí đăng tải, theo tôi đó chỉ là những đòn phép hầu chặn đứng làn sóng tỵ nạn mà thôi. Giả dụ họ giải quyết lẹ và ai cũng được tỵ nạn cả thì số đồng hương từ ĐĐ sang không phải là vài ngàn mà có thể lên đến hàng chục ngàn người. Tôi tin chắc rằng qua những con số và nguồn tin ấy các Bạn trong thời gian qua đã hoang mang rất nhiều: Không những cho các bạn đã may mắn qua được đến đây mà điều trên đã làm nản chí các Bạn hiện còn ở ĐĐ nữa. Chính phủ ĐĐ dư biết những hậu quả nào đang chờ các Bạn tại ĐĐ và Việt Nam, trường hợp các Bạn bị trả về ĐĐ. Có lẽ vì nguyên do đó nên họ cũng chưa có giải pháp nào đối với các Bạn. Nhưng để giảm thiểu vấn đề tài chánh trợ cấp cũng như cho việc thăm vấn quyết định tỵ nạn cho các Bạn như việc mượn thông dịch viên v.v... chắc hẳn trong tương lai chính phủ Tây Đức sẽ có những quyết định mới.

Thưa các Bạn,

Việc xin tỵ nạn, như tôi đã trình bày ở trên, là lý do CT riêng của từng cá nhân. Tôi đưa ra đây một con số thí dụ như 1% người được chấp thuận tỵ nạn, thì một người ấy họ có lý do chính đáng để được chấp nhận. điều thì sắp nói ra đây mong các Bạn đừng hoang mang, nhưng đây là một sự thật theo kinh nghiệm cho biết những đảng viên CS hay cộng tác với CS để xin tỵ nạn nhất, vì nếu họ bị trả về thì phải chịu những hình phạt nặng nề của đảng CS dành cho họ. Tuy nhiên vấn đề đấu tranh và giúp đỡ của chúng tôi - các tổ chức, hội đoàn, hội đoàn VNTN, - cho các Bạn không phải là 1% đó, mà là số còn lại nghĩa là 99% kia. Nếu bảo rằng chỉ có 1 người được chấp nhận thì đến nay chính phủ Đức đã giải quyết trường hợp của 99 người kia ra sao? Có bạn nào nhận được giấy từ chối chưa?

Chúng tôi sẽ giúp cho 99% kia nhận ra rõ vị trí chính trị của mình để trình bày lúc được thăm vấn. Tôi sẽ trình bày ở phần sau.

Trở lại diễn tiến việc xin tỵ nạn. Sau khi được mời thăm vấn, Zirndorf sẽ quyết định đơn xin tỵ nạn của các bạn. Kinh nghiệm cho biết thời gian chờ đợi "từ 6 tháng đến 1 năm trở lên". Ở đây xin miễn nói đến vấn đề người được chấp nhận tỵ nạn. Bạn nào bị từ chối sẽ nhận được thư từ chối có nêu lý do và sự hướng dẫn cách khiếu nại (Rechtsbelehung) cũng như thời hạn nộp đơn khiếu nại và thời gian nhận đơn. Thông thường thì đơn khiếu nại sẽ nộp trong vòng 1 tháng sau khi nhận giấy từ chối, Bạn có thể tự làm đơn khiếu nại, hay nhờ một tổ chức hội đoàn hoặc những luật sư thiện nguyện giúp đỡ. Thời gian xin tỵ nạn lại kéo dài ra, và trong

thời gian này Bạn cũng còn trong quy chế trợ cấp xã hội cho người xin tỵ nạn (Asylbewerber).

Trên đây là diễn tiến về quá trình từ lúc xin tỵ nạn đến lúc được chấp thuận hay bị từ chối. Sau đây tôi xin qua phần 2 để giúp các Bạn chuẩn bị tư tưởng cho việc viết lời khai bổ túc đơn xin tỵ nạn hay lúc được thăm vấn cũng như những câu hỏi chính trị nhân viên thăm vấn có thể đặt ra lúc thăm vấn :

a/ Chuẩn bị tư tưởng chính trị.

Hầu giúp các Bạn bỏ cục tư tưởng, quá trình sống của mình để trình cho cơ quan quyết định, chúng tôi có hướng dẫn các Bạn viết lời khai bổ túc đơn xin tỵ nạn căn cứ vào 49 câu hỏi trong "Tập chỉ dẫn tỵ nạn 90" của tổ chức VNTD phát hành và chúng tôi đã được phép đăng lại trong báo Viên Giác số 55 - phát hành trong tháng 2/90 - từ trang 81 đến trang 84. Cũng như các Bạn có thể dựa vào 49 câu hỏi đó để chuẩn bị tư tưởng cho cuộc thăm vấn.

Rất nhiều Bạn khi nhận được thư mời đi thăm vấn thì sợ như lên đoạn đầu đài. Có gì mà phải sợ? Các Bạn đã liều thân qua được xứ Tự Do để xin tỵ nạn, thì việc người ta mời mình đi thăm vấn để quyết định việc tỵ nạn của mình là điều đáng mừng chứ có gì mà lo sợ! Cùng có nhiều bạn chờ mãi chưa được gọi đi thăm vấn thì cũng chán nản, phó mặc số phận, bứt tóc bứt tai v.v...

Tôi dùng từ "thăm vấn" chứ không dùng từ "phỏng vấn". Vì từ "thăm vấn" nói lên tính cách quan trọng của vấn đề là : họ hỏi để thăm định việc xin tỵ nạn của Bạn - còn Bạn phải trình bày lý do chính trị rõ ràng để giúp họ quyết định; chứ không phải là 1 cuộc nói chuyện - có người hỏi và có người trả lời 1 câu chuyện hay 1 vấn đề nào đó. Lại nữa, các bạn "được" mời đi thăm vấn, chứ không phải "bị" đi thăm vấn. Rõ vấn đề đó, là bước đầu của sự trấn an rồi đó!

Rất nhiều Các Bạn, sau khi đọc qua 49 câu hỏi hướng dẫn, cho biết rằng họ chỉ có khai được phần lý lịch cá nhân và gia đình mà thôi. Như thế chưa đủ lý do xin tỵ nạn chính trị. Còn kể lể nhiều về lý lịch CT của gia đình - thì gia đình qua đây xin tỵ nạn chứ Bạn đâu có lý do gì xin tỵ nạn phải không?

Theo chỗ chúng tôi biết, mỗi ngày 6 - 8 thông dịch viên giúp cho cuộc thăm vấn. Buổi sáng họ giúp việc thông dịch, buổi chiều họ dịch các lời khai bổ túc đơn xin tỵ nạn của các Bạn.

Trở lại vấn đề. Vì mãi lo sinh nhai mà các Bạn quên rằng cuộc sống của các Bạn ngày còn ở Việt Nam luôn bị theo dõi và khủng bố, hoặc làm việc dưới chế độ bạo quyền VC :

- Các Bạn có thân nhân đi lính và làm việc cho chính phủ VNCH ngày trước hoặc các cơ quan Mỹ có bị ngược đãi, theo dõi không?

- Các Bạn tụ họp để tâm sự, phát biểu những cảm tưởng chống lại những chủ trương của bạo quyền VC có bị theo dõi khủng bố hay không?

- Các bạn họp lại tìm đường vượt biên có bị theo dõi khủng bố hay không?

- Các Bạn có biết rằng các Bạn làm chính trị không? và qua đó các Bạn bị theo dõi, truy nã, khủng bố, ngay từ khi còn ở Việt Nam cho đến lúc qua làm lao công trả nợ chiến tranh tại Đông Âu! Làm chính trị không phải chỉ là những hành động biểu tình, đá đảo v.v...

Theo tôi thì việc làm đi, đứng, ăn, ngủ, nằm ngồi đều là những việc làm có tính cách chính trị cả. Những yêu sách đòi quyền sống, tự do cho con người.

- Các Bạn trốn không đi lính đánh thuê ở Cam Bốt có bị theo dõi khủng bố không ?

- Các Bạn là những người có niềm tin đạo và muốn giữ cũng như phát huy niềm tin mình có bị theo dõi, khủng bố không?

- Các Bạn phản đối đường lối cướp của đánh tư sản lấy đất của bạo quyền VC, các Bạn có bị theo dõi và khủng bố không ?

- Trong hãng xường, các Bạn phản đối chủ trương bóc lột lao động hay bất hợp tác trong những ngày lễ của VC để lao động không công như vét mương,..., các Bạn có bị theo dõi và khủng bố hay không?

.....

Sự theo dõi, truy nã và khủng bố vì những hành động chính trị không phải chỉ là những sự việc chung chung, mà nó ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân của Bạn. Thí dụ việc VC đàn áp Tôn giáo đó là chuyện chung cả nước, nhưng Bạn là một người Phật tử thuần

thành, không muốn Chùa bị trưng dụng làm kho, nên đã vận động thường xuyên phản đối hoặc vẫn tiếp tục đi lễ Phật nghe kinh, cúng dường cho quý Thầy, ấn tống kinh sách thì chắc chắn các Bạn phải bị VC truy nã, khủng bố rồi! Từ vấn đề chung, các Bạn khéo dẫn chứng rõ lý do truy nã chính trị của VC đối với chính bản thân Bạn.

Có Bạn cho tôi xem biên bản cuộc thẩm vấn. Bạn đó trốn lính đánh thuê tại Cam Bốt. Câu hỏi của nhân viên thẩm vấn là : vậy ông anh có bị theo dõi, truy nã không? Bạn ấy trả lời là không !!! Làm sao mà không được. Qua câu trả lời của Bạn ấy, các Bạn có lẽ biết nhân viên thẩm vấn làm gì rồi. Ông ta chỉ hỏi thêm 1 câu nữa là : anh còn có gì khai thêm về lý do xin tỵ nạn không? Dù Bạn ấy trình bày lý lịch chính trị của gia đình về vụ vượt biên thất bại v.v... Nhưng qua câu trả lời trên, thử hỏi Bạn ấy có đủ lý do xin tỵ nạn không? Việc trốn lính là 1 tội phạm mà không bị truy nã ???

Vì lý lịch chính trị của gia đình, vì việc trốn không đi lính đánh thuê tại Cam Bốt, bất hợp tác chủ trương của bạo quyền VC v.v... nên các Bạn bị truy nã. Vượt biên thất bại bị tù, được thả ra bị truy nã, theo dõi. Và lại vượt biên bằng đường biển nguy hiểm và tin tức cho biết các quốc gia tự do không nhận người tỵ nạn nữa. Chính sách kinh tế phá sản của VC làm cho các xí nghiệp giảm nhân viên, vì lý lịch gia đình và sự phản đối chính sách bóc lột của VC nên các Bạn bị đặt trong thế chẳng đặng đừng là chấp nhận. "Làm lao công trả nợ chiến tranh ở các xứ Đông Âu và đây cũng chỉ là phương kế để tìm đường tự do mà thôi" May thay tình hình chính trị Đông Âu thay đổi và bức tường Bá Linh bị sụp đổ nên đó là cơ hội ngàn vàng để tìm tự do.

- Nhưng khi đến ĐĐ hay Đông Âu các Bạn có bị theo dõi hay không?

Có một em trên tinh tôi đến Chùa trao cho tôi đọc một giấy mời của công an hình sự (Kriminalpolizei) nơi em đang cư ngụ. Mấy ngày cuối tuần, em ấy quên ăn bỏ ngủ. Minh mới sang đây xin tỵ nạn có tội tình gì mà phải bị công an mời. Sáng thứ hai sau đó, tôi đã chờ em ấy đến trình diện để giúp vấn đề thông dịch. Nhân viên công an cho biết rằng, chiếu theo điều số 3 của luật ngoại kiều (Ausländergesetz) em ấy phạm tội xâm nhập nước Đức bất hợp pháp, vì em ấy không có thông hành. Và theo điều số 47 của luật này, em bị phạt tiền hoặc 1 năm tù. Tôi mới trình bày cho ông ta rõ rằng tất cả các lao công VN khi qua đến phi trường ĐĐ đều bị sứ quán VC ở Đông Bá Linh tước thông hành và cấp cho 1 giấy gọi là Ausweis. Trong Ausweis có ghi rõ địa chỉ xí nghiệp mình làm. Đó là việc để theo dõi hành vi của các Bạn. Chính nhân viên đó thốt lên rằng : Việc tước thông hành là 1 vi phạm nhân quyền, tước quyền công dân và xem như tội phạm. Việc phạt em này đã được ngưng rồi.

Nhân đây tôi cũng xin trình bày cho các bạn biết thêm là ở Đức có 2 đạo luật : a/- luật tỵ nạn (Asylrecht) - b/- luật ngoại kiều (Ausländer-gesetz). Hai cơ quan thẩm quyền thi hành 2 luật độc lập nhau. Vì thế mới xảy ra trường hợp trên. Tôi cũng được biết ở miền Nam cũng có nhiều Bạn gặp phải trường hợp này. Vì chưa rõ sự việc nên gặp nhiều rắc rối. Trong tương lai nếu việc này có xảy ra, các Bạn nên trình bày với cơ quan có thẩm quyền như sự giải thích của tôi ở trên hoặc giả gặp khó khăn xin liên lạc về Chùa để được giúp đỡ.

Nhưng qua cảm tưởng của nhân viên Đức nọ, tôi mới biết thêm rằng dưới con mắt của VC các bạn lao công trả nợ chiến tranh là những tội phạm, luôn luôn bị theo dõi, truy nã v.v... Vì sao ? Ở trong nước, bất cứ công dân nào trên 18 tuổi cũng có 1 căn cước. Nếu họ đi du lịch hay sống ở ngoại quốc thì họ có một thông hành (Passport) thế căn cước. Ở hải ngoại họ chỉ bị sứ quán họ tước thông hành khi họ phạm 1 tội nào đó. Vì không có thông hành, người ấy không thể xin Visa để đi đến bất cứ 1 quốc gia nào, cũng như sự đi lại của họ cũng bị giới hạn nơi quốc gia họ đang sống.

Vậy việc này sứ quán VC tước thông hành của các Bạn là 1 hành động vi phạm nhân quyền trầm trọng cũng như để dễ dàng theo dõi và khủng bố.

Khi làm công ở ĐĐ các Bạn có bị theo dõi, truy nã và khủng bố không?

Có chứ! Theo điều 16 của luật tỵ nạn nói rằng : những người ngoại quốc đã sống trong 1 quốc gia khác mà ở đó họ không bị truy nã chính trị thì không được công nhận tỵ nạn.

- Các bạn họp nhau, tâm sự phản đối chính sách bóc lột sức lao động, tìm cách vượt biên. Khi đối tượng biết, thì lý lịch bạn sẽ bị ghi vào hồ sơ đen của sứ quán.

- Bạn không tham gia những tổ chức liên hoan do sứ quán thực hiện - cũng bị ghi sổ đen.

...

Tất cả những điều trên, nên tôi tin rằng các Bạn tự hiểu để nói lên lý do xin tỵ nạn CT của mình.

Rồi khi sang được đến vùng đất tự do, các Bạn có biết gia đình của Bạn phải chịu những hậu quả nào về việc đi tỵ nạn của Bạn hay không?

Chấp nhận con đường đi làm lao công trả nợ chiến tranh là phương kế để tìm đường tự do, cha mẹ các Bạn đã ký nhận trách nhiệm về hành vi của con mình và lo cho Bạn được đi. Bạn ký hợp đồng 5 năm, sau hai năm đã bỏ đi. Vì thế gia đình Bạn ở quê nhà phải gánh chịu tất cả. Số tiền Bạn lãnh mỗi tháng bên ĐĐ, bạn phải đóng 12% - 14% cái gọi là "Quỹ Xây Dựng Tổ Quốc" và mỗi tháng tính trên đầu mỗi nhân công VC trả nợ cho ĐĐ từ 300 đến 500 tiền ĐĐ. VC đâu có bao giờ chịu thiệt thòi. Tôi thường hay nói đùa CS họ chỉ Cộng chứ bao giờ chịu chi và thiệt thòi. Công an phường khóm sẽ đến gia đình Bạn đòi bồi thường số tiền Bạn còn nợ và gia đình Bạn chịu trách nhiệm. Không trả tiền thì mất việc hoặc vào tù. Ngoài ra họ còn đe dọa Bạn mà bị trả về nước thì sẽ tù rục xương v.v...

Đây là một sự thật, và cơ quan liên bang quyết định rất cân bằng chứng này từ VN, để họ không thể trả lại các Bạn về ĐĐ cũng như về VN được.

Tôi biết được việc này qua câu chuyện của một thiếu nữ VN từ ĐĐ sang TĐ xin tỵ nạn có nhờ tôi giúp cho việc ở chung với người bạn trai đã lấy nhau từ VN cũng từ ĐĐ qua nhưng ở tỉnh khác. Tôi bảo rằng hãy gắng chờ đi! Khi nào có thông hành thì sống chung cũng được chứ có sao đâu. Sau 30.4.75 đã có biết bao nhiều gia đình ly tán. Sau 5,10 năm có người còn gặp nhau được mà. Nhưng nếu em có hôn thú thì anh dịch và giúp đỡ cho. Sau đó hai tháng cô ấy điện thoại cho tôi và nói rằng : Ba mẹ em đã từ em rồi. Vì qua việc tỵ nạn của em, VC không cho Ba Mẹ và gia đình em không làm gì cả. Chúng còn đe dọa phạt hình gia đình em cũng như nói rằng em mà bị trả về VN thì bị tù rục xương". Tôi mới trấn an cô ấy như sau : "Em gửi bức thư ấy lên Zirndorf ngay để bỏ tức hồ sơ. Anh tin rằng em sẽ được chấp thuận. Rồi ráng học tiếng Đức, có công ăn việc làm sau này xin đoàn tụ gia đình. Thì điều ấy Ba Mẹ gia đình em không còn buồn nữa đâu"

Qua câu chuyện trên, các bạn đã hiểu tôi muốn trình bày điều gì rồi chứ! Trên đây tôi đã dẫn chứng cho các Bạn phần nào nhận ra sự truy nã CT từ liên hệ CT của gia đình đối với cá nhân, cũng như khi qua và sống ở ĐĐ cho đến liên hệ CT của cá nhân đối với gia đình còn bên nhà.

Theo điều 16 luật tỵ nạn cũng có nói vì sự truy nã nên việc xin tỵ nạn chỉ được công nhận khi người xin tỵ nạn phải gánh chịu hoặc lo sợ trước những biện pháp có nguy hại đến tánh mạng, sức khỏe hoặc sự tự do của họ (thí dụ như bị cầm tù dài hạn, bị tra tấn hoặc những hình phạt tương tự). Nay tôi xin trích dẫn điều 85 của bộ luật hình sự được Quốc hội VC thông qua ngày 27.6.1985, có hiệu lực từ ngày 1.1.1986, có liên quan đến người VN ở nước ngoài và được sự hỗ trợ của bộ phận lãnh sự và đại sứ quán. Qua điều trên, các Bạn sẽ biết những hình phạt nào đang chờ đón các Bạn, trường hợp Tây Đức trả bạn về ĐĐ để rồi từ đó về VN.

- **Điều 85 :** Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân.

- 1. Người nào trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân thì bị phạt tù 3 năm đến 12 năm.

- 2. Người tổ chức, người cưỡng ép, người xúi dục thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm.

- 3. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Vậy các bạn có biết mình bị trung bình bao năm tù không? để tôi dẫn chứng 1 ví dụ sau : Theo điều 85 ở trên trước tiên bạn bị 7 năm tù. Trước khi hoặc khi sang đây bạn viết thư kêu gọi, tổ chức cho bạn mình đi thì bị 10 năm tù. Ở Tây Đức bạn có điều kiện nói lên tiếng nói chính trị ký tên phản đối việc UNESCO dự định tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhật HCM; bạn tham dự những sinh hoạt của cộng đồng NVTN; bạn tham gia lễ giỗ tổ Hùng Vương cũng như sắp tới đây là tham gia biểu tình ngày 30.4 tranh đấu cho Tự Do và Nhân Quyền tại VN v.v... Những hành động được xếp như điều 85.3 thì Bạn bị tù 15 năm. Như thế nếu bị trả về VN bạn sẽ lãnh một án tù 32 năm (7+10+15).

Trên đây là những góp ý hướng dẫn hầu giúp đỡ các Bạn chuẩn bị và cô đọng tư tưởng của mình khi viết lời khai cũng như lúc được thẩm vấn.

Trong thời gian qua, tôi được biết rất nhiều Bạn đã viết lời khai bổ túc đơn xin tỵ nạn đến hàng chục tờ giấy - viết đầy cả 2 mặt. Nội dung không nói lên được lý do chính trị của mình, mà chỉ viết để phôi bày tội ác của CS. Vì thế cơ quan Zirndorf đã không nhận những lời khai bổ túc này nữa. Họ trả lại và yêu cầu đương sự gửi lời khai bằng tiếng Đức. Bạn nào được họ mời thẩm vấn, họ sẽ gửi cho 1 mẫu in sẵn gọi là "Fragenbogen" (bản câu hỏi) gồm hai thứ tiếng Việt & Đức để Bạn tự điền và gửi lại cho họ. Qua Bản câu hỏi này, Bạn đủ trình bày lý lịch chính trị của gia đình và của Bạn. Nên trong cuộc thẩm vấn, Bạn có thì giờ khai thác thêm những gì tôi đã trình bày ở trên để trả lời họ. đây là phương cách giải quyết với những người ngoại quốc khác xin tỵ nạn tại Tây Đức. Bản câu hỏi này (Fragenbogen) nội dung như sau : (chỉ ghi phần tiếng Việt:

- *Tờ Khai (Fragebogen) cơ quan liên bang thẩm định việc tỵ nạn ngoại quốc*

Tờ khai này phải được điền đầy đủ rõ ràng và phải nộp cho cơ quan khi nào được mời đến phỏng vấn để bổ túc hồ sơ xin tỵ nạn: (Yêu cầu đánh dấu (X) vào các câu trả lời thích hợp! - Họ - Tên - Ngày sinh

1. Trình độ văn hóa phổ thông: - Cấp 1 từ năm - đến năm - Ngành (có, không) - Bằng tốt nghiệp (có, không). Cấp 2 (như trên). Cấp 3 ("), đại học ("). Hoặc những lớp khác (").

2. Nghề nghiệp đã học: (có, không).

a. Nghề nghiệp đã làm sau cùng tại VN: từ năm - đến năm.. Tên nghề...- Xí nghiệp thuộc ngành gì: - Thuộc tư nhân - Thuộc nhà nước. - Tiền lương trung bình mỗi tháng lúc sau cùng: (sau khi đã trừ các khoản). - 3b Nghề nghiệp đã làm tại đông Đức: từ năm... đến năm. - Ngành nghề gì đã làm: - 3c. Nghề nghiệp đã làm tại ngoại quốc: từ năm.. đến năm. - Ngành nghề gì đã làm..- đã phục vụ quân đội chưa: (có, không), từ năm... đến.. nhiệm vụ/cấp bậc: - 4b. Cha đã có phục vụ quân đội chưa: (như trên). - 4c. Các anh em trai đã có phục vụ quân đội chưa: (như trên). 5- đã có là đoàn viên của các đảng phái, các tổ chức hội đoàn chính trị (kể cả các tổ chức không được chính quyền công nhận chính thức) (có, không).- Tên của tổ chức: từ năm.. đến năm.. nhiệm vụ. - 6. Có thân nhân (cha mẹ, con cái, anh chị em) hiện đang sống tại CHLB Đức không? (có, không). - Họ tên những thân nhân này ... Số hồ sơ xin tỵ nạn nếu có. - đã có quyết định về việc tỵ nạn của thân nhân nói trên chưa. -

Ngày, tháng, năm, ... chữ ký...

Trường hợp Zirndorf trả lại lời khai bổ túc đơn xin tỵ nạn CT, bạn viết 1 thư bằng tiếng Việt mà nội dung đại ý hỏi họ rằng ai có thể giúp bạn dịch những văn kiện này và cơ quan nào giúp bạn trả phí tổn cho việc dịch lời khai này. Các bạn cũng nên biết thêm rằng không phải thông dịch viên nào cũng đủ từ để thông dịch hoặc phiên dịch 1 vấn đề nào đó! Họ có thể là tiến sĩ, kỹ sư, bác sĩ v.v..., nhưng họ chỉ là những chuyên viên về ngành học của họ, chưa hẳn họ đã thạo những từ Đức thuộc những bộ môn khác. Tuy nhiên các cơ quan công quyền Đức rất tin tưởng những thông dịch viên hữu thế; đã trải qua kỳ khảo hạch và tuyên thế để trở thành thông dịch viên hữu thế. Lại nữa, chưa hẳn những thông dịch viên này đã rành tiếng Việt, nhất là những từ thuộc lãnh vực CT; có người nói tiếng Việt còn chưa rành nữa. Thông dịch viên hữu thế có 2 loại: a/ vì nhu cầu nên chỉ cần tuyên thế mà không qua kỳ khảo hạch nào của

tòa án (trường hợp những anh chị sinh viên thiện nguyện giúp đồng hương tỵ nạn trong các trại tiếp cư trước đây); b/ qua kỳ khảo hạch và tuyên thế tại tòa. Dù thế, sự thông và phiên dịch của 2 loại thông dịch viên đã kể trên có giá trị và hiệu lực như nhau trước công quyền và tòa án. điều đó cho chúng ta thấy rằng, trong lãnh vực CT, người thông dịch viên vẫn có thể lầm lẫn như thường, trường hợp người ấy ít chịu tìm hiểu về vấn đề CT. Nhưng chúng ta vẫn hy vọng và tin tưởng thông dịch viên trong cuộc thẩm vấn đã dịch trung thực những lời khai của mình. Những từ dịch không đúng nghĩa sẽ giảm đi tính cách CT của nó rất nhiều. Nói như thế để nhắc đến các bạn tránh dùng những từ của VC, vì những từ của VC rất nguy hại cũng như gây khó khăn cho người dịch. Họ dịch trung thực nhưng trên bình diện khác nó mất đi ý nghĩa của sự việc. Tôi thí dụ chữ "hợp tác lao động" dịch là "Kooperative Zusammenarbeit" thì không có CT tí nào cả. Nhưng với từ "hợp tác lao động" mà mình nói rằng đó là chương trình "bóc lột sức lao động trả nợ chiến tranh", nếu mà dịch ra thì hết sức là CT. Hoặc từ "nghĩa vụ quân sự" có thể dịch là "Wehrpflicht" hoặc "Wehrdienst". Chúng ta biết rằng là công dân 1 nước, không ai có thể phản đối lại những gì chính quyền của người ấy thực thi. Thay vì "nghĩa vụ quân sự", ta nói rằng "chiến tranh bắt lính đánh thuê tại Cambốt". đây là 1 việc ngược đãi thanh niên miền Nam, bắt lính đi xâm lăng xứ người, nên việc phản đối, trốn tránh chiến dịch này theo quan điểm của tôi là một việc chánh đáng. Vả lại nó còn thỏa được điều 16 luật tỵ nạn của Đức nữa. Có từ khác như "cải cách ruộng đất", nếu dịch ra là "Landreform". đất nước nghèo (theo CS) thì chiến dịch này là tốt chứ tại sao bạn lại phản đối - đó là câu hỏi của nhân viên thẩm vấn. Thông dịch viên cũng không thể dịch khác được. Nhưng đây không phải là "cải cách ruộng đất" mà là chính sách "cướp đất của người dân và đánh tư sản", CT biết bao phải không thưa các bạn. CS rất khéo dùng chữ, những ai hay dùng từ của CS thì khó mà phát huy được những tư tưởng chân thật được. đây cũng là trường hợp và lỗi lầm của rất nhiều cá nhân và tổ chức không CS. Tạo sao? Cổ Đức có câu "Danh chánh thì ngôn thuận". Và mọi hành động của con người đều phát xuất từ tư tưởng. Các bạn đã bị CS tiêm nhiễm quá nhiều qua những từ mới, nhất là các bạn sống ở miền Bắc. Nên vì thế không thể một sớm một chiều mà gọt bỏ được, đó là chưa nói đến thanh niên miền Nam qua 15 năm dưới chế độ CS.

Tôi dẫn chứng vài thí dụ :

- Từ "*Việt kiều*": ở Tây Đức, nói đến chữ "Việt kiều" thì ai cũng biết là nói đến những tay sai CS hoặc những người mạo danh CS mà làm ăn, lo lợi riêng có liên lạc với CS. Vậy ta nói làm sao? Chúng ta là "người Việt tỵ nạn CS". Dù là thuyền nhân, đoàn tụ gia đình hay từ Đông Âu sang - chúng ta chỉ là "người Việt tỵ nạn CS". Chúng ta không là "khúc ruột ngàn dặm" của bao quyền CSVN". Nếu là "khúc ruột ngàn dặm" thì chúng ta chỉ là "khúc ruột" nơi "chôn nhau cắt rốn" của Mẹ VN mà thôi chứ không phải là công cụ luận điệu tuyên truyền của CS.

- Từ "30/4 là ngày giải phóng miền Nam": đa số người Việt tỵ nạn vẫn quen miệng với từ này. CS vào Nam có giải phóng chúng ta đâu, mà họ chỉ mang ngục tù khổ đau - trước đây đặt trên đầu trên cổ hơn 30 triệu dân miền Bắc - nay họ mở rộng ngục tù, khổ ải trải dài khắp giải đất Mẹ mà thôi. Nên, hoặc ta nói ngày 30/4/75, hay ngày 30/4/75 là ngày CS cưỡng chiếm miền Nam. Hoặc có nhiều cách diễn tả khác, nhưng đừng bao giờ dùng từ "giải phóng".

- Từ "mất nước": cho đến triệu năm sau, đất Việt với hình cong chữ "S" vẫn sờ sờ trên bản đồ thế giới, chứ có mất đâu. Có thể qua giòng thời gian đất Việt không còn là chữ "S" nữa, mà có thể là chữ gì đó, nhưng nào có mất. Nếu có ai "mất nước" thì chính họ đấy! Như thế mỗi con người VN chúng ta, dù sống nơi nào chẳng nữa, cũng là 1 đại biểu của Mẹ VN mãi mãi. được như thế thì chúng ta có "mất nước" không, thưa các bạn?

Tôi xin trở lại vấn đề của phần 2:

b/ Những câu hỏi nhân viên thẩm vấn có thể đặt ra:

1. 2 câu hỏi đầu tiên:

- Bạn có nhờ một luật sư nào giúp đỡ hay không và địa chỉ trong thư mời thẩm vấn có đúng địa chỉ bạn hiện đang cư ngụ hay không và có giấy tờ cần phải khai không?

- Vấn đề luật sư: Cách đây không lâu, có các em cư ngụ gần Hannover nhờ tôi trong việc thông dịch tại một luật sư. Vì có người chỉ dẫn các em này nên tìm 1 luật sư. Tôi có liên lạc với luật sư nọ và họ cho biết họ không có làm việc miễn phí. Họ hỏi tôi: - Ai trả tiền thù lao cho họ cũng như cho tôi trong việc thông dịch và nội dung ra sao. Tôi có trình bày cho họ mọi việc thì họ bảo rằng: - những gì ông trình bày đã đủ cho các em ấy rồi; nếu có đến tôi thì trước tiên tôi cố vấn và các em ấy phải trả 100DM, chưa nói gì đến vấn đề làm lời khai v.v... Còn việc có đủ lý do xin tỵ nạn hay không đó là vấn đề khác, còn mỗi lần tôi cố vấn là phải trả tiền cho tôi. Các bạn ạ! vậy bao nhiêu tiền các bạn phải trả cho luật sư, để việc tỵ nạn được chấp thuận?

Lại nữa, khi nhân viên thẩm vấn biết bạn có luật sư lo thì họ thẩm vấn để cứu xét bạn làm chi. Mọi việc hãy để luật sư của bạn lo, chứ chính phủ Đức tội gì phải chi cho các bạn tiền xe, chỗ ở, mướn thông dịch viên giúp các bạn! Theo tôi thì nếu mình không đủ hoặc chưa tin vào lý do xin tỵ nạn CT của mình thì luật sư cũng chẳng làm gì được cho mình cả. Mình không tin vào mình thì ai có thể tin mình để giúp mình, phải không thưa các bạn!

Trường hợp của các bạn là sự kiện chung. Tại sao nhờ luật sư, giả dụ họ lo được cho 1 người, còn biết bao nhiêu bạn khác không được chấp nhận. Tuy biết rằng, lý do CT là của từng cá nhân, nhưng số phận đều giống nhau - đồng sanh cộng khổ - nên phải có 1 mẫu số chung.

Lại nữa, nhân viên Đức họ thắc mắc: Bạn là công nhân bị bóc lột sức lao động trả nợ chiến tranh làm gì có tiền mà "mướn" luật sư. Tôi không phản đối bạn nhờ luật sư, nhưng vấn đề của chúng ta có cùng mẫu số chung - nên đặt quyền lợi và sự tranh đấu chung lên trên. Chuyện cá nhân cứ mặc họ.

- Về vấn đề địa chỉ: Bạn phải cho họ biết rõ địa chỉ mình cư ngụ, để tránh vấn đề thất lạc hồ sơ mà thôi.

- Vấn đề giấy tờ : Trên nguyên tắc, mình phải trình cho họ những giấy tờ (khai sanh, hôn thú, bằng lái xe v.v...) mình mang theo được. Nên không nhất thiết phải dịch ra trước. Thông dịch viên của họ sẽ lo vấn đề này. Quan trọng nhất là những văn kiện CT liên quan đến gia đình hay cá nhân mình như : giấy thả tù CT của cha, mẹ, giấy trình diện đã "học tập" tốt v.v..

2./ Sau khi bạn trình bày những lý do bạn xin tỵ nạn, nhân viên thẩm vấn có thể "gài" bạn trong những câu hỏi khác để "giúp" bạn tỏ bày thêm lý do của bạn như sau:

- 1/ Ở VN bạn có làm chính trị hay không?

Đa số những biên bản của các Bạn gửi về cho tôi thì câu trả lời là không? Nếu bạn không làm CT, thì bạn đâu bị truy nã CT và như thế đâu có lý do gì để xin tỵ nạn CT. Xin các bạn trở lại những gì tôi đã trình bày ở phần trên để khai thác và bổ túc thêm cho việc trả lời câu hỏi này.

- 2/ Tại sao không chấp nhận chế độ CS mà không đứng lên đấu tranh bằng mọi hình thức? Sao lại thụ động?

Thưa các bạn, đấu tranh dưới mọi hình thức có nghĩa là sự phản đối, bất hợp tác vậy. Xin lấy ý ở phần hướng dẫn ở trên. Thí dụ; phản đối chính sách "cướp ruộng đất" cũng là 1 hình thức không chấp nhận chế độ vậy. Vì thế qua sự phản đối này mà bạn cùng gia đình phải đi học tập CT hàng đêm, hằng tuần và bị theo dõi hoặc khủng bố nữa.

- 3/ Khi ra đi có suy nghĩ gì không? Có sợ không được công nhận và đuối về VN không? Bây giờ không được công nhận có xin rút đơn tỵ nạn về không?

- Việc chấp nhận "đi lao động trả nợ chiến tranh" chỉ là 1 phương kế để tìm đường vượt biên trong tôi mà thôi. Và khi tôi liệu mình vượt biên tìm tự do đã nói lên 1 sự chấp nhận mọi nguy hiểm đang chờ đón nếu sự việc không thành. Nay qua được xứ tự do, nhất là xứ T.Đức, một quốc gia đầy lòng nhân đạo, tôi tin rằng quý vị không thể trả tôi trở về ĐĐ để rồi tôi bị trả về VN vì theo điều luật hình sự 85 mà ông Ngô Ngọc Diệp điều hành trường TTVHXHPGVN tại Tây Đức cho biết là tôi phải bị tù rục xương. Lại nữa theo điều 16 của đạo luật tỵ nạn tại T.Đức, chính phủ Đức cũng sẽ không trả tôi về VN để phải chịu những hình phạt tù tội như thế. Tôi tin rằng chính phủ T.Đức với lòng nhân đạo sẵn có sẽ

chấp nhận cho được tỵ nạn CT tại T.Đức. Nên tôi không bao giờ rút đơn xin tỵ nạn CT cả.

- 4.- Nếu giả sử BRD không công nhận và trả về VN thì sẽ nghĩ như thế nào? Có ảnh hưởng gì không?

Dẫn chứng điều 85 luật hình sự của VC.

5.- *Nguyện vọng sang BRD và hiện thời thế nào?*

Có nhiều bạn đã trả lời rằng: tôi mong được tỵ nạn tại Tây Đức để có công ăn việc làm, nhà cửa và sau đó xin cho gia đình tôi đoàn tụ! Thưa các bạn, đây là câu trả lời có tính cách CT hay kinh tế? Nguyện vọng của các bạn ra sao? Tôi mạo muội nói lên nguyện vọng của các bạn là được "thở hít không khí Tự Do" và hiện đang sống trong luật lệ của 1 người đang xin tỵ nạn CT tại Tây Đức.

6.- *Giữa ông Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười tin nhiệm ông nào?*

Dù trong chế độ CS có 2 thành phần bao thủ và cởi mở, Nhưng ngày nào VN chưa có 1 chính quyền qua 1 cuộc bầu cử tự do thì dù ông Linh hay ông Mười hay ông Chính, ông Tám chỉ là 1 thứ "binh cũ rượu mới" mà thôi. Và tôi cũng chẳng theo ông nào cả.

7.- *Tại DDR ngày 18.3.1990, vừa có những đảng đối lập như CDU đã lên nắm quyền như vậy coi như đã có tự do, các anh chị em không có lý do gì để tỵ nạn nữa, có thể trở về DDR được rồi.*

Rất vui mừng khi DDR đã có 1 cuộc bầu cử tự do và 1 chính quyền do dân bầu ra, nhưng ngày nào chính quyền đó chưa có 1 hiến pháp để giải quyết mọi bình diện thì bất cứ 1 lời tuyên bố của nhân vật nào, dù là ông thủ tướng của ĐĐ đi nữa cũng là những lời hứa suông không cơ sở. Nhất là đối với vấn đề người ngoại quốc và người tỵ nạn.

8.- *Bạn nói rằng bạn căm thù CSVN, nếu có ai đưa súng ống cho bạn để giải phóng VN thì bạn có sử dụng không?*

Theo các bạn thì ai đưa súng ống cho tôi. Nếu chính phủ Đức đưa súng ống cho tôi để giải phóng VN theo đúng ý nghĩa của nó thì tôi sẵn sàng. Vì sao? Vì chính phủ Đức ủng hộ đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc tôi ra khỏi ngục tù CS. Người Đức còn nghĩ thế, thì hỏi chính tôi là người Việt không hỗ trợ sao được? Còn 1 tổ chức nào lợi dụng để gây rối an ninh xã hội xứ này, thì trước nhất khi được công nhận là 1 người tỵ nạn CT tôi phải sống trong khuôn phép của đạo luật này và không thể làm việc đó được. Tuy nhiên khi được công nhận là 1 người tỵ nạn CT, luật pháp của Tây Đức cũng cho phép tôi được quyền nói lên tiếng nói CT của mình trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

9.- *Theo các phóng viên báo chí Tây Đức như tờ Spiegel có về VN phóng vấn 51 người từ Hongkong trở về VN, thì chính phủ CS không đàn áp bắt tù đầy mà đối xử rất tử tế! Vậy chúng tôi cũng sẽ trả anh chị về VN giống như họ thôi.*

Vấn đề của thuyền nhân khác. Việc của tôi trốn qua Tây Đức xin tỵ nạn khác. Hình phạt thì giống nhau, nhưng sự tuyên truyền của CSVN trước sau như một. Các bạn nêu lên điều 85 về luật hình sự.

10.- *Có bạn trả lời là không?*

Không sao được "Chắc bạn lợi dụng việc xin tỵ nạn CT để sau này làm ăn chẳng! Không phải thế. Khi mỗi người trong chúng ta được công nhận là tỵ nạn CT, sự hiện hữu của chúng ta là những đại biểu của trên 60 triệu người Việt Nam hiện đang còn sống trong ngục tù CS, cũng như hàng trăm ngàn thuyền nhân đã sống vất vưởng trong các trại tỵ nạn khắp nơi chưa được quốc gia thứ ba đón nhận. Các bạn có và phải làm chính trị chứ, ngày nào bạo quyền CS còn ngự trên quê Mẹ VN. Nhưng làm CT như thế nào? Trong khuôn khổ và luật pháp cho phép. Có thể thôi.

11.- *Có còn khai thêm gì nữa không?*

Câu này rất quan trọng. Bạn nêu lên điều 85 luật hình sự của VC để nói lên lý do xin tỵ nạn CT tại Tây Đức.

12.- Hầu hết tôi nhận thấy trong biên bản thẩm vấn của các bạn tôi được biết các bạn đồng ý rằng tất cả những lời khai của mình đều đúng cả, qua thông dịch viên, bạn chắc có thông dịch nên đã dịch trung thực ý mình muốn trình bày chẳng? Như trên tôi có nói,

không phải thông dịch viên nào cũng đủ trình độ cả hai ngôn ngữ Việt và Đức, nhất là những từ CT.

Trước khi bạn ký tên, bạn nên xin họ viết câu như sau: "Tôi hy vọng và tin rằng thông dịch viên đã dịch trung thực những gì tôi đã trình bày về lý do xin tỵ nạn CT".

Đây là câu rất có giá trị cho việc khiếu nại sau này. Như chỗ tôi biết, trong lúc thẩm vấn họ có thái độ băng lại cuộc thẩm vấn. Nếu trong trường hợp khiếu nại, họ sẽ nhờ một thông dịch viên khác nghe lại cuốn băng và dịch lại. Vấn đề này rất tế nhị, bạn cần khéo léo để tránh gặp phiền hà cho nhân viên thẩm vấn giúp các bạn.

Trên đây là tóm lược 1 số câu hỏi mà nhân viên thẩm vấn có thể đặt ra. Tuy nhiên trong thời gian qua đã có rất nhiều câu hỏi khác mà tôi chưa biết đến. Bạn nào đã được thẩm vấn và "được" hỏi những vấn đề khai xin liên lạc với tôi qua đại chỉ chùa Viên Giác, để chúng tôi học hỏi thêm và giúp các bạn sau. Xin cảm ơn trước. Tiếp đến là phần 3 của câu chuyện hôm nay. Đó là những thắc mắc chung về vấn đề xã hội, hành chính v.v..., tôi xin đi vào từng điểm.

1.- Việc đoàn tụ với thân nhân ở ngoài Tây Đức.

- Theo chỗ chúng tôi biết, bạn nào có thân nhân sống ngoài Tây Đức muốn xin bảo lãnh bạn, việc đầu tiên là : a/- thân nhân đó phải làm đơn xin bảo lãnh bạn và nộp tại tòa hành chính địa phương nơi quốc gia thân nhân đó cư ngụ. b/- Bạn phải cho thân nhân đó biết rõ địa chỉ của bạn hiện đang cư ngụ, số hồ sơ (thí dụ 432...90), địa chỉ của Landkreis, nhân viên đề thân nhân ghi rõ trong đơn xin bảo lãnh. c/- Khi cơ quan hành chính của quốc gia thân nhân bạn hiện cư ngụ hãy nhận sự bảo lãnh này, cơ quan đó sẽ có liên lạc với sứ quán quốc gia của họ tại Tây Đức để thông báo, đồng thời có văn thư chấp nhận gửi đến cho thân nhân của bạn để thông báo. Thân nhân của bạn gửi văn kiện đó cho Bonn. d/- Bạn mang văn kiện chấp nhận đó đến khai báo tại Landkreis. e/- Mọi thủ tục sau đó sẽ do Landkreis, Zirndorf, sứ quán hay lãnh sự của quốc gia và thân nhân của bạn giải quyết.

Tuy nhiên suốt trong thời gian chờ đợi sự di chuyển qua thân nhân. Bạn vẫn phải sống trong khuôn khổ của luật tỵ nạn Tây Đức.

2.- Việc học tiếng Đức và chỗ ở:

- Như các bạn rõ, sau khi được phân phối về các địa phương, hầu hết là các làng, xã hoặc ở trong quán trọ, các bạn được hưởng quy chế XH dành cho người đang xin Tỵ Nạn CT. Theo luật thì người đang xin tỵ nạn không được hưởng quyền lợi gì cả, chỉ được trợ cấp tài chánh sống mà thôi. Vấn đề trợ cấp này cũng có sự chênh lệch khác nhau, tùy khả năng tài chánh của quận, tỉnh hay liên bang. Nên chúng ta không thể "phân bì" và "khiếu nại" được. Riêng về chỗ ở, như chúng ta biết trong thời gian qua, với vấn đề di dân và hồi hương của người Đức, có thể nói rằng: Tây Đức hiện đang thiếu nhà. Nên họ đưa mình tạm thời ở những nơi hẻo lánh xa xôi; vì trong phố - tất cả mọi phòng ốc, những phòng tập thể thao, những quán trọ thanh niên đều ứ đọng người hồi hương, di dân hoặc tỵ nạn Đức! Các bạn có quá nhiều may mắn so với số phần của hàng trăm ngàn thuyền nhân trong các trại Hongkong hoặc những nơi khác. Họ sống chen chúc trong những màn lưới giăng chia từng khu. Riêng các bạn, rồi nay mai khi xã hội tìm được nhà, cũng sẽ đưa các bạn đến các nơi mới mà thôi. Các bạn cố an nhẩn với số phận "hầm hiu" nhưng quá nhiều may mắn!

Các bạn biết rằng, người đang xin tỵ nạn không được những quyền lợi khác ngoài trợ cấp xã hội. Vấn đề học tiếng Đức cũng thế. Có những quận, làng hoặc những tổ chức từ thiện và trường bình dân giáo dục (Volks-hochschule) mở những khóa Đức ngữ cho người xin tỵ nạn CT, các bạn có thể ghi tên và tham dự những khóa học đó. Người đi học phải tự trả tiền xe đi chuyên và không có cơ quan nào đài thọ khoản chi phí này cả. Có những khóa học mỗi ngày vài tiếng, có nơi 2 hoặc 3 lần mỗi tuần và mỗi lần 1 hoặc 2 tiếng, tùy theo khả năng và phương tiện của địa phương cho phép. Nói như thế không phải là ở đâu cũng có khóa Đức ngữ cả, và các bạn cũng không có quyền đòi hỏi. Tất cả đều do thiện chí, phương tiện và khả năng của chính quyền hay những cơ sở từ thiện nơi bạn đang cư ngụ.

Nhớ lại năm 1969, sau 4 tháng Đức ngữ, tôi cũng như hầu hết các du học sinh - đều phải đi thực tập cho ngành học của mình từ 6

tháng đến 1 năm trước khi nhập học. Thời gian thực tập dài hay ngắn tùy theo yêu cầu của nhà trường hoặc ngành học của mình. Có ngành chỉ cần thực tập 3 tháng trước khi nhập học và sau này thực tập bổ thêm. Các bạn biết! Sau 4 tháng Đức ngữ, với 1 bụng văn phạm. Nói thì câu văn rất đúng văn phạm nhưng thiếu từ để diễn tả những gì mình muốn trình bày.

Khi bắt đầu thực tập, tôi quyết định sau khi đi làm về sẽ đóng cửa phòng 3 tháng, không đi đâu cả, chỉ lo học từ Đức mà thôi. Đạo đó tôi mua 2 tạp chí phát hành mỗi tuần là : tờ Spiegel và Stern. Tạp chí Spiegel đề học từ chính trị, còn tạp chí Spiegel học từ tổng quát. Tôi dùng quyển tự điển Đức Việt phát hành ở ĐĐ, chắc các bạn đều biết cuốn này. Sau 1 tháng, thì cuốn này không đủ nữa. Tôi mua cuốn tự điển Wahrig, cắt nghĩa bằng tiếng Đức. Bạn phải dùng tự điển đến chỗ nhắm mắt lại mà có thể mở ra nơi trang chữ mình muốn tìm là khá rồi đấy. Dù mỗi ngày học rất nhiều chữ, nhưng tôi chỉ ghi lại 10 chữ mà mình rằng sẽ thường dùng nhất. Trước khi đi ngủ, tôi đọc lại chữ thứ nhất 10 lần; đến chữ thứ 2 mười lần; xong 2 chữ đầu và thứ nhì 10 lần. Cứ như thế đến chữ thứ 10. Vậy bạn có biết, bạn đã đọc chữ đầu bao nhiêu lần không. Cũng cách tôi vừa nhớ từ Đức, nhớ nghĩa Việt và viết theo cách trên. Chưa hết, trong 10 chữ đó tôi cố lập những câu chuyện để xử dụng cho quen. Sáng thức dậy, tôi cố nhớ lại những chữ ngày hôm qua, hôm kia, hôm nọ mình đã học. Bạn mà nhớ được thì khó mà quên lắm. Nhà Phật gọi là gieo "chủng tử". Tưởng rằng sau 3 tháng mình ngon lành rồi. Xuống núi, mở miệng ra thì liú lười, quên hết. Nhưng không sao, bằng 1 thời gian lúc đi học, bao nhiêu chữ nó lại trào ra. Như ta không gieo giống, khi mưa tới lấy gì mà nảy mầm. Nhưng không có nghĩa gieo là nó mọc liền đâu. Tất cả cũng tùy vào định luật nhân duyên cả.

Nhiều bạn công quả trên chùa rất ngạc nhiên khi thấy trên bàn làm việc của tôi ở trong chùa vẫn có những mẫu giấy nhỏ ghi chữ Đức và Việt. Hay trong túi tôi vẫn có những mẫu giấy ấy. Trên 20 năm ở xứ người, tôi vẫn còn học tiếng Đức. Dù nó không phải là từ mới, nhưng mình mới biết rõ nghĩa nó tiếng Việt là gì. Học tiếng người nhưng không quên tiếng mẹ đẻ là ý nghĩa đó vậy.

Mỗi ngày bạn học 10 chữ, ghi vào 1 tờ giấy nhỏ, bỏ túi. Thay vì nghĩ văn vở, trong khi trên xe điện, trong lúc chờ đợi ở văn phòng v.v.. Bạn vẫn có thể mang nó ra đọc được. Mỗi ngày 10 chữ, 1 tháng 300 chữ. Tôi cho bạn quên 250 chữ, bạn vẫn còn 50 chữ. Tháng sau cũng thế, nhưng khả năng thu thập tăng lên, bạn nhớ 70 chữ; cộng với tháng trước là 120 chữ. Cứ thế thực hành, tôi tin rằng trong 3 đến 6 tháng, bạn có đủ từ để diễn tả ý mình mà không cần thông dịch viên nữa.

Một kinh nghiệm cho tôi biết: dù nói 1 câu thật văn chương bóng bẩy, nhưng không đủ từ thì khó mà hiểu được người đối thoại hoặc ngược lại. Trong khi đó mình nói tiếng bồi, nhưng đủ từ thì ai cũng hiểu hết. Việc lập câu văn cho đúng chỉ là kinh nghiệm và học hỏi theo thời gian.

Người VN ta rất e dè, trong khi những người ngoại quốc khác họ mạnh nói. Còn mình thì muốn cho văn chương bóng bẩy. Xin lỗi các bạn, tiếng Mẹ mình còn chưa rành, chứ đừng nói đến tiếng người. Đó là kinh nghiệm học Đức ngữ của tôi, xin gửi đến các bạn. Có thể còn nhiều phương cách khác nữa, nhưng đó là của người khác chứ không phải của tôi. Bạn hãy cố gắng thực hiện xem.

Về vấn đề sách học, tôi biết rằng các bạn có rất đầy đủ, từ ĐĐ mang sang hoặc còn để lại bên ấy. Nhiều tổ chức VN phát hành những tập sách học Đức ngữ - như tổ chức DRK (Hồng Thập Tự Đức), Trung Tâm Độc Lập v.v...Bạn có thể liên lạc đến họ để mua sách.

Vì tương lai của mình mà phải bỏ tiền mua sách học, tôi tin rằng các bạn không tiếc điều ấy! Tôi biết các bạn lúc này dư giả thì giờ lắm, nên sinh "bệnh". Bạn biết bệnh gì không. Bệnh không biết làm gì cho hết 24 giờ trong ngày. Khi còn bên ĐĐ, các bạn phải làm ngày 8 tiếng. Hết giờ làm việc, nhận hàng may kiếm tiền thêm; hoặc mang túi ngủ ra những tiệm bán hàng ngủ đêm chờ sáng mai họ mở cửa sớm để mua ngay và gửi về VN hoặc bán lại. Các bạn làm lủ cả ngày, không có thời giờ lo tương lai, học tiếng Đức.

Học làm gì! sau 5 năm cũng về nước. Miễn là có tiền về nhà làm ăn đủ rồi! Nhưng sau 5 năm lao nô tại ĐĐ, bạn trở về VN sẽ làm

gi? tương lai ở đâu? Nay bạn có dư 24 giờ 1 ngày, ăn không ngồi rồi, chờ sự quyết định cho tỵ nạn.

Bạn ăn sáng lúc 10 giờ; xong đi dạo. An trưa lúc 2,3 giờ; lại tụi nhau tán gẫu. An tối 10 giờ xong lại tụi nhau tán gẫu. Thậm chí còn nhậu nhẹt cho qua ngày hoặc xem phim Video. Tôi không vợ đũa cả nắm, nhưng hầu hết là vậy. Có phải thế không, thưa các bạn?

Có nhiều bạn nghe lời dụ ngọt của người khác, đi làm. Lý do, kiếm ít tiền gửi về VN. Bạn ơi! Bạn có biết trong thời gian xin tỵ nạn bạn không được quyền đi làm không? Họ bắt được là đuổi ngay về nước và chủ nhân đó phạm tội mướn người lậu, trái phép sẽ bị phạt vạ rất lớn - có thể rút thẻ môn bài nữa.

Bạn có biết, chính trong thời gian chờ đợi này là thời gian của tương lai bạn đấy. Quá khứ đã qua, tương lai chưa đến - Bạn sống hay ngủ quên trong những giờ phút bây giờ! Bạn hãy dành ra 1 hay 2 giờ để học tiếng Đức, có lẽ một ngày của bạn không "vô vị" và "chán chường" lắm đâu ! Tương lai bạn chính do bạn quyết định, chứ không ai có thể mang đến hoặc ban bố cho bạn cả!

3.- Giấy phép đi thăm bạn, thăm dự lễ

- Như các bạn biết, khi được chuyển từ 1 trại tiếp cư về 1 địa phương, các bạn có nhận "giấy đi chuyên & trình diện". Khi đến địa phương cư ngụ, các bạn nhận 1 Ausweis, và trước khi nhận Ausweis này bạn đã ký tên cam kết là không được quyền rời khỏi địa phận (Landkreis) và tỉnh phụ thuộc nếu không có giấy phép của sở ngoại kiều nơi bạn cư ngụ.

Sau khi nói chuyện cùng các bạn hôm 8/4/90 tại Nuernberg, tôi có tháp tùng Thầy và Đ.h Đức Hương đến thăm 1 vài trại tiếp cư của các bạn từ ĐĐ qua TĐ xin tỵ nạn CT. Khi vào trong 1 trại, tôi được gặp ông trại trưởng và có trình bày lý do chúng tôi đến thăm các bạn. Ông ta có nhờ tôi thông dịch lại cho các bạn ở trại ông rằng (có khoảng 60 bạn ở trong trại này) trong tương lai :

A/- Những phái đoàn đến thăm trại này phải thông báo cho ông ta biết - chứ không phải tự nhiên đến (riêng trường hợp chúng tôi vì không biết và đường xa nên ông bỏ qua!).

B.- Những người VN từ ĐĐ sang tỵ nạn tại TĐ, nếu không có giấy phép đi thăm cũng như trình diện, ông không cho ở lại. Tuy nhiên, những ai có giấy phép trình diện ông, ông cũng sẽ giúp cho chỗ ngủ trong suốt thời gian thăm bạn ở trại.

C.- Sau 22 giờ khuya, không một ai được ở lại trại, nếu không có sự đồng ý của ông.

Ông cho biết rằng, các bạn qua đây có quyền xin tỵ nạn và được hưởng quyền lợi của 1 người đang xin tỵ nạn; thì Tđ cũng có những điều luật yêu cầu người đang xin tỵ nạn phải thực thi. Nếu không, chính các bạn tự gây khó khăn cho việc xin tỵ nạn của mình. Tôi thấy, ông nói đúng và các bạn cũng nên cố gắng sống xứng đáng là 1 đại biểu của trên 60 triệu người VN đang oằn oại trong ngục tù và là 1 hiện hữu của cộng đồng NVTN tại đây và đúng nghĩa của nó.

Việc tham dự lễ cũng thế. Hầu như các tổ chức hội đoàn đều có thư bằng tiếng Đức thư ấy đến bạn cầm thư ấy đến sở ngoại kiều nơi mình cư ngụ xin giấy phép đi chuyên và tham dự. Tôi chỉ lưu ý các bạn 1 điều: mình ráng an nhẫn, ngày nào có thông hành tỵ nạn trên tay, các bạn đi đâu chả được. 15 năm trong chế độ CS, các bạn có bao giờ thở hít được không khí tự do như ở đây chẳng?

4.- Vợ chồng ở chung.

- Đây là trường hợp chung của các bạn. Tôi biết các bạn chấp nhận lao động trả nợ chiến tranh không ngoài mục đích như có người đã nói "ở đợ người nghèo không bằng ở đợ người giàu". Đó chỉ là câu nói của "hoàn cảnh", theo ý tôi thế thôi. Nhưng vấn đề ở chỗ là ở "đợ", còn giàu hay nghèo thì cùng 1 nghĩa. Các bạn xa quê, tưởng rằng sau 5 năm lao động, bạn gầy dựng 1 số vốn về quê lo tương lai! Hoặc giả ngày làm 8 tiếng, tối đến lãnh đồ về may; hoặc giả vất mền ra tiệm ngủ chờ mai mua được vài chiếc xe đạp gói ghém gửi về nhà. Có làm gì thì làm, có giúp cho gia đình ở VN bao nhiêu, theo tôi, chúng ta chỉ kéo dài cho thân nhân mình ở quê nhà thêm những chuỗi ngày của ngục tù mà thôi!

Các bạn sống ở Đông Âu trên đe dưới búa. Sống không sự hướng dẫn của cha mẹ, cộng đồng, thiếu mọi vấn đề hướng dẫn trong lãnh vực đạo Đức. Không phải là lỗi ở các bạn mà đó là tội ác của CS.

Bạn biết thối lộ tâm sự cùng ai. Vấn đề tâm và sinh lý cần có 1 sự quán bình. Lẽ dĩ nhiên việc đôi lứa không thể tránh được. Sự quen biết nương tựa giữa trai và gái là 1 sự rất bình thường. Khi qua đây (TĐ), tưởng rằng mình sẽ sống chung, nhưng khi được phân phối định cư, mỗi người một nơi. Tôi đã nhận được biết bao nhiêu thư từ và điện thoại nhờ giúp cho việc sống chung của các cặp như thế. Lý do đưa ra, hầu hết là có hôn thú. Tôi bảo rằng: để quá, các em cứ gửi hôn thú về, tôi dịch và can thiệp cho. Nhưng làm gì có hôn thú. Sau này lại có những hôn thú giả mạo nhờ tôi dịch.

Các bạn ơi! Làm thế để làm chi! Các bạn có biết rằng, sau 30.4.75 có biết bao nhiêu gia đình phải ly tán, chồng xa vợ, cha xa con v.v.. cha bị đi "cải tạo" (tù) phải xa vợ, xa gia đình hàng 5-7 năm hoặc lâu hơn nữa, nhưng họ vẫn chờ nhau được. Các bạn được phép thăm nhau, đã là 1 may mắn tuyệt vời rồi. Tạo ra những khó khăn khác để làm gì. Tuy nhiên có những trường hợp rất đặc biệt, mà trong thời gian qua tôi đã giúp đỡ thật sự, khi có những dữ kiện và bằng chứng cụ thể.

5.- Làm hôn thú

- Để xúc tiến việc "gắn nhau" nên các bạn muốn lập gia đình. Tôi có liên lạc các cơ quan thẩm quyền để thưa hỏi và họ cho biết các bạn cần những thủ tục sau: a/ Giấy khai sinh; b/ Giấy hôn thú; c/ Giấy chứng nhận còn độc thân. Sau khi có những văn kiện đó bạn đến sở hộ tịch (Standesamt) nơi mình cư ngụ để xin lập gia đình. Nơi đây họ sẽ chỉ dẫn tường tận và những giúp đỡ bổ túc thêm những điều thiếu sót cho việc lập gia đình. Theo chỗ tôi được biết, việc ông nhận còn độc thân, bạn có thể đến 1 chương khế (Notar) cùng 2 nhân chứng để làm tờ khai này. Sau khi đủ mọi thủ tục, vẫn phòng hộ tịch sẽ niêm yết việc bạn muốn lập gia đình trong thời gian từ 3 đến 6 tháng, để xem có ai kiện tụng về vấn đề "độc thân" của bạn hay không? Và sở hộ tịch sẽ cho biết ngày nào 2 bạn đến ký tên lập gia đình. Như thế việc làm hôn thú kéo dài từ 3 đến 6 tháng.

6.- Sự khác biệt về quyền lợi giữa Asylberechtigte (người được công nhận tỵ nạn CT) và de facto Fluechtlinge (trong diện Duldung - tạm dung).

Theo luật chung thì người Asylberechtigte và người theo diện de facto Fluechtlinge không có nhiều sai biệt trong trợ cấp xã hội. Riêng người Asyberechtigte được giúp đỡ trong việc học tiếng Đức, tìm nhà, việc làm qua các cơ quan chính quyền liên hệ. Còn người sống trong diện tạm dung phải tự túc nhiều hơn.

7.- Việc điện thoại

- Có lẽ ở VN ta hệ thống điện thoại chưa được phổ biến nên chúng ta biết rất ít về cách dùng điện thoại. Ở đây khi mình gọi đến ai thì mình xưng tên trước và muốn nói chuyện với ai. Ở đây dây bên kia, người nhắc ông nghe lên họ cũng xưng tên của họ. Nếu người mình muốn nói chuyện không có ở nhà, thì mình vẫn cho người ở đầu dây kia biết tên của mình và mình gọi từ đầu đến. Điều mà người ngoại quốc cho là "bất lịch sự" nhất là không cho biết tên hoặc "ngang xướng" cúp điện thoại. Dù mình có quay lộn số máy chẳng nữa, mình cũng có thể xin lỗi có sao đâu! Giả dụ, bạn hàng ngày nhận điện thoại mà đầu dây bên kia không nói gì cả và cúp đi, bạn nghĩ sao?

8.- Viết thư: Trên chùa mỗi ngày nhận hàng chục lá thư khắp nơi gửi đến. Trong thời gian qua nhiều nhất là thư của các bạn. Tôi phải đọc hết cả mấy trang thư mới biết được bạn ấy cần điều gì. Nhiều khi thấy thư dài quá, tôi để qua 1 bên, lúc có thì giờ sẽ đọc; nhưng biết đâu trong thư đó có vấn đề quan trọng cần giải quyết ngay. Viết thư thăm hỏi, tâm sự thì dài bao nhiêu cũng được. Tôi xin đề nghị với các bạn cách sau: Khi bạn viết thư, đề hỏi hay cần sự giúp đỡ, giải thích nào, đầu trang giấy bạn nên ghi ngắn gọn vấn đề mình muốn nói, thí dụ về việc: đoàn tụ gia đình hay về việc làm hôn thú v.v.. ở bên dưới mới kể sự tình. Như thế người nhận biết ngay đó là trường hợp gì; dù họ chưa giải quyết ngay được, họ xếp thư vào hồ sơ của trường hợp ấy. Mong bạn lưu ý cho!

Thưa các bạn,

Trước tiên chúng tôi thành thật cảm ơn sự hướng dẫn của Thầy và sự tạo duyên của ĐH Đức Hương đã cho chúng tôi có cơ hội được

nói chuyện cùng các bạn ngày hôm nay với kinh nghiệm và khả năng của chúng tôi. Chúng tôi không phải đại diện chính quyền hoặc 1 cơ quan chính phủ nào để mang đến các bạn 1 sự hứa hẹn - mong rằng câu chuyện vừa qua đã giải đáp được phần nào những ưu tư, lo lắng và thắc mắc chung của các bạn. Chắc hẳn rằng, những điều trên còn rất nhiều thiếu sót, kính mong các bạn bỏ tấc cũng như những tổ chức và hội đoàn bạn giúp đỡ thêm hầu "an tâm" phần nào cho đồng hương chúng ta từ ĐĐ vừa sang đây xin ty nạn CT.

Nếu các bạn còn thắc mắc và ưu tư khác, xin liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ chùa Viên Giác ở Hannover - và chúng tôi nguyện sẽ hết lòng giúp đỡ các bạn theo kinh nghiệm và khả năng của chúng tôi cho phép. Và nếu bạn không tự giúp chính mình thì cũng không ai giúp bạn được cả.

Xin thành thật cảm ơn sự theo dõi của các bạn và chúc các bạn nhiều an lành nơi xứ người. /.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng

- Chào mừng Quốc Khánh - Ghi ơn Quốc Tổ Hùng Vương năm 1990 tại Frankfurt

Vào lúc 9 giờ, ngày thứ bảy (7.4.1990) đại lễ "Chào mừng Quốc Khánh ghi ơn Tổ quốc" đã được 44 đoàn thể tổ chức tại Frankfurt/Bergen-Einkheim.

Trong dịp này, các giải thi đấu như bóng tròn, bóng bàn, bóng chuyền, cờ tướng, đi xe đạp chậm cũng đã được tổ chức và được đông đảo anh chị em thanh niên tham dự. đặc biệt có phái đoàn từ Thụy sĩ đến tham dự. Ngoài ra cũng có triển lãm tranh ảnh (đặc biệt là bộ tranh "Quang Trung trong Hồn nước" của họa sĩ Đức Âm, tác phẩm đoạt giải văn học Quốc Khánh năm 1989), và phần múa lân chào mừng buổi lễ khai mạc do Liên đoàn Hướng Đạo Hùng Vương biểu diễn.

Buổi trình diễn văn nghệ do các ban Bremen, Dorsten, đóm Lửa, Thiếu Nhi Cờ Lau, Tổ chức Thanh niên Phan Bội Châu, Oberhausen, Đồng Tiến, biểu diễn Việt võ đạo do các võ sinh đến từ Stuttgart và trình diễn áo dài do Hội phụ nữ VNTN tại Nordrhein-Westfalen. Buổi lễ tổ chức đã được mọi người tham dự đông đảo và đã cho thấy được sự đoàn kết keo sơn cùng tâm lòng sắt son của những người con thân yêu hướng về Quốc tổ, quyết tâm tranh đấu giải phóng quê hương yêu dấu để xây dựng một nước Việt Nam tươi sáng.

- Cộng Đồng người Việt ty nạn Âu Châu - Pháp.

Cộng đồng NVTN Âu Châu sẽ tổ chức ngày "Quốc Kháng 30/4/1990" và ngày "Ngày Việt Nam đau thương 30/4" tại thủ đô Âu Châu Strasbourg, vào giờ ngày cùng địa điểm như sau :

- Thứ bảy 28/4/1990, từ 14 giờ đến 24 giờ tại Salle de la Marseillaise số 24 Boulevard Clemenceau. Gặp gỡ và trao thỉnh nguyện thư cho dân biểu thị trưởng thành phố Strasbourg, hồi 15giờ30 cùng ngày.

- Thứ hai 14/5/1990, gặp gỡ và trao thỉnh nguyện thư cho ông Baron Crespo, Chủ tịch Quốc hội Âu Châu, tại trụ sở quốc hội Âu Châu, (Palais de l'Europe, Strasbourg) hồi 15 giờ.

- Tin Cứu Trợ

Trong thời gian qua các chùa, các Hội Phật Giáo, chư Th.Tọa. Đ.Đức, Tăng Ni và đồng bào Phật Tử cũng như các Hội đoàn tại Âu Châu đã vận động tài chánh để giúp các trại ty nạn tại Hongkong qua ĐH Nguyễn Thị Liệp Tuyết làm việc thiện nguyện giúp người ty nạn tại đó.

Chi Bộ PGVN tại Tây Đức qua Ni Sư Th.N. Diệu Tâm đã gửi giúp đồng bào cũng như quý Thầy, cô trong các trại. đồng thời số tiền 3.000 Gulden của ĐH Tuấn Mai ở Hòa Lan gởi giúp cũng đã được Ni Sư cũng như ĐH Liệp Tuyết cộng chung vào với các số tiền khác để mua vải cho các G ĐPT trong trại và giày cho trẻ em các trại tại Hongkong.

Sau đây là tường trình chi thu từ 1.8.89 tới 31.3.1990 của ĐH Nguyễn Thị Liệp Tuyết.

- Chi Tiết :

- Còn lại kỳ trước Thu HK\$ 88.08 Thu US\$ 1,725.00

- Chuyển quỹ Làng Hồng qua Thu HK\$ 7,710.10

- Cộng đồng NVQG Thụy Sĩ (T.L.Thê Hồng) Thu HK\$ 8,000.00

- Hội Phụ Lão Lausanne và quỹ vị hảo tâm Thụy Sĩ (CHF+USD)Ni sư Diệu Tâm và Phật tử Tây Đức Thu HK\$ 15,433.50

- Ni sư Diệu Tâm & Phật tử Hòa Lan Thu HK\$ 8,965.66

- Th.T. Thích Nhất Hạnh và Làng Hồng USD 1.000.- Thu HK\$ 7,781.40

- Sư cô Thích Nữ Trí Hải, Chùa Hoa Nghiêm CHF 100 Thu HK\$ 500.00

- Tiền lời Ngân hàng Thu HK\$ 745.40

- Th.T. Thích Minh Tâm, Chùa Khánh Anh Thu US\$ 1,000.00.

- Cosité Suisse Aide aux Boat Peole Thu US\$ 1,500.00

- Vải cho gia đình Phật tử trại Cape Collison Chi HK\$ 1,800.00

- Giày cho trẻ em trại Chi Ma Wan, White Head Hei Ling Chau, Shek Kong, Nei Kwu Chau Chi HK\$ 54,039.00

Tổng cộng Chi HK\$ 55,839.00 - Thu HK\$ 56,872.47 - Thu US\$ 4,225.00

- Còn lại sang kỳ sau Chi HK\$ 1,033.47 - Thu US\$ 4,225.00

- Quỹ cúng dường chư tăng tại các trại Hongkong

- Chi Tiết

- Th.T.Thích Tánh Thiệt (CHF 1540 + BEF 12200) Thu HK\$ 9,138.40

- Phật tử Thụy Sĩ (CHF 515) Thu HK\$ 2,309.40

- Ni sư Diệu Tâm & Phật tử Hòa Lan Thu HK\$ 2,815.22

- Đ.Đ.Thích Trí Minh & Phật tử Nauy (USD) Thu HK\$ 5,458.88

- Cúng dường chư Tăng Ni Chi HK\$ 2,100.00

- Đưa bà Lương Huệ Lan cúng dường chư Tăng Ni Chi HK\$ 5,000.00

- Đưa Sư cô Hạnh Thanh cúng dường chư Tăng Ni Chi HK\$ 5,000.00

Tổng cộng : Chi HK\$ 12,100.00 - Thu HK\$ 19,721.90

Còn lại sẽ cúng dường sau HK\$ 7,621.90

- Thư Caritas - Hong Kong

Kính gửi : Tổ chức The Vietnamese Community in Europe và Bà Nguyễn Thị Liệp Tuyết.

- Trường học trại CHIMAWAN CAMP , Hongkong đã nhận được giấy tờ của Tổ chức Cộng đồng và của Bà Tuyết gửi cho toàn thể giáo viên và học sinh của trường vô cùng cảm động trước tình cảm yêu thương của cộng đồng, của Bà Tuyết đối với chúng tôi. Chúng tôi được nhận giày đúng lúc giữa đông, trời rét nhiều; giáo viên và học sinh nhận những đôi giày với nét mặt phấn khởi và biết ơn vô cùng với tình thương của tổ chức cộng đồng.

Giáo viên và học sinh trường CHIMAWAN CAMP, Hongkong xin cảm ơn tất cả bà con trong cộng đồng và Bà Tuyết.

Chúng tôi kính chúc tất cả bà con trong cộng đồng The Vietnamese Community in Europe và Bà Tuyết một năm mới đầy vui vẻ và hạnh phúc.

Chúng tôi hy vọng được đón tiếp đại diện của tổ chức cộng đồng và Bà Tuyết tới thăm trường học CHIMAWAN CAMP ,Hongkong.

CHIMAWAN CAMP ,ngày 5 tháng 2 năm 1990

Trần Bích Hòa

Caritas - Hong Kong

CHIMAWAN CAMP. 5. February, 1990.

TO THE VIETNAMESE COMMUNITY IN EUROPE

On behalf of the Vietnamese people in CHIMAWAN CAMP. I would like to express grateful thanks for the generous donation of shoes which arrived in the camp this month. The shoes have been distributed to all of the scholl children in the camps and We were able to give some extre ones to the teachers.

The donation was particulary well timed as the weather is now much colder here in HONG KONG and therefore the shoes were most welcome.

YOURS SINCERELY.
Mary Jane Hawking

- Hoạt động Phong Trào đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ.

Để khai thác thời cơ thuận lợi cho công cuộc đấu tranh nhằm chấm dứt chế độ Việt cộng, các hội đoàn tại Pháp đã quyết định phát động Phong Trào đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ Tại Việt Nam ngày 6.1.90.

Kể từ ngày thành lập đến nay, Phong Trào đã tiến hành một số công tác như phát động chiến dịch vận động chữ ký cho tự do dân chủ tại Việt Nam, gửi một bản bạch thư do 40 đoàn thể ký tên cho ông Roland Dumas, ngoại trưởng Pháp nhân chuyến công du Việt Nam, để xác định lập trường của cộng đồng người Việt tại Pháp về sự bang giao của Pháp với chế độ Việt cộng và thực hiện một số công tác vận động báo chí và chính giới.

Để hỗ trợ một cách cụ thể cho công cuộc đấu tranh của đồng bào trong nước, Phong Trào phát động một Chiến Dịch Phô Biếm Tin Tức Về Việt Nam kể từ đầu tháng 4/1990.

Phong Trào đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ Tại Việt Nam kêu gọi đồng bào, các hội đoàn, các cơ quan truyền thông, các tổ chức chính trị, các tôn giáo tham gia Chiến Dịch Phô Biếm Tin Tức Về Việt Nam.

Muốn biết thêm về chi tiết của Chiến Dịch này xin liên lạc về địa chỉ : Phong Trào đấu Tranh cho Tự Do Dân Chủ Tại Việt Nam - 119 Avenue De Choisy 75013 Paris.

- Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam - Tổng Vụ Hải Ngoại - Khu Bộ Âu Châu.

Vào ngày 24/3/1990 Mặt Trận QGTNGPVN Tổng vụ Hải ngoại - Khu bộ Châu Âu đã phát động Phong Trào Đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ Ở Việt Nam tại CHLB đức và đã ra một Tuyên Bô số 1 gồm có 3 mục tiêu :

1. Đấu tranh cho tự do dân chủ thực sự tại Việt Nam. 2.- Đấu tranh cho một thể chế chính trị dân chủ. 3.- Đấu tranh cho quyền tự do căn bản của con người.

Muốn biết thêm về chi tiết về Phong trào này xin liên lạc về địa chỉ :

Xứ Bộ Tây đức - Postfach 110559 - 4100 Duisburg 11

- Trung Tâm Độc Lập

Nhân dịp tưởng nhớ ngày văn nghệ sĩ tự do ở miền Nam Việt Nam bị chính quyền Cộng sản Hà Nội bắt bớ (3.4.1976), T.T Độc Lập cùng phối hợp với ký giả Từ Nguyên Trần Văn Ngô, chủ tịch Văn Bút Hải Ngoại -

Trung Tâm Âu Châu sẽ tổ chức một buổi sinh hoạt văn nghệ vào ngày thứ bảy 7.4.1990 hồi 15 giờ tại T.T. Độc Lập - Reinsburgstr.56 - 7000 Stuttgart 1.

Trong buổi họp mặt văn nghệ này, nhà văn Trần Dạ Từ và nữ văn sĩ Nhã Ca từ Stockhom (T. Điển) sẽ nói chuyện về "đời sống văn nghệ sĩ trong tù và khát vọng của dân tộc Việt trong giai đoạn hiện tại".

- Hội Người Việt Tỵ Nạn Chính Trị tại Wiesbaden.

Vào ngày 20.3.1990 một tân ban chấp hành Hội NVTNCT tại Wiesbaden cho nhiệm kỳ 1990 - 1991 gồm có các thành viên như sau:

- Hội trưởng : Tiêu Văn Lâm
- Phó hội trưởng nội vụ: Võ Văn Tư
- Phó hội trưởng ngoại vụ : Ngô An Thông
- Thủ quỹ : Võ Hiếu Liêm
- Trưởng ban thể thao : Huỳnh Phước Cường (Lượm)
- Trưởng ban báo chí : Lương Minh Thiện.
- Địa chỉ liên lạc : Hội NVTNCT tại Wiesbaden - C/o Tiêu Văn Lâm - Karl Marxstr.15 - 6200 Wiesbaden - Tel: 06121/421783.

- Liên Hội Người Việt Tỵ Nạn Tại CHLB Đức.

Liên Hội NVTN tại CHLB Đức tổ chức một cuộc biểu tình vào ngày thứ hai (30.4.1990) lúc 11 giờ tại Muenster Platz, Bonn Zentrum. Tham dự biểu tình 30.4.90 trong ý thức của những người

tỵ nạn chính trị, ý thức được bản chất gian ác, tham độc của bạo quyền Cộng sản và lòng khát khao dân chủ của toàn dân. Liên Hội NVTN tại CHLB đức kêu gọi sự hưởng ứng tích cực của quý vị để cùng nhau nói lên chính nghĩa tất thắng của người Việt tự do.

- Thông Báo:

Vào lúc 18 giờ ngày 28.4.90, Hội NVTNCS tại Hamburg cùng các hội đoàn, tôn giáo địa phương tổ chức buổi nói chuyện với chủ đề "Đêm Thuyết Trình Hội Thoại Hướng Về Quê Hương" với các thuyết trình viên :

- Ký giả Vũ Ngọc Long (Reutlingen) : Diễn tiến sự sụp đổ của miền Nam VN vào ngày 30.4.1975. Tình hình VN qua các biến động chính trị tại các quốc gia Đông Âu và thời sự thế giới.

- GS. Lê Hòa Huyền Thanh Lữ (Dorsten) : Đường lối và phương thức đấu tranh của người Việt hải ngoại trong tình hình hiện tại.

- Ô. Chu Vũ Anh (Hamburg) : Sinh hoạt đấu tranh của các hội đoàn người Việt hải ngoại (Canada, Mỹ, Úc và Âu Châu)

- Chiếu phim Dias về hình ảnh thuyền nhân và các trại tỵ nạn Đông Nam Á. Ngoài ra còn có phần văn nghệ hưởng về quê hương và dân tộc.

- Giúp thuyền nhân tại Đông Nam Á

Nhóm Việt Nam thanh niên thiện chí tại Ý Đại Lợi trong dịp cuối và đầu năm dương lịch vừa qua đã tổ chức các buổi sinh hoạt văn nghệ với sự tham dự của trên 250 người đa số là đồng bào Việt tỵ nạn tại Ý, cùng những người bạn tỵ nạn từ Phi Châu qua, cũng như một số dân chúng địa phương. Buổi sinh hoạt này với chủ đề là vận động giúp các thuyền nhân tại các trại tỵ nạn Đông Nam Á. Buổi sinh hoạt đã được tổ chức tại hội trường S.Polo Brescia thuộc tỉnh Parrocchia Ý Đại Lợi, số tiền đã quyên được là 560.000 Lire. được biết đây là đợt đầu, và còn kế tiếp các đợt sau. Nhóm VN thanh niên thiện chí tại Ý Đại Lợi mới ra đời cách nay hơn 2 năm, nhưng các hoạt động của nhóm đã gây một tiếng vang lớn trong cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Ý. Qua các buổi sinh hoạt văn nghệ, cho các em thiếu nhi, cũng như xin chữ ký yêu cầu Unesco hủy bỏ vụ tôn vinh Hồ Chí Minh. Ngoài ra anh chị em còn tham dự những buổi sinh hoạt ngoài nước Ý, như tham dự nghị hội Âu Châu, đại hội thể thao Âu Châu. Hiện tại nhóm do chị Nguyễn Thị Nga cầm đầu, một người trẻ đầy nhiệt huyết và khả năng, hy vọng nhóm sẽ ngày một phát triển mạnh. (Chính Phương ghi)

- Hội Người Việt tỵ nạn tại Troyes (Pháp) ra đời

Cộng đồng người Việt tỵ nạn tại thành phố Troyes miền Trung nước Pháp đã chính thức ra mắt ban chấp hành, hội mang tên "hội người Việt tự do". Hội đã được giấy phép chính thức hoạt động từ đầu năm qua, do chính quyền địa phương cấp. được biết cho tới nay với con số gần 1000 người Việt hiện đang sinh sống tại thành phố này. Trong những năm qua có một vài sinh hoạt văn hóa nhưng tất cả đều mang tính chất đơn lẻ do vài cá nhân thiện chí hoặc hội đoàn tôn giáo đứng ra tổ chức. Người ta hy vọng rằng sự ra đời của hội người Việt Tự Do này sẽ đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, xã hội và chính trị của cộng đồng người Việt ở đây nhiều hơn nữa.

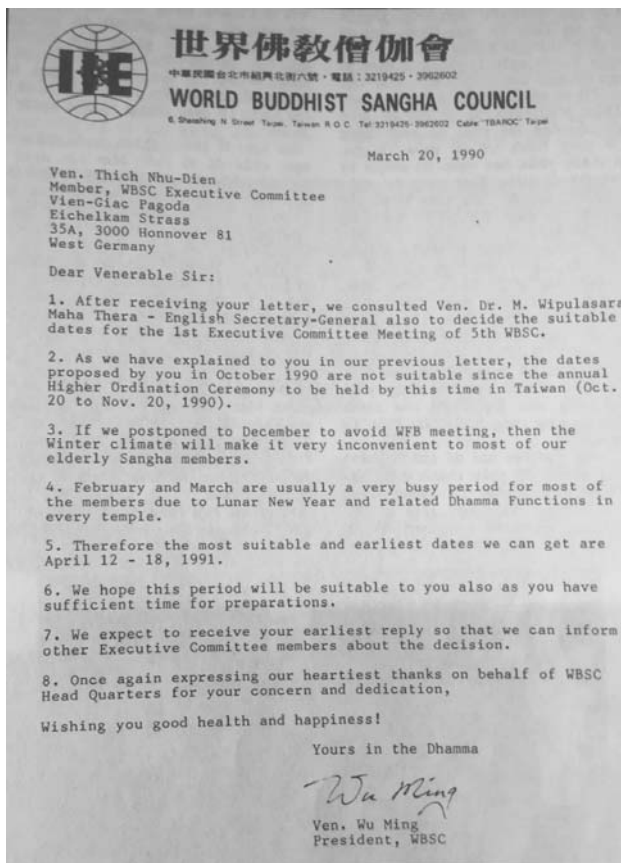
- Hội Cựu Quân Cán Chính Tây Đức tổ chức lễ 19.6.1990

Chiều ngày 24.3.90 vừa qua ban chấp hành thu nhỏ của Hội Cựu Quân Cán Chính VNCH tại CHLB Đức đã họp, đề thảo luận vấn đề tổ chức ngày quân lực 19.6. tới đây. Cũng như vận động các anh em quân cán chính có thiện chí hiện cư ngụ tại Tây Đức tích cực tham gia vào ban chấp hành của hội. Được biết trong ngày 19.6. tới đây ngoài buổi lễ vinh danh các anh hùng tử sĩ, đồng bào đã hy sinh trên đường tìm tự do, cùng với chương trình văn nghệ đấu tranh và tiếp đó là việc bầu lại thành phần ban chấp hành mới của hội. Cũng trong buổi họp này nhà báo Vũ Ngọc Long đã chính thức xin rút ra khỏi hội. Mặt khác theo Ban chấp hành của hội thì buổi lễ 19.6. năm nay sẽ được tổ chức ở trung tâm thành phố Pforzheim (Nam Đức) và sẽ có thư mời cùng thông báo gửi tới các cựu quân cán chính ở Tây Đức sau.

Phật Sự Ngoài Tây Đức

- Đại Hội Phật Giáo Tăng Già Thế Giới

Như trong Viên Giác số 54 tháng 12 năm 1989 có loan tin là vào cuối tháng 10 năm 1990 sẽ có một Đại Hội kỳ 1 của nhiệm kỳ V Ban Chấp Hành Tăng Già Thế Giới tại Tây Đức và Chùa Viên Giác cũng như Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức đứng ra nhận lãnh trọng trách ấy; nhưng năm nay có một vài Phật sự quan trọng khác, do đó Ngài Ngô Minh (Wu Ming) chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới trụ sở tại Đài Loan đã gởi văn thư chính thức cho T.T. Thích Như Điển ngày 20 tháng 3 năm 1990 đề nghị sẽ cử hành từ 12 đến 18 tháng 4 năm 1991 tại Hannover. Dưới đây là nguyên văn thư Anh ngữ, đã được Đ.H. Thị Tâm chuyển dịch sang Việt ngữ. Kính mong quý vị đọc để biết tin và chắc chắn chúng ta sẽ tổ chức đại Hội Ban Chấp Hành của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới như Ngài Ngô Minh đã đề nghị.



Hội Đồng Tăng Già Thế Giới

6, Shaoshing N. Street Taipei, Taiwan R.O.C.

Ngày 20 tháng 3 năm 1990

Kính gửi : Thượng Tọa Thích Như Điển

Thành viên Ban Chấp Hành

Hội Đồng Tăng Già Thế Giới

Chùa Viên Giác

Eichelkampstr. 35A 3000 Hannover 81 West Germany

Thưa Thượng Tọa,

1) Sau khi nhận được thư của Thượng Tọa, chúng tôi đã thỉnh ý Thượng Tọa Tiến Sĩ M. Wipulasara Maha Thera, tổng thư ký phần Anh văn, để cùng quyết định những ngày thích hợp cho cuộc hội lần thứ nhất Ban Chấp Hành của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới kỳ 5.

2) Như chúng tôi đã trình bày với T.T. trong thư trước, là những ngày trong tháng 10.1990 do T.T. đề nghị không được thích hợp vì trong thời gian này tại Đài Loan sẽ tổ chức hằng năm lễ Đại Giới đàn từ 20.10. đến 20.11.1990.

3) Nếu chúng tôi hoãn lại đến tháng 12 để tránh cuộc họp của Hội Phật Giáo Thế Giới thì thời tiết mùa đông sẽ hết sức bất tiện cho hầu hết những vị Tăng cao niên.

4) Tháng hai và tháng 3 thì nhằm đầu năm âm lịch, hầu hết những vị Tăng Ni hội viên đều hết sức bận rộn trong thời gian này về Phật sự trong mỗi chùa.

5) Vì những lý do trên, thời gian gần nhất và thích hợp nhất mà chúng ta có thể đạt được là từ ngày 12.4. đến 18.4.1991.

6) Chúng tôi hy vọng rằng thời điểm này sẽ thích hợp với T.T. và cũng đủ thời giờ cho T.T. chuẩn bị.

7) Chúng tôi mong nhận được sự hồi âm sớm nhất của T.T., để chúng tôi có thể thông báo cho các thành viên khác trong Ban Chấp Hành về sự quyết định này.

8) Một lần nữa, thay mặt Hội Đồng Trung Ương Tăng Già Thế Giới, chúng tôi xin chân thành cảm ơn T.T. về sự quan tâm và hiến dâng của T.T.

Cầu chúc T.T. khỏe mạnh và may mắn.

Câu nguyện Phật gia hộ T.T.

(ký tên)

Hòa Thượng Wu Ming

Chủ Tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới

- Khánh thành Chùa Quan Âm Montréal Canada

Đề tham dự đại lễ khánh thành chùa Quan Âm tại Canada vào ngày 17 tháng 3 năm 90 vừa qua, dưới sự lãnh đạo tinh thần của T.T. Thích Minh Tâm và T.T. Thích Như Điển, nên nhị vị Thượng Tọa đã lên đường đi Canada để tham dự Phật sự này.

Vào ngày 2 tháng 2 năm 90 T.T. Thích Như Điển đã có mặt tại Canada và tham dự một số Phật sự ngoài việc khánh thành chùa Quan Âm như sau :

. Ngày 3 tháng 2 năm 90 T.T. cùng với Đ.Đ. Thích Nhứt Chơn (H.T. Hội PG Quan Âm); Đ.Đ. Thích Thiện Huệ (cố vấn giáo hạnh GDPT Quan Âm); Đ.Đ. Thích Minh Thông (Trụ trì chùa Quan Âm); Đ.Đ. Thích Bồn Đạt (Trụ trì chùa Từ Ân) và Đ.Đ. Thích Viên Diệu (Trụ trì chùa Thiên Tôn) tham dự lễ kỷ niệm đệ ngũ chu niên thành lập GDPT Quan Âm dưới sự điều động của H.T. Thị Nguyệt Huỳnh Ngọc Trọng và toàn ban Huỳnh Trương.

Sau phần phát biểu cảm tưởng của chư T.T. Đ.Đ. Tăng hiện diện là phần trình diễn văn nghệ của GDPT Quan Âm trong khi quan khách dùng trà bánh. Buổi lễ kỷ niệm đã mang lại nhiều thành quả đáng khích lệ.

. Trong thời gian từ 5 đến 15 tháng 2 năm 90 chùa Quan Âm đã tổ chức khóa giáo lý thứ 14 dưới sự hướng dẫn của T.T. Thích Như Điển, Đại Đức Thích Nhứt Chơn và Đại Đức Thích Thiện Huệ. Học viên tham gia từ 50 đến 70 vị cho toàn khóa. Đây là điểm son mà Phật Tử chùa Quan Âm đã gặt hái được trong thời gian qua.

. Từ ngày 8 đến ngày 11 tháng 3 năm 90 thể theo lời mời của Đ.Đ. Thích Bồn Đạt và Ban Trị sự chùa Từ Ân ở Ottawa, nên T.T. Thích Như Điển đã về đây để giúp đỡ một số công tác Phật sự như chứng minh lễ cung thỉnh trụ trì chùa Từ Ân, bầu lại thành phần ban quản trị nhiệm kỳ 90-92 và thuyết giảng Phật pháp tại chùa cũng như nói chuyện tình hình Đông Âu tại trụ sở của Liên Hội Việt Kiều tại Canada (Ottawa).

. Ngày 17 tháng 3 năm 90 vừa qua chùa Quan Âm đã làm lễ khánh thành dưới sự chứng minh của H.T. Thích Tâm Châu, T.T. Thích Minh Tâm, T.T. Thích Như Điển, H.T. Tây Tạng, Đ.Đ. Thích Nhứt Chơn, Đ.Đ. Thích Thiện Huệ, Đ.Đ. Thích Minh Thông, Đ.Đ. Thích Viên Diệu, Đ.Đ. Thích Bồn Đạt và trên 10 vị Đại Đức Tăng Ni khác đến từ Toronto, Calgary và Montréal cũng như Đại Diện của chính quyền địa phương cùng hơn 1.000 Phật Tử tham dự đại lễ.

Chùa Quan Âm sau khi đã khánh thành đợt 1 vào năm 1985 phần chánh điện, nay khánh thành đợt 2 gồm Tổ đường, Tăng phòng và lớp học Việt ngữ. đây là một ngôi chùa kiến trúc hoàn toàn theo lối Việt Nam và rất có bề thế so với các chùa VN ở Canada trong hiện tại. Tổng kết 2 đợt xây cất khoản 600.000 đô la Canada (gồm đợt 1 : đất + chánh điện 250.000 và đợt 2 : 350.000 đô la). đợt đầu đã trả xong và đợt 2 vẫn còn nợ ngân hàng. Trong số này có gần 100.000 đô la là tiền của Phật Tử cúng dường và cho mượn Hội Thiện.

Sau nghi lễ khánh thành, buổi chiều cùng ngày chùa đã tổ chức đêm văn nghệ gây quỹ xây chùa đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp qua các giọng ca của ca sĩ Thanh Thúy, Ban Dân Ca Lạc Hồng của nghệ sĩ Lê Ba cùng Ban Văn Nghệ của GDPT Quan Âm.

. Ngày 18 tháng 3 năm 90 sau khi dự lễ Phật đĩnh kỳ hằng tuần tại chùa Quan Âm, T.T. Thích Như Điển đã sang chùa Liên Hoa để giảng một thời pháp ngắn về chuyển hành hương chiêm bái Phật tích tại Ấn Độ trong thời gian vừa qua.

- Khóa giáo lý tại Đan Mạch

Đan Mạch lâu nay vẫn chờ Thầy và bây giờ Thầy đã đến. Đó là Đ.Đ. Thích Quảng Bình. Song song với việc thỉnh Thầy, Hội Phật Giáo tại đây cũng đã mua 3.000 m² đất và nay mai tại Đan Mạch sẽ tạo dựng một ngôi chùa.

Đồng thời Hội cũng đã tổ chức một khóa giáo lý cho các đồng hương Phật tử nhân kỷ niệm lễ Phục Sinh từ 12 đến 15 tháng 4 năm 1990 vừa qua. Khóa giáo lý đặt dưới sự giảng huấn của T.T. Thích Như Điển, Đ.Đ. Thích Quảng Bình và quý Đ.Đ. vùng Bắc Âu. Đa số học viên ở tại vùng Aarhus, ngoài ra một số khác đến từ các nơi khác của Đan Mạch cũng đã về tham dự khóa giáo lý này.

- Tin cứu trợ



Đ.Đ. Thích Tâm Hòa, Chánh Đại Diện GHPGVNTN tại trại Palawan – Phi Luật Tân, viếng thăm và ủy lạo đồng bào tỵ nạn Group 92 Balabac



Phát giày cho trẻ em ở Hei Ling Chau

Để chia xẻ nỗi thống khổ với đồng bào hiện còn ở tạm cư trong các trại tỵ nạn Đông Nam Á Châu, trong thời gian qua Chi Bộ PGVN tại Tây Đức đã gởi 1.050 DM qua trại tỵ nạn Palawan Philippin nhờ Thầy Thích Tâm Hòa phân phối cho bà con tỵ nạn, chừ Tăng Ni cũng như GDPT tại đó.

Số tiền này là do tiền đóng góp của Đoàn Thanh Niên VN Tự Do tại Ý qua chị Nguyễn Thị Nga quyên góp được 560.000 Lire, đổi thành 744,00 DM và 300 DM của Chi Hội Phật Tử Saarland.

Ngoài ra Ni Sư T.N. Diệu Tâm đại diện cho CBPGVN tại Tây Đức vẫn thường hay gởi quà về cho các chùa, các trại cù, trại mù và cô nhi viện tại Việt Nam. Đây là những nghĩa cử đẹp mà đồng bào PTVN chúng ta ở hải ngoại vẫn luôn hướng về quê hương và chia xẻ một phần nào sự đau khổ với đồng bào và Giáo Hội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 1990 vừa qua Chi Bộ PGVN tại Tây Đức đã chuyển đùm số tiền 3.679,79 DM của Liên Đoàn Hướng Đạo TQT và đồng bào tại Triberg / Schwarzwald Tây Đức, để giúp trại tỵ nạn Hồng Kông qua bà Leung Wai Lan (Đại Diện Phật Giáo Hồng Kông) Hongkong Buddhist Publications Printing Press Staunton Street G/F Central Hongkong. Số tiền này sẽ do Bà Leung Wai Lan phân phát cho đồng bào VN trong các trại tỵ nạn tại Hồngkong. Kết quả của việc này chúng tôi sẽ tường thuật trên Viên Giác số mới nhất.

Phật Sự Trong Nước Đức

- Hợp Ban Huynh Trưởng TUGĐPTVN tại Đức

Ngày 24 và 25 tháng 2 năm 1990 vừa qua các anh chị trong Ban Huynh Trưởng Trung Ương GDPTVN tại Tây Đức đã vân tập về chùa Viên Giác để họp và bàn một số vấn đề quan trọng như sau :

- 1) Xác định phương cách làm việc của BHTTU
- 2) Giải quyết vấn đề nhân sự
- 3) Đề án, nội dung và lịch trình sinh hoạt trong năm 1990.

Sau khi phiên họp chấm dứt, một Ban Huynh Trưởng TUGĐPTVN được bổ túc cho đến lễ Vu Lan năm 1990 gồm có những Huynh Trưởng sau :

- Trưởng Ban : HT Thị Lộc Võ văn Mai
 - Phó Trưởng Ban : HT Tâm Cừ Trương Tôn Châu
 - Thư ký và Thủ quỹ : HT Tâm Bạch Trần Nguyễn Huyền Đan
 - UV Văn Mỹ Nghệ : HT Thiện Căn Phạm Hồng Sáu
 - UV Ngoại Vụ : HT Thị Lộc (Kiểm soát và Tổ chức các GDPT)
 - UV Nội Vụ : HT Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp (điều hành, Nghiêml Huấn và Tu thư)
 - UV Ngành Nữ và Oanh Vũ : HT Tâm Bạch
 - UV Ngành Thiếu : HT Thiện Căn
 - UV Ngành Thanh : HT Thị Chơn
- Mọi liên lạc với BHTTUGĐPTVN tại Tây Đức xin gởi qua địa chỉ Chùa Viên Giác tại Hannover.

- Saarland

Vào ngày 10.3.1990 - từ 9 giờ - tại thành phố Trier thơ mộng và cổ kính hơn 2000 năm. Chi Hội PTVNTN Saarland-Trier và VPC đã tổ chức một buổi lễ Phật đĩnh kỳ hằng năm do Đ.Đ. Thích Nguyên Hội, đại diện TT. Thích Như Điển, chủ trì.

Buổi lễ đã qui tụ được hơn 50 đồng bào Phật tử cư ngụ rải rác xung quanh hai thành phố lớn là Saarbrucken và Trier, cách xa nhau hơn 100 Km.

Từ 8 năm qua, các buổi lễ Phật đĩnh kỳ hằng năm thường được tổ chức trong vùng Saarland. đây là lần đầu tiên, Phật và Thầy được cung thỉnh về Trier. Đại Đức và Chú Thiện Tín đã hướng dẫn đồng bào Phật tử tụng kinh Phổ Môn Cầu An (chữ). Sau đó, các Phật tử cũng được đại đức ban cho một thời pháp "Lễ Phật" đượm nồng đạo vị. (B.đ. ghi)

- Freiburg

Mừng Xuân Gây Quỹ Xây Chùa

Hội Người Việt Tỵ Nạn và Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Freiburg đã tổ chức đêm Văn Nghệ Mừng Xuân Canh Ngọ gây quỹ xây chùa Viên Giác vào tối thứ bảy ngày 10 tháng 3 năm 1990.

Đúng 17 giờ buổi Văn Nghệ được khai mạc trang nghiêm và phần khởi của gần 500 đồng hương và quan khách ngoại quốc đến tham dự, qua những tràng pháo tay tán thưởng Văn Nghệ Múa Lân đã làm vang động hội trường, với những đồng góp thật xuất sắc của Ban Năng Hồng Strasbourg qua màn Hòn Vọng Phu.

Đặc biệt năm nay Ban nhạc Freiburg phối hợp ba dân tộc Việt Lào Balan chơi nhạc Việt Nam rất là vui nhộn.

Thật là đậm tình nhân loại, đậm nghĩa tha phương, đồng chung cảnh ngộ.

Chương trình chấm dứt vào lúc 23 giờ 30. Số tiền thu được 3.200 DM đã gởi vào quỹ xây chùa Viên Giác tại Hannover. (HL ghi)

- Münster

Ngày 17 tháng 3 vừa qua, Chi Hội Phật Tử VNTN Muenster có tổ chức một buổi lễ cầu an cho các Phật tử ở Muenster và vùng phụ cận, dưới sự chủ trì của Ni sư Thích Nữ Diệu Tâm, trụ trì chùa Bảo Quang Hamburg.

Buổi lễ bắt đầu vào lúc 14g30. Sau buổi lễ, trong phần thuyết pháp, Ni sư đã giảng sơ lược về ý nghĩa và sự mầu nhiệm của kinh "Bát Nhã Ba La Mật đa" và khuyên các Phật tử nên cố gắng học thuộc và thường xuyên trì tụng kinh này, hầu thấm nhuần chơn lý "Ba La Mật" của đại Thừa Phật Giáo và áp dụng trong việc tu hành để sớm được giác ngộ.

Sau buổi thuyết pháp, các Phật tử được xem chiếu Video về buổi trình diễn văn nghệ của Chi Hội Phật Tử Hamburg cúng dường đại lễ Vu Lan 1989 tại chùa Hamburg. Hầu hết các gia đình Phật tử ở Münster đều có mặt trong buổi lễ. Trước khi chia tay, Ni sư cùng các Phật tử đã dự tiệc trà thân mật, tuy thanh đạm nhưng đượm nhiều đạo tình. (Nguyễn Thông ghi)



Chư Phật Tử chụp hình lưu niệm với Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm sau buổi lễ Phật ngày 17.3.90 tại Münster



ĐĐ. Thích Nguyên Hội, Chú Thiện Tín và Chư Phật Tử thọ trai nhân ngày lễ Phật 10.3.90.

- Mannheim

Cho đến nay Mannheim vẫn chưa có Chi Hội Phật Tử; nhưng ở đây các anh em sinh viên và đồng bào Phật tử vẫn hằng khát ngưỡng đến giáo lý của đức Từ phụ; nên vào ngày 24 tháng 3 năm 90 vừa qua T.T.Thích Như Điển cùng ĐĐ.Thích Nguyên Hội đã về đây hướng dẫn lễ cầu an cũng như thuyết pháp.

Có khoảng 70 Phật tử quanh vùng hiện diện trong buổi lễ này. Sau phần lễ cầu an ĐĐ. Thích Nguyên Hội đã giảng về đức Phật và Tứ Diệu đế, sau thời cơm trưa là giờ thuyết giảng của T.T.Thích Như Điển về "Thiền và đời Sống".

Buổi lễ đã chấm dứt lúc 15 giờ 30 cùng ngày. Số tiền thu được về việc phát hành thức ăn chay ngày hôm ấy được sung vào quỹ xây chùa Viên Giác (danh sách có đăng trong VG số này).

- Reutlingen

Ngày 31.3.1990, lúc 11 giờ BCH/CH/PTVN/TN tại Reutlingen và vùng phụ cận đã tổ chức buổi lễ Phật hàng năm, lần thứ nhất năm 1990, tại nhà thờ Orschel-Hagen, Reutlingen. được sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển và Đại Đức Thích Nguyên Hội; và một số đạo hữu tại chùa tháp tùng Thượng tọa. Buổi lễ gồm có : Lễ Phật, tụng kinh cầu an, làm lễ quy y tam bảo cho 6 Phật tử là : nữ đạo hữu Lê thị Thân và 5 Phật tử nam là : ĐH. Trần Văn Huyền, Đặng Ngọc Trân, Hàn Cường, Đỗ Huy Phương và Lâm Kiến Huệ. Tiếp đến, ăn cơm chay và sau cùng là buổi họp BCH/CH cùng quý vị đạo hữu đại diện các vùng. Đh. Thiện Dũng Vũ Ngọc Tuấn, Chi Hội Trưởng trình bày về quá trình hoạt động đạo và đời từ ngày thành lập hội cho đến nay, và trình bày công việc Phật sự cho hết năm 1990. đã được sự chỉ dạy của Thượng tọa, sau cùng TT. và ĐĐ. cùng đại diện BCH/CH hướng dẫn TT. và ĐĐ. đến thăm đồng bào tỵ nạn tại 2 trại Reutlingen và Tuebingen (trại mới).



Lễ Quy Y Tam Bảo tại Reutlingen ngày 31.3.90

Trong buổi lễ Phật này đã được sự hưởng ứng của quý vị đạo hữu cúng dường số tiền tổng cộng là 1.125 DM để thêm việc xây chùa Viên Giác mới, nhưng Thượng tọa chỉ nhận 500 DM để xây chùa, số tiền còn lại là 625 DM để lại cho BCH/CH chi phí về tổ chức buổi lễ và dùng cơm chay, (xin xem bản danh sách nơi mục cúng dường xây chùa trong số báo này), ngoài ra có quý nữ ĐH cúng dường một số món ăn chay là : Đh. Nguyễn thị Hiền, Đh. Nguyễn thị Mùi và những Đh. nam và nữ ở trong trại cũng như ở ngoài trại đã tích cực tham gia nấu cơm chay và việc trang hoàng trong buổi lễ, số người tham dự lễ khoảng gần 200 người. BCH/CH trân trọng cảm ơn toàn thể quý vị đã đến dự lễ và tham gia việc tổ chức, nên đã có được sự kết quả tốt đẹp.

(BCH/CH/PTVN/TN tại Reutlingen & VPC)

- Fürth-Erlangen-Nürnberg

Trong thời gian qua Chi Hội này đã đóng góp giúp đỡ rất nhiều cho các đồng hương VN mới từ DDR trốn sang tỵ nạn tại Tây Đức. Đó là một việc làm đáng khích lệ.

Vào ngày 8 tháng 4 năm 90 vừa qua một buổi lễ Phật định kỳ dưới sự hướng dẫn của T.T. Chi Bộ Trưởng và ĐĐ. Thích Nguyên Hội đã được tổ chức. Sau lễ Phật là phần thuyết giảng của ĐĐ.Thích Nguyên Hội và sau phần thọ trai Đh. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp điều hành trường Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo thuộc chùa Viên Giác Hannover đã trình bày cũng như giúp đỡ ý kiến cho các anh chị em đồng hương mới từ DDR sang tỵ nạn tại Tây Đức.

- Berlin

Berlin là một địa phương có nhiều người đồng hương từ DDR sang tỵ nạn nhất, nên Chi Hội ở đây, dưới sự hướng dẫn của Đh. Trúc Ngô Phạm Ngọc Đánh cùng GĐPT Chánh Niệm đã hoạt động hết sức tích cực trong thời gian qua. Nhiều lúc thiếu nhân sự; nhưng nhờ tài điều hành khéo léo của BCH Chi Hội nên công việc đạo cũng như xã hội đã hoạt động một cách nhịp nhàng.

Vào ngày 21 và 22 tháng 4 vừa qua Chi Hội cũng đã tổ chức một buổi lễ thọ Bát quan trai tại NPĐ Linh Thửu dưới sự hướng dẫn của T.T.Thích Như Điển và Đ.Đ. Thích Nguyên Hội. Buổi thọ Bát Quan Trai có khoảng 30 Phật tử tham gia và trong ngày hôm sau buổi lễ Phật định kỳ đã có nhiều Phật tử đến lễ Phật và nghe pháp.

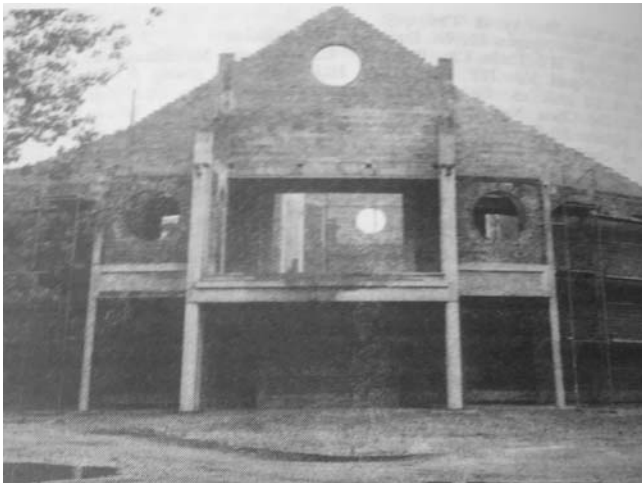
Diễn Tiến Xây Chùa Viên Giác

(Tiếp theo)

Bắt cứ người Phật Tử nào về chùa thấy công trình xây cất chùa Viên Giác cũng đều khen rằng : "Chùa này có thể tồn tại cả mấy trăm năm, so với sự xây cất vững vàng với bê tông cốt sắt như thế !". Đó là theo quan niệm thường tình, nhưng nếu hiểu theo sự vô thường của đạo Phật thì không có hạn định bởi thời gian dài hay ngắn, lớn hay nhỏ, mà chỉ nên an trú trong hiện tại là điều đáng ghi nhớ rồi.

Sau gần một năm xây cất, nay chúng ta thử ôn lại những gì đã có được, để từ đó chúng ta vững lòng tin mà còn có thể bước đi xa hơn nữa.

Chùa đã mua 1 miếng đất 4.000 m² giá 540.000,00 DM cộng thêm tiền luật sư, thuế má và giấy phép cất chùa độ 60.000,00 DM. Cộng chung là 600.000,00 DM, chúng ta đã trả xong.



Mặt tiền chánh điện Chùa Viên Giác (chụp ngày 15.4.90).

Đợt 1 xây cất chánh điện và hội trường tốn 1.400.000,00 DM. Cho đến nay chúng ta đã trả được 1.100.000,00 DM (tháng 3/90 vừa qua chùa trả thêm 194.000,00 DM cho đợt 6, cộng chung thành 1.100.000,00 DM). Như vậy tổng cộng chúng ta đã có được 1.700.000,00 DM để trả tiền đất và xây cất đợt đầu. Nhưng được cái may là cho đến nay chùa chưa mắc nợ ngân hàng, chỉ mắc nợ của các chùa và các Phật Tử mà thôi. Số tiền này tương đương với 1.000.000,00 Úc kim, hoặc 1.000.000,00 Canada hay gần bằng 1.000.000,00 US đô la. Cho đến nay 5.4.90 thì thợ hồ đã xây xong phần chánh điện và đang qua xây phần Tây đường của giai đoạn II. Thợ mộc đã bắt đầu làm nóc và ngày 18 tháng 5 năm 1990 (thứ sáu) vào lúc 9 đến 11 giờ chùa sẽ làm lễ thượng lương, gát đòn dông, cả thợ mộc lẫn thợ hồ sẽ chúc nhau trong ngày trọng đại ấy. Kính mời quý đạo Hữu và Phật Tử ở xa nếu có cơ hội, xin về tham dự buổi lễ quan trọng này vào ngày giờ trên. Lễ ra để nhân dịp lễ Phật Đản một tuần sau đó tiện hơn; nhưng xét vì thời gian không cho phép, nên phải cử hành trước một tuần lễ để bà con Phật Tử về tham dự lễ Phật đản thấy vui hơn.

Như vậy chùa Viên Giác phải cần bao nhiêu nữa mới xây xong ? - Xin thưa là đợt II xây gồm nhà Tây, nhà đông và bảo tháp, tổng cộng Rohbau (khung sườn) là 600.000,00 DM nữa. Đó là chưa kể mái nóc chùa hơn 300.000,00 DM và trang trí bên trong cũng như điện, gas, v.v.. tốn tổng cộng chừng 1.300.000,00 DM nữa mới

hoàn thành công trình kiến trúc này. Vậy số tiền này làm sao có được ? - Dĩ nhiên tất cả đều nhờ vào sự đóng góp của Phật Tử bằng nhiều cách như cúng dường định kỳ xây chùa mỗi tháng, ủng hộ một lần, nhiều lần hay cho mượn không lời v.v..

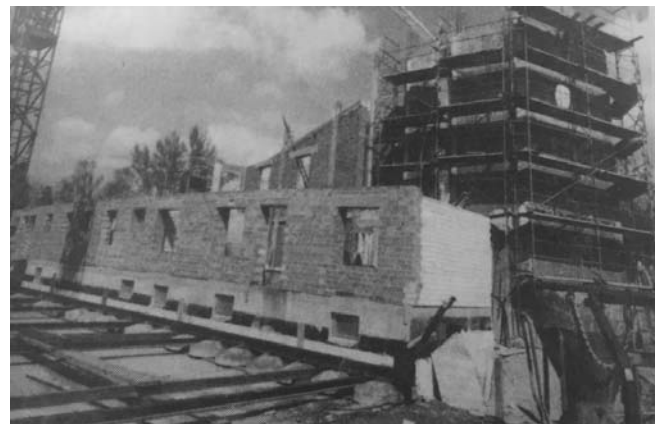
Có nhiều vị cho chùa mượn 5.000 hay 10.000,00 DM. Mỗi tháng chùa sẽ trả lại trong ngân hàng tiết kiệm của quý vị 100 DM. Số tiền này như là số tiền để dành hàng tháng của quý vị. Sau 5 năm, quý vị sẽ có một số tiền lời hơn 1.000,00 DM. Như vậy quý vị cho chùa mượn đã không có hại mà còn có phương tiện để cho chùa xây xong phần còn lại, mà chính quý vị cũng an tâm. Vậy chùa lấy tiền đâu để trả lại hàng tháng ? - Xin thưa là lấy từ tiền ủng hộ định kỳ và bất thường của bà con Phật Tử để trả vậy.

Có nhiều người không có tiền sẵn, nhưng cũng muốn cho chùa mượn; nên đã ra ngân hàng để mượn một số tiền 5.000,00 DM hay 10.000,00 DM để cho chùa mượn. Dĩ nhiên người đó phải có công ăn việc làm và phải trả lãi suất mỗi tháng cho ngân hàng. đồng thời người đó mở một sổ tiết kiệm, mỗi tháng chùa cũng sẽ chuyển vào 100 DM. Sau 5 năm sẽ có số tiền lời tương đương để trả tiền lãi cho ngân hàng. Như vậy trong trường hợp này không có lời mà cũng không mất mát gì cả.

Quý vị có thể giúp chùa bằng những cách đã nêu trên hay cách nào là tùy theo thiện ý của quý vị và mong rằng ngôi chùa Viên Giác sớm hoàn thành để chúng ta kịp khánh thành vào tháng 7 năm 1991.

Ngoài ra chúng tôi cũng có đề nghị với nhà thầu là sẽ trả từng giai đoạn nhiều năm khi xây đợt II; nhà thầu đã đồng ý cho đến giai đoạn xong nhà Tây, còn nhà đông và bảo tháp chúng tôi sẽ thương lượng tiếp với nhà thầu. Nhưng đâu trả sớm hay muộn gì thì chúng ta cũng phải trả cả. Nên việc đóng góp hoặc cho mượn không lời của Phật Tử chúng ta vẫn là điều quan trọng nhất. Kính mong quý vị lưu tâm và hỗ trợ cho.

• Thích Như Điển



Phật điện (phía sau) và Tây Đường Chùa Viên Giác (hình chụp ngày 18.4.90).

CHƯƠNG TRÌNH MỘT VIÊN GẠCH VÀ MỘT VIÊN NGÓI XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Kính thưa quý đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần !
Chùa Viên Giác đã xây cất được gần một năm nay và chúng ta đã có được một giảng đường, một chánh điện cũng như sắp xong một dãy nhà Tây 3 tầng lầu và 1 tầng hầm. Thành quả ấy có được là nhờ sự đóng góp của các Phật Tử bằng cách cúng dường cũng như cho chùa mượn. Hội Thiện không lời.

Kể từ khi mua đất cho đến nay chùa đã trả xong tiền mặt cho chủ đất 540.000,00DM cộng với 60.000,00DM tiền giấy phép xây chùa và 1.100.000,00DM tiền xây cất chánh điện. Cộng chung số tiền chúng ta đã có được là: 1.700.000,00DM. Số tiền ấy quả không nhỏ đối với tất cả bà con Phật Tử chúng ta; nhưng đoạn đường còn lại, xây nhà đông và bảo tháp cũng như trang trí bên trong dĩ nhiên cũng phải cần đến sự đóng góp của quý Phật Tử xa gần. Lần này chúng tôi xin đề nghị chương trình "Một Viên Gạch Và Một Viên Ngói Xây Chùa". Mỗi viên ngói trị giá 3DM và mỗi viên gạch

2 DM. Nếu có nhiều người hưởng ứng chương trình này. Chắc chắn chúng ta sẽ gặp nhiều thuận duyên hơn.

Tính riêng tiền ngôi lợp chánh điện đã tốn 84.000,00DM rồi. Đó là chưa kể nhà đồng như Tây cũng như bảo tháp mà số tiền bồi hoàn của chủ đất khi trước chỉ có 50.000,00DM. Do đó vẫn còn một khoảng phụ chi khá lớn. Ngoài ra mỗi viên gạch cũng là nền tảng để xây dựng ngôi chùa. Vì thế chúng tôi mong rằng sẽ được quý đạo Hữu và quý Phật Tử hưởng ứng như chương trình 1m2 đất xây chùa trước đây.

Mỗi người một viên gạch, một viên ngói hay nhiều hơn càng tốt. Công đức ấy sẽ không nhỏ đối với sự xây dựng cũng như phát triển Phật Giáo tại xứ Đức này. Kính mong quý vị gia tâm hỗ trợ cho.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Trụ trì chùa Viên Giác

Thích Như Điển

Thông Cáo

- Lễ thượng lương gát Đền Đông chùa Viên Giác

Sẽ được cử hành vào lúc 9 giờ đến 11 giờ sáng ngày thứ 6 (18 tháng 5 năm 1990). Xin kính mời quý Phật Tử xa gần về tham dự lễ này. Vì đây là một lễ tương đối khá quan trọng trong việc xây cất Ngôi Đại Hùng Bảo Điện của chùa Viên Giác. Quý vị về tham dự lễ có thể mang nhiều loại bánh trái để buổi lễ có được nhiều hương vị quê hương.

- Đêm Văn Nghệ Đại lễ Phật Đản 2534

Sẽ được tổ chức tại Stadthalle Hannover vào lúc 10 giờ ngày 26 tháng 5 năm 90 (thứ bảy) dưới sự cộng tác của Ban Văn Nghệ của các GĐPT VN tại Tây Đức cùng sự trợ diễn của các ca sĩ đến từ Hoa Kỳ như : Hà Thanh, Lệ Thu và Kim Anh. Giá vé đồng hạng là 20 DM. Vé sẽ được phát hành vào đầu tháng 5 năm 90 tại chùa. Quý vị nào muốn có chỗ tốt xin liên lạc về chùa trước để đặt vé.

- Khóa Học Phật Pháp Âu Châu Kỳ II

Dự định sẽ mở tại Berlin từ ngày 14 đến 24 tháng 7 năm 1990; nhưng nay được dời lại địa phương Hamburg, do Bảo Quang Ni Tự, dưới sự điều hành của Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm và Chi Hội Phật Tử Hamburg đảm nhận phần tổ chức kỹ thuật khóa học gồm 4 cấp khác nhau như sau:

A. Khóa căn bản : Dành cho tất cả mọi người muốn học hỏi giáo lý căn bản Phật Giáo.

B. Khóa chuyên khoa : Dành cho những vị đã theo học giáo lý tại các nước hoặc đã tham gia khóa giáo lý Âu Châu kỳ 1 tại Hòa Lan năm 89 vừa qua.

C. Khóa huấn luyện hành chánh : Dành cho Ban Chấp Hành của các Hội, Chi Hội Phật Giáo, Ban Huynh Trưởng của các gia đình Phật Tử.

D. Khóa Tu Sĩ : Dành cho những Tăng Ni sinh của Giáo Hội.

- Lệ Phí : Khóa học kéo dài 10 ngày, các học viên đóng góp một số tiền là 250DM gồm có tiền ăn uống, nghỉ ngơi, tiền xe Bus đi thăm Berlin trong hai ngày cuối khóa. Lệ phí có thể đóng trước tại chùa Khánh Anh hoặc chùa Viên Giác, cũng có thể khi đến học mới đóng; nhưng xin ghi danh trước để biết số người tham dự.

- Địa điểm : Trong thời gian qua Chi Hội PTVN tại Bá Linh đã cố gắng hết mình để thuê phòng ốc; nhưng không có, vì vấn đề về bức tường Bá Linh được mở cửa; nên du khách về quá đông. Vì thế địa điểm học đã được dời về Hamburg như sau : Haus der Jugend, Jelfelderstr.252, 2000 Hamburg 70. Tel. 040/6534338. Các học viên có thể đến thẳng tại nơi trên hoặc chùa Bảo Quang : Renbahnstr. 167, 2000 Hamburg 70. Tel/6526124.

Trước khi khóa học bế giảng các học viên sẽ có 2 ngày đi và về để thăm Bá Linh.

- Thể lệ ghi danh : Quý Phật Tử tại Âu Châu có thể ghi danh tại chùa Khánh Anh - Pháp hoặc chùa Viên Giác Hannover. Hoặc quý vị cũng có thể ghi tại địa phương mỗi nước của quý vị.

- Thành phần giảng sư : Gồm chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni tại Âu Châu như TT. Thích Minh Tâm, TT. Thích Tánh Thiệt, TT.

Thích Như Điển, ĐĐ. Thích Trí Minh, ĐĐ. Thích Như Chơn, ĐĐ. Thích Thiện Huệ, ĐĐ. Thích Minh Giác, ĐĐ. Thích Quảng Hiền, ĐĐ. Thích Quang Nhiên, ĐĐ. Thích Nguyên Hội, Ni Sư T.N. Diệu Tâm v.v... Ngoài ra còn một số quý vị khách Tăng đến từ các nơi khác cũng sẽ mời vào thành phần ban giảng huấn này. Kính mong quý vị tham gia đông đủ và xin ghi danh ngay từ hôm nay trở đi.

- An Cư Kiết Hạ:

Hàng năm chư Tăng Ni tại Tây Đức vẫn thường An Cư Kiết Hạ để thúc liễm thân tâm, tu hành công đức và năm nay cũng theo truyền thống ấy chư Tăng bắt đầu an cư kiết hạ từ ngày rằm tháng 5 đến rằm tháng 7 âm lịch. Tức 7.6.90 đến 3.9.90. Trong vòng 3 tháng hạ này chư Tăng cũng như Phật Tử tại chùa Viên Giác phát nguyện lay Pháp Hoa (mỗi chữ một lay) từ 8 đến 10 giờ tối mỗi ngày. Mong rằng các Phật Tử xa gần có cơ hội về chùa lễ bái để tạo thêm công đức trong việc tu hành. Ngoài ra để thanh tịnh trong việc lễ bái, tham thiền, học đạo, phiên dịch cũng như trước tác, chư Tăng xin miễn được tiếp điện thoại của quý Phật Tử gọi về chùa trong thời gian 3 tháng an cư kiết hạ này. Tuy nhiên, quý vị có thể gọi về văn phòng của chùa và những hữu sự khác sẽ có người giải quyết giúp quý vị.

- Thành Lập Ban Chấp Hành Chi Hội PT Norddeich

Sau cuộc lễ Sám Hối ngày 15.1. AL (tức 10.2.90). Tất cả các Phật Tử tại trại Nazareth-Norddeich đã họp mặt và cùng nhau thống nhất bầu ra Ban Chấp Hành CHPT Norddeich mới. (Chi Hội cũ đã giải tán). Trên tinh thần Phật pháp và vui vẻ. Mọi người đều đồng ý bầu ra Ban Chấp Hành CHPT, thành phần như sau :

1) Chi Hội Trưởng : Ông Cao Đắc; 2) Chi Hội Phó : Ông Khổng Hiến Pháp; 3) Thư ký : Ông Lý Hồng Sơn PD Minh Hải; 4) Thủ quỹ : Bà Nguyễn Thúy Hồng PD Huệ Ngọc.

Mọi thư từ xin liên lạc về địa chỉ :

Ông Cao Đắc, Nazareth-Norddeich, Palikans 78, 2980 Norden 2.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát

Norddeich, ngày 10.2.90 (Minh Hải).

- Giới Thiệu

Trương Anh Thụy : Trường Ca Lời Mẹ Ru

A Mother's Lullaby. Bản tiếng Anh/English Adaptation Nguyễn Ngọc Bích. Minh họa/Illustrations Võ Đình Mai. Cảnh Nam Publishers

- Là một bài âu ca dâng tặng quê hương ba miền hiền hòa và tuyệt diệu.

- Là một bài lịch sử nhắc đến những gương sáng chói của tiền nhân.

- Là những lời nhắn nhủ âu yếm nhất của người mẹ Việt Nam dành cho con thơ lớn lên nơi đất khách quê người.

- Tủ sách gia đình bạn đã có cuốn này chưa ?

- Một món quà lý tưởng nhân dịp lễ Giáng Sinh, Tết, Mother's day, sinh nhật, phát phần thưởng ra trường, v.v...

- Một tặng phẩm trang nhã để giới thiệu văn hóa, truyền thống Việt Nam cho bạn ngoại quốc.

Sách cỡ 71/2x9 - Dày 110 trang, giấy đặc biệt - Giá 12 MK

Cần nhiều đại lý - Xin liên lạc : Tủ sách Cảnh Nam, 2607 N. Military Rd. Arlington, VA. 22207 - U.S.A.

Xin quý vị hãy mua làm quà cho con, cháu

Bộ Việt Sử Bằng Tranh

viết bằng ba thứ chữ Việt, Anh, Pháp do hơn 20 họa sĩ minh họa. Bìa láng nhiều màu, tranh ruột in trên nền đỏ hoặc vàng xanh vì đó là món quà tặng Quý Giá - Mỹ Thuật - Hữu ích - Dày ý-nghĩa nhất có thể lưu giữ lâu dài trong

Tủ Sách Gia Đình

Hiện đã có nhiều đồng hương ở các nước Pháp, Nhật, Đức, Bỉ, Hòa Lan, Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Mỹ, Lục Xâm Bảo, Hồng Kông

gửi thư về khuyến khích, khen ngợi và ủng hộ.

Gia Hạn (Giá Đặc Biệt) Việt Sử Bằng Tranh

Vi có nhiều Phụ-huynh ở xa viết thư về phân nản rằng biết tin Việt Sử Bằng Tranh quá muốn nên không kịp gửi mua với giá đặc biệt, cho nên chúng tôi quyết định lại là: Từ nay đến hết ngày 30 tháng 6 năm 1990 các vị ở xa muốn mua trọn bộ 30 tập Việt Sử Bằng Tranh vẫn chỉ phải trả 150 M\$ kim hay 180 Gia kim mà thôi. Ngoài ra Quý vị đó còn có thể, nếu muốn, trả tiền làm ba kỳ, mỗi kỳ 50 M\$ kim hay 60 Gia kim và ký trước cách kỳ sau một tháng để vẫn được hưởng giá đặc biệt. Mọi sự liên lạc, thư từ, chỉ phiếu xin gửi cho ông Bùi, Nhà Xuất Bản Quê Hương

P.O.Box 156 Station T Toronto Ontario M6B-3Z9 Canada

Nhắn Tin

- Tìm cháu là Lê Hồng Thanh Phong sinh ngày 30.4.1969, con anh Nguyễn Tấn Phước ở Đakao Saigon. Rời Đông Đức khoảng tháng 12.89. Hiện nay ở đâu ? Liên lạc với chú là Lâm Trí Dũng. Địa chỉ : Scheffel Str. 18, 7889 Grenzach. Tel.:07624-6387. Ai biết tin xin nhắn giùm. Đa tạ !

- Cô Võ Thị Mẫn, trước làm việc tại 9900 Plauen, Alte Reichenbacher - DDR, vượt qua Tây Đức tháng 12.89, hiện ở đâu xin liên lạc về Trần Việt (bạn của Võ văn Hay - Long An), Rosstränke 9, 8390 Passau. Tel.:0851-35600 để biết tin gia đình.

- Tìm anh ruột trước ở địa chỉ : Hoàng Quý Dương, 49 Rue Boussingault 75013 Paris - France. Nay ở đâu xin cho em biết tin gấp.

Em là Hoàng Công Hiền từ Đông Đức đã vượt sang được Tây Đức. Em rất mong tin anh. địa chỉ liên lạc để biết tin em.

Nguyễn Minh Tuấn, Auf dem Graben 7, 5510 Saarburg, West Germany. Tel.:06581-2957.

- Trần Văn Thoi (trước ở ấp Thượng, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh), nghe tin đã sang Tây Đức. Xin liên lạc về : Trần Hoàng Minh, Birkenweg 14, 6237 Liederbach. Tel.:06196-28130. Để nhận thơ vợ con : Phạm thị Nhung (cháu vợ chú Tám Triệu). Ai biết xin báo giùm. Thành thật cảm ơn.

- Tìm cháu Trần thị Nguyệt, chồng Nguyễn Xuân Dũng. Trước ở Adamstraße 4, 1000 Berlin 20. Nay ở đâu ? Cho Di Thanh Tú biết.

Mme Đoàn Thanh Tú, Bât. C21 Villa du Petit Parc 94.000 Créteil - France.

- Tìm bạn Nguyễn Trí Dũng, trước ở Frankfurt. Nay Dũng ở đâu ? Cho Sơn biết để liên lạc. Thư về Lê Khắc Hoài Sơn, C/o Mme Lê Khắc, 9 Rue Vauthier, 92100 Boulogne - France.

- Nhắn tin giùm cho một gia đình có con từ DDR chạy sang Tây Đức : Con trai Nguyễn Công Hưng sinh 28.8.69. Cha Nguyễn Công Toại. Mẹ Phạm thị Bích Vân. địa chỉ 177/6 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5 Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xin liên lạc về gia đình gấp hay Tạ Nguyệt Trinh Heckenstr. 73, 7100 Heilbronn để biết tin gia đình.

- Tìm gia đình Nguyễn Cẩm Thu, trước ở Gò Vấp - Gia Định. Bạn Thu (trước cùng học trường Thánh Mẫu - Gia Định) đã sang Đức từ 5/89, muốn liên lạc.

Xin thư về : Nguyễn Thúy Hồng, Europa Allee 11, 3400 Goettingen.

- Cô là Lâm thị Lộc, chồng là Văn Hòa trước ở Qui Nhơn hiện nay ở 16/139 Highettstreet Richmond Victoria 3121 - Australia, có 2 người cháu tên Lâm thị Hoa và Lâm văn Tấn có người dì ruột là Bà Nguyễn thị Lý (tục danh Út Lý) hiện ở Đức. Hai cháu hãy liên lạc cho Cô địa chỉ trên (ở Úc).

- Tìm con Lê Hồng Hà, con trai sinh ngày 14.1.1966 đến Tây Đức tháng 12.1989. Trước ở Đông Đức địa chỉ Horst Salomon St/244/Wgtr 251 gera Biebtach Ost 6504. Ba Má bệnh nặng vì trông tin con, được tin này con hãy liên lạc gấp về địa chỉ Huỳnh Phạm Phương Trang, Arkildsdal 165.I.TV 9400 Noresundby Danmark. Bà con ai biết, chỉ dùm về địa chỉ trên. Xin hậu tạ.

- Tìm bạn Đặng Hồng Phương, trước ở chợ Thiết - Chợ Lớn. Sau giải phóng học ở Marie Curie. Hiện nay tỵ nạn tại Tây Đức.

Xin liên lạc với Phuc Nguyen, 10150 Drumcliff Ave. San Diego, CA 92126. Nếu ai biết xin chỉ dùm, rất cảm ơn.

- Tìm con Tô Hữu Đức, sanh ngày 20.4.1972 tại Long Xuyên (Cần Thơ). Ngày vượt biên 23.4.1988, ghe 67 người được tàu Tây Đức vớt đưa vào Hồng Kông khoảng đầu tháng 5.1988, và đã đến Tây Đức.

Kính xin bà con nào biết được con tôi đang ở đâu, vui lòng báo tin cho tôi theo địa chỉ dưới đây, tôi xin chân thành cảm ơn và đa tạ !

Đức, liên lạc gấp với Ba ! Mẹ và Ba đang mòn mỏi chờ tin con !

Cha Tô Thành Nhơn, 9232, 15th. PL.SE. Everett, WA. 98205, USA. Tel.:(206) 335-0370.

- Thân nhân tên Nguyễn thị Út sinh năm 26.6.1965 ở tại Tân Tây Phước Vàm Cỏ tỉnh Long An đi làm Hợp Tác Xã từ nhà máy sợi Đông Nam, và được chuyển sang Đông Đức làm nhà máy len. địa chỉ làm việc Frejel Str Awualwo Adtenburg 7401 DDR đã vượt sang Tây Đức ngày 9.2.1990. Xin vui lòng liên lạc về địa chỉ và số điện thoại : Bùi Nam Đệ, Thudichumstr. 37, 6000 Frankfurt am Main 90. Tel.:069-7896437.

- Cô Nguyễn Ngọc Anh 32 tuổi. Mẹ là Đỗ thị Nguyệt Nga, cha Nguyễn Mạnh Đĩnh. Địa chỉ : Lê Ngọc Hân 11, Hànội. Có thơ của mẹ, liên lạc gấp với Bác là Đỗ Hữu Ninh, Tel.:07231-61676, Calwer Str.46, 7530 Pforzheim. (Cô này từ Ost Berlin sang ngày 14.12.1989).

- Cháu là Nguyễn Việt Cường chạy từ DDR qua Berlin West và hiện nay đang ở Ulm. Cháu có một người em là Nguyễn thị Xuân Hồng sinh ngày 19.3.1961, nguyên quán Sài Gòn, trú quán Biên Hòa, chạy từ DDR sang thẳng BRD đến Helmstedt ngày 10.1.1990.

Theo như em cháu viết thư về DDR thì ở đó 5 ngày sau đó dọn đi Nordheim. Hiện giờ cháu chưa biết địa chỉ của em cháu bởi vậy cháu cầu mong sự giúp đỡ của các Bác các Chú ở Chùa giúp cho anh em cháu được hội ngộ. Nếu có thể các Bác các Chú cho em cháu địa chỉ của cháu và cho cháu địa chỉ của em cháu. Cháu xin cảm ơn các Bác các Chú trước. Cháu rất mong tin nơi các Bác các Chú. địa chỉ của cháu : Nguyễn Việt Cường, Römer Str.147 Zi:311, 7900 Ulm/Donau.

* Nhắn Tin

Vào tháng 6 năm 1990 chùa sẽ hoàn lại 1 cổ phần Hội Thiện 1.000 DM về việc cho chùa mượn mua đất của Đh. Nguyễn văn Mai tại địa phương Berlin. Nhưng không có địa chỉ để liên lạc. Quý vị nào biết, xin liên lạc về chùa Viên Giác Hannover. Xin thành thật biết ơn.

- Em là Lê Thị Hương tìm chị gái Lê Thị Hà và anh trai Lê Văn Dương ở Tân Quý Đông, Nhà Bè, Gia Định- HCM đi trước năm 1975, con ông Lê Văn Việt. Ai biết tin xin nhắn giùm và liên lạc về địa chỉ: Lê Thị Hương – Nürnberger Str.16 – 7010 Leipzig – DDR.

Rao Vặt

- **Hai Thảo Á Đông** lâu nay được bà con nhiệt tình chiếu cố thực phẩm Á Đông. Và kể từ ngày 19.4.90 được dời về địa chỉ mới sau đây : Luebeckstr. 79, 2000 Hamburg 76. Kính mong bà con đồng hương tiếp tục chiếu cố cho. Chân thành cảm tạ.

- **Sang nhà hàng Mandarin** - Oberhausen Zentrum. 90 chỗ ngồi, bàn rộng. Tel.: 0208-856184.

- **Sang nhà hàng** - 90 chỗ ngồi, địa điểm trung tâm thành phố. Mọi liên lạc xin về số Tel.: 02323-50450.

Chúc Mừng

* Được hồng thiệp của Ông Phan Văn Ý ngày 28.4.1990 sẽ làm lễ thành hôn cho con :

Phero Phan Ngọc Trung (Trưởng nam) - đẹp duyên với Maria Terasa Trịnh Tuyệt Hoa (thứ nữ) của Bà quả phụ Trịnh Quang Lai, nhũ danh Nguyễn Thị Lan.

Hôn lễ cử hành tại Reutlingen.

Chúng tôi chân thành kính chúc hai họ Phan Trịnh và chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

Gia đình Vũ Ngọc Tuấn

Gia đình Nguyễn Chức

* Được hồng thiệp của Ông Bà Huỳnh Văn Hưng sẽ làm lễ vu quy cho con gái Huỳnh Tố Nga (Thứ nữ)

đẹp duyên cùng Lâm Thế Vi (Trưởng nam của Ông Bà Lâm Du Minh).

Hôn lễ cử hành tại Metzingen ngày 19.2.1990.

Chúng tôi chân thành kính chúc hai họ Huỳnh Lâm và cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

Ban Chấp Hành Chi Hội PTVN/TN tại Reutlingen & VPC

* Được hồng thiệp của Ông Bà Nguyễn Văn Sến (Việt Nam) báo tin lễ thành hôn cho thứ nam Nguyễn Văn Tác, đẹp duyên cùng Lê Thị Hoa, thứ nữ của Ông Bà Lê Văn Trường (Tây Đức) hôn lễ cử hành ngày 24.3.1990 tại Reutlingen.

Thành thực góp vui cùng hai họ và mến chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

Gia đình Hàn Cường

* Được tin bạn Thiện Sơn Nguyễn Thanh Hải đã đẹp duyên cùng bạn Chúc Hằng Võ thị Thu Hà.

* Bạn Thiện Tịnh Lâm Ngọc Thanh đã đẹp duyên cùng bạn Giác An Trịnh Kim Yên.

Hôn lễ cử hành tại chùa Viên Giác Hannover ngày 7.4.1990 vừa qua.

* Bạn Minh Đức Từ Sánh đẹp duyên cùng bạn Phan thị Thúy Nga.

Hôn lễ cử hành tại NPĐ Quan Thế Âm Aachen ngày 21.4.1990.

Chúng tôi xin thành thật chung vui cùng hai họ của tân lang và tân giai nhân. Mong rằng các bạn sẽ sống bên nhau đến tuổi đầu bạc răng long.

- Ban Huynh Trưởng TUGĐPTVNTTĐ

- Các Ban Huynh Trưởng của GĐPT Chánh Niệm Berlin, Minh Hải Norddeich, Tâm Minh Hannover và GĐPT Quan Thế Âm Aachen. /.

Phân Ưu – Cáo Phó - Cảm Tạ

* Được tin buồn Ông Giuse Lưu Bảo đã thất lạc ngày 21.12.1989 tại Saigon hưởng thọ 68 tuổi. Xin thành kính chia buồn cùng anh chị Lưu Tiên và nguyện cầu hương linh Cụ Ông sớm về nước Chúa.

. *Chùa Bảo Quang*

. *Chi Hội Phật Tử TNCS tại Hamburg*

* Được tin thân phụ Anh Đặng Ngọc Trân đã mãn phần tại Việt Nam.

Xin chân thành phân ưu cùng Anh Chị Trân, và nguyện cầu hương hồn Cụ Ông sớm siêu thăng lạc quốc.

. *Gia đình Vũ Ngọc Long*

* Được tin Bào đệ Anh Nguyễn Kinh Tân đã qua đời tại Việt Nam.

Xin chân thành phân ưu cùng Anh Chị Tân và xin nguyện cầu cho linh hồn người quá cố mau về nước Chúa.

- *Gia đình Vũ Ngọc Long*

- *Gia đình Nguyễn Hữu Vĩnh*

- *Gia đình Nguyễn Văn Chung*

- *Gia đình Lương Thanh Tâm*

- *Gia đình Huỳnh Ngọc Minh*

* Được tin buồn Cụ Phê Rô Võ Lịch

Thân phụ Anh Võ Văn Vĩnh, Liên đoàn trưởng LĐ Hướng Đạo Hùng Vương, Frankfurt đã từ trần ngày 14.2.1990 tại Bình Tuy, Việt Nam. Hưởng thọ 70 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng anh và gia quyến; nguyện cầu hương linh Cụ sớm về nước Chúa.

- *Chi Hội PTVNTN Frankfurt & VPC*

* **Cáo Phó** : Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn bè :

Ông Nguyễn Xuân Thiệu. Sinh năm Nhâm Ngọ 1942. Từ trần ngày 1.4.1990 nhằm ngày 6.3. thiếu năm Canh Ngọ. Hưởng dương 49 tuổi (tại Tây Đức).

- *Vợ Nguyễn Thị Ngà và 2 con*

- *Con gái Nguyễn Ngọc Kim và con trai Nguyễn Xuân Phi ở Osloer Str. 2, 5000 Köln 71. Tel.:0221-7001409*

Tang gia đồng khắp báo.

* **Cảm Tạ** : Gia đình chúng con xin chân thành cảm tạ :

- Thượng Tọa Thích Minh Tâm trụ trì chùa Khánh Anh (Paris) và quý Thầy

- Thượng Tọa Thích Như Điển trụ trì chùa Viên Giác Hannover và quý Thầy

- Thân bằng, quyến thuộc xa gần đã chia buồn, điện thoại, tụng niệm và cầu siêu cho hương linh Cụ Kim Minh tức Lê Văn Kim. Hưởng thọ 91 tuổi. Tạ thế ngày 27.2.1990 tức mùng 3 tháng 2 năm Canh Ngọ tại Việt Nam.

Kính xin quý vị niệm tình tha thứ cho những điều sơ sót.

- Con gái Lê Thị Ngo, chồng Nguyễn Tử Ước và các con, các cháu.
- Saarlouis Roden
- Lê Thị Ngọc Giáp, chồng Mai Thanh Liêm và các con cháu (Việt Nam).
- Con trai Lê Ngọc Minh, vợ Nguyễn thị Tuyết và các con (Việt Nam).

* **Cảm Tạ :** Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Freiburg & VPC và Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Freiburg và VPC chân thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điền
- Các Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
- Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Straßburg
- Quý vị ân nhân đã tận tình giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc tổ chức buổi lễ Mừng Xuân Canh Ngọ gây quỹ xây chùa Viên Giác. Trong lúc bận rộn, có điều chi sơ xuất xin quý vị vui lòng thông cảm.

Ban Tổ Chức Lễ Mừng Xuân Canh Ngọ gây quỹ xây chùa



Phương Danh Cúng Dường

(Tính đến ngày 10.4.1989)

- Tam Bảo

Đh. Phạm Văn Ken (Neuenstein) 20DM. Dh. Minh Tâm & Minh Cẩm (Hannover) 30DM. Cô Diệu Thái (Laatzen) 100DM. Dh. Chuennng Sue-Yuen (") 33DM. GđĐh. Lê Đức (") 50DM. Dh. Trần Vĩnh Căn (Muenster) 150DM. Dh. Thiện đạt (") 20DM. Dh. Trần Yên Huê 10DM. Dh. Trần Cư Mỹ Huê 10DM. Dh. Nguyễn Văn Thịnh (Essen) 30DM. Dh. Nguyễn Ich Hiền (Oberhausen) 50DM. Dh. Trịnh Thị Cư (Bremen) 50DM. Quý Đh. Thái Lan (Kassen) 300DM. Dh. Võ Thị Sáu (Nettetal) 20DM. Dh. Đỗ Trinh (Aalen) 40DM. Dh. Hà Thị đào (Canada) 50Can. Dh. Lê Văn Thu (") 100Can. Dh. Nguyễn Huân (Muenchen) 100DM. HLĐh. Nguyễn Văn Bé (Lingen) 200DM. Dh. Nguyễn Văn Trục (Hildesheim) 38DM. Dh. Ngô Phương Hùng (Oldenburg) 50DM. Dh. Đặng Thị Linh Thủy (Pforzheim) 200DM. HLĐh. Tô Tấn Thành (Hagen) 500DM. Dh. Toàn Vũ (USA) 5US. Dh. Nguyễn Thị Hương (Krefeld)

20DM. Dh. Hồ Thị Y (Saarlouis) 20DM. Dh. Ngô Thế Lan (Frankfurt) 100DM. Dh. Lê Hồng (Oldenburg) 100DM. Dh. O Thị Hai (Haren) 50DM. HHLĐh. Huỳnh Huân. Dh. Lâm Phước (Pháp) 200FF. Dh. Thái Hoạch (Bi) 500FB. Dh. Phan Ngọc Anh (USA) 50US. Dh. Ông Thu Hoài (Hannover) 50DM. Dh. Bửu đạt Nguyễn Thanh Tâm (Merzig) 50DM. Dh. Nguyễn Hoàng (USA) 50US. Dh. Trang Tuấn Kiệt 30DM. Dh. Nguyễn Thị Vê (D'dorf) 20DM. Dh. Nguyễn Đức Huy (Aachen) 50DM. Dh. Trương hớn Quyền (Vechta) 50DM. Dh. Trạm Tiêu (") 30DM. Dh. Peters thị Kim Hạnh 100DM. Dh. Lý Văn Cúc (D'dorf) 20DM. Dh. Bùi Thị Mỹ Hồng (Oberhausen) 20DM. Dh. Trương Mỹ Hương (Hilden) 50DM. Dh. Nguyễn Trung Kiên (Duisburg) 50DM. Dh. Huỳnh Văn Bi & Đỗ Kim Sen (Hannover) 150DM. Dh. Hoàng Sơn (Aschffenburg) 30DM. Dh. Nguyễn Thị Liễu (") 50DM. Dh. Phương Thị đại (Klein Ostheim) 50DM. Dh. Hoàng Quốc Tuấn (Leverkusen) 50DM. Dh. Hoàng Hoa Hồng (") 110DM. Dh. Hoàng Sơn (") 20DM. Dh. Nguyễn Cao Chánh (Waldscharf) 20DM. Dh. Ngô Thị Hương (Hofgeismaar) 20DM. Dh. Buomvieng Daveng (") 50DM. Dh. Davong (") 10DM. Dh. Vương Châu (Koeln) 700DM. Dh. Thị Lộc Võ Văn Mai (Norden) 50DM. Dh. Lê Văn Cát (") 27DM. Dh. Tang Kai Ming 50DM. Dh. Huỳnh Hữu 100DM. Dh. Lê Minh (Hannover) 10DM. Dh. Trần Việt Hồng (Berlin) 20DM. Dh. Nguyễn Văn Hưng (Hannover) 100DM. HHLĐh. Ngoại Tổ Trần Thị Hợi. Dh. Nguyễn Văn Lượng (D'dorf) 20DM. GđĐh. Tăng Bảo (Berlin) 100DM. Dh. Long Bích Phương 100DM. Dh. Long Yên Bình 100DM. Dh. Lê Thị đẹp (Drammen) 200Kr. Dh. Hồ Thanh Hà (Stuttgart) 300DM. HHLĐh. Trịnh Khả Thăng (Bartrup) 500DM. Dh. Tôn Nữ Ngọc Hà (Goettingen) 50DM. Dh. Diệu Khánh (USA) 100US. Dh. đồ đình Thâm (Stuttgart) 6DM. Dh. Trịnh Văn Thịnh (Essen) 20DM. Dh. Đặng Văn đốc (Koeln) 20DM. Dh. Võ Thanh Xuân (Fuerth) 50DM. Dh. Châu Văn Hưng (Koblenz) 20DM. Dh. M.Trương (Holland) 25Guld. Dh. Saccomandi Thị Vê (D'dorf) 10DM. Dh. Nguyễn Văn Chín (Spaichingen) 20DM. Dh. Phương Khai (Ludwigshafen) 50DM. Dh. Nguyễn Ngọc Khuê (Maxhuettenhaidhof) 10DM. Dh. Huỳnh Tế Kam (M'Gladbach) 50DM. Dh. Hồ Văn Lục (Brueggen) 20DM. Dh. Nguyễn Văn Hương (Muenchen) 100DM. Dh. Trương Như Chi (Viersen) 30DM. Dh. Giang Phước Lợi (Muenchen) 50DM. Dh. Lê Văn Hiền (D'dorf) 20DM. Dh. Đỗ Tu Thoa (Herford) 20DM. Dh. Trương Học Sứ (Freiburg) 100DM. Dh. Hồ Văn Mai (Pháp) 100FF. Dh. Huỳnh Phi Châu (M'Gladbach) 20DM. Dh. Jeanne Lam (Pháp) 100FF. Dh. Lạc Kỳ Tài (Kirchtranzstad) 50DM. Dh. Võ Thị Lý (Erlangen) 20DM. Dh. đào Sari (Duisburg) 50DM. Dh. Lê đình Chơn Tâm (Canada) 10Can. Dh. Trương Minh Bằng 20DM. Dh. Trương Phú 60DM. Dh. Nguyễn Minh Huệ (D'dorf) 20DM. Dh. Trương Thị Phong (Uc) 60 Uckim. Dh. Trần Ngọc Thi (Goettingen) 20DM. Dh. Trần Kiến Bình (Nordhorn) 20DM. GđĐh. Hoàng (Osnabrueck) 40DM. Cô Diệu Nhứt (Berlin) 300DM. Dh. Minh Hùng (Bremen) 20DM. Dh. Nguyễn Thị Ngão (Mainaschaft) 200DM. Dh. đoàn Cư (Heppenheim) 800DM. HHLĐh. quá vắng. Dh. Võ Hữu Tri 40DM. Dh. Tạ Văn Khánh (Saarbruecken) 50DM. Dh. Ngô Thế Lân (Frankfurt) 100DM. Dh. Trần Bình Tuyên (Pforzheim) 120DM. HHLĐh. ông bà ngoại & 60DM cầu an bốn mạng. Dh. Nguyễn Trọng Thâm (Canda) 20Can. Dh. Quang Minh & Diệu Lễ (") 100Can. Dh. Mai Dung & Diệu Thiên (") 100Can. Dh. Diệu Bình (") 40Can. Dh. Diệu Nguyệt (") 50Can. Dh. Tâm Anh (") 100Can. Dh. Lâm Cúc (") 100Can. Dh. Tâm Hải (") 40Can. Dh. Tịnh Hạnh (") 50Can. Dh. Minh Tiến (") 20Can. Dh. ân danh (") 50DM. Dh. Diệu Hòa (") 50Can. Dh. Diệu Tâm (") 50Can. Dh. Thiện An & Chí Pháp (") 100Can. Quý đạo Hữu Thu + Chụ + Tâm Anh + Minh Tâm + Nhượng +

Đieu Huệ + Ngọc Lan + Chân Như + Nguyên Hà (") 180Can. Đh. Từ Ngọc Duyên (") 100Can. Đh. Bùi (") 200Can. HHHLĐh. Vũ Thị Bồn Pd Quảng An. Đh. Lâm Xuân Quang (") 50Can. Đh. Nguyễn Thị Xuân (") 30Can. Đh. Đieu Huệ Ngô Kim Lan (") 60Can. Đh. Minh Tâm & Chí Nghĩa (") 200Can. Đh. ần danh (") 50Can. Đh. Đieu Thuận (") 50US. Đh. Hồ Sĩ Hiệp (Canada) 100Can. Đh. Trần Thanh Hồng (") 80Can. Đh. Thiện Nhứt (") 20Can. Đh. Như Lộc (") 50Can. Cự Tuyên (") 50DM. Đh. Đieu Mỹ (") 5Can. Đh. Đieu Hào (") 10Can. Đh. Đieu Thành (") 10Can. Đh. Đieu Lương (") 10Can. Đh. An Vân (") 10Can. Đh. Đieu Liên (") 10Can. Đh. Đieu Lý (") 10Can. Đh. Đieu Hiền (") 10Can. Đh. đình Thê (") 10Can. Đh. Ngô Quang Sự (") 10Can. Đh. Đieu Học (") 5Can. Đh. Đieu Mỹ (") 5Can. Đh. Đieu Mẫn (") 10Can. Đh. Đieu Chính (") 10Can. Đh. Đieu Hương (") 10Can. Đh. Đieu Minh (") 10Can. Đh. Đieu Như (") 10Can. Đh. Đieu Tuệ (") 5Can. Đh. Đieu Thuận (") 5Can. Đh. Cát Long (") 10Can. Chùa Liên Hoa (") 100Can. Đh. Trần Thị Thu Thủy (Saarburg) 10DM. Đh. Đặng Thị Xứng (Lebach) 20DM. Đh. Lê Anh-Mueller (") 50DM. Đh. Thiện Trang & Bửu đạt (Merzig) 50DM. Đh. Trần Ngọc Xuân (Wittlich) 10DM. Đh. Dương Thị Tâm (Trier) 10DM. Đh. Trần Phong Lưu (Saarburg) 20DM. Đh. Tanasak Quý (Riegelsburg) 10DM. Đh. Dương Thị An (Lebach) 10DM. Đh. Trần Húy Quý (Dillingen) 10DM. Đh. Trần Thị Bích Phượng (Frankfurt) 20DM. Đh. Khúc (Rosenheim) 20DM. Đh. Phạm Hữu Hải (Muenchen) 20DM. Đh. Hồ Châu 50DM. Cô Đieu Thái (Laatzen) 100DM. Đh. Ngô Kim Loan (Baesweiler) 20DM. Đh. Huỳnh Thị Hoa (Haren) 50DM. GđĐh. O Thị Hai (Haren) 500DM HHHLĐh. Huỳnh Huân tuần 49 ngày. Đh. Quảng Nhẫn Văn Thị Mươi (Pháp) 100FF. Đh. Nguyễn Thị Trí (Mannheim) 50DM. Đh. Ung Đức Dương (Pforzheim) HHHLĐh. Ung Văn Vy. Đh. Lâm Hon (Hamburg) 20DM. Đh. Lê Thị Ngọc (Saarlouis) 20DM. Đh. Phạm Thị Hằng (Gladbeck) 20DM. Đh. Như Thân Hà Phước Nhuận (Hannover) 50DM HHHLĐh. Mạc Thị Hòa Pd Như Hiệp. GđĐh. Quảng Ngộ (Laatzen) 50DM. Đh. Đieu Nhụy (") 100DM HHHLĐh. Trần Thị Liễu Pd Không Ngộ. Đh. Trần Quang Chi (Bochum) 100DM. Đh. Lê Hồng (Oldenburg) 50DM. Đh. Huỳnh Văn Minh (Speyer) 100DM. Đh. Đỗ Thị Nga (USA) 20US. Chi Hội PT Reutlingen & vùng phụ cận 200DM. Đh. Phạm Thị Ba (Sindelfingen) 50DM. Đh. Nguyễn Thị Tư (") 20DM. Đh. Đỗ (") 50DM. Đh. ần danh (") 100DM. Đh. Trần Thục Hiền (") 20DM. Đh. Trần Hoa Lê (") 20DM. Đh. Thiện Ngộ Trần Văn Huyền (Reutlingen) 100DM. Đh. Trần Ngộ (Schorndorf) 100DM. Đh. Trần Thị Giáo (Bergisch Gladbach) 50DM. Đh. Hà Thị Sanh Cương (Tuebingen) 20DM. Đh. Udoem Supanyaclastkul (Kassel) 50DM. Đh. Cherin Na-Phuket (") 50DM. Đh. Ursula Dorothea Masloff (") 20DM. Đh. Darnnee Mueller (") 500DM. Đh. Nguyễn Thị Thanh (Frankfurt) 50DM. Đh. Minh đạt Ong Tấn Thái (Hamburg) 20DM. Đh. Tôn Anh Dũng (Hamburg) 50DM. Đh. Từ Thu Muối (Laatzen) 50DM. Đh. Trần Vĩnh Cam (Muenster) 50DM. Đh. Trần Huệ Sum (Geilenkirchen) 50DM. Đh. Lau Ly Sau (WHV) 20DM. Đh. Lang Thu Toan (") 50DM. Đh. Nguyễn Thị Hiền 20DM. Đh. Cẩm Hương (Bremen) 20DM. Đh. Thang Gia Thanh (Wuppertal) 10DM. Đh. Thang Gia Nghi (") 20DM. Đh. Trạch Thang (") 50DM. Đh. Lý Chấn Lợi (Hannover) 200DM HHHL yếu tử Lý Thiện Tánh. Nguyễn Tri Phu (Pháp) 200FF. Đh. Nguyễn Thị Nhung (Amberg) 10DM. Đh. Phạm Ngọc Sơn (M'Gladbach) 50DM. Đh. Đieu Hòa (USA) 140US. Đh. Thiện Tịnh & Giác An (Berlin) 1.000DM. Đh. Đieu Hương (Erlangen) 50DM. Đh. Đieu Thu (Neu-Ulm) 40DM. Đh. Đức Hương & Đieu Tịnh (Fuerth) 50DM. Đh. Thiện Lương 20DM. Đh. Giang Lăng Múi (Nuernberg) 30DM. Đh. Đieu Dầm 10DM. Đh. Giang Liên (Nuernberg) 30DM. Đh. Trần Hữu Lượng (Usingen) 100DM. Đh. Đieu Thiện (Erlangen) 40DM.

Chi Hội PT Erlangen & Fuerth 100DM. Đh. Tô Thành Quang (Bayreuth) 30DM. Đh. Châu Bảo Chương 20DM. Đh. Huỳnh Thị Hồng Xuân 30DM. Đh. Nguyễn Tịnh 20DM. Đh. Thiện Như 10DM. Đh. Huỳnh Thành (Nuernberg) 30DM. Đh. Giang Lăng Hĩa (") 30DM. Đh. Đieu Cam Lê Thị Lan (Berlin) 100DM HHHLĐh. Đieu Nhật. Đh. Thiện Sơn & Chúc Hằng (") 900DM. Đh. Đieu Nghĩa Tôn Nữ Tâm Giảng (Canada) 100US HHHLĐh. Huỳnh Ngọc Anh pd Quảng Minh.

- Báo Viên Giác

Chùa Phật Tổ Thích Ca (T.Sĩ) 50DM. Đh. Lê Thu Ba (Ravensburg) 30DM. Đh. Nguyễn Thị Long (Rheine) 30DM. Đh. Vương Tần Phong (D'uesseldorf) 30DM. Đh. Lâm Văn Nam (Mannheim) 20DM. Đh. Nguyễn Anh Dũng (Oberhausen) 20DM. Đh. Tăng Bích Phân (Lingen) 20DM. Đh. Nguyễn Ich Hiền (Oberhausen) 20DM. Đh. Lý Nguyệt Thường (Bonn) 10DM. Đh. Nguyễn Viết đoàn (Bi) 1.000FB. Đh. Đieu Thanh (") 500FB. Đh. Huỳnh Văn Viên (Meerbusch) 20DM. đại Đức Thích Minh Nhẫn (Uc) 30 Uckim. Đh. Võ Thanh Tòng (Muenchen) 100DM. Đh. Lâm Hoa (Israel) 50US. Đh. Trần Việt Oanh (Neuss) 10DM. Mme. Rivéra (Pháp) 100FF. Đh. Nguyễn Thị Hương (Krefeld) 30DM. Đh. Thái Hoạch (Bi) 500FB. Đh. Hồ Thị Lý (T.Sĩ) 50DM. Đh. Nguyễn Ngọc Chương (Hilden) 20DM. Đh. Phạm Ngọc Thương (Hetzlerath) 20DM. Đh. Diệp Kim Hồng (Dingolfing) 50DM. Đh. Tạ Nhuận (Frankfurt) 50DM. Sozialwerk Nazareth (Norden) 1.200DM. Đh. Phạm Thị Côi (Hamburg) 80DM. Kath. Offenlich Buecherei (Cloppenburg) 30DM. Đh. Ngô Thế Chụ (Canada) 100Can. Đh. Nguyễn Trung Kiên (Duisburg) 50DM. Đh. Thái Hoạch (Bi) 500FB. Đh. Nguyễn Trung Tâm (USA) 20US. Đh. Trần Văn Sanh (Reutlingen) 10DM. Đh. Cai Thanh San (T.Sĩ) 50FS. Đh. Nguyễn Thị Hải (USA) 40US. Đh. Lê Văn Sứ (Pháp) 200FF. Đh. Phùng Siêu (Pháp) 20DM. Đh. Nguyễn Thị Minh đường (Hueckelhoven) 10DM. Đh. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 10DM. Đh. ần danh (Neuss) 20DM. Đh. đồng Trọng Trí (Nuernberg) 30DM. Đh. Nguyễn Thị Toàn (Schorndorf) 60DM. Đh. Thái Thị Thu (Hameln) 100DM. Đh. Đỗ Đức Hiền (Holland) 30DM. Đh. Đặng Đức Hùng (Frankfurt) 50DM. Đh. Trần Xiêu Cúc (Duisburg) 10DM. Đh. Roãn Thị Luân (Berlin) 10DM. Đh. Ung Đức Dương (Pforzheim) 50DM. Đh. Lê đình Nho (Pháp) 100FF. Đh. Nguyễn Thanh Danh (Oberhausen) 20DM. Đh. Nguyễn Văn Cao (Oslo) 50DM. Đh. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 100DM. Đh. Chung Lý Hoa (Mainz) 10DM. Đh. Lê Thị Ngọc (Saarland) 20DM. Đh. Huỳnh Thị Tâm (Bi) 500FB. Đh. Quách Anh Huệ (Hamburg) 30DM. Đh. Hà Đức Lai (Lausanne) 50FS. Đh. Trần Sanh (Pháp) 100FF. Đh. Võ Thị Mai (M'Gladbach) 16DM. Đh. Phạm Ngọc Sơn (") 20DM. Đh. Bùi Quang Đức (Aerzen) 20DM. Đh. Phạm Văn Diên (Regensburg) 20DM. GđĐh. đoàn Phạm (Giessen) 50DM. Đh. Huỳnh Công Thức (Muenchen) 50DM. Đh. Phan Thanh Lộc (Berlin) 50DM. Đh. Jeanne Lam (Pháp) 100FF. Đh. Phạm đình Khá (Recklinghausen) 10DM. Đh. Ung Thị Mai (đ.Mạch) 100Kr. Đh. Trần Văn Hải (HòaLan) 50Guld. Đh. Lê Phước Đức (Hilden) 30DM. Đh. Trần Thơ Huan (Berlin) 26DM. Đh. Nguyễn Hữu Trâm (USA) 45US. Đh. Huỳnh Thị Kiêm (Muenchen) 50DM. Đh. Nguyễn (Haiger) 10DM. Đh. Trương Thị Phong (Uc) 60Uckim. Đh. Nguyễn Châu (Unterschweissheim) 20DM. Đh. Nguyễn Văn Ty (Pháp) 57,80DM. Hội PG Liège (Bi) 30DM. Đh. Thân Trọng Lạc (Pháp) 200FF. Đh. Phạm Văn Phương (Leonburg) 20DM. Đh. Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 30DM. Đh. Bạch Tuyết Stoeckichet (Muenchen) 100DM. Đh. Nguyễn Quý đại (") 50DM. Đh. Nguyễn Văn Cao (đ.Mạch) 50DM. Đh. Lê Thị Bích Minh (Grafingen) 20DM. Đh. ần danh 50DM. Đh. đào Huy Vinh (Oberhausen) 30DM. Đh. Dương Văn Nhường

(Neuss) 40DM. Đh. Nguyễn Văn An (Viersen) 20DM. Đh. Nguyễn Duy Tân (Berlin) 30DM. Đh. Quang Minh & Diệu Lễ (Canada) 20Can. Đh. Ngô Thị Biên (") 20US. Đh. Tâm Hoàn & Chon Thuận (") 50Can. Đh. đồng Duyên Trương đình Phước (Cannada) 50US. Đh. Trần Văn Nhung (") 40Can. Đh. Thiện Hòa (") 20Can. Đh. Diệu Huệ Ngô Kim Lan (") 20Can. Đh. Tâm Quảng (") 50Can. Đh. Nguyễn Thị Lan (") 30Can. Đh. Vương Tiếng Mẫn (") 30Can. Đh. Cao Thị Thanh Liên (Bielefeld) 20DM. Đh. Phạm Hữu Hải (Muenchen) 30DM. Đh. Nguyễn Ngọc đường (Hamburg) 60DM. Đh. đồ Thị Giỏi (Bi) 500FB. Đh. Ngô Văn Thấu (Mannheim) 20DM. Đh. Đặng Ngọc Ai (Aschaffenburg) 20DM. Đh. Vũ Việt Boong (Viersen) 50DM. Đh. Hồ Văn Ngọc (Berlin) 20DM. Đh. Trần Thị Nhân (USA) 50US. Đh. Nguyễn Hưng (T.Sĩ) 20FS. GđĐh. Nguyễn đặng (T.Sĩ) 100FS. Đh. Phạm Hữu Tâm (Recklinghausen) 20DM. Đh. Trần Thị Đức (Muenchen) 20DM. Đh. Vũ Ngọc Mới (Bielefeld) 50DM. Đh. Tu Thế Mai (Stolberg) 50DM. Đh. Dr. Bùi Hạnh Nghi (Offenbach) 100DM. Đh. Huỳnh Thị Chung (Battenberg) 20DM. Đh. Võ Vinh Hoa (Pháp) 200FF. Đh. Ngô Văn Báo (Tuttingen) 50DM. Đh. Nguyễn Xuân Mai (T.Sĩ) 50FS.

- Tết - Rằm Tháng Giêng

Đh. Nguyễn Thị Long (Rheine) 50DM. Đh. Chánh Ngọc Thiện Chon (Binzen) 30DM. Đh. Vương Tàn Phong (D'dorf) 20DM. Đh. Lâm Văn Nam (Mannheim) 20DM. Đh. La Hồng Tài (Grenzach) 20DM. Đh. Thiện Hải (Hamburg) 20DM. Đh. Huỳnh Gia Tuấn 20DM. Đh. Huỳnh Diệu Hạnh 20DM. Đh. Trần Nguyễn Hiệp + Huỳnh Thị Chín 20DM. Đh. Trần Phương (Sweden) 20DM. Đh. Trần Tú Bình (Wenlingen) 30DM. Đh. Thiện Đức Chu Thị Hồng (Laatzen) 50DM. China Rest. Sanghai 100DM. GđĐh. Phan Quang (Hagen) 20DM. Đh. Trương Hồng 10DM. GđĐh. Trần 20DM. Đh. Trương Đức 20DM. Đh. Dương Tô Hà 20DM. Đh. Tăng Bích Phần (Lingen) 30DM. Đh. Triệu Thị Kim Anh 20DM. Đh. Huỳnh Trân (Stade) 20DM. Đh. Dương Thị Bé Tư (Neustadt) 10DM. Đh. Chiêm Thị Bình (Stade) 10DM. GđĐh. Hứa Như (Holland) 100DM. GđĐh. Goh + Ngô (Hannover) 500DM. Đh. Ngô Mỹ Châu (Bad Iburg) 100DM. Đh. Đỗ Xuất Lễ (Sindelfingen) 100DM. Đh. Đỗ Mai Mai (") 10DM. Đh. Đỗ Hoàng An (") 20DM. Đh. Nguyễn Thị Tư (") 30DM. Đh. Phạm Thị Ba (") 50DM. Đh. Quan Lý 60DM. Đh. Cu Xây Khin + Trần Ngọc Huê 20DM. Đh. Trần Thanh Huê (Muenster) 20DM. Đh. Lý Nguyệt Thường (Bonn) 20DM. Đh. Huỳnh Thị Chung (Battenberg) 20DM. Đh. Trịnh Hy (Saarbruecken) 50DM. Đh. Chung Văn Tấn (") 20DM. Đh. Huỳnh Văn Thới (") 20DM. Đh. Lý Kiên Cường (") 20DM. Đh. Giang Lăng Mai (") 20DM. Đh. Quảng Ngộ (Laatzen) 30DM. Đh. Trần Hy Phúc (Koblenz) 50DM. Đh. Cao Ngọc Lang (Wilhelmshaven) 20DM. Đh. Phạm Văn Go (Augsburg) 50DM. Đh. Nguyễn Thanh Bình (đ.Mạch) 100Kr. Đh. Nguyễn Thị Kim Hoa (Essen) 20DM. Đh. Trương đạt Trung (Pforzheim) 100DM. Đh. Nguyễn Văn Tư (Berlin) 50DM. Đh. Lý Vĩnh Cường (") 20DM. Đh. Hồng Hoa (Canada) 500FF. Đh. Ngô Lãnh Yên (Pháp) 200FF. Đh. Lê Thị đều (") 200FF. Đh. Cao Thị Yên (Berlin) 100DM. Đh. Tạ Nhuận (Frankfurt) 20DM. Đh. Trần Văn Nam (Pforzheim) 40DM. Đh. Giang & Phần (Hannover) 100DM.

- Phật Đản

Đh. Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 30DM. Đh. Phạm Thị Ut (Langen) 50DM. Đh. Diệu Minh (Giessen) 50DM. Đh. Nguyễn Trí & Nguyễn Từ (Usingen) 50DM.

- Một Thước Đốt Xây Chùa

Đh. Thiện Trí Lý Cẩm Liên (Bremen) 135DM/1m2. Đh. Phạm Thị Kim Yên (Dreieich) 135/1m2. Đh. Lê Văn Lợi (Schwaeb. G'muend) 140DM/1m2.

- Chùa Việt Nam:

Đh. Thái Phi Long (Đ.Mạch) 100Kr. Đh. Thái Hoạch (Bi) 500FB. Đh. Mỹ Liên (Hamburg) 100DM. Hội Thiện P.T Bá Linh (Berlin) 600DM. Gđ Cô Diệu Nhứt (Berlin) 200DM. Đh. Nguyễn Trí & Nguyễn Từ (Usingen) 200DM. Đh. Thiện Ý (Hannover) 50DM. Đh. Võ Thị Mai (M'Gladbach) 100DM.

- Trại Tỵ Nạn

Đh. Ô Thị Hai (Haren) 100DM. Liên đoàn Hướng đạo TQT và đồng bào vùng phụ cận Triberg/Schaarzwald/ đoàn Phúc Thịnh 3.679,79 DM (giúp trại tỵ nạn Hongkong).

- Trại Mùa - Trại Cùi - Cô Nhi Viện

Đh. Lâm Phước (Pháp) 500FF. Đh. Phạm Hữu Hải (Muenchen) 50DM. Đh. Trịnh Trọng Hiếu (Emden) 50DM. Đh. Lưu Ngọc Thanh (Hamburg) 60DM. Đh. Thiện Y (Hannover) 50DM. Đh. Cao Đồng Vinh & Perrenoud (T.Sĩ) 10FS. Đh. Tiêu Thị Thi (Erlangen) 30DM. Đh. Dương Ngọc Quyền (Pháp) 10DM.

- Tôn Tượng Quan Âm

Đh. Darunee Moeller (Frankfurt) 500DM. Đh. Tui (Kassen) 50DM. Đh. Thái Lan (") 20DM. Đh. Tim (Frankfurt) 200DM. Đh. Cao đồng Vinh & Perrenoud (T.Sĩ) 10FS. Đh. Lữ Xuân Hoa & Phùng Văn Thanh (Stuttgart) 100DM. Đh. Lư Vương (Oberhausen) 20DM. Đh. Trần Thị Liên (Đ.Mạch) 100Kr.

- Hồ Sen Tôn Tượng Quan Âm

Đh. Ô Thị Hai (Haren) 200DM. Đh. Lâm Phước (Pháp) 300FF. Đh. Hồ Diễm Minh (Muehlacker) 500DM + 1.500DM những lần trước = 2.000DM.

- Báo Viên Giác/Xây Chùa

Đh. Lê Khắc Phương Lan (Pháp) 600FF. Đh. Kim (") 200FF. Đh. Lai Kim Loan (") 200FF. Đh. Kim Hoa (") 200FF. Đh. Trần đặng Thanh (Karlsruhe) 200DM. Đh. Nguyễn Văn Lý (Tennebronn) 200DM. Đh. Trần Bá Kiệt (Erkrath) 100DM. Đh. Nguyễn Tấn Bình (Phần Lan) 100 Markklaa. Đh. Lê Văn Tư (Pháp) 500FF. Đh. Mai Lập (Kreuztal) 100DM. Đh. Diệu Huệ Lý Huệ Lan (Wittmund) 200DM.

- Hội Thiện

Đh. Ô Thị Hai (Haren) 2.000DM/2. Đh. Dr. Nguyễn Thị Thục Quyền (Muenchen) 5.000DM trả mỗi tháng 100DM từ 3/90 - 4/94. Đh. Huỳnh Tường Hoan (Berlin) 200DM. Đh. ần danh 20.000DM. Đh. ần danh 10.000DM. Đh. Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 2.000DM trả mỗi tháng 100DM bắt đầu 3/90. Đh. Diệu Giác Lê Thị Tâm (Berlin) 3.600DM ..." 3/90. Đh. Trần Hữu Lượng (Usingen) 5.000DM ..." 3/90. Đh. Nguyễn Thị Thu Hà (Berlin) 5.000DM ..." 3/90. Đh. Trịnh Kim Minh (") 3.000DM ..." 3/90. Đh. Lý Kiên Cường (Saarbruecken) 1.000DM/1. Đh. Huỳnh Tường Hoan (Berlin) 200DM. Đh. Thiện Nguyễn Lý Hùng Sơn (Stuttgart) 2.000DM trả mỗi tháng 100DM bắt đầu 3/90 - 10/91. Đh. Thiện Giác Hồ Vinh Giang (Hannover) 3.000DM ..." 4/90 - 9/92. Đh. Nguyễn Chánh Trực (Berlin) 5.000DM mỗi tháng trả 200DM bắt đầu từ 4/90 - 4/92. Đh. Thiện Lễ Cao Minh Miển (Berlin) 5.000DM trả mỗi tháng 100DM từ 4/90 - 5/94. Đh. Thiện Tĩnh Lâm Ngọc Thanh (Berlin) 3.000DM ..." 100DM 4/90 - 9/92. Đh. Nguyễn Thị Minh Châu (Dorsten) 1.000DM ..." 9/90. Đh. Nguyễn Thị Thanh Bình (Minden) 1.000DM ..." 1/4/92. Đh. Thiện Cư Phan Pao Sỹ (Berlin) 5.000DM ..." 4/90 - 5/94.

- Xây Chùa

Đh. Lý Át (Seevetal) 50DM. Đh. Hà Thị Đào (Canada) 100Can. Đh. Nguyễn Văn Trảng (Villingen) 20DM. Đh. Nguyễn Thị Mai Nguyệt (") 20DM. Đh. Nguyễn Thị Mai Trang (") 50DM. Đh. Huỳnh Gia Mỹ (Frankfurt) 1.000DM HHLĐh. Lâm Muội Pd Ngọc Chánh. Đh. Dr. Nguyễn Thị Thục Quyên (Muenchen) 2.000DM. Đh. Bùi Quang Hạt (USA) 20US. Đh. Trần Tỷ (Rosenheim) 120DM. Đh. Lê Minh Đức (Winsen) 50DM. Đh. Nguyễn Trung Kiên (Duisburg) 100DM. Đh. Lê Thế Hùng (Pforzheim) 100DM. Đh. Huỳnh An Tâm (Berlin) 400DM. Đh. Cai Thanh San (Suisse) 50FS. Đh. M. Perrenoud (") 800FS. Đh. Đặng Thái Hòa (") 10FS. Đh. Phan Thanh Nam (") 10FS. Đh. Thái Nguyễn Thị Huệ (") 10FS. Đh. Tăng Báú (") 10FS. Đh. Châu Thị Yến Châu (") 10FS. Đh. Tăng Đức Sâm (") 5FS. Đh. Tăng Man Sing (") 5FS. Đh. Thái Văn Tý (") 10FS. Đh. Trang (") 5FS. Đh. ần danh (") 6FS. Đh. Châu Quốc Thanh (") 5FS. Đh. Châu Thanh Tuyền (") 5FS. Đh. Châu Thanh Thủy (") 5FS. Đh. Châu Thanh Sơn + Liên (") 5FS. Đh. Dương Văn Bảy (") 10FS. Đh. Đặng Văn Hòa (") 5FS. Đh. Lâm Tân (") 10FS. Đh. Trần Thế Sĩ (") 10FS. Đh. Lý Thị Khen (") 100FS. Đh. Nguyễn Văn Dẫn 20FS. Đh. Cheng Kim Hen (") 20FS. Đh. Perrenoud (") 20FS. Đh. ần danh (") 50FS. Đh. M.Hauvert (") 20FS. Đh. cô của chú Tân (") 5FS. Đh. Mỹ (") 5FS. Đh. Lý Văn Sơn (") 20FS. Đh. Trần Quang (") 20FS. Đh. SOA. Meyane (") 20FS. Đh. Mừng (") 20FS. Đh. Bùi Trần Thị Tài (") 20FS. Đh. Minh & Cao đình Tuyết Minh (") 20FS. Đh. Phạm Thị Châu Vân (") 20FS. Đh. Cao đồng Vinh & Perrenoud (") 10FS. Đh. Perrenoud Phúc (") 50FS. Đh. Cao Tịnh Nguyên (") 20FS. Đh. Perrenoud Vinh (") 100FS. HHLĐh. Perrenoud (") 20FS. Đh. Khánh Kinh & Thủy Trang (") 20FS. Đh. Quách Thành Trung (") 20FS. Đh. Phan Sĩ Minh & Nhung (") 40FS. Đh. A Châu (") 50FS. Đh. Hoàng đôn Trinnh (Tuebingen) 60DM. Đh. Châu Gia Minh (Muehlacker) 100DM. Đh. Hồ Huệ Phương (") 200DM. Đh. Lê Thị Ngọc (Saarland) 300DM HHL. Đh. Huỳnh Thị Tâm (Bi) 500FB. Đh. Cam (Spaichingen) 100DM. Đh. Võ Thị Hai (M'Gladbach) 800DM. Đh. Phạm Ngọc Sơn (") 200DM. Đh. Phan Văn Diên (Regensburg) 80DM. Đh. Hà Phước Hoàng (Krefeld) 50DM. Đh. Phan Thanh Lộc (Berlin) 50DM. Đh. Trần Anh Xuân 20DM. Đh. ần danh (Hameln) 10DM. Hội Phật Giáo Liège (Bi) 50DM. Đh. Quan Bảo Cần & Thái Ngọc Lan (Anh) 20 Pounds. Đh. Huỳnh Văn Hiếu (Neuss) 40DM. Đh. Tăng Phát Đậu (Bi) 1.000FB. Đh. Phạm Thị Khai (Lausanne) 1.000DM HHL phụ mẫu Đh. Dương Nùng & Phạm Thị Tờ pd Nhựt Hoa. Đh. đán P. Quang & Hong P. Quang (USA) 30US. Đh. Trần An (Ravensburg) 100DM. Đh. Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 20DM. Đh. Liu Siu Pinal & Liu On Ghing & Liu Kin Wah (Andernach) 800DM. Đh. ần danh (Sindelfingen) 100DM. Đh. Vũ Hoàng Đức (Saarbruecken) 100DM. Đh. Tâm Hòa & Chon Thuận (Canada) 100Can. Đh. Đồng Duyên Trương Đình Phước (Canada) 100Can. Chùa Quan Am (") 1.450Can. Đh. Lê Thị Bạch Nga (") 200Can. Đh. Trần Thị Thu Thủy (Saarburg) 10DM. Đh. Nguyễn Minh Tuấn (") 20DM. Đh. Đặng Thị Xứng (Lebach) 50DM. Đh. Nguyễn Quang Thắng (") 10DM. Đh. Trần Huy Quý (Dillingen) 20DM. Đh. Lê Anh-Mueller (Lebach) 100DM. Đh. Nguyễn Thị Xuân Hoa (Hetzorath) 10DM. Đh. Thiện Trang & Bửu đạt (Merzig) 100DM. Đh. Lâm Đức Trang (Saarbruecken) 20DM. Đh. Trần Ngọc Xuân (Wittlich) 20DM. Đh. Dương Thị Tâm (Trier) 10DM. Đh. Lê Hữu Trí (Lebach) 20DM. Đh. Trương Minh Hiệp (Saarlouis) 20DM. Đh. Huỳnh Thành Hương (Voelklingen) 20DM. Đh. Lê Thị Phương Lan (Trier) 20DM. Đh. Nguyễn Ngọc Lễ (Hamburg) 30DM. Đh. Phạm Thị Đa (đ.Mạch) 100DM. Đh. Lưu Hải Thiện (Berlin) 1.000DM chuyển từ cô phần HT - HHL nhạc phụ. Đh. Ngô Văn Thầu (Mannheim) 30DM. đồng bào PT ần danh (") 170DM. Tiền

phát hành bánh & com (") 460DM. Đh. Trần Tuấn (") 10DM. Đh. Trương Thiếu Hoa (") 20DM. Đh. Dr. Nguyễn Thế Vinh (Heidelberg) 100DM. Đh. Trần Văn Ty (Mannheim) 30DM. Đh. Thiện Nghĩa & Diệu Huệ (Karlsruhe) 30DM. Đh. Trịnh Trương đình (Mannheim) 100DM. GđĐh. Trịnh Văn Mên (") 70DM. Đh. đoàn Văn Chung (Heppenheim) 50DM. Đh. Nguyễn Hiệp (Mannheim) 20DM. Đh. Nguyễn Thanh (") 20DM. Đh. Nguyễn Văn Lập (Neustadt/W) 50DM. Đh. Vũ Văn Phú (Schwetzigen) 20DM. Đh. Quảng Hương Nguyễn đang Phu (Apelern) 50DM. Đh. Lê Trung Hiếu (Berlin) 1.000DM chuyển từ cô phần HT. Đh. Nguyễn đình Phụng (Stuttgart) 50DM. Đh. đình Văn Hà (Mannheim) 20DM. Đh. Vũ Bình An (") 20DM. Đh. Ngô Đức Thoại (") 20DM. Đh. Lương Lai Thiên (") 20DM. Đh. Vũ Thị Bích Phương (") 10DM. Đh. Vũ Văn đồng (") 20DM. Đh. đàm Thị Bích Thuận (Schwetzigen) 30DM. Đh. Vũ Văn Nam (") 20DM. VietNam China Rest. (Stuttgart) 100DM. Chi Hội PT Reutlingen & vùng phụ cận 500DM. GđĐh. Kiều Thái 100DM. Hội NV Ty nạn & CHPT Freiburg 3.300DM. Đh. Võ Bá Tông (Zweibruecken) 50DM. Đh. Thiện Y Lê Thị Ty (Hannover) 50DM/ cửa sổ đợt I. Đh. Lý Hồng Tiên (Norden) 40DM. Đh. Nguyễn Thúy Hà (") 20DM. Đh. đình Thắng Thương (") 10DM. Đh. Ngô Thị Kim Oannh (Wehr) 100DM. Đh. Kiều Thái (Lichtenstein) 50DM. Đh. Trần Văn Sanh (Reutlingen) 50DM. Đh. Bùi Văn Mai (") 40DM. Đh. Nguyễn Văn Bé (") 30DM. Đh. Võ Văn Song (") 30DM. Đh. Cẩm Văn Lùng (") 50DM. Đh. Huỳnh Huệ (") 20DM. Đh. Lâm Văn Đức (Ludwigsburg) 50DM. Đh. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. Đh. đồng Sĩ (Sigmaringen) 50DM. Đh. Võ Thị Cẩm (Willingen) 30DM. Đh. Trần Hữu Lộc (Stuttgart) 20DM. Đh. Cao Chu Vũ (Schorndorf) 20DM. Đh. Đặng Thị Lan (Sigmaringen) 20DM. Đh. Nguyễn Thái Hiệt (Metzingen) 20DM. Đh. Trần Duy Hoàn (Bad Wuerzach) 10DM. Đh. Trần Tú Anh (Metzingen) 10DM. Đh. Quách Hồ Hoàng (Ludwigsburg) 10DM. Đh. Viên Kim Huy (Sindelfingen) 50DM. Đh. Khuru 50DM. Đh. Trường 20DM. Đh. Dương Mỹ Hoàng 20DM. Đh. Nguyễn Thị Tuyết 20DM. Đh. Phát 10DM. Đh. Hà 20DM. Một số Đh. ần danh 275 DM. Đh. Trần Thị Đức (Muenchen) 30DM. Đh. Dr. Bùi Hạnh Nghi (Offenbach) 100DM. Đh. ần danh 50DM. Đh. Thiện Tịnh & Giác An (Berlin) 2.000DM chuyển từ cô phần HT. Đh. Diệu Cam Lê Thị Lan (Berlin) 2.000DM. Đh. Nguyễn Văn Mạnh (Muenchen) 40DM.

- Hậu Cho Người Quá Vãng

Đh. Ô Thị Hai (Haren) 1.000DM HLĐh. Lôi Văn Chiệc - 1.000DM HLĐh. Lôi Hoàng Vũ - 1.000DM HLĐh. Huỳnh Huân. Đh. Đặng Thị Linh Thủy (Pforzheim) 300DM HLĐh. Lương Thoại Trinh.

- Ký Tự Hương Linh

Đh. Phạm Thị Khai (Lausanne) 600DM HL ngoại tổ Đh. Phạm Văn Huệ & Nguyễn Thị Búp. Đh. Hồ Thị Nga (Burgwedel) 300DM HLĐh. Nguyễn Đức Cấn.

- Định Kỳ Hằng Tháng Xây Chùa Viên Giác

Số tịnh tài ủng hộ định kỳ xây chùa Viên Giác của Quý vị qua ngân hàng bằng lối chuyển Dauerauftrag hoặc Lastschrift cũng như tiền mặt, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải danh sách của Quý vị để quý vị dễ theo dõi. đồng thời để đơn giản hóa vấn đề giấy tờ chúng tôi xin được phép đăng tải tên của Quý vị chỉ một lần trong suốt thời gian hộ trì xây chùa. Vây kính mong Quý vị thông cảm cho. Tiếp theo Viên Giác từ số 41 đến số 55.

1073 Bùi Mạnh Hùng 30DM 2/90

Chúng tôi thành tâm kêu gọi Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ chùa bằng cách đóng định kỳ hằng tháng qua ngân hàng lối Dauerauftrag để việc thực hiện xây chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng chùa, xin Quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungsweck = mục đích chuyển cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa.

Xin thành thật cảm ơn Quý vị.

Tất cả mọi sự cúng dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho chùa. Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại chúng tôi sẽ gửi giấy đến Quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài việc xây chùa xin chuyển vào Konto như sau:

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V

Konnto Nr. 865 74 70 01

BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

Quý vị chuyển về chùa trong những mục khác, xin chuyển về một trong 2 số Konto sau đây :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V

Konto Nr. 865 74 70

BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

- hoặc :

Pagode Vien Giac

Konto Nr. 865 02 28

BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

Ngôi chùa thành tựu và phát triển được hay không vẫn nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện chúng ta sớm thành tựu.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Hộp Thư Viên Giác

Trong thời gian vừa qua Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của Quý vị và Tổ chức Hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thi hữu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và đón nhận thêm những sáng tác mới.

Nguyễn Đức Hoàn (Marseille) - Vũ Ngọc Tuấn (Reutlingen) - Vũ Anh (Hamburg) - Nguyễn Ang Ca (Bi) - Vũ Ngọc Long (Lichtenstein) - Trà Giang Nguyễn Phổ Đức (Muenchen) - Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) - Hoàng Anh (Muenchen) - Nguyễn Thúy Hà (Norden) - Lê Thị Bích Minh (Muenchen) - Chung Lý Hoa (Mainz) - Phạm Quốc Thắng (Brannenburg) - Phan Quang Đán (USA) - Tâm Quang (USA) - Huyền Thanh Lữ (Dorsten) - Lê Thị Ngo (Saarland) - Lâm Trí Dũng (Grenzach) - Dr. Nguyễn Văn Thịnh (Bonn) - Thích Trí Chơn (USA) - Lê Thị Meo (Essen) - Nguyễn Hòa (Hamburg) - Trung Tâm độc Lập (Stuttgart) - Mặt Trận QGTNNGPVN (Tổng Vụ Hải Ngoại - Khu Bộ Âu Châu) - Chi Hội PTVNTN tại Reutlingen & vùng phụ cận - Trần Hữu Lương (Usingen) - Hội NVTNCT Wiesbaden - Phong Trào đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ tại

VN (Pháp) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Phạm Thăng (Canada) - Liên Hội NVTN tại CHLB Đức (Koblenz) - Thích Tâm Quang (USA) - Tin điện (Aachen)

Ngoài ra trong thời gian qua, chùa Viên Giác đã nhận được những kính sách, báo chí của các chùa, các tổ chức hội đoàn khắp nơi gửi về biếu. Viên Giác xin thành thật cảm tạ và xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả xa gần.

- Tây Đức : Măng Non số 40 - Nhân Quyền số 23-24/90 - độc Lập số 1/90 - Das Beste Nr.3/90 - Woche im Bundestag Nr.3 - Développement et Coopération Nr. 1/90 - Bản Tin Tây Đức số 2/90 - Bản Tin Cap Anamur số 2/90 - Dân Chúa số 91 - Bản Tin Tây Đức số 3/90 - độc Lập số 2/90 - Development and Cooperation Nr. 1/90 - Woche im Bundestag Nr.5 - Tibetisches Zentrum Hamburg Nr. 13 - Măng Non số 41 - Das Beste Nr. 4/90 - Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.3/90 - Sinh Hoạt Cộng đồng Nr.3/90 - Woche im Bundestag Nr.6 - Fluechtlinge Nr.1/90 - Bản Tin Cap Anamur số 3/90 - Woche im Bundestag Nr.7 - Kháng Chiến số 98 - Dân Chúa Âu Châu số 92. Cao Đài Giáo Lý Đại Cương - Cao Đài Giáo Lý số 14. Pháp : Diệu Pháp số đặc biệt - Ái Hữu số 88-89 - Hiền Đạo số 2 - Quê Mẹ số 107 - Thông Luận số 25 - Khánh Anh số 39 - Ái Hữu số 90 - Nhân Bản số 156 - Thông Luận số 26 - Canada : Liên Hội số 31 - Thiên Tông số 8. Hòa Lan : Việt Nam Nguyệt San số 65

- Đài Loan : Trung Ngoại số 404 - Hiện đại Phật Giáo số 105 - Cosmorama số 405

- Hoa Kỳ : Chân Trời Mới số 40 - Thiền (Zen) Winter 90 - Ch'an Newsletter Nr.76 - Bạch Y Thần Chú do Hoàng Văn & Siu Lan Lương gửi tặng - Hoa Sen số 9 - Truyền Thông số 27 - Thế Kỷ 21 số 11 - Kháng Chiến số 97 - Chân Trời Mới số 41 - Tự Do Dân Bản số 49 - Phật Giáo Thống Nhất số 6 - Ch'an Newsletter Nr.77.

- Hồng Kông : Tự Do (The Newspaper of Vietnamese Refugee) số 1. Thụy Sĩ : Mục Vụ số 86 & 87. Anh Quốc : Buddhist Studies Review Nr.2/89.

- Ấn Độ : IBC Newsletter Nr.3.

- Kinh Sách

Thiện Địa Bát Dương (Pháp) - Giới Luật (") - Việt Nam Văn Minh Sử Cương của Lê Văn Siêu do nhóm khởi hành kính biếu - đem Tâm Tinh Viết Lịch Sử của Nguyễn Kiên Trung do nhóm Khởi Hành kính biếu - Di Lạc Hạ Sanh - A Di Đà Nghĩa chùa Tịnh Tâm kính tặng (Pháp) - Phật Bán Hạnh Tập do Hòa Thượng Thích Trung Quán dịch (Chùa Hoa Nghiêm tại Pháp & Chùa Việt Nam Seattle tại Mỹ) Ấn hành - Việt Sử Bằng Tranh tập 11&12 (Canada) - Trường Ca Lời Mẹ Ru của Trương Anh Thụy (Hoa Kỳ).



ĐÊM THÀNH ĐẠO

MINH MINH

Đêm thành đạo em mừng vui dâng muôn đóa hoa thơm hương nồng
tuổi . Em reo cười nô đùa chơi dâng lên Thế Tôn ngàn muôn niềm
vui. Đêm thành đạo , em cười reo dâng muôn nên hương thơm
hương Tú Bi . Em kính quý tâm thành ghi theo gương Thế
tôn đẹp bao lắm mê . Cùng múa hát ca tụng bưng . Đoàn
em như đóa sen tâm thành Tú Bi . Lòng hân hoan
reo vang lừng. Mừng ngày Đức Thích Ca thành công tu trí.
A ! hát vang lên . Ta đóa sen mềm , nguyên
theo muôn ánh sáng Đức Thế Tôn soi khắp trời !



Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử của Hàn Lệ Nhân
sáng tác và sưu tập * Chùa Khánh Anh xuất bản năm 2526 - 1982 *